



ĐẠI HỌC HUẾ

Mừng Xuân Bình Thuận

*Kính chúc Quý Thầy Cô giáo,
Cán bộ Viên chức
và Sinh viên*

Năm mới

Hạnh Phúc & Thành Đạt

**Bí thư Đảng ủy
Giám đốc Đại học Huế**

NGƯỜI.PGS.TS. NGUYỄN VĂN TOÀN

Xuân mới, Quyết tâm mới, Thắng lợi mới!

✍ PGS.TS NGUYỄN XUÂN KHOÁT

Tết Bính Thân đến! Một mùa xuân mới lại về trên non sông đất nước ta! Mở ra triển vọng mới cho sự phát triển đất nước trên con đường đổi mới, hội nhập, phát triển và hướng tới tương lai do Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

Ất Mùi đã kết thúc, đất nước ta đã đi qua một năm đầy khó khăn, thách thức và trở ngại - một cách tự tin, thận trọng và đạt được những thành tựu quan trọng. Năm 2015 là năm cuối, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 và là năm kỷ niệm nhiều sự kiện trọng đại của đất nước; năm tiến hành đại hội đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng. Là năm tình hình thế giới và khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, đau thương; tranh chấp chủ quyền biển, đảo trong khu vực và trên Biển Đông ngày càng gay gắt. Đó cũng là năm tình hình kinh tế thế giới phục hồi chậm, giá dầu thô giảm mạnh, mức độ tăng trưởng của một số nền kinh tế lớn suy giảm, thảm họa của thiên tai, biến đổi khí hậu, dịch bệnh... đã tác động mạnh mẽ đến kinh tế nước ta. Đặc biệt, trong năm 2015 hoạt động "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch và những bất ổn, hạn chế, yếu kém của nền kinh tế - xã hội càng gia tăng những khó khăn, thách thức trên con đường phát triển của đất nước ta.

Trong bối cảnh đó, với sự nỗ lực rất lớn của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và của cả hệ thống chính trị; với việc xác định đúng đắn các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu trong phát triển và bảo vệ đất nước; cùng với việc tổ chức thực hiện có hiệu quả, và

tinh thần trách nhiệm cao, quyết liệt, đồng bộ, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm; ứng phó kịp thời, phù hợp với diễn biến mới của tình hình... chúng ta đã bình tĩnh đi qua năm 2015 một cách chủ động và đạt được những kết quả quan trọng trên hầu hết các lĩnh vực.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 6,68%, cao hơn mục tiêu 6,2% đề ra và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011-2014. Chỉ số sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,41%; chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp và xây dựng tăng 9,64%, cao hơn nhiều mức tăng 6,42% của năm 2014; chỉ số khu vực dịch vụ tăng 6,33%. Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội theo giá hiện hành đạt 1367,2 nghìn tỷ đồng, tăng 12% so với 2014 và bằng 32,6% GDP. Kim ngạch xuất khẩu đạt 162,4 tỷ USD, tăng 8,1%; kim ngạch nhập khẩu ước tính đạt 165,6 tỷ USD, tăng 12%. CPI bình quân năm 2015 tăng 0,63% so với năm 2014, là mức thấp nhất trong 14 năm trở lại đây và thấp hơn nhiều so với mục tiêu CPI tăng 5%. Việc triển khai, thực hiện các đột phá chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với mô hình tăng trưởng được đẩy mạnh và đạt một số kết quả tích cực. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội, giáo dục, du lịch, thể thao, khoa học - công nghệ có nhiều tiến bộ, gặt hái nhiều thành tích đáng khích lệ; an sinh xã hội được đảm bảo; phúc lợi xã hội và đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu đạt một số kết quả. Cải cách hành chính đạt được những kết quả tích cực; phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng

phí được quan tâm chỉ đạo, có nhiều chuyển biến tích cực, đúng hướng. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, chủ quyền quốc gia được giữ vững; công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế có nhiều khởi sắc, nâng cao vị thế của Đảng ta, đất nước ta trên trường quốc tế...

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội của nước ta cũng đang bộc lộ những hạn chế, yếu kém. Chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp; một số cân đối lớn của nền kinh tế chưa vững chắc; thể chế kinh tế thị trường chậm được hoàn thiện; phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng được yêu cầu; tái cơ cấu gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng trong nhiều lĩnh vực còn chậm. Nhiều mặt hạn chế, yếu kém về văn hóa - xã hội, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, cải cách hành chính... khắc phục còn chậm, hiệu quả chưa cao. Tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội và các tệ nạn xã hội, tội phạm, tham nhũng, tiêu cực còn nhiều phức tạp, gây bức xúc trong xã hội. Tất cả những điều đó đang đòi hỏi chúng ta phải dũng cảm, nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật; tập trung trí tuệ, tài năng và sức mạnh tổng hợp để giải quyết có hiệu quả các vấn đề đặt ra.

Năm 2016 đã đến! Đây là năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020. Hòa bình và hợp tác phát triển vẫn là xu thế chủ đạo, nhưng tình hình thế giới diễn biến rất phức tạp, khó lường. Xung đột vũ trang ở nhiều nơi trên thế giới tiếp tục và có thể gia tăng. Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và Trung Quốc theo nhiều dự báo tăng trưởng chậm lại. Tranh chấp chủ quyền biển, đảo trong khu vực và trên Biển Đông tiếp tục diễn biến gay gắt, phức tạp. Trong nước có nhiều thuận lợi từ những thành tựu đạt được, nhưng cũng không ít khó khăn thách thức. Việc thực hiện các Hiệp định thương mại tự do (FTA), Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và hình thành Cộng đồng ASEAN sẽ mở ra cơ hội và không gian phát triển rộng lớn hơn, nhưng cạnh tranh cũng ngày càng gay gắt hơn cả trên thị trường quốc gia và quốc tế.

Đứng trước bối cảnh và tình hình nêu trên, với tất cả khát vọng và niềm tin vào tương lai tươi sáng của đất nước trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta sẽ đoàn kết một lòng, phát huy những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử đã đạt được, quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu, kế hoạch đã đề ra cho năm 2016. Đó là: Giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, phấn đấu tăng trưởng kinh tế cao hơn năm 2015 đi liền với cải thiện chất lượng nền kinh tế và khắc phục các yếu kém. Đẩy mạnh thực hiện các đột phá chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội và cải thiện đời sống nhân dân. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng kỷ cương, kỷ luật hành chính và xã hội; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; tạo sự chuyển biến rõ nét về phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia; bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.

Chào năm Bính Thân, chào mùa xuân mới, chào mừng thắng lợi Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng! Một lần nữa, chúng ta vững tin rằng với bản lĩnh chính trị vững vàng, với tư duy năng động, sáng tạo trong lãnh đạo, quản lý và điều hành đất nước của Đảng và Nhà nước; với sự đoàn kết nhất trí và ý chí quyết tâm, nỗ lực phấn đấu kiên trì, bền bỉ của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, nhất định chúng ta sẽ vượt qua mọi khó khăn, thách thức, tiếp tục gặt hái những thành công mới, đưa Việt Nam sánh vai cùng các nước đang phát triển của khu vực và thế giới, tiến tới thực hiện thắng lợi mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

Năm mới, quyết tâm mới, niềm tin mới và thắng lợi mới! □

Câu chuyện trên đường Hội nhập và Phát triển

✍️ **ÁI HỮU** (thực hiện)



PGS.TS Lại Xuân Thủy

Năm 2016 đã đến cùng với những tín hiệu vui mới trên chặng đường hội nhập và phát triển của Đại học Huế. Trong bối cảnh Cộng đồng kinh tế ASEAN đã chính thức thành lập vào ngày 31.12.2015, một bước ngoặt đánh dấu sự hòa nhập toàn diện của các

nền kinh tế Đông Nam Á, ngày 9/11/2015, Đại học Huế chính thức trở thành thành viên liên kết của Tổ chức Đảm bảo chất lượng Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á (AUN-QA). Trong niềm vui đó, PV.BT Đại học Huế đã có cuộc trò chuyện với PGS.TS Lại Xuân Thủy - Giám đốc Trung tâm Đảm bảo chất lượng Đại học Huế.

PV: Thưa Thầy, khi trở thành thành viên liên kết của (AUN-QA) hẳn bên cạnh những cơ hội, chúng ta vẫn còn nhiều thách thức? Đại học Huế sẽ làm gì trong thời gian tới?

PGS.TS Lại Xuân Thủy: Về cơ hội, trước hết, chúng ta có quyền được tham gia vào các chương trình, dự án của AUN-QA, phát triển các sáng kiến chung cùng với các tổ chức đối tác khác. Ngoài các thành viên chính thức và thành viên liên kết, AUN-QA còn có một mạng lưới các tổ chức đối tác rộng rãi, bao gồm một số đại học lớn của ASEAN+3 và nhiều tổ chức quốc tế như AQAN, ENQA, ASEAN-QA, AUN/SEAD-Net, JICA, DAAD, UNESCO, AUNILO, MEXT, ASIAN FOUNDATION, vv.... Việc tham gia các chương trình, dự án này tạo điều kiện cho Đại học Huế trong việc phát triển đội ngũ

AUN là mạng lưới các trường đại học hàng đầu của Cộng đồng ASEAN được thành lập vào tháng 11 năm 1995 với 11 thành viên đầu tiên và đến nay là 30 thành viên gồm các trường đại học có uy tín nhất đại diện cho các quốc gia của Cộng đồng. Mục đích chính của AUN là thúc đẩy sự hợp tác và nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu, trao đổi giảng viên và sinh viên giữa các cơ sở giáo dục đại học, khẳng định khả năng hội nhập của giáo dục đại học Đông Nam Á theo những chuẩn mực chất lượng khu vực và quốc tế; đồng thời, tạo điều kiện liên thông và công nhận lẫn nhau giữa các trường đại học trong và ngoài khu vực.

Một trong những mục tiêu ưu tiên của AUN là nâng cao chất lượng giáo dục, vì thế, vào năm 1998, mạng lưới đảm bảo chất lượng của AUN đã được thành lập (gọi là AUN-QA), gồm tất cả các thành viên của AUN với một đội ngũ các chuyên gia đánh giá, hoạt động dưới sự chỉ đạo của Hội đồng Quản trị của AUN. AUN-QA có Hội đồng Đảm bảo chất lượng và Văn phòng được bố trí trong Trụ sở của AUN tại Đại học Chulalongkorn, Thái Lan. Kể từ khi thành lập đến nay, AUN-QA đã triển khai nhiều hoạt động và đạt được những thành tựu quan trọng, đặc biệt là việc tổ chức các khóa huấn luyện chuyên gia đánh giá và kiểm định chất lượng cho Mạng lưới, phát triển đội ngũ các Lãnh đạo chất lượng cho các trường thành viên, tiến hành nhiều đợt đánh giá ngoài và cấp chứng chỉ chất lượng cho 107 chương trình đào tạo của 27 trường đại học, trong đó có 30 chương trình đào tạo của 5 trường đại học Việt Nam. Cùng với 30 thành viên chính thức, AUN-QA còn mở rộng mạng lưới các thành viên liên kết. Đến cuối năm 2015, số thành viên liên kết của AUN-QA là 26, trong đó, Đại học Huế được công nhận là thành viên liên kết của AUN-QA từ ngày 9 tháng 11 năm 2015. Điều này đã tạo ra nhiều cơ hội, lợi ích cũng như nhiệm vụ và thách thức đối với Đại học Huế trong thời gian tới.



TS. Trương Quý Tùng, Phó Giám đốc Đại học Huế dự Hội nghị Hiệu trưởng các trường Đại học Việt - Bỉ tại Đại học Gent

cán bộ và triển khai các hoạt động về đảm bảo chất lượng.

Thứ hai, tham gia thiết lập mạng lưới thông qua các cuộc họp, hội nghị giữa các Lãnh đạo chất lượng của các trường đại học thành viên và đối tác. Việc tăng cường trao đổi quan hệ với các đồng nghiệp trong Mạng lưới giúp chúng ta có thêm nhiều kinh nghiệm và sự giúp đỡ, tư vấn cần thiết về chuyên môn trong công tác đảm bảo chất lượng nói chung cũng như đánh giá ngoài và kiểm định chất lượng nói riêng.

Thứ ba, có cơ hội được AUN-QA đánh giá chất lượng cơ sở đào tạo và chương trình đào tạo. Đây là một trong những lợi ích quan trọng nhất. Trở thành thành viên liên kết là điều kiện để được AUN-QA đánh giá và cấp chứng nhận kiểm định chất lượng, đồng thời được áp dụng mức phí ưu đãi. Một trong những ưu điểm của bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của AUN-QA là không tập trung vào những đặc trưng riêng của từng chuyên ngành mà tập trung đánh giá những điều kiện đảm bảo chất lượng của một chương trình đào tạo, tức là những yếu tố mà bất kỳ một chương trình đào tạo nào cũng cần phải có, bao gồm 11 tiêu chuẩn và 50 tiêu chí là: chuẩn đầu ra, bản mô tả chương trình đào tạo, cấu trúc và nội dung chương trình, phương pháp tiếp cận dạy và học, đánh giá kết quả học tập của người học, chất lượng đội ngũ giảng viên, chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ, chất lượng người học và

công tác hỗ trợ người học, cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng và kết quả đầu ra. Các tiêu chuẩn và tiêu chí này về cơ bản tương ứng với các tiêu chuẩn và tiêu chí trong Dự thảo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Do vậy, việc tham gia kiểm định AUN-QA là một thuận lợi cho các trường đại học của Việt Nam nói chung và Đại học Huế nói riêng nhằm từng bước nâng cấp chất lượng của hệ thống giáo dục đại học theo các tiêu chuẩn của khu vực và quốc tế.

Thứ tư, được ưu tiên tham dự các hội thảo và tập huấn của AUN-QA. Đây là điều kiện quan trọng để chúng ta nhanh chóng xây dựng và phát triển đội ngũ các cán bộ chuyên trách về đảm bảo chất lượng nhằm triển khai thành công những nhiệm vụ và mục tiêu chiến lược về đảm bảo chất lượng giáo dục, cũng như tham gia tích cực vào các hoạt động đảm bảo chất lượng trong nước và khu vực.

Cuối cùng, nhưng không kém phần quan trọng, là cùng nhau chia sẻ những kinh nghiệm triển khai và thông tin quý báu từ AUN-QA về đảm bảo chất lượng.

Tuy nhiên, bên cạnh những cơ hội và thuận lợi trên, chúng ta cũng đang đứng trước nhiều khó khăn và thách thức (challenges). Thứ nhất, trở thành thành viên liên kết của AUN-QA có nghĩa là chúng ta đã chính thức tham gia và có trách nhiệm phải trở thành một thành viên tích



Một tiết học của sinh viên chương trình vật lý tiên tiến với Giáo sư từ Đại học Virginia - Hoa Kỳ

cực của một tổ chức quốc tế. Bên cạnh những đóng góp về tài chính, chúng ta cần có những cam kết về chất lượng giáo dục và thực thi những cam kết này. Điều này đòi hỏi chúng ta phải thay đổi cả tư duy và hành động về một nền giáo dục đại học theo những chuẩn mực chất lượng khu vực và quốc tế.

Thứ hai, chúng ta còn thiếu kinh nghiệm trong công tác đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục, đặc biệt là kiểm định chất lượng quốc tế. Việc tham gia tích cực vào các hoạt động của AUN-QA, đồng thời có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ kiểm định viên có thể tham gia có hiệu quả vào các hoạt động đánh giá và kiểm định chất lượng của AUN-QA là một thách thức và nhiệm vụ quan trọng.

Thứ ba, trong bối cảnh ngân sách ngày càng eo hẹp, áp lực cắt giảm biên chế ngày càng lớn, cơ chế quản lý không ổn định, động lực làm việc của một bộ phận cán bộ, giảng viên có thể bị giảm sút, xói mòn hoặc thiếu tập trung, việc tổ chức thực hiện tiến trình thay đổi để nâng ĐHH lên tầm khu vực và quốc tế là một thách thức không nhỏ.

Và thứ tư, với lịch sử gần 60 năm hình thành và phát triển là một lợi thế, nhưng cũng tạo ra một Đại học Huế với sự độc lập khá cao của các đơn vị thành viên và các mối gắn kết khá lỏng lẻo giữa các đơn vị. Việc tạo ra sức mạnh tổng thể của một đại học trên cơ sở triển khai đồng bộ, nhất quán các chính sách về chất lượng ở tất cả các lĩnh vực hoạt động trong toàn ĐHH là một thách thức đòi hỏi sự đoàn kết, nhất trí rất cao và nhiều nỗ lực hơn nữa ở tất cả các cấp.

Trong thời gian tới, trước hết, cần thực hiện đầy đủ và nghiêm túc mọi trách nhiệm như đã cam kết giữa Giám đốc Đại học Huế và AUN-QA trong việc triển khai, hỗ trợ và tham gia các chương trình và hoạt động của AUN-QA; chỉ định Lãnh đạo chất lượng (Chief Quality Officer) và cử cán bộ có năng lực tham gia các khóa tập huấn để trở thành các chuyên gia đánh giá và kiểm định chất lượng của AUN.

Thứ hai, cần tăng cường công tác tuyên truyền nhằm tạo được sự thay đổi mạnh mẽ trong nhận



Triển lãm giáo dục Hoa Kỳ tại Đại học Huế

thức và hành động của cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên trong toàn Đại học Huế về công tác đảm bảo chất lượng; nâng cao vai trò và trách nhiệm của các khoa/bộ môn chuyên ngành, giảng viên và nhân viên phục vụ về chất lượng giảng dạy, nghiên cứu và phục vụ sinh viên.

Thứ ba, tiếp tục tập trung ưu tiên cho những chương trình tiên tiến, chương trình đào tạo trọng điểm; kiện toàn Ban Chỉ đạo kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn AUN-QA; rà soát và điều chỉnh lại kế hoạch, đề án và lộ trình triển khai kiểm định AUN-QA.

Thứ tư, chỉ đạo và điều hành quyết liệt việc triển khai kế hoạch tự đánh giá, đánh giá nội bộ cấp Đại học Huế, đánh giá ngoài chính thức và kiểm định chất lượng cơ sở đào tạo trong năm 2016; tạo sự chuyển biến căn bản về chất lượng theo các tiêu chuẩn chất lượng quốc gia, tạo tiền đề cho tiến trình nâng cấp chất lượng giáo dục của Đại học Huế theo tiêu chuẩn chất lượng của AUN-QA.

Thứ năm, tiếp tục hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ của Đại học Huế và các đơn vị theo các tiêu chuẩn chất lượng của AUN-QA; hình thành và phát triển văn hóa chất lượng trong toàn Đại học Huế theo hướng hội nhập với văn hóa chất lượng của các đại học tiên tiến trong khu vực.

PV: Vâng, xin cảm ơn Thầy về cuộc trao đổi đầu Xuân rất thú vị này. Kính chúc Thầy một năm mới hạnh phúc để cống hiến hết sức mình cho Đại học Huế trên đường hội nhập và phát triển. □

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN “THƯƠNG HIỆU” GẮN VỚI CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU QUẢ

✍ PGS. TS. BS. NGUYỄN VŨ QUỐC HUY

Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược - Đại học Huế



1. MỞ ĐẦU

Thành lập từ năm 1957, đến nay Trường Đại học Y Dược - Đại học Huế là một trong ba trường đào tạo ngành Y lớn nhất cả nước. Trường đã được Nhà nước xác định là cơ sở đại học trọng điểm vùng, là trung tâm đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực y tế cho miền Trung và Tây Nguyên. Bệnh viện Đại học Y Dược Huế là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Trường Đại học Y Dược Huế, đảm nhiệm các chức năng khám chữa bệnh, đào tạo thực hành, phát triển khoa học công nghệ và chỉ đạo tuyến.

2. NHỮNG THÀNH QUẢ TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU

2.1. Xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức, người lao động có trình độ cao

Năm 2015, đối chiếu với các tiêu chí về chất lượng giảng viên của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường đạt tiêu chuẩn đối với một trường đại học chất lượng với trên 10% giảng viên có trình độ Giáo sư, Phó Giáo sư, 23% giảng viên có trình độ Tiến sĩ, vượt chỉ tiêu 75% giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên. Đa số giảng viên và nghiên cứu



Đón nhận Danh hiệu "100 Thương hiệu Việt bền vững" năm 2015

viên của Trường đều được đào tạo có bằng cấp hoặc thực tập khoa học tại các nước phát triển.

2.2. Phát triển quy mô, không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, chú trọng công tác đảm bảo chất lượng và kiểm định giáo dục đại học

Hiện nay, Trường Đại học Y-Dược Huế đã đào tạo 20 ngành và chuyên ngành, bao phủ gần như hầu hết các ngành và chuyên ngành của lĩnh vực khoa học sức khỏe. Về đào tạo sau đại học, Trường đã tổ chức đào tạo được 87 chuyên ngành sau đại học, trong đó Chuyên khoa cấp I có 32 chuyên ngành; Chuyên khoa cấp II có 28 chuyên ngành; Bác sĩ Nội trú có 8 chuyên ngành; Cao học có 10 chuyên ngành; Nghiên cứu sinh có 9 chuyên ngành.

Trường đã liên tục thực hiện việc đa dạng hóa các loại hình đào tạo, gắn đào tạo với nhu cầu thực tiễn của xã hội.

Dựa vào nhu cầu thực tế của các địa phương trên toàn quốc thông qua hội nghị nhu cầu nguồn lực y tế được Nhà trường tổ chức hằng năm với sự hiện diện của lãnh đạo chính quyền, lãnh đạo y tế của các tỉnh, Nhà trường đã xây dựng mục tiêu đào tạo, ngành nghề đào tạo phù

hợp với nhu cầu nhân lực của ngành y tế và nhu cầu nâng cao dân trí trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe của nhân dân. Với chủ trương đa dạng hóa các loại hình đào tạo gắn với nhu cầu sử dụng đáp ứng cho việc củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng y tế tại các tỉnh, góp phần tích cực vào việc chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, nhất là vùng sâu, vùng xa.

Chất lượng đào tạo luôn được chú trọng và không ngừng được nâng cao

Luôn xem việc cải tiến, đổi mới phương pháp giảng dạy là một yếu tố quan trọng trong quá trình nâng cao chất lượng đào tạo, chính vì vậy Nhà trường đã thường xuyên cử giảng viên tham gia tất cả các khóa tập huấn về phương pháp giảng dạy đại học, đặc biệt chú trọng phương pháp giảng dạy tích cực, dựa trên chủ đề. Thông qua hoạt động câu lạc bộ học tích cực của sinh viên đã góp phần từng bước đổi mới phương pháp dạy-học, áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực và đánh giá khách quan, thực hiện dạy E-learning cho một số lớp.

Xây dựng nền văn hóa chất lượng trong trường đại học, xem trọng yếu tố chất lượng giáo dục là

sự sống còn của Nhà trường. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kiểm định và đảm bảo chất lượng giáo dục đại học, Trường đã và đang thực hiện việc xây dựng báo cáo tự đánh giá theo qui định mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo để tiến hành công tác đánh giá ngoài, đồng thời tham gia đánh giá theo 15 tiêu chuẩn đánh giá chương trình đào tạo đại học của AUN-QA cho chương trình đào tạo Cử nhân Y tế công cộng trong năm 2016.

2.3. Hoạt động khoa học công nghệ và lao động sáng tạo

Phong trào nghiên cứu khoa học của Trường phát triển mạnh. Trong 5 năm qua đã thực hiện 348 đề tài NCKH các cấp, từ đề tài độc lập Cấp Nhà nước, Nghị định thư, cấp Bộ, cấp Đại học Huế và cấp Trường. Công bố các kết quả nghiên cứu trên các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước là một trong những nội dung quan trọng của hoạt động khoa học công nghệ. Trong những năm qua, Trường đã thường xuyên tổ chức các hội nghị khoa học với tầm cỡ quốc gia và quốc tế, qua đó đăng tải các kết quả nghiên cứu của các CBGV trên các tạp chí về Y học. Hội nghị Khoa học Công nghệ tuổi trẻ cấp cơ sở được tổ chức mỗi 2 năm tại Trường và trong thời gian qua Trường đã tổ chức được 3 kỳ Hội nghị từ đó chọn các đề tài xuất sắc tham dự Hội nghị Khoa học Công nghệ tuổi trẻ các trường Y Dược toàn quốc và đã đạt nhiều giải cao tại Hội nghị.

Năm 2011, Tạp chí Y Dược học Trường Đại học Y Dược Huế ra đời. Tạp chí Y Dược học đã được đưa vào danh mục tạp chí khoa học tính điểm của Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước và Hội đồng chức Danh Nhà nước Ngành Y năm 2013, số điểm được tính từ 0-0,75 điểm/công trình.

Qua phong trào lao động sáng tạo do Công đoàn Trường đề xướng và tổ chức định kỳ 2 năm một lần, từ năm 2009 đến nay, đã có gần 100 đề tài sáng kiến cải tiến phục vụ cho công tác quản lý, công tác giảng dạy, công tác điều trị và phục vụ điều trị bệnh nhân. Trong số đó có những

sáng kiến đã đem lại lợi ích cho Nhà trường và Bệnh viện hàng tỉ đồng. Phong trào thi đua lao động sáng tạo trong cán bộ viên chức và người lao động đã trở nên mạnh mẽ, rộng khắp, không chỉ ở đối tượng cán bộ giảng dạy và bác sĩ điều trị, cán bộ quản lý mà cả ở những đối tượng phục vụ, điều dưỡng, hộ lý...

2.4. Hoạt động hợp tác quốc tế

Công tác hợp tác quốc tế là một thế mạnh của Nhà trường, đã đem lại nhiều hiệu quả tích cực, nâng cao vị trí của Nhà trường, là cơ sở cho nhiều hợp tác và dự án quan trọng, góp phần chuyển giao công nghệ, nâng cao trình độ chuyên môn, tăng cường nguồn lực con người và góp phần tăng cường nguồn lực tài chính cho các hoạt động của Nhà trường.

Chương trình liên kết đào tạo quốc tế hợp tác với Đại học Sassari, Ý triển khai đào tạo liên kết “Thạc sĩ Y sinh học quốc tế” là điểm sáng trong hoạt động liên kết đào tạo quốc tế, đến nay đã triển khai đến khóa thứ 4.

Các dự án hợp tác tại Trường hoạt động ngày càng chuyên nghiệp và được quản lý chặt chẽ. Trong 5 năm qua, Nhà trường đã tiếp nhận mới thêm 10 dự án và đã thực hiện trên 30 dự án hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học, chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Hoạt động của các dự án đã góp phần đáng kể trong quá trình phát triển của Nhà trường, đặc biệt trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực và phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng dạy, khám chữa bệnh tại Trường và Bệnh viện Trường, đồng thời nâng cao vị thế của Nhà trường trong nước, khu vực và thế giới.

Trường đã phối hợp tổ chức thành công 47 sự kiện, hội thảo, hội nghị quốc tế, trong đó nhiều hoạt động đã để lại ấn tượng tốt đối với đối tác, đó là Tuần lễ Festival khoa học nhân dịp Festival Huế mỗi 2 năm một lần, Tuần lễ kỷ niệm 40 năm quan hệ ngoại giao Việt Nam - Nhật Bản, Lễ tưởng niệm 10 năm ngày mất của Bác sĩ Carlo Urbani, Ý và đại dịch SARS tại Việt Nam, Hội



ngộ quốc tế về Chăm sóc toàn diện Sức môi hô
hàm ếch và Lễ kỷ niệm 10 năm thiết lập quan
hệ hợp tác với Đại học Quốc gia Chonbuk, Hàn
Quốc ...

Trong năm 2015 Trường đã tổ chức thành
công Hội nghị quốc tế Y tế công cộng các nước
tiểu vùng sông Mêkông với sự tham gia của trên
250 đại biểu quốc tế đến từ 18 nước khác nhau,
qua đó kết nối, thiết lập và triển khai nhiều quan
hệ hợp tác mới. Trường đã thiết lập quan hệ
chính thức và ký kết văn bản hợp tác với Ủy ban
Y tế Thái Lan và đã thống nhất sẽ đồng tổ chức
Hội nghị ASEAN lần thứ 2 về Tác động của Y tế
đến phát triển kinh tế xã hội tại Huế trong dịp
Lễ Kỷ niệm 60 năm thành lập Trường vào tháng
4.2017

2.5. Hoạt động phát triển nguồn lực cơ sở vật chất

Trong điều kiện đầu tư từ ngân sách có hạn
nhưng nhu cầu về tài chính và cơ sở vật chất
đòi hỏi ngày càng cao, phục vụ do quy mô phát
triển Nhà trường ngày càng mở rộng để đáp ứng
nhu cầu về đào tạo, NCKH và khám chữa bệnh,
những năm qua Nhà trường đã tự lực vươn lên,

đảm bảo tốt cho các hoạt động của Nhà trường
trong năm học.

Nhà trường đã đưa tòa nhà Khoa Y tế công
cộng vào sử dụng; sửa chữa cải tạo nâng cấp ký
túc xá sinh viên 5 tầng (nhà 2A và 2B) để làm văn
phòng làm việc và phòng học; cải tạo nâng cấp
các phòng làm việc, phòng thực tập, thực hành,
phòng thí nghiệm tại khu nhà B cho các bộ môn;
cải tạo nâng cấp Hội trường A và các phòng làm
việc tại tầng I, tầng II, tầng III, nhà Hiệu bộ và
hệ thống cáp điện, điện thoại và mạng internet...
vào các khu nhà 2A, 2B để tạo điều kiện hoạt
động của các đơn vị; đã xây dựng mới nhà xe
sinh viên và nhà xe cán bộ đưa vào sử dụng
trong năm học 2014 – 2015. Trường đã tiếp nhận
khu đất tại 51 Nguyễn Huệ do Tỉnh giao với diện
tích 1,078m² và hoàn thành xây dựng khu nhà
Trung tâm Y học gia đình và Khối khám bệnh
đa khoa cho Bệnh viện Trường, đồng thời đưa tòa
nhà Trung tâm Thông tin thư viện vào hoạt động
cuối năm 2015.

2.6. Bệnh viện Trường

Thương hiệu Trường Đại học Y Dược Huế
trong hơn 10 năm trở lại đây cũng gắn với tên

tuổi của Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế. Xuất phát từ nhu cầu thực tế cần có nhiều hơn cơ sở y tế nhằm cung cấp dịch vụ chăm sóc y tế chất lượng cao cho người dân và đặc biệt là một môi trường vừa có thể triển khai các mô hình mới, chất lượng cao cả về y thuật lẫn y đức trong đào tạo thực hành cho sinh viên y khoa và các ngành, chuyên ngành trong lĩnh vực khoa học sức khỏe, từ năm 1998 Trường đã thành lập Trung tâm Y học lâm sàng và là Phòng khám Đa khoa trực thuộc Trường, tiến đến thành lập Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế vào năm 2002.

Với xuất phát điểm là một cơ sở y tế bán công, hoàn toàn không có nguồn đầu tư từ ngân sách mà chỉ bằng các nguồn vốn tự có và đặc biệt là thông qua hợp tác quốc tế, đặc biệt với đội ngũ cán bộ y tế đầu đàn, đầu ngành có trình độ cao, hầu hết được đào tạo và tu nghiệp tại các nước phát triển, Bệnh viện Trường đã triển khai xây dựng thành công các trung tâm chuyên sâu, mũi nhọn như Trung tâm Gamma, Trung tâm tác sỏi ngoài cơ thể, Trung tâm Nội soi tiêu hóa, Trung tâm Nội tiết sinh sản và Vô sinh, Trung tâm Tim mạch can thiệp, Trung tâm Sàng lọc trước sinh và sơ sinh ...

Trung tâm phẫu thuật bằng tia Gamma của Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế được thành lập từ năm 2005 với hệ thống Gamma đầu và Gamma thân hoàn chỉnh lần đầu tiên có tại Việt Nam. Qua 10 năm hoạt động, đã điều trị cho gần 3900 lượt bệnh nhân mắc các bệnh lý thần kinh sọ não và các ung thư vùng thân với hiệu quả tốt, giúp tiết kiệm được gần 600 tỷ đồng cho ngân sách bệnh nhân và người nhà bệnh nhân so với khi phải ra nước ngoài để điều trị. Từ những thành quả đó năm 2014 Trung tâm Gamma đã được trao tặng Giải thưởng cúp vàng "TOP TEN Thương hiệu Việt" lần thứ II của Bộ trưởng Bộ KH-CN & Chủ tịch Liên hiệp các Hội KHKT Việt Nam.

Trung tâm Nội soi tiêu hóa được thành lập với sự hỗ trợ hợp tác về chuyên môn kỹ thuật từ

Đại học Nagoya, Nhật Bản là trung tâm chuyên sâu ở khu vực miền Trung - Tây nguyên với nhiều kỹ thuật hàng đầu thế giới như cắt niêm mạc điều trị ung thư dạ dày sớm, siêu âm nội soi mật tụy ...

Từ một bệnh viện thực hành thuộc Trường không có nguồn ngân sách, bằng quyết tâm và cách làm sáng tạo của Nhà trường, hiện nay bệnh viện đã thực hiện đầu tư và triển khai nhiều kỹ thuật cao, tiên tiến hiện đại, nhiều mũi nhọn chuyên sâu trong chẩn đoán và điều trị.

Trường Đại học Y Dược Huế đã được Chủ tịch nước tặng thưởng danh hiệu cao quý "ANH HÙNG LAO ĐỘNG" thời kỳ đổi mới theo quyết định số 811/QĐ-CTN ngày 27-5-2011.

Bệnh viện đã được chuyển từ mô hình "Bệnh viện bán công" sang "Sự nghiệp công lập" và đổi tên «Bệnh viện Trường Đại học Y khoa» thành "Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế" theo QĐ số 581/QĐ-BGDĐT ngày 24/2/2014, đồng thời được xếp hạng Bệnh viện loại I theo QĐ số 2301/QĐ-BGDĐT ngày 04/7/2014.

Trong năm 2014 Trường ĐHYD Huế được trao tặng giải thưởng Chu Văn An "**Bảng vàng vì sự phát triển văn hoá giáo dục Việt Nam**"; Bệnh viện Trường được trao Giải thưởng vinh danh tại chương trình "**Ích quốc lợi dân**" ngày 5 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban kinh tế Quốc hội Việt Nam & Hiệp hội các nhà Công thương Việt Nam.

Ngày 17 tháng 1 năm 2016 Trường Đại học Y Dược Huế đã vinh dự đón nhận danh hiệu "**100 Thương hiệu Việt bền vững**" do Bộ Khoa học và Công nghệ và Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam trao tặng.

3. HỢP TÁC ĐÀO TẠO QUỐC TẾ -XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN TƯƠNG LAI

Trong công cuộc cải cách giáo dục và đổi mới giáo dục đại học nhằm mục phục vụ tốt hơn cho nhu cầu sử dụng lao động chất lượng cao của Việt Nam và xu thế hội nhập quốc tế, đặc biệt là các sự tham gia của Việt Nam vào TPP và gần nhất, sát sườn nhất là Cộng đồng ASEAN, bao

gồm cả các lĩnh vực văn hóa, thương mại, kinh tế, thị trường lao động ..., sự nghiệp đào tạo nhân lực y tế đóng một vai trò quan trọng.

3.1. Các thuận lợi

(1) Các chủ trương chính sách của Đảng và Chính phủ về đổi mới giáo dục; đặc biệt là Nghị quyết của Hội nghị TW Đảng lần thứ 8 (khóa XI) về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo.

(2) Truyền thống, giá trị văn hóa, môi trường Huế, đặc biệt là truyền thống và niềm tự hào qua bao thế hệ của Trường Đại học Y Dược Huế - Đơn vị AHLĐ.

(3) Trường thực sự có uy tín đối với các cơ sở y tế, các địa phương, có vị thế trong xã hội, có uy tín với các trường Y Dược trong toàn ngành, trong khu vực. Hệ thống chính trị trong Nhà Trường được ổn định.

(4) Hợp tác quốc tế đa phương đã mang lại cho Nhà trường nguồn lực lớn về tinh thần và vật chất cho sự phát triển trong thời gian qua cũng như trong thời gian sắp đến.

3.2. Các khó khăn, thách thức:

(1) Cạnh tranh công - tư, công- công trong lĩnh vực giáo dục đào tạo và y tế. Sự “quá phát” các Đại học nói chung và Đại học Y Dược nói riêng.

(2) Toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế của giáo dục nước ta đòi hỏi các Đại học phải nâng cao chất lượng, trong đó có yêu cầu phân tầng và xếp hạng Đại học.

(3) Cơ sở hạ tầng nói chung trong đó có cơ sở thực hành chưa đáp ứng với yêu cầu phát triển số lượng sinh viên đào tạo trong thời kỳ mới.

3.3. Các phương thức tiếp cận chính:

(1) Phát triển hợp tác quốc tế nhằm tiếp cận chuẩn mực giáo dục đại học tiên tiến của khu vực và thế giới phù hợp với yêu cầu phát triển của Việt Nam, từng bước tham gia đào tạo nguồn nhân lực trong các lĩnh vực y dược cho khu vực và thế giới.

(2) Thực hiện đa phương hoá, đa dạng hoá loại hình hợp tác, giữ vững và phát triển hợp tác quốc tế một cách toàn diện với các đối tác truyền

thống và các đối tác mới trong các hoạt động liên kết đào tạo đại học, sau đại học và khám chữa bệnh. Trong đó gồm liên kết đào tạo cho sinh viên Việt Nam sang học nước ngoài và liên kết đào tạo cho sinh viên trong khu vực như: Thái Lan, Ấn Độ, Lào, Cambodia ...sang đào tạo, học tập tại Việt Nam với chi phí thấp so với chi phí du học tại các nước khác trong và ngoài khu vực.

(3) Khai thác học bổng và tư vấn du học cho sinh viên Trường Đại học Y Dược nói riêng và sinh viên nói chung.

(4) Phát huy các hợp tác đã có với các nước Ý, Pháp, Đức, Hoa Kỳ, Úc, Trung Quốc, Mỹ... và tăng cường tìm thêm các hợp tác khác với các trường đại học và viện nghiên cứu trên thế giới để mở rộng thêm các hợp tác đào tạo.

Trong thế kỷ XXI, xu hướng phát triển toàn cầu hoá có ảnh hưởng rất lớn đến mọi mặt trong đời sống kinh tế, xã hội và văn hoá, giáo dục của nhiều nước trên thế giới trong đó có Việt nam. Trong bối cảnh toàn cầu hoá đang diễn ra mạnh mẽ, yêu cầu và xu thế hội nhập khu vực và quốc tế của Việt Nam đang và sẽ phải diễn ra một cách nhanh chóng và bền vững, kể cả trong thị trường đào tạo và thị trường lao động nhân lực chất lượng cao, thì nhu cầu hợp tác, liên kết với các đối tác nước ngoài có đủ năng lực để triển khai các chương trình đào tạo tiên tiến quốc tế trở nên rất cấp thiết. Bên cạnh đó, vấn đề kiểm định chất lượng ở cấp độ quốc tế các chương trình đào tạo, đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ gắn liền với chuyển giao và thương mại hóa các sản phẩm khoa học công nghệ là tiền đề cần thiết để hội nhập và nâng tầm thương hiệu của các trường đại học Việt Nam trong môi trường giáo dục khu vực và quốc tế. Chính vì vậy, đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và khám chữa bệnh sẽ là một nền tảng quan trọng, góp phần tích cực trong việc duy trì, củng cố văn hóa thương hiệu, phát triển chất lượng hoạt động và qua đó là “thương hiệu” Trường Đại học Y Dược Huế lên tầm cao mới. □

HỘI NGHỊ TỔNG KẾT VÀ TRIỂN LÃM HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

✍️ **MINH PHƯƠNG**



Ngày 18/12, Đại học Huế đã tổ chức Hội nghị tổng kết và Triển lãm hoạt động khoa học và công nghệ giai đoạn 2011 - 2015. Tham dự hội nghị, về phía Bộ Giáo dục và Đào tạo có GS.TSKH Bùi Văn Ga, Thứ trưởng; PGS.TS. Lê Trọng Hùng, Vụ trưởng Vụ KH&CN và Môi trường; đại diện lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế.

Về phía lãnh đạo tỉnh Thừa Thiên Huế có đồng chí Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy. Về phía các địa phương và đơn vị liên quan, có đại diện lãnh đạo Sở

KH&CN Đà Nẵng, Quảng Nam, Thừa Thiên Huế, Quảng Bình, Quảng Trị, Liên hiệp các Hội KHKT tỉnh Thừa Thiên Huế, Bệnh viện Trung ương Huế; GS.TS. Trần Văn Nam, Giám đốc Đại học Đà Nẵng; PGS.TS. Nguyễn Hữu Công, Phó Giám đốc Đại học Thái Nguyên; đại diện lãnh đạo các trường đại học, cao đẳng ở Huế và các tỉnh trong khu vực; đại diện các công ty, đơn vị có hợp tác, tài trợ cho các hoạt động của hội nghị và triển lãm. Về phía Đại học Huế có PGS. TS. Nguyễn Văn Toàn, Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Đại học Huế; lãnh đạo Đại học Huế, các trường

đại học thành viên, đơn vị trực thuộc cùng đông đảo các nhà khoa học, nhà nghiên cứu.

Trong 5 năm qua, hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ của Đại học Huế đã đạt nhiều kết quả đáng phấn khởi. Cán bộ giảng viên Đại học Huế đã chủ trì thực hiện 46 đề tài cấp quốc gia, 34 đề tài cấp Bộ, 55 đề tài cấp Tỉnh, 393 đề tài cấp Đại học Huế, 960 đề tài cấp cơ sở; đăng tải 5.146 bài báo khoa học, trong đó 785 bài báo quốc tế và 4.361 bài báo trong nước; tổng kinh phí từ ngân sách nhà nước đầu tư cho hoạt động khoa học công nghệ giai đoạn này đạt 95 tỉ đồng.

PGS.TS. Nguyễn Văn Toàn, Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Đại học Huế nhấn mạnh rằng, những kết quả này cho thấy hoạt động khoa học công nghệ của Đại học Huế trong 5 năm qua đã theo đúng định hướng lớn của Nhà nước và của Bộ GD&ĐT. Đó là đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học thông qua các nhiệm vụ nghiên cứu theo Nghị định thư để tiếp nhận các công nghệ tiên tiến từ nước ngoài, gắn kết giữa nghiên cứu khoa học với đào tạo sau đại học nhằm đào tạo đội ngũ, trao đổi kinh nghiệm nghiên cứu giữa các nhà khoa học của Đại học Huế và các nước có nền khoa học phát triển. Bên cạnh đó, các dự án sản xuất thử nghiệm cấp Nhà nước và đề tài cấp Bộ cũng đã góp phần ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn và đó là những bước đi đầu tiên thúc đẩy quá trình thương mại hóa các sản phẩm khoa học công nghệ của Đại học Huế.

Trên cơ sở các kết quả đạt được, căn cứ vào tiềm lực đội ngũ, cơ sở vật chất, Đại học Huế đã xác định nhiệm vụ trọng tâm công tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ giai đoạn 2016 - 2020, nhằm nâng cao chất lượng, quy mô các công trình nghiên cứu khoa học, tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị khoa học, kinh tế, khả năng thương mại hóa cao; tạo chuyển biến mạnh mẽ trong ứng dụng và chuyển giao kết quả nghiên cứu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh, góp phần



GS.TSKH. Bùi Văn Ga, Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phát biểu chỉ đạo hội nghị

xây dựng Đại học Huế thực sự trở thành đại học nghiên cứu.

Phát biểu chỉ đạo hội nghị, GS.TSKH. Bùi Văn Ga, Thứ trưởng Bộ GD&ĐT đánh giá cao năng lực và kết quả hoạt động khoa học công nghệ của Đại học Huế trong thời gian qua. Với lợi thế của một đại học đa ngành, đa lĩnh vực, tiềm lực đội ngũ cán bộ giảng viên, cán bộ khoa học, cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện đại, Đại học Huế đã và đang khẳng định được vai trò to lớn trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, góp phần thúc đẩy sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền Trung, Tây nguyên và cả nước.

Dịp này, Đại học Huế đã tổ chức hoạt động triển lãm sản phẩm khoa học công nghệ, ký kết biên bản hợp tác để thương mại hóa các sản phẩm khoa học công nghệ với Trung tâm Ươm tạo và Phát triển doanh nghiệp KHCN, Cục Phát triển thị trường và Khoa học công nghệ, Bộ KHCN và Trung tâm Sâm Ngọc Linh, huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam; trao tặng bằng khen cho 24 tập thể và 58 cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ giai đoạn 2011 - 2016.



PGS.TS. Nguyễn Văn Toàn, Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Đại học Huế và ông Đào Quang Thúy, Trưởng Phòng Ươm tạo và Phát triển doanh nghiệp KHCN Cục Phát triển thị trường và Doanh nghiệp KHCV, Bộ KHCV ký biên bản hợp tác



PGS.TS. Nguyễn Quang Linh, Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Giám đốc Đại học Huế ký biên bản hợp tác với ông Trịnh Minh Quý, Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Sâm Ngọc Linh, huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam



PGS.TS. Nguyễn Văn Toàn, Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Đại học Huế tặng Giấy khen cho các tập thể đạt thành tích trong nghiên cứu khoa học



Các đại biểu cắt băng khai mạc Triển lãm sản phẩm khoa học công nghệ

PGS.TS. Nguyễn Quang Linh, Phó
Giám đốc Đại học Huế,
Giám đốc Trung tâm Ươm tạo và
Chuyển giao công nghệ
giới thiệu các sản phẩm của trung
tâm tham gia hoạt động triển lãm



PGS.TS. Phan Thanh Bình, Hiệu
trưởng Trường Đại học Nghệ thuật
giới thiệu các sản phẩm của trường
tham gia triển lãm

Trường Đại học Y Dược,...



HỘI THẢO KHOA HỌC

“HAI MƯƠI NĂM QUAN HỆ VIỆT NAM - HOA KỲ (1995 - 2015): THÀNH TỰU VÀ TRIỂN VỌNG”

✍ PGS.TS. HOÀNG VĂN HIỂN

(Hiệu trưởng Trường ĐHKH, Phó Ban Tổ chức Hội thảo)



Chủ tọa đoàn Hội thảo

Sau nhiều tháng làm công tác chuẩn bị một cách công phu, bài bản, khoa học, sáng ngày 14 tháng 11 năm 2015, Hội thảo khoa học “Hai mươi năm quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ (1995 - 2015): Thành tựu và triển vọng” được tổ chức tại Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế đã thành công tốt đẹp.

Trước hết, theo cảm nhận, đánh giá của nhiều giảng viên, nhà nghiên cứu, nhà quản lý, hội thảo này có 3 điểm đáng chú ý:

Thứ nhất, hội thảo thể hiện tính liên kết, hợp tác cao khi đã quy tụ được Ban Tổ chức từ 3 trường đại học lớn của Đại học Huế và miền Trung Việt Nam, bao gồm Đại học Sư phạm, Đại

học Khoa học, Đại học Ngoại ngữ và Hội Hữu nghị Việt Nam - Hoa Kỳ tỉnh Thừa Thiên Huế.

Thứ hai, hội thảo được tổ chức ở Cố đô Huế đẹp và thơ, một trung tâm văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học, du lịch của Việt Nam; thành phố văn hóa, thành phố bền vững môi trường của ASEAN, một cửa ngõ trong liên kết khu vực Đông Á và Đông Nam Á. Đặc biệt, là thành phố nhân chứng quan trọng trong tiến trình lịch sử quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ, không chỉ trong chiến tranh mà còn trong hòa bình, hợp tác.

Thứ ba, hội thảo đã nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình, quý báu của nhiều chuyên gia, nhà nghiên cứu trong nước, thuộc nhiều lĩnh vực

chuyên môn, không chỉ ở bài tham luận mà còn ở sự hiện diện trong hội thảo, trong đó, có sự tham dự, đóng góp cho hội thảo của các chuyên gia như GS.TS. Đỗ Thanh Bình, PGS.TSKH. Trần Khánh (Hà Nội); PGS.TS. Trần Nam Tiến (thành phố Hồ Chí Minh), PGS.TS. Nguyễn Văn Tận, PGS.TS. Lê Văn Anh, PGS.TS. Trần Văn Phước (Huế) và nhiều nhà nghiên cứu khác. Ban Tổ chức Hội thảo đã nhận được 65 bài báo khoa học từ cán bộ, giảng viên của 4 đơn vị đồng tổ chức hội thảo và của đông đảo nhà nghiên cứu, giảng viên, giáo viên đến từ 19 trường đại học, học viện, Ban chức năng, bảo tàng, hội, trung tâm... của Trung ương và các tỉnh thành của cả 3 miền đất nước.

Ngoài Báo cáo đề dẫn của Ban Tổ chức, có 07 bài tham luận (đại diện cho 44 bài nghiên cứu được chọn đăng) trình bày tại hội thảo, bao gồm: 1. *Chính sách của Hoa Kỳ đối với Việt Nam giai đoạn 1995 - 2008*, PGS.TS. Lê Văn Anh, Đại học Huế - TS. Bùi Thị Thảo, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế; 2. *Đối ngoại nhân dân trong mối quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ tại tỉnh Thừa Thiên Huế*, PGS.TS. Trần Văn Phước - Trần Xuân Nam, Hội hữu nghị Việt Nam - Hoa Kỳ tỉnh Thừa Thiên Huế; 3. *Đặc điểm quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ giai đoạn 20 năm sau bình thường hóa quan hệ ngoại giao (1995 - 2015)*, PGS.TS. Trần Nam Tiến, Trường Đại học KHXH&NV, TP Hồ Chí Minh; 4. *The US "Pivot" to Asia Pacific: An Assessment of the Chinese Element*, ThS. Nguyễn Bạch Nga - ThS. Mai Thị Đăng Thu, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế; 5. *Chính sách của Mỹ đối với tranh chấp ở Biển Đông trong bối cảnh căng thẳng leo thang (2009 đến nay)*, PGS.TS. Trịnh Thị Định, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế; 6. *Tác động của quan hệ Việt - Mỹ đến an ninh và phát triển của Việt Nam hiện nay*, PGS.TSKH. Trần Khánh, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam; 7. *Vận dụng tri thức quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ (1995- 2015) vào giảng dạy ở trường đại học*, TS. Nguyễn Thị Thanh Hương, Trường Đại học Quy Nhơn.

07 bài tham luận nói trên (cùng các bài viết khác), ngoài sự tâm huyết và tình cảm gửi gắm, đã thể hiện sự phong phú, đa dạng trong đề tài cùng giai đoạn nghiên cứu, cách nhìn nhận vấn đề, xoay quanh 4 chủ đề lớn, có thể khái quát như sau:

I. Quá trình hình thành và phát triển quan hệ song phương Việt Nam - Hoa Kỳ

Có 01/11 bài trình bày tại hội thảo, trong đó các tác giả tiếp tục khẳng định và làm rõ hơn, sâu hơn nhiều nội dung quan trọng của quá trình hình thành và phát triển quan hệ song phương Việt Nam - Hoa Kỳ với một số tư liệu mới có giá trị, đấy là:

- Do hoàn cảnh đặc thù, quan hệ Việt - Mỹ đã trở thành mối quan hệ đặc biệt trong lịch sử ngoại giao Việt Nam. Nếu tính về mặt thời gian thì những năm tháng chiến tranh giữa hai nước vẫn ngắn hơn nhiều so với những thế kỷ hòa bình mà hai bên đã xây đắp. Song, chính trong những thời kỳ hòa bình ấy, không ít cơ hội ngoại giao đã bị bỏ lỡ, khiến cho mối quan hệ hai bên phải trải qua nhiều gập ghềnh, trắc trở. Từ chỗ tái dựng lại và truy tìm căn nguyên sâu xa những cơ hội bị bỏ lỡ trong lịch sử quan hệ hai nước, Hoa Kỳ cũng như Việt Nam cần rút ra những bài học kinh nghiệm quá khứ để có thể vận dụng vào thực tiễn quan hệ song phương hiện nay, góp phần xây đắp mối quan hệ ấy lên một tầm cao mới.

- Có thể thấy, ngày 30 tháng 4 năm 1975 - là một "*chương buồn*" trong lịch sử nước Mỹ. Và Hoa Kỳ đã có những bước thử nghiệm đầu tiên nhằm tiến tới bình thường hóa quan hệ nhưng tình hình không mấy thuận chiều do nhiều nguyên nhân. Phải từ thập niên 90 của thế kỷ XX trở đi, với tác động tích cực của nhiều nhân tố, mối quan hệ hai nước mới từng bước được khai thông và vào ngày 12/7/1995, Việt Nam, Hoa Kỳ chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao, chấm dứt một thời kỳ dài chiến tranh và đối đầu...

- Chính sách của Hoa Kỳ đối với Việt Nam từ sau bình thường hóa quan hệ đến nay được hoạch

định bởi chính quyền các Tổng thống William Bill Clinton (1993 - 2000), George Walker Bush (2001 - 2008) và Barack Obama (2009 - nay). Tuy mang dấu ấn riêng của mỗi tổng thống và đảng cầm quyền, đồng thời chịu tác động bởi chiến lược châu Á - Thái Bình Dương, Đông Nam Á và kế thừa chính sách đối với Việt Nam của các chính phủ tiền nhiệm trong thời kỳ Chiến tranh lạnh nhưng từ sau bình thường hóa quan hệ (1995) đến nhiệm kỳ thứ hai của Tổng thống Barack Obama, chính sách của Hoa Kỳ đối với Việt Nam đã có sự chuyển biến liên tục và rõ nét, thể hiện sự phát triển của mối quan hệ song phương Việt Nam - Hoa Kỳ. Những kết quả đạt được trong chính sách của Hoa Kỳ đối với Việt Nam giai đoạn này (1995 - 2015) đặt nền tảng vững chắc cho chính sách của Hoa Kỳ đối với Việt Nam và sự phát triển mạnh mẽ của quan hệ hai nước hiện nay.

- Trải qua 20 năm, quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ đã có những bước phát triển trên các lĩnh vực kinh tế - thương mại, chính trị - ngoại giao, an ninh - quốc phòng..., đáp ứng được lợi ích thiết thực của nhân dân hai nước và hai chính phủ, đưa Hoa Kỳ trở thành một đối tác toàn diện của Việt Nam. Trong thời gian tới, cần thúc đẩy mối quan hệ này lên một tầm cao mới.

(Quan điểm của TS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, PGS.TS. Lê Văn Anh, TS. Bùi Thị Thảo và được chia sẻ bởi các tác giả PGS.TS. Nguyễn Văn Tận, PGS.TS. Nguyễn Văn Đăng, TS. Nguyễn Tất Thắng - Lê Nguyên Phú, PGS.TS. Đặng Văn Hồ, ThS Dương Quang Hiệp, TS. Lê Thành Nam, TS. Hoàng Chí Hiếu, ThS. Nguyễn Thu Hằng, Tô Mỹ Ngọc ...).

II. Thành tựu của quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ giai đoạn 1995 - 2015

Có 02/18 bài trình bày tại hội thảo, là mảng đề tài chiếm đến 40% tổng số các bài viết. Dù cách tiếp cận, nhìn nhận, đánh giá vấn đề có những điểm không giống nhau nhưng điểm chung của các tác giả trình bày tham luận tại hội thảo là đều nghiên cứu thấu đáo và khẳng định nhiều thành tựu quan trọng của quan hệ Việt Nam - Hoa

Kỳ giai đoạn 1995 - 2015 đồng thời cũng chỉ ra những khó khăn, thách thức mà cả hai nước cần phải cùng nhau khắc phục, tháo gỡ để tiếp tục phát triển quan hệ song phương một cách sâu rộng và bền vững, thể hiện qua những nội dung cơ bản sau:

- Trong vòng 20 năm sau khi bình thường hóa (1995 - 2015), quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ đã có những bước tiến đáng kể về kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ, quốc phòng... với những đặc điểm riêng do điều kiện lịch sử cụ thể và yếu tố thời đại chi phối. Đặc biệt, trong những năm đầu thế kỷ XXI, các quan hệ kinh tế - thương mại, đầu tư giữa Việt Nam và Mỹ bắt đầu phát triển mạnh mẽ, nhanh chóng và đã có sự biến đổi về chất so với các giai đoạn trước, đã góp phần vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của mỗi nước, đồng thời, tăng cường củng cố sự tin cậy hiểu biết, xích lại gần nhau và hợp tác cùng phát triển giữa hai nước. Bên cạnh đó, đối ngoại nhân dân cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ. Chỉ riêng tỉnh Thừa Thiên Huế, trong 20 năm qua, hàng trăm tổ chức phi chính phủ, tổ chức nhân dân và cá nhân Hoa Kỳ, người Việt Nam ở Hoa Kỳ đã cùng Liên hiệp các tổ chức hữu nghị và Hội hữu nghị Việt Nam - Hoa Kỳ tỉnh đã có những hoạt động tích cực trong việc thúc đẩy hơn nữa quan hệ hữu nghị nhân dân giữa hai nước, góp phần hàn gắn vết thương chiến tranh, chăm sóc sức khỏe và phát triển cộng đồng.

- Song song với những kết quả đạt được, quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ trong giai đoạn này còn tồn tại nhiều hạn chế cần khắc phục. Chẳng hạn, về kinh tế, giữa hai nền kinh tế có sự chênh lệch rất lớn về quy mô và trình độ phát triển; quan hệ đầu tư vẫn chưa tương xứng với tiềm năng của cả hai nước; vấn đề chuyển giao công nghệ thông qua đầu tư chưa đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam; trong quan hệ thương mại từ phía Hoa Kỳ, nhiều doanh nghiệp của Hoa Kỳ chưa quan tâm đến nhập khẩu từ Việt Nam hoặc còn nhập hàng từ Việt Nam

thông qua các công ty trung gian ở nước thứ ba; ODA của Hoa Kỳ cho Việt Nam có khác so với các nước khác... Hay về hoạt động trao đổi, hợp tác giáo dục đại học Hoa Kỳ - Việt Nam dù khá sôi động (hiện có hơn 16.500 lưu học sinh Việt Nam đang học tập tại Hoa Kỳ, đứng đầu các nước Đông Nam Á và thứ 8 trên thế giới) nhưng nhìn chung sự chủ động chủ yếu diễn ra từ phía Hoa Kỳ nên mối quan hệ này chưa đạt được như mong muốn của hai bên. Lấy một minh chứng cụ thể là trong việc phát triển quan hệ hợp tác quốc tế giữa Đại học Huế với các trường đại học Hoa Kỳ, bên cạnh những kết quả đạt được còn khá nhiều hạn chế về mặt thông tin, về tính cạnh tranh, về cách thức quản lý...

- Hiện nay, Việt Nam và Hoa Kỳ vẫn đang tiếp tục xây dựng, củng cố và phát triển hơn nữa mối quan hệ đối tác xây dựng, hữu nghị, hợp tác nhiều mặt, ổn định, lâu dài giữa hai nước, vì lợi ích chung của nhân dân các nước. Quá trình này cần có những giải pháp thiết thực, cụ thể và khả thi để thúc đẩy hơn nữa quan hệ kinh tế giữa hai nước trong thời gian tiếp theo với tinh thần *"Khép lại quá khứ, vượt qua khác biệt, phát huy tương đồng, hướng tới tương lai"*. Về phía Việt Nam, chúng ta cần có sự chủ động, tinh táo xem xét, phân tích tình hình một cách cẩn trọng nhất để đưa ra những bước đi thật sự đúng đắn, sao cho lợi ích quốc gia luôn được đảm bảo trong quan hệ với Hoa Kỳ, nhất là trong việc xử lý những khía cạnh nhạy cảm trong quan hệ hai nước.

(Quan điểm của TS. Ngô Hồng Điệp - TS. Nguyễn Hoàng Huế, PGS.TS. Trần Văn Phước - Trần Xuân Nam, PGS. TS. Trần Nam Tiến và được chia sẻ bởi các tác giả PGS.TS. Hoàng Thị Kim Hồng, PGS.TS. Hoàng Hữu Hạnh - ThS. Nguyễn Thị Ái Hữu, TS. Nguyễn Đức Cường, ThS. Lê Thị Quý Đức, ThS. Nguyễn Thị Huyền Thảo, Nguyễn Thu Trang, ThS. Nguyễn Văn Biều - ThS. Trần Đình Phiên, ThS. Nguyễn Trọng Minh, TS. Trần Quốc Tuấn - TS. Nguyễn Đức Toàn, ThS. Nguyễn Thị Ty, ThS. Phạm Thị Hồng Vinh - ThS. Võ Nữ Hạnh Trang, ThS. Nguyễn Hoàng Linh, ThS. Trần Thị Tâm, Huỳnh Tâm Sáng...).

III. Triển vọng quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ trong bối cảnh châu Á - Thái Bình Dương hiện nay

Có 03/12 bài trình bày tại Hội thảo, đây cũng là chủ đề thu hút sự quan tâm của nhiều giảng viên, nhà nghiên cứu, trong đó đa phần các tham luận cho thấy có nhiều cơ hội đan xen với thách thức khi nhận định, đánh giá về triển vọng quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ trong bối cảnh châu Á - Thái Bình Dương hiện nay, liên quan đến nhiều nhân tố, đặc biệt là vấn đề tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông. Tựu trung, chủ đề này có những nội dung đáng chú ý sau:

- 20 năm qua, kể từ khi hai nước Việt Nam và Hoa Kỳ chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao, quan hệ Việt - Mỹ đã có một bước phát triển nhanh chóng, toàn diện, ngày càng đi vào chiều sâu, có thực chất. Kết quả và tác động của quá trình trên vượt cả kỳ vọng, nhất là trong quan hệ thương mại và xây dựng lòng tin chiến lược.

Nếu như việc Mỹ bỏ cấm vận và bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam ở giữa những năm 90 của thế kỷ trước đã tạo thuận lợi hơn cho Việt Nam gia nhập ASEAN và các tổ chức hợp tác khu vực khác, khai thông và đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức tài chính, tiền tệ quốc tế như IMF, WB, ADB ... thì việc Mỹ ký BTA với Việt Nam năm 2000, ủng hộ Việt Nam gia nhập WTO vào năm 2006, cho Việt Nam được hưởng Quy chế quan hệ thương mại bình thường và Quy chế tối huệ quốc (từ năm 2007), và đặc biệt hai nước thiết lập Quan hệ đối tác toàn diện vào năm 2013, ký các tuyên bố khác liên quan đến thúc đẩy quan hệ quốc phòng và đón tiếp Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Nhà Trắng, hoàn tất đàm phán và ký Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) năm 2015 không chỉ làm tăng nhanh quan hệ kinh tế, nhất là xuất siêu của Việt Nam sang Mỹ, thúc đẩy các công ty hàng đầu của Mỹ và các nước khác đầu tư vào Việt Nam, mà quan trọng hơn là làm tăng vị thế Việt Nam trên trường quốc tế, góp phần củng cố an ninh - quốc phòng của Việt Nam trước những thách thức mới về an ninh, nhất là trong việc bảo

vệ chủ quyền biển đảo và phòng chống thiên tai. Tuy nhiên, sự phát triển nhanh chóng của quan hệ Việt - Mỹ cũng tạo những điều khó xử đối với Việt Nam trong ứng xử với các nước lớn, nhất là với Trung Quốc cũng như trong hài hòa về giá trị dân chủ, nhân quyền.

- Trong bối cảnh sự tác động của quá trình chuyển dịch cán cân sức mạnh toàn cầu, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn đến cục diện chính trị thế giới trở nên mạnh mẽ, rõ nét, có mặt gay gắt, một chính sách đối ngoại đang được chính quyền Tổng thống Barack Obama theo đuổi được dư luận quốc tế quan tâm là chiến lược “xoay trục” sang châu Á - Thái Bình Dương mà một trong những nguyên nhân chính của chính sách này là nhằm vào Trung Quốc, một cường quốc đang trỗi dậy thách thức cả vị trí siêu cường của Mỹ, với việc thực hiện chính sách *vừa cạnh tranh - kiểm chế, vừa hợp tác, tránh đối đầu* với quốc gia này để nhằm đảm bảo sự “tái cân bằng” ở khu vực; củng cố, mở rộng đồng minh và các đối tác; triển khai sức mạnh quân sự của Mỹ.... Trong bối cảnh như vậy, Việt Nam cần phải xử lý khéo léo, linh hoạt hơn nữa mối quan hệ với hai nước lớn có tầm quan trọng chiến lược đối với quốc gia nhằm góp phần duy trì, củng cố môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước, bảo vệ Tổ quốc, tiếp tục củng cố và nâng cao vị thế quốc tế của Việt Nam.

- Do nằm ở vị trí có tầm quan trọng chiến lược và sự đa dạng về nguồn lợi thủy sản và nguồn tài nguyên bên dưới thềm lục địa, các vùng biển và đảo ở Biển Đông hiện trở thành đối tượng tranh chấp về chủ quyền và quyền chủ quyền giữa các quốc gia ven bờ, trong đó có Việt Nam. Dù không phải là một quốc gia thuộc khu vực, nhưng việc tự do đi lại trên các hải phận quốc tế ở Biển Đông và sự ổn định khu vực là những mối quan tâm mà nước Mỹ vẫn theo đuổi từ trước cho đến nay. Chính vì thế, khi nhận thấy căng thẳng gia tăng ở Biển Đông có thể đe dọa đến các lợi ích tự do hàng hải và lợi ích an ninh chiến lược của Mỹ tại khu vực, nước Mỹ đã có sự điều chỉnh chính sách của mình đối với tranh chấp ở Biển Đông.

Điều này tất yếu sẽ ảnh hưởng đến sự thay đổi tương quan lực lượng và các mối quan hệ quốc tế khu vực, trong đó có quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ cũng như Việt Nam - Trung Quốc.

(Quan điểm của ThS. Nguyễn Bạch Nga - ThS. Mai Thị Đăng Thư, PGS.TS. Trịnh Thị Định, PGS.TSKH. Trần Khánh và được chia sẻ bởi các tác giả: GS.TS. Đỗ Thanh Bình - Nguyễn Thị Thanh Vân, PGS.TS. Hoàng Thị Minh Hoa - ThS. Nguyễn Tuấn Bình, PGS.TS. Trường Công Huỳnh Kỳ - TS. Trần Thúy Hiền, TS. Trần Xuân Hiệp, TS. Nguyễn Văn Thắng, ThS. Nguyễn Ngọc Hùng, Phạm Thị Yên, Lê Ngọc Hân, ThS. Đinh Xuân Ngọc - ThS. Trần Thị Quế Châu...).

IV. Nghiên cứu và giảng dạy về quan hệ song phương Việt Nam - Hoa Kỳ ở các trường đại học, cao đẳng, phổ thông

Dù chỉ có 01/03 bài trình bày tại Hội thảo, nhưng đây cũng là chủ đề quan trọng thu hút sự quan tâm của các giảng viên, nhà khoa học. Các tham luận cho thấy quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ (1995 - 2015) liên tục được mở rộng, phát triển, ngày càng đi vào chiều sâu, hiệu quả và thực chất, trong đó, giáo dục và đào tạo đã góp phần tích cực vào quá trình này. Ở các trường đại học, cao đẳng, phổ thông của Việt Nam hiện nay có nhiều môn học liên quan đến quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ. Cần có những giải pháp đẩy mạnh công tác nghiên cứu giảng dạy ở các trường về Hoa Kỳ và quan hệ hai nước nhằm nâng cao nhận thức, sự hiểu biết lẫn nhau giữa hai nước từ nhiều cấp độ, góp phần thúc đẩy quan hệ song phương ngày càng phát triển trong tương lai.

(Quan điểm của TS. Trần Thị Thanh Hương và được chia sẻ bởi các tác giả: ThS. Trần Thị Hải Lê, ThS. Nguyễn Hồng Dũng...).

Bên cạnh những tham luận có hàm lượng học thuật cao được trình bày tại hội thảo; phần trao đổi, thảo luận, chất vấn, đặt câu hỏi cho các tác giả tham luận cũng diễn ra hết sức sôi nổi, thẳng thắn và cởi mở. Ngoài việc góp phần làm rõ các câu hỏi do Ban Chủ trì Hội thảo gợi ý, đây là: *Những cơ hội hợp tác bị bỏ lỡ trong lịch sử quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ và những bài học kinh nghiệm cho*

mối quan hệ hai quốc gia hiện nay; Những thuận lợi và khó khăn trong tiến trình bình thường hóa quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ (1975 - 1995); Các nhân tố thúc đẩy tiến trình bình thường hóa quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ (1975 - 1995); Thực trạng của quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị - ngoại giao, an ninh - quốc phòng, văn hóa, giáo dục, y tế... (1995 - 2015): Thành tựu, những vấn đề đặt ra và những kinh nghiệm lịch sử được đúc rút; Các giải pháp để thúc đẩy quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ lên một tầm cao mới trong tương lai; Dự báo các kịch bản cho mối quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ trong những năm tới... Liên quan đến cả 4 chủ đề, các câu hỏi, vấn đề được đặt ra trong phần thảo luận tại các phiên hết sức hữu ích và thú vị, góp phần quan trọng trong việc tạo ra cho hội thảo lần này một hấp lực và sự thành công, bao gồm:

- Trong quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ, đối ngoại nhân dân trong nhiều thời kỳ đóng vai trò rất quan trọng, thậm chí đi đầu, nhất là giai đoạn sau năm 1975, do vậy cần có sự nghiên cứu hệ thống và toàn diện hơn về những đóng góp lịch sử của kênh đối ngoại này, trong đó có các hội hữu nghị Việt Nam - Hoa Kỳ của Trung ương và các địa phương.

- Những điểm kế thừa và điểm mới trong chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ thời Tổng thống George Walker Bush (2001 - 2008) so với Tổng thống William Bill Clinton (1993 - 2000).

- Vị trí của Việt Nam trong chính sách châu Á - Thái Bình Dương của Hoa Kỳ hiện nay.

- Nhân tố Trung Quốc trong quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ trong những năm gần đây.

- Tác động của quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ (1995 - 2015) đối với mỗi nước và đối với khu vực.

- Thái độ của Quốc hội Hoa Kỳ đối với chính sách xoay trục của chính quyền Hoa Kỳ hiện nay.

- Thái độ của cộng đồng người Hoa ở Mỹ đối với chính sách xoay trục của chính quyền Hoa Kỳ hiện nay.

- Vấn đề tranh chấp chủ quyền Biển Đông hiện nay và quan điểm, giải pháp của Hoa Kỳ về vấn đề này.

- Các giải pháp để phát triển ngành Hoa Kỳ học tại Việt Nam, ngành Việt Nam học tại Hoa Kỳ

và để đẩy mạnh hoạt động của Hội Hữu nghị Việt Nam - Hoa Kỳ ở Trung ương và các địa phương.

- Đánh giá về các chuyến thăm và làm việc tại Hoa Kỳ của lãnh đạo Đảng và Nhà nước Việt Nam trong thời gian gần đây, đặc biệt là kết quả chuyến thăm chính thức Hợp chúng quốc Hoa Kỳ của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng từ ngày 6 đến ngày 10/7/2015 vừa qua (...).

Hội thảo khoa học “Hai mươi năm quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ (1995 - 2015): Thành tựu và triển vọng” đã khép lại nhưng chắc rằng dư âm của hội thảo sẽ còn đọng lại và sức lan tỏa của hội thảo sẽ không dừng lại trong phạm vi thành phố Cố đô, hiếu khách bởi lẽ đây là kết quả của một quá trình chuẩn bị hết sức công phu, bài bản của Ban Tổ chức, Ban Chủ trì và thành công hội thảo có sự đóng góp quý báu, hiệu quả của tất cả các thành viên tham gia. Trao đổi bên lề hội thảo, một số giảng viên, nhà nghiên cứu cho rằng “Hội thảo nên tổ chức ít nhất trọn một ngày vì tính học thuật và tính thực tiễn của nó rất cao”. TS. Lê Thành Nam (Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế) khẳng định: “Hội thảo này đã giúp tôi cơ hội tiếp xúc với các nhà nghiên cứu ba miền đất nước, mở rộng tầm nhìn để có thể giảng dạy, nghiên cứu về Hoa Kỳ tốt hơn”. Dĩ nhiên, bên cạnh những thành công đáng ghi nhận, vì những lý do khách quan lẫn chủ quan, hội thảo này vẫn còn những khuyết thiếu mà rồi đây Ban Tổ chức, Ban Chủ trì sẽ trao đổi để rút kinh nghiệm cho những lần sau như mong muốn của PGS.TS. Nguyễn Thám (Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm, Trường Ban Tổ chức) trong Báo cáo đề dẫn: “Những tham luận nói trên cùng sự phân chia các chủ đề của chúng tôi chỉ mang tính tương đối. Không chỉ là cơ hội để các nhà khoa học, cán bộ, giảng viên trao đổi những kết quả nghiên cứu tâm huyết mà còn là diễn đàn để các cấp hữu quan và quý vị quan tâm, hội thảo mong tiếp tục đón nhận các ý kiến thảo luận nhằm đưa mối quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ không ngừng phát triển, đúng như nguyện vọng của nhân dân hai nước”. □

H.V.H

Nghĩ về Triết lý Giáo dục

✍ PGS.TS.NGND NGUYỄN THẾ HỮU(*)

Khi xây dựng một nền giáo dục, nhất là khi làm “cách mạng giáo dục” như tinh thần của NQ 29 về “*đổi mới căn bản toàn diện nền giáo dục của nước ta*” hiện nay thì vấn đề triết lý giáo dục phải được đặt lên hàng đầu. Nhưng cho đến nay, dù đã nhiều lần tiến hành đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, những cơ quan có trách nhiệm cao nhất điều hành đổi mới giáo dục vẫn chưa công bố một triết lý mới chính thức được công nhận.

Trong lịch sử giáo dục của nước ta từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, cũng đã có những tư tưởng được nêu ra làm mục tiêu giáo dục, có thể coi như triết lý giáo dục như lời dạy của Bác Hồ: “muốn có chủ nghĩa xã hội thì phải có con người xã hội chủ nghĩa” hay đào tạo con người “vừa hồng vừa chuyên”, hay đào tạo “con người toàn diện”, và gần đây có ý tưởng của GS Hoàng Tụy, nhà văn Nguyễn Ngọc... nhưng vẫn chưa có một triết lý chính thức nào được công nhận. Hãy nhìn lại chúng ta đã hoạt động dưới một triết lý bất thành văn nào mà nền giáo dục nước ta đã đào tạo ra những con người mà xã hội cũng như những nhà giáo dục, nhà lãnh đạo chính trị... đều cho là không đạt yêu cầu, không đáp ứng nhu cầu phát triển đất nước và yêu cầu phát triển khoa học kỹ thuật, đặc biệt là yêu cầu

về tâm văn hóa nhân văn của con em chúng ta. Sự tha hóa về đạo đức, lối sống buông thả, quan hệ vô cảm giữa con người và con người và quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng, với đất nước... làm chúng ta nhức nhối. Vấn nạn chỉ coi trọng bằng cấp, học giả lan tràn trong xã hội từ người dân thường đến công chức nhà nước, buộc ngành giáo dục chúng ta phải xây dựng cho được triết lý của ngành giáo dục Việt Nam.

Nhìn lại cả quá trình giáo dục suốt mấy chục năm trở lại đây, dễ nhận thấy có một triết lý “ngâm” đang chỉ đạo nền giáo dục nước ta. Dù không phải là nhà lý luận giáo dục, nhưng từ kinh nghiệm thực tế nhiều năm quản lý ngành, từ những hiểu biết quốc tế, tôi có thể khẳng định triết lý đã và đang có của giáo dục nước ta là nền giáo dục đào tạo “con người trung thành”. Trung thành với Tổ quốc, với đất nước, với nhân dân là đúng, là chính xác.

Từ triết lý đó, mục tiêu giáo dục thay đổi qua từng giai đoạn, từ mục tiêu vừa hồng vừa chuyên, rồi yêu nước, giác ngộ xã hội chủ nghĩa, rồi toàn diện v.v. mục tiêu nói chung là bao giờ nghe cũng thuyết phục, không cãi được nhưng đều toát lên là con người được đào tạo ra phải trung thành với đường lối xã hội chủ nghĩa, trung thành với đất nước, với nhân dân v.v. Những con người

(*) Nguyên Giám đốc Đại học Huế đầu tiên (nhiệm kỳ 1994 - 1998)



được đào tạo ra, đã có nhiều người thành đạt, trở thành những công dân tiêu biểu của đất nước và giữ những trọng trách như đại biểu quốc hội, lãnh đạo cấp trung ương, cấp chính phủ, cấp bộ và địa phương... nhưng họ cũng có thể đã, đang và đã trở thành những quan chức tiêu cực, tham nhũng, vơ vét bóc lột của nhân dân

Như vậy phải rà soát, xem xét trong mục tiêu giáo dục đang thiếu gì, đang bỏ sót hoặc không nhấn mạnh đủ tâm vấn đề gì trong những lần thay đổi, bổ sung, hoàn thiện mục tiêu? Khi xây dựng chương trình mới, những người biên soạn chương trình cũng đã nêu những thay đổi về mục tiêu đào tạo của ngành giáo dục đó là nhà trường “từ cung cấp tri thức sang hình thành năng lực và phẩm chất”... Rất đáng mừng về sự đổi mới đó. Từ sự đổi mới này đã đề cập một cách toàn diện từ chú ý đến nội dung khoa học kỹ thuật, khoa học tự nhiên cũng như khoa học xã hội, đạo đức, nhân cách... và đặc biệt mục tiêu trong đổi mới thì *giáo dục công dân đã quán triệt*, xuyên suốt từ lớp 1 đến lớp 12. Chú trọng giáo dục công dân đối với Tổ quốc là

đúng. Nhưng qua đó có thể cảm nhận rõ ràng rằng chúng ta đang bị ám ảnh bởi triết lý, mục tiêu “trung thành”. Một người công dân tốt và thậm chí rất tốt, rất trung thành chưa chắc là con người tốt. Người công dân tốt là những người hoàn thành những nhiệm vụ công dân, người không vi phạm pháp luật. Nhưng chắc chắn cũng có những “công dân tốt” nhờ những vi phạm của họ như tham nhũng chưa bị phát hiện. Ở những “công dân tốt” này họ thiếu cái gì mà đã biến họ thành tham nhũng, lợi dụng chức quyền để bóc lột, ăn cắp của dân của nước v.v. Đó là vì chúng ta coi nhẹ, thậm chí còn quên mục tiêu giáo dục phải xây dựng “*phẩm chất người*”. Đó là phải xây dựng cho được lòng tự trọng, trung thực, nhân hậu... với hàng chục tiêu chí về “*phẩm chất người*”. Thử nhìn lại vì sao trong hàng chục năm qua chúng ta không nhắc đến phẩm chất “*cao thượng*”? Phải chăng cái xã hội này không còn điều kiện để xây dựng con người cao thượng? Phải chăng chúng ta không còn đủ tự tin khi hướng đến đào tạo ra những con người có phẩm chất cao thượng?

Khó có thể tin đổi mới căn bản toàn diện giáo dục thành công, nếu chúng ta không vượt qua được cái ngưỡng làm nền giáo dục của chúng ta trì trệ hàng chục năm qua. Có người sẽ cho rằng cách nghĩ đó là “thoái hóa” là biến chất, thậm chí là phản động, muốn tấn công vào sự lãnh đạo của Đảng đối với giáo dục...

Không! Chúng ta phải thực sự lắng nghe và đối thoại với cả chính mình, chứ cứ chụp mũ, cứ quy kết kiểu ấy thì không thể vượt qua vật cản đối với ngành giáo dục nước ta. Một điều nhỏ thôi, nhưng thử hỏi khi làm đổi mới giáo dục ai sẽ dám thay đổi cách dạy lý luận chính trị hiện nay trong nhà trường, từ nội dung, thời lượng? Sẽ không có ai đụng đến vì vùng đó là vùng cấm. Đảng lãnh đạo đất nước, chịu trách nhiệm trước nhân dân về mọi tình hình của đất nước, trong đó có tình hình giáo dục. Hơn ai hết Bộ Giáo dục phải làm tốt chức năng tham mưu cho Đảng để đổi mới mục tiêu giáo dục, phải xem trọng, có thể là hàng đầu về đào tạo những “phẩm chất người”. Có một nhận định về con người có thể làm chúng ta “sốc” là từ những người chức trọng quyền cao đến những kẻ lưu manh, xã hội đen cũng đều giống nhau là đều tham. Làm chính trị, làm quản lý thì tham quyền lực, tham chức vụ... với lưu manh tham những thì tham tiền của tham hưởng thụ... Cái gì có thể hạn chế, chống lại sự tham lam của con người? Đó là “phẩm chất người”. Ngành giáo dục phải gánh *trọng trách giáo dục*



của mình xác định rõ triết lý của công cuộc đổi mới căn bản toàn diện của giáo dục nước ta là gì trước khi tiến hành các thao tác đổi mới. Tôi cho rằng triết lý mới phải đầy đủ ba hợp phần để đào tạo ra con người mới của xã hội nước ta, đó là *trí tuệ, nhân cách và ý chí của con người*. Trong một thời gian dài nền giáo dục chúng ta chú trọng nhiều đến nâng cao trí tuệ và cũng nhấn đến đạo đức, đến giác ngộ, nhưng đáng tiếc là những giải pháp để giáo dục đạo đức, nhân cách quá tệ nên chưa mang lại kết quả. Phần giáo dục ý chí hầu như bỏ trống. Thiết nghĩ triết lý mới của nền giáo dục nước ta phải nêu đầy đủ và đúng mức “phẩm chất người” như đã đề cập. Trên đây là một vài suy nghĩ phác thảo của tôi về một triết lý giáo dục của nền giáo dục chúng ta. Mong rằng những nhà trí thức, đồng nghiệp quan tâm đến sự nghiệp giáo dục cùng góp phần xác định cho được triết lý giáo dục mới chỉ đạo cho công cuộc đổi mới căn bản toàn diện giáo dục của nước ta hiện nay và mai sau. □

Thành phố Hồ Chí Minh
ngày 30 tháng 12 năm 2015

“TỰ HÀO VIẾT TIẾP TRUYỀN THỐNG SƯ PHẠM”



PGS.TS Nguyễn Thám

Xác định chất lượng nguồn nhân lực sư phạm là yếu tố quan trọng đối với sự phát triển bền vững của mọi quốc gia, Đề án phát triển các trường sư phạm của Bộ Giáo dục và Đào tạo đến năm 2020 đặc biệt quan tâm việc đầu tư đổi mới tuyển dụng, đào tạo đội ngũ giảng viên các trường, khoa sư phạm. Xung quanh vấn đề này, chúng tôi có cuộc trao đổi với PGS.TS Nguyễn Thám, Hiệu trưởng của Trường ĐHSP Huế - Đại học Huế, một địa chỉ đào tạo giáo viên có uy tín trong cả nước.

✍ **NGUYỄN THỊ THÚY HỒNG***

P.V: Thưa PGS.TS Nguyễn Thám: Nói tới Huế là người ta nói tới giảng đường đại học và nói tới sinh viên Đại học Huế là người ta nói tới SV Sư phạm, hẳn ông tự hào về điều này?

PGS.TS Nguyễn Thám: Đây không phải là niềm tự hào của riêng tôi mà là của cả tập thể thầy trò nhà trường, khi đang nhận lãnh trách nhiệm vẻ vang là viết tiếp truyền thống của giảng đường hơn nửa thế kỷ trước đã từng âm vang phong trào “Hát cho đồng bào tôi nghe, những đêm không ngủ...”.

P.V: Vâng, chúng tôi cũng đã nhận ra Trường ĐHSP Đại học Huế có một môi trường đào tạo khá lý tưởng. Đây cũng là 1 trong 20 trường ĐH đầu tiên của Việt Nam triển khai công tác kiểm định chất lượng và đã được Bộ GD-ĐT đánh giá đạt chuẩn chất lượng. Theo ông, trong nhiều yếu tố làm nên chất lượng, yếu tố nào là quan trọng nhất, có tính quyết định chất lượng nguồn nhân lực sư phạm?

PGS.TS Nguyễn Thám: Tôi cho rằng, nguồn lực đội ngũ cán bộ, giáo viên là quan trọng nhất. Để đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục thì phải đổi mới từ gốc.



* Nhà báo - Nguyễn Trường đại diện báo Giáo dục và thời đại tại miền Trung và Tây Nguyên.



Vậy cái gốc ở đâu, nếu không phải là từ khâu đào tạo người thầy? Không có sinh viên tốt vào trường thì lấy đâu ra chất lượng cao? Muốn có sinh viên tốt thì lại phải có giáo viên tốt. Một khi chất lượng giáo viên không cao sẽ ảnh hưởng tới nhà trường phổ thông và kéo theo cả hệ thống bị ảnh hưởng.

P.V: *Chắc hẳn Trường Đại học Sư phạm với bề dày đào tạo sư phạm suốt 40 năm sau ngày đất nước thống nhất sẽ rút ra được những kinh nghiệm quý trong đào tạo người thầy giáo?*

PGS.TS Nguyễn Thám: Trước hết, phải coi đào tạo giáo viên cũng là đào tạo nghề như bao nghề khác; nhưng đây là nghề đào tạo ra “Thầy của những người Thầy” nên phải hết sức cơ bản, thận trọng, phải kế thừa được mô hình giáo dục truyền thống. Môi trường sư phạm phải là nơi để đi dốt, để dạy, để đỡ, để rèn luyện.

P.V: *Ông có tự tin về đội ngũ giáo viên của Trường Đại học Sư phạm – Đại học Huế hay không?*

PGS.TS Nguyễn Thám: Hiện tại, Trường ĐHSP có 285 giảng viên, trong đó, có 85% cán bộ của trường có trình độ sau đại học với 84 tiến sĩ, 185 thạc sĩ, 29PGS. Đó là một tỷ lệ cao trong cả nước. Trong những năm qua, nhà trường nỗ lực nâng cao tính chuyên nghiệp và chất lượng trong đào tạo và bồi dưỡng giáo viên; chú trọng nâng cao năng lực công tác, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và lương tâm nghề nghiệp cho cán bộ. Trường cũng đề ra các chủ trương, biện pháp, khuyến khích, tạo điều kiện về thời gian, hỗ trợ kinh phí để cán bộ tham gia học tập, nghiên cứu, trao đổi chuyên môn, đặc biệt với cán bộ trẻ. Giảng viên được tuyển chọn là những SV sư phạm tốt nghiệp từ loại giỏi trở lên, có năng lực và phẩm chất đạo đức, bên cạnh đó, Trường còn đề ra các chủ trương ưu tiên tuyển chọn đối với những người có chức danh, học vị cao, thay thế những cán bộ sắp đến tuổi nghỉ hưu, nâng dần số giảng viên đạt chuẩn về chức danh, trình độ...

P.V: Bằng vào những thành tựu về đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mà ông vừa nêu thì có thể thấy đã mở ra một tương lai tốt đẹp trong đào tạo sư phạm. Tuy nhiên, cái khó đặt ra hiện nay cho các trường là sinh viên phân đông không thích lựa chọn nghề dạy học. Một khi họ không thích thì lấy đâu ra sinh viên giỏi vào trường, thưa ông?

PGS.TS Nguyễn Thám: Thực trạng sinh viên không mặn mà với ngành sư phạm có những lý do riêng, nhưng tôi cho rằng hoàn toàn không phải vì lương giáo viên thấp. So với nhiều ngành khác, lương giáo viên không thấp và có phần ổn định trong bối cảnh xã hội hiện tại. Mới đây, Thông tư liên Bộ ban hành quy định chế độ trả lương làm thêm, vượt giờ của giáo viên từ Mầm non tới Đại học được dư luận đánh giá là cao. Quan trọng nhất đối với sinh viên hiện nay vẫn là ra trường có việc làm hay không. Đây là lý do vì sao SV không chọn ngành sư phạm và còn hiếm SV giỏi nộp đơn vào trường sư phạm. Đã tới lúc cần một chiến lược quy hoạch đào tạo, cân đối giữa cung và cầu trong đào tạo giáo viên, để SV vào học sư phạm khi ra trường là được nhận nhiệm sở như thời kỳ trước đây. Như thế mới thu hút được SV giỏi vào các trường sư phạm.

P.V: Thưa PGS, có phải số lượng SV sư phạm nhiều khóa ra trường không xin được việc làm đã dẫn tới những bất cập trong đào tạo như các trường sư phạm đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực để tồn tại hay là phát sinh nhiều tiêu cực ngoài xã hội như phụ huynh chạy tiền cho con em để có được một chỗ dạy ổn định?

PGS.Nguyễn Thám: Đó là một thực trạng đáng buồn! Trên toàn quốc hiện nay có tới trên hàng trăm cơ sở đào tạo hệ sư phạm nhưng chỉ còn có Trường ĐH Sư phạm Đại học Huế và Trường ĐH Sư phạm Thái Nguyên là đào tạo chuyên ngành sư phạm mà thôi. Hãy thử hình dung sinh viên khi mới vào trường tâm hồn tinh khôi như tờ giấy trắng, thế mà khi ra trường lại phải chứng kiến những bất công, tiêu cực như thế? Có nhiều sinh viên học ở một trường đại

học nào đó, chỉ cần tới trường sư phạm học một khóa nghiệp vụ lấy chứng chỉ sư phạm và “chạy chọt bôi trơn” là có việc làm, trong khi những sinh viên được đào tạo bài bản thì chưa chắc. Trường ĐHSP - Đại học Huế dứt khoát không đào tạo theo kiểu “ăn xổi, ở thì” như vậy! Kiểu đào tạo như thế mà không chấn chỉnh thì sẽ gây ảnh hưởng tác động rất xấu, làm mất lòng tin của nhân dân, không được xã hội trọng dụng.

P.V: Vậy theo ông, Bộ Giáo dục và Đào tạo phải có động thái gì để chấn chỉnh?

PGS.TS Nguyễn Thám: Một chiến lược quy hoạch tổng thể - đây là một bài toán có tính hệ thống từ vi mô tới vĩ mô mà một mình Bộ Giáo dục và Đào tạo thì không thể làm được! Bộ chỉ làm công việc điều tra số lượng, chất lượng giáo viên các bậc học, trên cơ sở đó quy hoạch lại mạng lưới các trường đào tạo giáo viên trong cả nước theo hướng giao nhiệm vụ đào tạo giáo viên cho một số trường có đầy đủ đội ngũ, cơ sở vật chất và truyền thống để nâng cao chất lượng; xác định chỉ tiêu cho từng trường. Nhưng khâu tuyển dụng lại liên quan tới Bộ Nội vụ. Tuyển dụng như thế nào cho công minh, chọn đúng SV có kiến thức, nghiệp vụ; các đơn vị tuyển dụng phải có nhu cầu chọn người giỏi...Làm được tất cả những việc ấy tôi tin là chuyện tiêu cực, chạy chọt sẽ không còn đất để mà tồn tại.

P.V: Xin cảm ơn những ý kiến đóng góp như là sự hiến kế của ông trong tháo gỡ khó khăn về đào tạo và tuyển dụng! □

N.T.T.H



BIẾN NHU CẦU CỦA THỊ TRƯỜNG THÀNH NĂNG LỰC CỦA NGƯỜI HỌC

✍ NGUYỄN THỊ THÚY HỒNG (thực hiện)

Trong bối cảnh của sự phát triển mạnh mẽ hệ thống các trường đại học và cao đẳng, thì nhiều trường hiện đang phải đối mặt với thách thức về cạnh tranh hàng đầu định vị thế của mình, đồng thời đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho xã hội. Khó khăn hơn cả vẫn là những trường đại học mang tính đặc thù (khối kỹ thuật, nghệ thuật). Làm gì để giải bài toán khó trong cải thiện chất lượng, duy trì sự phát triển của nhà trường, để tránh lãng phí trong đào tạo? CTV Bản tin ĐHH đã có cuộc trò chuyện với PGS.TS Lê Văn An-Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm – Đại học Huế, một trường có bước đột phá trong đào tạo nguồn lực cho nhà nông, hướng đến thực hiện Nghị quyết của BCH Trung ương khóa 9 về nông nghiệp, nông thôn và nông dân.



PGS.TS Lê Văn An

P.V: Thưa PGS.TS Lê Văn An, những năm qua, đề cập đến đổi mới giáo dục đại học, các trường đều quán triệt phương châm đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội. Thế nhưng kết quả thì ở trường này hay trường khác, ngành này hay ngành khác, kể cả trong cùng một ngành nhưng ở thời điểm này hay thời điểm khác lại không giống nhau. Ý kiến của ông như thế nào về vấn đề này?

PGS.TS Lê Văn An: Đúng như vậy. Tôi cho rằng, tất cả các trường đại học, cao đẳng đều mong muốn thu hút được người học. Tuy nhiên, bước đi của từng trường thì không phải hoàn toàn giống nhau, vì mỗi trường có một hoàn cảnh, một đặc thù, một đối tượng người học riêng. Chỉ có một vấn đề trường nào cũng có chung một mong muốn là sao cho sinh viên khi được đào tạo ở trường mình ra có việc làm thì vẫn luôn là bài toán nan giải.

P.V: Vâng, đã tới lúc không chỉ chú tâm đến chất lượng đầu vào mà còn phải đặc biệt chú ý đến chất lượng đầu ra, nghĩa là làm sao sản phẩm do nhà trường đào tạo được thị trường lao động tiếp nhận. Theo như chúng tôi được biết thì các trường đại học đào tạo nguồn nhân lực cho nhà nông một thời gian khá dài trước đây từng khó khăn trong thu hút người học, nếu không nói là thiếu vắng người học. Nhận xét này có còn phù hợp ở thời điểm này hay không, thưa ông?

PGS.TS Lê Văn An:

Đúng là khoảng vài ba năm trước đây thì dù có cố gắng lắm, Trường ĐH Nông Lâm – Đại học Huế cũng chỉ đảm bảo được 2/3 chỉ tiêu được giao. Nhưng mùa tuyển sinh năm nay, Trường ĐH Nông Lâm vươn lên lại đạt tỷ lệ tuyển sinh cao thứ hai của Đại học Huế (chỉ sau Trường ĐH Y Dược – Đại học Huế). Năm học này trường đã đón nhận 2.383 SV khóa 49 (đạt gần 100% chỉ tiêu) nâng quy mô của trường lên 9262 SV với 30 ngành và chuyên ngành đào tạo đại học.

P.V: Bằng cách nào mà nhà trường có thể “xoay” được tình thế trong thu hút người học, ở một bối cảnh cạnh tranh quyết liệt như hiện nay?

PGS.TS Lê Văn An: Chất lượng đào tạo là sự sống còn, là uy tín của nhà trường. Từ sự xác định như vậy, Trường ĐH Nông Lâm đã chọn 2 đích ngắm cần đạt đến trong năm học này và những năm tiếp theo: một mặt vừa thu hút người học, mặt khác, quan tâm đến số lượng và tỷ lệ sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường có việc làm và làm việc đúng với ngành nghề đào tạo. Hai mục đích này vừa đảm bảo quyền lợi cho nhà trường, vừa đảm bảo quyền lợi cho người học; trong đó, quyền lợi cho người học ngày càng được coi trọng và hoàn thiện hơn.

P.V: Vấn đề ông vừa đặt ra quả là rất thuyết phục. Nhưng quan trọng vẫn là cách làm đưa tới hiệu quả trông thấy. Xin ông vui lòng cho biết rõ hơn về cách

giải quyết vấn đề một cách rât ráo, có hiệu quả trong thu hút người học?

PGS.TS Lê Văn An:

Thường thì vào đầu năm học, các trường lập các đoàn tư vấn tuyển sinh đi tới chỗ này, chỗ kia để tư vấn, cung cấp thông tin cho thí sinh về quyền lợi của người học ở trường mình. Tôi cho rằng thu hút người vào trường mình là việc cần làm nhưng đó cũng mới chỉ là được về phía mình, phía trường chứ chưa hẳn là đã đảm bảo được quyền lợi cho người học. Phân định được rạch ròi như vậy, trong 3 năm vừa rồi, chúng tôi đã lập kế hoạch cụ thể, xem đối tượng nào là đối tượng tiếp nhận SV của nhà trường, lập danh sách rồi tìm hiểu về khả năng tiếp nhận SV của các doanh nghiệp đó. Đặt vấn đề với từng doanh nghiệp để xem họ có cần tuyển lao động ở các ngành nghề mà trường đào tạo không? Cần tuyển vào thời điểm nào? Tiếp đó, trường mời



Lãnh đạo trường tham quan giờ thực hành của SV ngành nông học.



Thực hành chiết xuất VANILLA từ quả vanila khô

họ đến để phỏng vấn sinh viên và trường tiếp thu những ý kiến đánh giá của họ về SV. Trường đã thường xuyên liên kết, trao đổi với 50 doanh nghiệp để nắm bắt thông tin phản ánh của họ xem SV của mình có những ưu điểm, hạn chế gì. Nếu là những ưu điểm thì để phát huy và đặt vấn đề gửi gắm, còn nếu là hạn chế, chẳng hạn SV còn khiếm khuyết ở mặt nào: kiến thức hay kỹ năng hay thái độ thì cần phải tiếp tục bổ trợ thêm. Chương trình môn học phải gắn kết với thực tế của nhà nông, xem 120 tín chỉ đã phủ hết chương trình của người học chưa. Phải tổ chức cho SV rèn luyện tay nghề trong thực tiễn SX. Hai năm trở lại đây, nhân các ngày kỷ niệm thành lập, các khoa đều mời doanh nghiệp về và tổ chức ngày hội việc làm để giao lưu với SV, phát học bổng cho SV. Nhiều SV tỏ ra phấn khởi khi được một số Công ty như Công ty TNHH De Heus, Cty CP Chăn nuôi CP Việt Nam; Cty CP GreenfeedVn, Cty TNHH CARGILLVn... cho biết, mức lương khởi điểm sau khi tốt nghiệp được vào làm các công ty là 7 triệu. Có những quản trị viên là cựu SV của trường nay thành đạt tới nói chuyện làm SV càng thêm tin tưởng ở sự lựa chọn, định hướng nghề nghiệp của mình. Sự kết nối giữa

nhà trường với xã hội, doanh nghiệp có ảnh hưởng rất lớn tới tâm lý người học. Chính vì vậy mà cả 22 ngành đào tạo SV của trường đều được tuyển dụng hết. Có những ngành như Chăn nuôi thú y, Thủy sản, Khuyến nông không có đủ sinh viên để cung cấp.

Trong thời gian qua, chúng tôi tập trung rất nhiều vào nhu cầu của thị trường lao động và phát triển năng lực của người học. Nhờ sự giúp đỡ của các trường ĐH ở Hà Lan (có mối quan hệ gần gũi), thông qua các chương trình hướng nghiệp của Bộ chúng tôi biết cách xây

dựng thị trường lao động để biến nhu cầu của thị trường thành năng lực của người học.

P.V: Biến nhu cầu của thị trường thành năng lực của người học-một khái niệm rất mới và ấn tượng khi nói về đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội. Vậy, ông có thể cho biết dựa vào những tiêu chí nào để có thể xác định được năng lực của người học?

PGS.TS Lê Văn An: Năng lực SV đào tạo trong nhà trường được thể hiện trên 3 tiêu chí: Một là: Kiến thức trong lĩnh vực chuyên môn đào tạo; Hai là: kỹ năng vận dụng các kiến thức chuyên môn đó trong thực tiễn; Ba là: Thái độ của SV khi đã tự nguyện học tập trong lĩnh vực chuyên môn của mình. Thái độ yêu quý nghề nghiệp sẽ biến kiến thức, kỹ năng của SV thành hiện thực phục vụ cho sự phát triển của xã hội. Giáo viên vừa là người hướng dẫn truyền đạt khoa học. vừa là trọng tài để đánh giá năng lực, kết quả học tập của SV một cách chính xác và công minh. Bên cạnh đổi mới chương trình, phương pháp dạy và học cũng phải được cải tiến. Các em SV bên cạnh sự phấn đấu, chăm chỉ học tập rèn luyện, còn có quyền được học và đánh giá năng lực một cách khách quan.

P.V: Xin cảm ơn ông! □

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ HƯỚNG ĐẾN XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THEO ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU

✍️ **Th.S NGUYỄN BÁ TƯỜNG**

Phó Trưởng phòng TCHC - Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế



PGS.TS Trần Văn Hòa - Hiệu trưởng nhà Trường (giữa) trao bằng khen, tặng hoa chúc mừng các Cán bộ Giáo viên và Sinh viên đạt thành tích cao trong Nghiên cứu Khoa học

Trong hơn 45 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế đã không ngừng nâng cao chất lượng về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các dịch vụ khác nhằm hướng tới mục tiêu trở thành một cơ sở đào tạo đa ngành, một trung tâm nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ về lĩnh vực kinh tế và quản lý đạt chuẩn quốc gia; một số ngành đào tạo trọng điểm đạt chuẩn quốc tế đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng, trình độ cao phục vụ sự nghiệp phát

triển kinh tế - xã hội của khu vực và cả nước, Trường Đại học Kinh tế luôn coi trọng vấn đề nâng cao chất lượng toàn diện trên tất cả các mặt hoạt động. Vị thế và uy tín của Nhà trường ngày càng được nâng cao.

Nâng cao chất lượng đội ngũ, hướng đến xây dựng Trường đại học theo định hướng nghiên cứu.

Con người được coi là một "tài nguyên đặc biệt" trong sự phát triển của bất kỳ một quốc gia hay tổ chức nào. Bởi vậy việc phát triển con



Kỷ niệm Ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11

người, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực được xác định vấn đề trung tâm mang tính cốt lõi trong quá trình xây dựng và phát triển Trường Đại học Kinh tế.

Khi mới thành lập vào năm 2002, đội ngũ cán bộ, giảng viên của Trường chỉ có 81 người, trong đó có 56 cán bộ giảng dạy thì đến năm 2015, đội ngũ cán bộ, giảng viên của Trường đã là 327 người với 218 cán bộ giảng dạy. Trong các giai đoạn 2002 – 2010 và 2010 – 2015, tốc độ tăng trưởng bình quân về đội ngũ cán bộ giảng dạy đạt các mức tương ứng là 16,03%/năm và 11,02%/năm.

Song song với việc phát triển về số lượng, Nhà trường luôn chú trọng đến vấn đề nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo mọi điều kiện thuận lợi để cán bộ, giảng viên đi học tập và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Năm 2005, số lượng giảng viên đạt trình độ sau đại học của Trường chỉ có 47 cán bộ thì đến cuối tháng 11/2015 đã có 149 cán bộ, nâng tỷ lệ giảng viên có trình độ sau đại học từ 39,50%

năm 2005 lên 68,35% năm 2015. Hiện nay, Trường có 78 cán bộ, giảng viên đang đi học sau đại học ở các cơ sở đào tạo có uy tín trong và ngoài nước, trong đó có 39 cán bộ được cử đi đào tạo nghiên cứu sinh. Theo kế hoạch học tập đến năm 2020, trong số cán bộ, giảng viên đang đi học chương trình tiến sĩ sẽ nhận bằng tốt nghiệp là 31 người, góp phần tích cực trong việc nâng cao chất lượng đội ngũ của Trường. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ giảng dạy có chức danh Phó Giáo sư đã tăng lên nhanh chóng, năm 2007 Trường chỉ có 02 PGS thì đến nay đã có 12 PGS. Bình quân trong giai đoạn 2005 – 2015, số lượng giảng viên có trình độ sau đại học tăng 13,85%/năm, trong đó trình độ tiến sĩ tăng 14,08%/năm và thạc sĩ tăng 3,77%/năm. Phần lớn cán bộ, giảng viên của Trường Đại học Kinh tế được đào tạo ở các nước có nền giáo dục tiên tiến như: Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Đức, Hà Lan, Bỉ, Nauy, Úc, New Zealand, Nhật Bản, Hàn Quốc... Nhờ đó, Trường có một đội ngũ giảng viên năng lực chuyên môn tốt, có

khả năng liên kết đào tạo, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế. Hiện nay, có hơn 70% giảng viên trong đội ngũ cán bộ giảng dạy của Trường có đủ trình độ ngoại ngữ để làm việc trực tiếp với chuyên gia nước ngoài.

Xây dựng chương trình đào tạo tiên tiến

Liên kết với các trường đại học danh tiếng trên thế giới để xây dựng các Chương trình đào tạo tiên tiến, có đẳng cấp quốc tế là một xu thế mới trong quá trình hội nhập hiện nay.

Năm 2011, theo Quyết định số 220/QĐ-BGDĐT ngày 11/01/2011, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế được Bộ Giáo dục và Đào tạo lựa chọn tham gia thực hiện chương trình tiên tiến theo Đề án “Đào tạo theo Chương trình tiên tiến tại một số trường đại học của Việt Nam giai đoạn 2008 – 2015” ban hành theo QĐ số 1505/QĐ-TTg ngày 15/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ.

Trên cơ sở đó, Trường Đại học Kinh tế đã hợp tác với Đại học Sydney, Australia – trường đại học đã được xếp hạng thứ 45 trên toàn cầu năm 2015 (theo US NEWS) để thực hiện hợp tác đào tạo cử nhân song ngành Kinh tế Nông nghiệp – Tài chính, với đội ngũ giảng dạy là các giáo sư của Đại học Sydney và các giảng viên có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn cao của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế.

Mục tiêu của Chương trình là đào tạo nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, đạt tiêu chuẩn của khu vực và quốc tế về lĩnh vực Kinh tế Nông nghiệp – Tài chính nhằm cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế trong điều kiện hội nhập.

Đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học

Nhận thức được xu thế hội nhập quốc tế một cách sâu rộng trong lĩnh vực giáo dục, Trường Đại học Kinh tế đã chủ động thiết lập quan hệ hợp tác chặt chẽ với nhiều trường đại học, viện nghiên cứu ở nhiều nước trên thế giới và các tổ chức quốc tế trong việc thực hiện các dự án

hợp tác nghiên cứu. Điển hình các dự án nghiên cứu như: “Nâng cao năng lực tiếp cận các dịch vụ kinh doanh nông nghiệp cho các nông hộ ở miền Trung Việt Nam”, hợp tác với Đại học Lincoln, New Zealand do AusAID tài trợ. Đây cũng là dự án được tổ chức tài trợ đánh giá là thành công nhất trong chương trình CARD của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Việt Nam; dự án “Nghiên cứu tác động tích hợp về sức khỏe, kinh tế, và xã hội của các thảm họa: Bằng chứng phương pháp và công cụ” do Ủy ban châu Âu tài trợ; “Biện pháp thích ứng với các hiện tượng thời tiết khắc nghiệt của các cộng đồng và tổ chức địa phương khu vực Đông Nam Á”, dự án xuyên quốc gia do EEPSEA tài trợ; dự án “Đánh giá chương trình thí điểm thanh toán dịch vụ môi trường rừng ở Việt Nam và đề xuất chính sách cho Lào và Campuchia”, do Viện Môi trường Stockholm - châu Á tài trợ; dự án “Xây dựng năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu khu vực Đông Nam Á”, do Trung tâm Nghiên cứu phát triển quốc tế (IDRC), Canada, tài trợ.

Thông qua các hoạt động hợp tác nghiên cứu, đã có hàng trăm lượt giáo viên của Trường được cử đi đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ, trao đổi học thuật ở nhiều nước trên thế giới. Đồng thời, đã có hàng trăm lượt chuyên gia các nước trên thế giới đến trao đổi học thuật, hợp tác nghiên cứu và giảng dạy cho sinh viên. Điều đó đã góp phần tích cực trong việc nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà trường. Hiện nay, nhiều cán bộ, giảng viên của Trường là thành viên của các mạng lưới nghiên cứu quốc tế như: Chương trình kinh tế môi trường Đông Nam Á (EEPSEA), Hiệp hội các nhà kinh tế học tài nguyên môi trường châu Âu (EAERE), Hiệp hội các nhà kinh tế học tài nguyên môi trường Đông Nam Á (EAAERE), Mạng lưới nghiên cứu phát triển bền vững khu vực Mekong (SUMERNET)... □



TRUNG TÂM Y HỌC GIA ĐÌNH CẦU NỐI GIỮA Y TẾ CƠ SỞ VÀ TUYẾN TRÊN

ÁI HỮU



Sáng 10/12, Trường ĐHY Dược – Đại học Huế đã tổ chức Lễ khánh thành Trung tâm Y học gia đình (YHGD) tại địa chỉ 51 Nguyễn Huệ, TP. Huế. Dự lễ có PGS.TS. Lê Trọng Ngọc, nguyên Thứ trưởng Bộ Y tế, Chủ tịch Hội Bác sĩ gia đình Việt Nam; Ông Nguyễn Thái Sơn, UVTW, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh

ủy; PGS.TS.Nguyễn Dung, Phó Chủ tịch UBND tỉnh; PGS.TS. Nguyễn Văn Toàn, Giám đốc Đại học Huế; các giáo sư là chuyên gia đầu ngành đến từ Đại học Boston Hoa Kỳ; Đại học Gent, Vương quốc Bỉ.

Trung tâm YHGD được khởi công xây dựng vào tháng 11/2013 với sự tài trợ của tổ



Đội ngũ y bác sĩ tại Trung tâm Y học gia đình

chức Atlantic Philanthropies, đến nay, Trung tâm đã đi vào hoạt động với cơ sở vật chất và hệ thống trang thiết bị tiên tiến. Với sự hỗ trợ kỹ thuật từ Đại học Boston Hoa Kỳ và khối các đại học Bi, đào tạo đội ngũ cán bộ có năng lực chuyên môn trong chuyên ngành Y học Gia đình, Trung tâm YHGD sẽ là nơi cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe toàn diện và liên tục cho người bệnh, giúp phòng bệnh và sàng lọc, phát hiện sớm, phối hợp với các chuyên khoa giúp điều trị bệnh hiệu quả và tư vấn, chăm sóc sau khi xuất viện; cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe giảm nhẹ, phục hồi chức năng và chăm sóc suốt đời.

Trung tâm cũng là nơi đào tạo bác sĩ gia đình cho khu vực miền Trung – Tây Nguyên, được phát triển như một mô hình kiểu mẫu của hình thức kết hợp chăm sóc sức khỏe ban đầu và chăm sóc chuyên khoa. Trong thời gian qua, Trường ĐH Y Dược - ĐHH đã đào tạo một đội ngũ bác sĩ chuyên khoa cấp 1 về YHGD, đến nay đã có 168 học viên tốt nghiệp, cung ứng một lực lượng cán

bộ có trình độ chuyên môn cao cho tuyến y tế cơ sở trong khu vực.

Là một trong những đơn vị được Bộ Y Tế chọn triển khai thí điểm về đào tạo và triển khai hệ thống Bác sĩ gia đình cho khu vực miền Trung và Tây Nguyên, Trường ĐH Y Dược xác định đây là mô hình điểm để Nhà trường vừa làm công tác đào tạo vừa làm công tác chuyển giao kỹ thuật đồng thời cũng là nơi sẽ triển khai các hoạt động liên quan đến Bác sĩ gia đình trong hệ thống chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân.





PGS.TS. Nguyễn Văn Toàn, Giám đốc Đại học Huế và GS.TS. Cao Ngọc Thành, Hiệu trưởng Trường ĐHYD tặng hoa và quà lưu niệm cho các giáo sư đầu ngành y học gia đình của Đại học Boston, Hoa Kỳ và Đại học Gent, Bỉ.

GS. Anselme Derese, Trưởng Dự án 4 – Chương trình VLIR – IUC

Tôi rất vinh dự là đại diện và với vai trò lãnh đạo dự án khối Flemish bao gồm các Dự án hợp tác VLIR giữa bốn trường đại học nói tiếng Hà Lan tại Bỉ, Đại học Gent và các trường đại học Leuven, Antwerp và Brussels, xin chúc mừng lễ Khánh thành Trung tâm YHGD – Trường ĐHYD.

Tôi hiểu có rất nhiều nỗ lực để có được sự ra đời của Trung tâm Y học Gia đình và chúng ta có thể xem đây là cột mốc quan trọng trong sự phát triển của hệ thống y tế tại Việt Nam, trong công tác giáo dục và đào tạo bác sĩ cho tương lai của đất nước. Đây không chỉ là một tòa nhà đẹp, trang bị tốt, với nhiều tiện ích mà là một mô hình được mọi người yêu thích. Cũng giống như các nước phát triển khác trên thế giới, chúng ta sẽ sớm thấy được mô hình Trung tâm YHGD này sẽ là cầu nối lấp nhiều khoảng trống hiện tại giữa y tế cơ sở và tuyến trên, giữa các bác sĩ đa khoa và chuyên khoa, giữa chăm sóc ban đầu và dịch vụ tại bệnh viện, y tế giữa đô thị và nông thôn.

Chúng tôi rất vui mừng vì lãnh đạo Trường đã hiểu tầm quan trọng của sự phát triển này để từ đó tạo điều kiện cho các bác sĩ gia đình, các bác sĩ chăm sóc ban đầu và các bác sĩ chuyên khoa có hệ thống làm việc và phối kết hợp chặt chẽ với nhau. Sự hình thành Trung tâm YHGD là một bước đi trước về một mô hình bao gồm các hoạt động chăm sóc sức khỏe, đào tạo, nghiên cứu khoa học và đã thu hút nhiều cán bộ, ở đây số lượng cán bộ mới nhiều nhất trong các trường y khoa tại Việt Nam.

Y học gia đình là một ngành mới, gần như ở khắp mọi nơi trên thế giới, nó vẫn đang xác định phạm vi và giá trị của nó, ở nơi đâu có mặt của y học gia đình nơi đó có được số dân khỏe cao, điều này đã được chứng minh hơn 10 năm trước đây.

Là đại diện của một số đối tác quốc tế, tôi xin chúc mừng quý vị và đảm bảo với quý vị về những cam kết của chúng tôi để mang đến một sự trợ giúp tốt, giúp cán bộ trẻ của quý vị nâng cao năng lực và tăng cường hệ thống chăm sóc sức khỏe để không chỉ phục vụ cho người dân trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế mà còn của cả khu vực miền Trung, Tây Nguyên.

(Trích phát biểu tại Lễ khánh thành Trung tâm YHGD)

Chuyên gia Jeff Markuns, Giám đốc điều hành của BUFM Global Health Collaborative, Khoa Y học Gia đình, Đại học Boston

Hôm nay tôi rất vui mừng được ở đây tham dự lễ khánh thành Trung tâm YHGD Trường ĐHYD – Đại học Huế. Cách đây hơn 20 năm, khi các dự án y học gia đình khởi sự từ hợp tác ban đầu giữa các bác sĩ gia đình Hoa Kỳ và các cấp lãnh đạo tại Việt Nam với mong muốn nhìn thấy các thay đổi và cải tiến trong chăm sóc ban đầu, họ đã mơ ước đến sự thành công của mô hình này. Và hôm nay, Trung tâm YHGD Huế đem đến sự hiện thực của ước mơ đó. Chúng tôi từ Đại học Boston rất tự hào đóng góp, hỗ trợ trong thành công này. Hơn 10 năm qua, chúng tôi đã xây dựng một quan hệ đối tác mạnh mẽ và lâu dài với Trường Đại học Y Dược – Đại học Huế, nơi mà chúng tôi thấy được sự cam kết và cống hiến cho các ý tưởng phát triển một mô hình mới và sáng tạo nhằm cải thiện chăm sóc sức khỏe tuyến cơ sở tại Việt Nam.

Tôi xin cảm ơn tổ chức Atlantic Philanthropies đã kiên nhẫn đeo đuổi và cam kết hỗ trợ dài hạn cho sự phát triển này. Những biến đổi trong hệ thống y tế không xảy ra trong vài tháng hoặc vài năm mà nó sẽ xảy ra trong nhiều thập kỷ. Các lãnh đạo của tổ chức Atlantic Philanthropies đã chứng minh tầm nhìn sâu sắc hiếm có giữa những người ủng hộ các chương trình y tế toàn cầu trong việc hỗ trợ các chương trình phát triển y học gia đình trong thập kỷ qua.

Không chỉ là tòa nhà này mà người bệnh đến với Trung tâm sẽ thấy được những ý tưởng và sáng kiến bên trong. Tòa nhà mới này không chỉ đơn thuần là cơ sở hạ tầng và trang thiết bị đầy đủ mà những người đeo đuổi công việc ở đây hướng tới một tầm nhìn mới cho chăm sóc sức khỏe tại Việt Nam. Họ phấn đấu để tạo ra và chứng minh một mô hình mới về chăm sóc, nơi bệnh nhân là quan trọng hơn, nơi mà bệnh nhân tin tưởng vào các thầy thuốc. Họ tìm kiếm một điểm đến đầu tiên toàn diện cho chăm sóc y tế, nơi mà các bác sĩ gia đình và các cán bộ phối hợp của họ có thể giải quyết ít nhất 80% những vấn đề sức khỏe và bệnh nhân không cần đi một nơi khác hoặc đến bệnh viện. Các bác sĩ ở đây sẽ nói chuyện với khách hàng để tìm hiểu thêm về cá nhân, gia đình, cộng đồng và xác định những bước tiếp theo khách hàng sẽ đi để có thể ngăn ngừa các bệnh về sau.

(Trích phát biểu tại buổi Lễ khánh thành Trung tâm YHGD)

KÝ VĂN BẢN HỢP TÁC VỚI ỦY BAN Y TẾ THÁI LAN VÀ NHẬN ĐĂNG CẠI HỘI NGHỊ ASEAN LẦN THỨ HAI VỀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG Y TẾ HƯỚNG ĐẾN PHÁT TRIỂN ASEAN BỀN VỮNG



GS.TS Hiệu trưởng Cao Ngọc Thành tại lễ ký kết văn bản hợp tác với Ủy Ban Y tế Thái Lan

Ngày 25/11, trong khuôn khổ Hội nghị ASEAN lần thứ nhất về Đánh giá tác động y tế hướng đến phát triển ASEAN bền vững tổ chức tại Phitsanulok, Thái Lan, Trường Đại học Y Dược - Đại học Huế đã ký kết văn bản hợp tác với Ủy ban Y tế Thái Lan. Nội dung hợp tác bao gồm trao đổi giảng viên, phát triển khung chương trình và tổ chức các hoạt động giáo dục đào tạo, tiến hành các nghiên cứu chung, đồng tổ chức các hội nghị, hội thảo, seminar, đồng thời thúc đẩy hợp tác của các tổ chức và cá nhân trong các lĩnh vực liên quan ở cả hai nước.

Tại buổi làm việc với Tổng Thư ký Ủy ban Y tế Thái Lan, TS. Amphon Jindawatthana và Chủ tịch Ủy ban Đánh giá các tác động về y tế, TS. Wiput Phoolchareon, GS. Cao Ngọc Thành, Hiệu trưởng Nhà trường đánh giá cao vai trò của Ủy ban Y tế Thái Lan trong việc thúc đẩy các hoạt động khoa học và đào tạo trong lĩnh vực y tế của khu vực ASEAN. Trường Đại học Y Dược cam kết thực hiện tốt các điều khoản trong văn bản hợp tác và sẽ thành lập Văn phòng đại diện của Ủy ban Y tế Thái Lan tại Trường để thúc đẩy các hoạt động hợp

tác. Hai bên cũng thống nhất sẽ tổ chức một Hội thảo phát triển đề cương chi tiết vào tháng 2 năm 2016 tại Huế để xây dựng kế hoạch hoạt động và thúc đẩy triển khai các hoạt động hợp tác cụ thể trong một số lĩnh vực ưu tiên.

Tại Hội nghị, sau khi nhận được sự đồng thuận từ Ban Tổ chức và từ Ủy ban Y tế Thái Lan và đại diện các nước tham gia, Trường Đại học Y Dược - Đại học Huế đã nhận quyền đăng cai Hội nghị ASEAN lần thứ hai về Đánh giá tác động y tế hướng đến phát triển ASEAN bền vững sẽ được tổ chức vào tháng 4 năm 2017 tại Huế. Lãnh đạo Nhà trường đã phát biểu cảm ơn Ban tổ chức Hội nghị, đồng thời gửi lời mời đến các đoàn đại biểu các nước ASEAN tham dự Hội nghị ASEAN lần thứ hai, đồng thời tham dự Lễ kỷ niệm 60 năm thành lập Trường Đại học Y Dược và thăm thành phố Huế - thành phố của di sản và Festival.

Cũng trong khuôn khổ chuyến làm việc tại Thái Lan, ngày 24/11, đoàn công tác đã



*Lễ ký Biên bản ghi nhớ hợp tác giữa Trường Đại học Y Dược - Đại học Huế
và Đại học Navamindradhiraj, Bangkok, Thái Lan*

đến làm việc và ký biên bản ghi nhớ với Đại học Navamindradhiraj, Bangkok, Thái Lan. Tham gia buổi làm việc có đại diện chính quyền thành phố Bangkok, nguyên Đại sứ Thái Lan tại Việt Nam, Ban Giám đốc Đại học Navamindradhiraj và Ban Giám đốc Bệnh viện Vajira, Bangkok, cùng lãnh đạo các khoa, phòng của Đại học và Bệnh viện. Tại buổi tiếp, Giám đốc Đại học Navamindradhiraj, TS. Bhichit Rattakul (nguyên Thị trưởng thành phố Bangkok), đánh giá cao vị thế của Nhà trường trong đào tạo Y Dược tại Việt Nam và bày tỏ mong muốn hợp tác trong lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu khoa học. Cụ thể, phía Đại học Navamindradhiraj sẽ trao một số suất học bổng sau đại học cho cán bộ Trường Đại học Y Dược trong các lĩnh vực Y, Dược và Điều dưỡng, đồng thời mong muốn Nhà trường sẽ tiếp nhận các giảng viên, sinh viên của Đại học Navamindradhiraj sang hợp tác nghiên cứu, thực tập, trao đổi kinh nghiệm. Đoàn cũng đã được TS. Prayuth Siriwong, Trưởng khoa Y, Phụ trách Bệnh viện Vajira, giới thiệu tham quan một số khoa tại Bệnh viện và đề xuất các hợp tác với Bệnh viện Đại học Y Dược Huế.

Phát biểu tại buổi lễ ký kết biên bản ghi nhớ, GS. Cao Ngọc Thành đánh giá cao vai trò

của các đại học Thái Lan và mong muốn hợp tác chặt chẽ với Đại học Navamindradhiraj và Bệnh viện Vajira, Bangkok. Các chương trình hợp tác bao gồm trao đổi giảng viên, sinh viên; hợp tác nghiên cứu khoa học; tổ chức các hội nghị, hội thảo. Trong đó chú trọng việc Trường Đại học Y Dược sẽ tiếp nhận các nhóm sinh viên Đại học Navamindradhiraj sang thực tập tại Trường và Bệnh viện trường bắt đầu từ năm 2016, đồng thời tổ chức các hội thảo chuyên đề để các nhóm chuyên gia từ Đại học Navamindradhiraj và Bệnh viện Vajira, Bangkok sang tập huấn, chuyển giao kỹ thuật cho cán bộ và học viên, sinh viên Trường Đại học Y Dược - Đại học Huế.

Cũng trong dịp này, sáng ngày 26/11, tại Đại học Thammasat, Thái Lan, Hiệu trưởng Trường ĐHYD đã chứng kiến Lễ ký kết biên bản ghi nhớ của hai Khoa Y tế công cộng thuộc hai đại học. Khoa Y tế Công cộng Đại học Thammasat đã đồng ý cấp một số học bổng sau đại học chuyên ngành sức khỏe nghề nghiệp và sức khỏe môi trường cho cán bộ của Trường Đại học Y Dược - Đại học Huế. □

Theo Trường ĐHYD

9 năm - MỘT CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO THẠC SĨ QUỐC TẾ

✍ PGS.TS.LÊ VĂN AN

Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm Điều phối chương trình



Giám đốc Đại học Huế và Giám đốc Đại học Okayama ký kết văn bản hợp tác giữa hai trường

Chương trình liên kết đào tạo Thạc sĩ quốc tế về “**Sự bền vững các hệ thống nông thôn và môi trường**” giữa Đại học Huế và Đại học Okayama, Nhật Bản đã được 9 năm. 9 năm của một chương trình đào tạo chưa phải là dài nhưng đối với một chương trình liên kết đào tạo quốc tế thì rất đáng ghi nhận. Đây là thời điểm để nhìn lại những thành công, thất bại từ đó làm bài học cho sự phát triển tiếp theo trong giai đoạn tới cũng như cho sự hợp tác quốc

tế hiện nay của Đại học Huế nói riêng hay các trường Đại học ở Việt Nam nói chung.

Vào năm 2005, Giáo sư Koji Tanaka, Phó Giám đốc của Đại học Okayama dẫn đầu đoàn cùng các giáo sư của Đại học Okayama đến Huế thăm và làm việc với Trường Đại học Nông Lâm. Lúc này, ở Đại học Okayama chỉ có một nghiên cứu sinh người Việt Nam đang học tập tại đây. GS Tanaka và đoàn công tác đã làm việc với Trường Đại học Nông Lâm và đi thăm một số

địa phương ở tỉnh Thừa Thiên Huế. Đoàn đã có ấn tượng với một trường đại học nông nghiệp ở Việt Nam đang đào tạo phục vụ sự phát triển nông thôn và nông nghiệp. Việt Nam đang có những bước tiến đáng kể trong sản xuất nông nghiệp, xoá đói giảm nghèo và phát triển nông thôn.

Sau chuyến công tác đó, tháng 10 năm 2016, Giáo sư Kyoza Chiba, Giám đốc Đại học Okayama đã dẫn đầu đoàn công tác sang Huế, làm việc với Đại học Huế và ký văn bản ghi nhớ hợp tác giữa hai trường Đại học. Bản ghi nhớ với Đại học Huế nhằm huy động nguồn lực tốt hơn ở các trường đại học thành viên của Đại học Huế cho việc triển khai chương trình hợp tác giữa hai đại học sau này. Ngay sau ký hợp tác ghi nhớ, Đại học Okayama đã đề xuất với Đại học Huế và Trường Đại học Nông Lâm hợp tác đào tạo Thạc sĩ về “Sự bền vững các hệ thống nông thôn và môi trường”. Có rất nhiều việc cần thảo luận và

triển khai để xây dựng một chương trình liên kết đào tạo thạc sĩ quốc tế.

Việc đầu tiên là xây dựng chương trình đào tạo. Làm sao tận dụng được chương trình đào tạo tiên tiến của đại học Nhật Bản mà phù hợp với nhu cầu, khả năng hợp tác của đại học Việt Nam là vấn đề được hai bên thảo luận. Nhóm các giáo sư Đại học Okayama đã thảo luận với Trường Đại học Nông Lâm và Ban Hợp tác quốc tế để đi đến thống nhất xây dựng chương trình đào tạo. Chương trình đào tạo được thiết kế gồm 2 giai đoạn, giai đoạn đầu là một năm học tại Huế và giai đoạn sau là một năm học tại Okayama. Trước khi chuyển sang Đại học Okayama, các học viên có 6 tháng để học tiếng Nhật và xây dựng hướng nghiên cứu. Khi hoàn thành khoá học, học viên được nhận bằng Thạc sĩ của Trường Đại học Okayama.

Chương trình liên kết đào tạo Thạc sĩ quốc tế về “Sự bền vững các hệ thống nông thôn và



Lễ Khai giảng tại Đại học Huế



Giáo viên Okayama giảng dạy tại Huế

môi trường” gồm 16 học phần, trong đó chia làm 2 chuyên ngành: Nông nghiệp và Môi trường. Trong 6 khoá đầu tiên, cả hai chuyên ngành đều học 5 học phần chung trong học kỳ đầu. Đến học kỳ thứ 2 được chia làm 2 nhóm tương ứng với 2 chuyên ngành đó. Học viên theo chuyên ngành Nông nghiệp học tiếp 6 học phần; học viên theo chuyên ngành Môi trường học 5 học phần khác. Từ khoá 7 trở đi, học viên của hai chuyên ngành đều phải học cả 16 học phần trong năm học thứ nhất tại Huế.

Ở mỗi học phần đều có ít nhất một giáo viên Đại học Okayama và một giáo viên của Đại học Huế cùng giảng dạy. Giáo viên của hai trường làm việc với nhau để xây dựng đề cương môn học (syllabus) và phân công nội dung giảng dạy cho mỗi bên. Các học phần bao gồm 2 nội dung là lý thuyết và thực hành ở phòng thí nghiệm hay đi thực tế. Thời gian đầu đòi hỏi giáo viên của hai trường phải thường xuyên trao đổi nội dung môn học với nhau. Tất cả các học phần đều do giáo viên của hai trường giảng dạy tại Huế, trong đó giáo viên Đại học Okayama giảng dạy liên tục trong thời gian 1 tuần đến 10 ngày, thời gian còn lại do giáo viên Đại học Huế đảm nhận. Mỗi học phần có thời lượng 2 tín chỉ, mỗi tín chỉ có thời gian giảng dạy là 30 giờ học.

Song song với việc xây dựng chương trình đào tạo là mở Văn phòng đại diện của Đại học

Okayama tại Huế. Với sự giúp đỡ của Đại học Huế, Văn phòng Okayama ở Huế đã được chính thức khai trương vào tháng 3 năm 2007. Văn phòng đã nhanh chóng chuẩn bị đầy đủ nội dung giảng dạy, phương tiện dạy học và các trang thiết bị văn phòng. Mỗi học viên được cung cấp một máy tính để học tập, hệ thống học qua mạng video conference system được trang cấp nhằm giúp giáo viên ở Okayama có thể trao đổi trực tiếp với học viên ở Huế.

Ngay sau khi có văn phòng và chương trình đào tạo, việc quảng bá và tuyển sinh để tổ chức khóa học đầu tiên được đặt ra. Làm thế nào để tuyển sinh được học viên trong cả nước, để làm tăng tính ảnh hưởng của chương trình và tạo sự đa dạng trong người học là rất quan trọng. Chương trình đào tạo đã được quảng cáo trên các báo phổ thông như Báo Thanh niên, Báo Tuổi trẻ; đồng thời nội dung chương trình được gửi đến trên 300 trường đại học, các tổ chức nghiên cứu, các địa phương, các công ty liên quan đến sinh học, nông nghiệp, môi trường trong cả nước để giúp người học và các cơ quan liên quan biết về chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết quốc tế này. Ngoài ra, chương trình còn tổ chức quảng bá tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

Khoá đầu tiên được tuyển sinh vào hè năm 2007. Mỗi khoá tuyển 8 học viên cho 2 chuyên



Học viên khóa 1



Học viên nghiên cứu tại Đại học Okayama

ngành đào tạo. Việc tuyển chọn học viên được tiến hành theo 2 bước. Bước một tuyển chọn dựa vào hồ sơ đăng ký. Tất cả các nội dung về hồ sơ của học viên đều được quy thành điểm để tuyển chọn. Từ số lượng 40 đến 50 hồ sơ mỗi năm, kết quả xét tuyển qua hồ sơ lựa chọn từ 16 đến 20 ứng viên có triển vọng nhất. Bước tiếp theo, các ứng viên có hồ sơ được lựa chọn tham gia thi tuyển trực tiếp bằng phỏng vấn để đánh giá trình độ chuyên môn và tiếng Anh. Điểm tổng cộng của 2 lần xét tuyển hồ sơ và thi phỏng vấn trực tiếp là cơ sở để lựa chọn 8 học viên xuất sắc nhất.

Vào tháng 9 hàng năm, khóa mới tuyển sinh tổ chức khai giảng. Trong suốt 9 năm qua, lần khai giảng nào cũng có mặt của Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Đại học Okayama sang tham dự. Buổi lễ khai giảng tổ chức rất nghiêm trang và được chuẩn bị chu đáo. Tân học viên là người được xếp vào vị trí trang trọng của buổi lễ. Các giáo viên của hai trường bắt tay ngay vào việc giảng dạy. Sau khi hoàn thành chương trình học tập năm đầu, các học viên được học Tiếng Nhật, do các giáo viên Trường Đại học Ngoại Ngữ, Đại học Huế và giáo viên Nhật Bản giảng dạy trong 6 tháng. Với vốn kiến thức tiếng Nhật học được, các học viên có đủ tự tin để học tập và sinh hoạt tại Nhật Bản.

Hàng năm vào cuối tháng 3, Văn phòng Đại học Okayama tại Huế chuyển 8 học viên sang học năm thứ 2 tại Đại học Okayama. Các học viên được Văn phòng Okayama làm thủ tục chứng nhận đã hoàn thành các môn học ở Đại học Huế để chuyển tiếp cho Đại học Okayama. Trong thời gian ở Đại học Okayama, học viên được phân công học tập và nghiên cứu tại các Phòng thí nghiệm chuyên môn. Ở đây, các giáo sư hướng dẫn làm việc cụ thể với từng học viên về đề tài nghiên cứu. Hàng tuần học viên phải chuẩn bị bài trình bày ở semina bộ môn. Với các phương tiện nghiên cứu đầy đủ, tài liệu học tập nghiên cứu sẵn có, học viên thường xuyên trình bày ở các semina nên kiến thức chuyên môn của học viên được nâng cao cả về lý thuyết, thực tế, tay nghề phòng thí nghiệm, cách viết bài báo khoa học và cách trình bày trong các semina.

Cho đến nay sau 9 khoá, chương trình đã đào tạo được 72 học viên, trong đó 56 học viên đã tốt nghiệp nhận bằng Thạc sĩ, 8 học viên sẽ tốt nghiệp vào tháng 3 năm 2016 và 8 học viên đang học tại Huế. Trong số 56 học viên tốt nghiệp đã có trên 50% học viên tiếp tục học Tiến sĩ tại Đại học Okayama và một số đại học khác ở Nhật Bản, Úc và Châu Âu. Nhiều học viên những khoá đầu đã hoàn thành chương trình Tiến sĩ và hiện nay đang giảng dạy ở Trường Đại học Nông Lâm – Đại học Huế, Đại học Cần Thơ và các cơ quan, tổ chức khác.

Trong 9 năm qua, Đại học Okayama cử trên 300 lượt giáo viên, cán bộ quản lý của Đại học Okayama đến Huế để giảng dạy. Các Giáo sư Giám đốc, Phó Giám đốc qua các giai đoạn của Đại học Okayama đều đã đến Huế. Trong thời gian ở Nhật Bản, học viên được nhận học bổng 80.000 Yên/tháng, vé máy bay đi về và bảo hiểm. Trường Okayama dành riêng một nhà ký túc xá



Lớp học ở hiện trường

cho 8 sinh viên của chương trình đến học trong suốt 9 năm qua. Có thể nói Đại học Okayama đã chi ra số lượng kinh phí rất lớn cho chương trình hợp tác liên kết đào tạo này.

Trong những lần đến Đại học Okayama, tôi có dịp được nhà trường tổ chức đến thăm các công ty, họ là những nhà tài trợ kinh phí cho chương trình. Để có chương trình hợp tác 10 năm (2007-2017) Đại học Okayama đã được 7 công ty lớn của Nhật Bản cam kết hỗ trợ tài chính, mỗi công ty hỗ trợ ít nhất cho 1 học viên cao học hàng năm. Nhiều công ty nơi tôi đến thăm, họ rất vui mừng đồng hành với Đại học Okayama trong chương trình này, vì họ nhận thấy việc hỗ trợ cho sinh viên Việt Nam học tập không chỉ để phát triển nguồn nhân lực mà còn kỳ vọng các học viên này sau khi tốt nghiệp từ Đại học Okayama sẽ trở thành các nhà khoa học, nhà quản lý, nhà kỹ thuật đóng góp cho sản xuất nông nghiệp, nông thôn và môi trường bền vững ở Việt Nam.

Còn một năm nữa là kết thúc giai đoạn 10 năm hợp tác. Khóa 10 sẽ được tuyển sinh vào hè năm 2016 này. Làm gì trong giai đoạn tới để duy trì và phát huy chương trình hợp tác đầy ý nghĩa và có hiệu quả như trong 10 năm qua là một câu hỏi đặt ra cho cả hai phía. Là người điều phối chương trình, tôi đã có những suy nghĩ và đề xuất cho giai đoạn hợp tác sau năm 2016. Một

mặt, tiếp tục duy trì chương trình hợp tác đào tạo thạc sĩ này. Mặt khác phát triển chương trình lên giai đoạn mới ở cấp độ liên kết đào tạo tiến sĩ. Ý tưởng này sẽ được hai trường thảo luận trong thời gian tới.

Nhìn lại chặng đường đi qua, chương trình hợp tác liên kết đào tạo thạc sĩ quốc tế về “Sự bền vững các hệ thống nông thôn và môi trường” giữa Đại học Okayama và Đại học Huế đã thu được nhiều kết quả, có thể nói ít có chương trình liên kết đào tạo nào ở các đại học Việt Nam có được như vậy. Từ những năm đầu chỉ có một sinh viên Việt Nam học tập tại Đại học Okayama năm 2005, hiện tại Đại học Okayama đang đào tạo cho Đại học Huế và các trường đại học Việt Nam 36 thạc sĩ và nghiên cứu sinh. Các sinh viên Việt Nam đã và đang được các giáo sư Nhật Bản đánh giá cao trong học tập và nghiên cứu. Kết quả này là bài học cho Đại học Huế và các trường Đại học thành viên trong việc xây dựng hợp tác nghiên cứu và đào tạo để khẳng định vị trí của mình trong xu hướng hội nhập quốc tế và phát triển hiện nay. □



Các học viên sinh sống ở Đại học Okayama



Họa sĩ Vũ Trung Lương

Họa sĩ

Vũ Trung Lương

NGƯỜI THẦY GIÁO TẬN TÂM VỚI SỰ NGHIỆP ĐÀO TẠO
VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGHỆ THUẬT

✍ PGS.TS PHAN THANH BÌNH

Họa sĩ Vũ Trung Lương (1925-2013), quê ở Bình Định, nguyên là hiệu trưởng Trường Cao đẳng Mỹ thuật Huế từ năm 1976 đến năm 1984. Giảng viên Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam từ 1967-1976. Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Mỹ thuật Huế. Viện trưởng Viện Mỹ thuật thuộc Viện VHNT Việt Nam (1984-1990). Chuyên gia mỹ thuật Việt Nam tại CHDCND Lào (1960-1962) và là Hội viên Hội Mỹ thuật Việt Nam, Ủy viên BCH Hội Mỹ thuật Việt Nam khóa (1983-1989).

Đối với họa sĩ Vũ Trung Lương, con đường đến với mỹ thuật bắt đầu khi ông 22 tuổi, đó là vào năm 1947 ông đã có cơ hội tham dự học khóa Mỹ thuật kháng chiến tại Liên khu V do họa sĩ danh tiếng Nguyễn Đỗ Cung hướng dẫn (1947-1948). Khóa học chỉ với 9 học viên từ các ty Thông tin các tỉnh Quảng Nam đến Khánh Hòa, trong đó có họa sĩ Vũ Trung Lương, cán bộ Trung đoàn 120 được cử đến học. Từ sau khóa học đó, ông trở thành họa sĩ – chiến sĩ tham gia các hoạt động tuyên huấn trong kháng chiến ở vùng tự do Liên khu V. Năm 1954, ông tập kết ra Bắc và được chọn là một trong số ít nghệ sĩ cách mạng sang làm chuyên gia mỹ thuật Việt Nam tại CHDCND Lào. Công việc đặc biệt và đòi hỏi trách nhiệm cao này kéo dài từ năm 1960 đến 1962. Tại đây ông có công trong việc dạy vẽ cho các cán bộ văn hóa và những người được phía bạn cử đi học vẽ, rồi tham gia tuyên truyền, vẽ tranh cổ động cổ vũ cuộc kháng chiến của nhân dân Lào và tuyên truyền vun đắp cho tình hữu nghị Việt-Lào. Sáng tác tranh và tổ chức triển lãm giới thiệu những cái

hay, cái đẹp và cuộc sống con người của hai dân tộc anh em. Sau đợt công tác 2 năm ở CHDCND Lào, họa sĩ Vũ Trung Lương vào học tại trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam khóa 1962-1966. Sau khi tốt nghiệp, ông được giữ lại làm giảng viên Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam cho đến khi chuyển về Huế nhận trách nhiệm mới.

Sau ngày đất nước thống nhất, là người con của miền Nam và cũng là họa sĩ, giảng viên có kinh nghiệm, uy tín của Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam, ông được Bộ Văn hóa cử vào làm Hiệu trưởng trường Cao đẳng Mỹ thuật Huế từ năm 1976. Ngay khi mới vào Huế, ông đã bắt tay tổ chức lại các lớp học với nhiều việc rất bề bộn sau khi chính quyền mới tiếp quản, đồng thời phải làm hết sức khéo léo, kiên trì và tinh tế. Xuất phát từ sự chân thành và trách nhiệm khi mời các giảng viên cũ của trường trở lại giảng dạy và kêu gọi sinh viên cũ của trường quay lại tích cực học tập, đồng thời tuyển sinh khóa mới của trường, khóa đầu tiên bậc đại học và trung học sau ngày đất nước thống nhất. Với sự vận động một cách chân thành, tình cảm và thể hiện rõ trách nhiệm cao của người Hiệu trưởng đầu tiên của nhà trường sau ngày đất nước hòa bình thống nhất, họa sĩ Vũ Trung Lương đã quy tụ được một đội ngũ giảng dạy là những họa sĩ, giảng viên đầy uy tín của trường CĐ Mỹ thuật Huế trước 1975 như các giảng viên Phạm Đăng Trí, Đỗ Kỳ Hoàng, Phan Xuân Sanh, Lê Hữu Nguyên, Tôn Thất Văn, Đinh Cường, Hồ Hoàng Đài, Tôn Nữ Tuyết Mai, Dương Đình Sang, Nguyễn Văn Đính, Nguyễn Đình Mão, Phan Thế Bình, Phan Hữu Lượng... Chính đội ngũ



Lễ buộc chỉ cổ tay Lào (Màu nước 1973)

giảng viên hùng hậu, có uy tín và trình độ, trách nhiệm cao quay lại làm việc, giảng dạy đã sớm giúp trường ổn định và góp nhiều trí lực, tài năng cho sự nghiệp đào tạo thế hệ họa sĩ mới. Đồng thời họa sĩ Vũ Trung Lương mời được nhiều họa sĩ miền Bắc vào tăng cường đội ngũ cho Trường CĐ Mỹ thuật Huế như các giảng viên Lê Hải Anh, Trương Bé, Phan Chi, Hồ Sĩ Ngọc, Nguyễn Quốc Thế, Phạm Đại, Nguyễn thị Mỹ và họa sĩ Nguyễn Phúc vào phụ trách thư viện...Nhiều sinh viên được họa sĩ Vũ Trung Lương chăm lo trong giai đoạn này về sau trở thành những họa sĩ, nhà quản lý, giảng viên có uy tín ở trường Đại học Nghệ thuật Huế như GV Hà Văn Chúc, Nguyễn Hiền, Trần Thanh Bình, Lê Văn Ba, Nguyễn Thành Long, Nguyễn Hồng Sơn, Nguyễn Đức Huy, Phạm Thị Tuyết, Lương Ánh Tuyết...

Nhìn ở góc độ chuyên môn, hoạt động sáng tác, từ 1962 đến năm 1982, họa sĩ Vũ Trung Lương vẽ nhiều đề tài khác nhau về cuộc sống của nhân dân, bộ đội, cảnh đẹp thiên nhiên của 2 nước Việt - Lào, phong cảnh con người xứ Huế, nhưng nhiều nhất là ký ức về đất nước Lào anh em, với những điệu múa lam-vông và hình bóng thiếu nữ Lào duyên dáng, về những gương mặt của những người lính Pa-Thét Lào. Một số tác phẩm tiêu biểu như Điệu múa Lâm-vông Lào (son dầu 1962), Người đẹp Cố đô Luang Prabang -Lào(màu nước. 1973), Khúc Lâm-vông Lào (màu nước 1974), Người chiến sĩ Pa-thét Lào (khắc gỗ 1964), Chiếc diều bay (son dầu 1967),

Cây bàng đầu thôn (khắc gỗ màu 1970), Lễ buộc chỉ cổ tay Lào (acrylic 1973), Hành quân qua suối (In đá 1974), Bài ca 68 (sơn dầu 1975), Trên đường Trường sơn (son dầu 1977), Nón bài thơ (lụa 1976), Thành cổ Quảng Trị 12 ngày đêm (son dầu 1978), Hà Nội thời bom đạn (son dầu 1978), Lãng Tụ Đức (lụa 1978), Mùa hoa phượng (lụa 1979), Thiếu nữ Huế (son dầu 1980), Huế (khắc gỗ 1981)...là những tác phẩm rất tiêu biểu cho sáng tác của họa sĩ Vũ Trung Lương trong nhiều giai đoạn sáng tác của mình. Từ 1982 về sau, ông vẽ theo một hướng khác, quay về với hiện thực đồng hiện nhiều hơn như Bến cảng Nhà Rồng (son dầu 2000), Chủ nhân thế kỷ 21(son dầu 2000), Vọng Trường sơn (son dầu 2001), Một thời để nhớ(son dầu 2003)...

Với những cống hiến cho nền mỹ thuật cách mạng của hai dân tộc Việt -Lào, họa sĩ Vũ Trung Lương đã nhận được nhiều huân huy chương của nhà nước Lào và Việt Nam, nhận Giải thưởng Mỹ thuật toàn quốc 1960 và những khen thưởng khác về đào tạo mỹ thuật, sáng tác. Ông có tác phẩm được sưu tập của Bảo tàng phương Đông-Liên Xô (cũ) và nhiều tranh của ông đã được triển lãm luân phiên ở các nước XHCN trước đây. Các thế hệ giảng viên, sinh viên Trường Đại học Nghệ thuật Huế khi nhắc đến họa sĩ Vũ Trung Lương đều nhớ đến một Hiệu trưởng, một người thầy, đồng nghiệp tận tụy, tâm huyết vì sự nghiệp đào tạo và phát triển của Trường CĐ Mỹ thuật Huế mà sau này là Trường Đại học Nghệ thuật- ĐH Huế hôm nay. □



Mùa hoa phượng (Lụa 1979)



PGS.TS Lê Cung

PGS.TS. LÊ CUNG CUỘC HÀNH TRÌNH DÀI THEO DÒNG LỊCH SỬ

✍️ **THS. PHẠM VĂN THẮNG**

Trưởng khoa Văn hóa và Du lịch, Đại học Quảng Nam

Phó Giáo sư Lê Cung đã trở nên thân quen đối với biết bao thế hệ sinh viên của ông, đúng như những gì mà học trò ông đã viết: “Giáo sư Lê Cung” – như cách gọi thân mật và đầy kính trọng của nhiều người, cả khi Thầy chưa được Nhà nước phong học hàm Phó Giáo sư. Học trò của Thầy, bất kể thế hệ nào, cương vị nào, mỗi khi tôi có dịp gặp gỡ, họ đều kể về Thầy với những kỷ niệm thật ấm áp và đều có chung niềm tự hào: Mình là học trò của GS. Lê Cung. Hạnh phúc thật giản dị mà không phải bất cứ ai làm nghề dạy học cũng dễ dàng có được. ‘Học trò của GS. Lê Cung’ - chỉ chừng ấy thôi đã làm cho chúng tôi, những đứa học trò cũ của Thầy dễ dàng trở nên gần gũi, sẵn sàng giúp đỡ, tâm sự sẻ chia những cảm nhận vui buồn,... dù chỉ mới lần đầu gặp mặt”¹.

Sử học là chuyên phận

PGS. TS. Lê Cung sinh ngày 27 tháng 5 năm 1952 tại làng Lệ Xuyên, tỉnh Quảng Trị. Lệ Xuyên, một làng có truyền thống hiếu học ở Quảng Trị. Năm 1998, Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Trị² đã dựng một phóng sự với tiêu đề: “LÀNG ĐẠI HỌC”³, nội dung đề cập đến truyền thống hiếu học của làng này. Phóng sự đạt Giải hai trong Cuộc thi liên hoan truyền hình toàn quốc năm

1999, sau đó được Đài Truyền hình Trung ương VTV2 và Đài truyền hình nhiều địa phương trong cả nước phát sóng. Từ truyền thống hiếu học đó, ngay khi ông còn bé, cha mẹ ông từng ấp ủ làm sao con mình được học “năm ba chữ”. Điều này giải thích tại sao khi đất nước, quê hương còn nhiều khó khăn sau cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) thắng lợi, cha mẹ ông đã cho làng mượn ngôi nhà của mình để mời thầy mở lớp⁴. Và cậu bé Lê Cung bắt đầu đánh vần tại đây.

Từ nhỏ, ông đã nổi tiếng thông minh, chăm chỉ trong học tập. Bạn bè ông kể lại: “Ngày chúng tôi cùng học lớp Tư, lớp Ba với nhau, cứ đến môn tập đọc, môn chính tả, hề bài nào có nội dung khen ngợi sự chăm chỉ, ngoan ngoãn và thông minh trong học tập dành cho một cậu học trò nào đó thì Thầy tôi lấy tên Cung thay vào. Lúc đầu chúng tôi còn ‘ngờ ngợ’, nhưng dần dần cũng hiểu được ý nghĩa việc làm của Thầy tôi, ...”⁵. Một người bạn khác của ông cho biết: “Khi nhiều người trong lớp chúng tôi không thuộc bài, làm toán sai,... Thầy bắt chúng tôi xếp thành một hàng, rồi bảo Cung (người luôn thuộc bài, làm toán đúng) đánh vào má chúng tôi. Cung chỉ đánh chúng tôi chiếu lệ, Thầy phạt Cung bằng một tát tai mạnh vào má, rồi bảo phải đánh như thế, ... Tôi thâm nghĩ có lẽ thời thơ ấu, Thầy yêu cầu phải nghiêm túc kể cả khi phạt bạn mình; và phải chăng điều đó phần nào đã rèn luyện nên một phong cách riêng của Lê Cung về sau?”⁶.

¹ThS. Phạm Văn Thắng, Trưởng khoa Văn hóa và Du lịch, Đại học Quảng Nam.

²Phóng sự do ông Nguyễn Lộc, Trưởng phòng Chuyên đề, Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Trị thực hiện.

³Làng Lệ Xuyên hàng năm số học sinh thi đỗ vào đại học rất nhiều, chiếm tỉ lệ cao so với nhiều làng trong tỉnh Quảng Trị. Chính lẽ đó mà phóng sự có tiêu đề: “LÀNG ĐẠI HỌC”.

⁴Xem “Lê Cung (Chủ biên), Trần Nhân Tông - Cuộc đời và sự nghiệp”, Nxb. Thuận Hóa, Huế 2008, tr. 8.

⁵Nguyễn Sứ, Nhớ về thời thơ ấu (Bản viết tay).

⁶Thế Quang, Những kỷ niệm về bằng hữu thời ấu thơ (Bản viết tay).



Phó Giáo sư Lê Cung đang giải bài cho lớp cao học

Đúng là “Trời phú cho ông tài năng thiên bẩm”, từ tiểu học cho đến trung học rồi lên đại học, kết quả học tập của ông bao giờ cũng xếp vị thứ nhất, thứ nhì lớp. Ông đỗ Tú tài ban B (Toán, Lý, Hóa). Năm 1969, Kỳ thi Tú tài I, tại Hội đồng thi Huế, số thí sinh hỏng như rạ, thế mà ông thi đỗ hạng Bình⁷. Tuy vậy, khi đặt chân đến cánh cổng trường đại học, ông lại chọn theo học ban C (Văn, Sử, Địa). Bạn bè, sinh viên, có người thắc mắc về vấn đề này, ông giải thích: “Đó là một cách chọn lựa cho phù hợp với những hoạt động của mình bấy giờ... Nhưng một khi đã chọn thì phải đam mê thực sự, có tận nhân lực mới tri thiên mệnh mà”. Và như thế, ông đã đánh dấu bước ngoặt đầu tiên trong bước đường sự nghiệp của mình khi lựa chọn ban C và đến sau này là một giảng viên của môn Lịch sử, được nhiều thế hệ học trò kính mến, rồi trở thành một nhà nghiên cứu lịch sử, được nhiều đồng nghiệp trong và ngoài nước nhìn nhận là chuẩn mực. Phải chăng với ông: sử học là duyên phận.

Người thầy hết lòng vì đàn em thân yêu

Đọc những trang học trò viết về ông giúp chúng ta hiểu được rằng với các thế hệ học trò, “ông là đặc biệt, là niềm tự hào và hãnh diện của họ”. Đặc biệt ở đây chính là phương pháp truyền thụ kiến thức của ông vượt ra khỏi «lối mòn», giúp

⁷ Các kỳ thi Tú tài ở miền Nam, học sinh thi đỗ được xếp loại như sau: Tối ưu, Ưu, Bình, Bình thứ và thứ. Năm 1969, Trường Trung học Nguyễn Hoàng, Quảng Trị không có học sinh nào đỗ Tối ưu và Ưu. Ban B chỉ có 2 học sinh đỗ, xếp hạng Bình, trong đó có cậu học sinh Lê Cung.

sinh viên lĩnh hội bài giảng một cách sinh động, đa chiều. Bởi lẽ bài giảng của ông bao giờ cũng với «sử liệu phong phú, cách lập luận sắc sảo, chặt chẽ đã làm cho các giờ dạy của Thầy đã vượt lên sự khô cứng về mốc thời gian, số liệu, tạo nên sự thăng hoa trong học tập. Qua những tiết giảng, Thầy đã làm chúng em hoàn toàn bị thuyết phục trước kiến thức uyên thâm, phong cách lên lớp rất đặc biệt. Em đã hiểu rằng học Lịch sử thật thú vị chứ không phải khô khan, cứng nhắc như nhiều người (trong đó có cả em) đã từng nghĩ. Thầy đã mang lại cho em một cảm giác thật tự tin bởi sự lựa chọn theo ‘nghiệp sử’ của mình»

Và “điều khiến tôi thay đổi suy nghĩ là Thầy có một cách dạy khác mọi người, thu hút sự chú ý bằng những tình huống ‘có vấn đề’, tức buộc người học phải động não để giải quyết những vấn đề của bài học đặt ra. Ai đã từng được học với Thầy, chắc chắn sẽ lĩnh hội được tinh thần 4 W của các sự kiện, hiện tượng lịch sử. Từ phương pháp này, chúng tôi liên hệ với tính logic của môn Toán, nó có điểm tương đồng. Do đó nhiều người cứ nghĩ, môn Sử là môn thuộc bài, chẳng có gì khó, chỉ cần bỏ nhiều thời gian là được. Thực tế cho thấy, khi học với Thầy mới thấy quan điểm này hoàn toàn không đúng”⁸.

Từ cách nhìn trên đây giúp chúng ta hiểu vì sao học trò của ông “lại trông mong đến giờ Thầy”: “Những buổi học, rồi lại những buổi học tiếp theo, tôi như bị cuốn hút vào những tri thức mà Thầy truyền đạt với cách lập luận chặt chẽ, logic. Điều lạ thay là cũng với những tư liệu lịch sử đó, nhưng ở Thầy bài giảng trở nên sinh động bởi cách kiến giải rất riêng của Thầy mang một tầm cao hơn. Và bây giờ, chúng tôi lại trông mong đến giờ Thầy để được tranh luận và nắm bắt thêm kiến thức mới. Cũng không hiểu từ lúc nào tôi đã ‘ngộ’ ở Thầy nhiều điều”⁹.

Cái quý hơn nữa là trong giảng dạy, trong nghiên cứu khoa học, ông luôn hướng sinh viên,

⁸ ThS. Thái Thị Lợi, Trường THPT Chuyên Tp. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

⁹ ThS. Nguyễn Thị Hiệp Ngọc, Trường THPT Chuyên Lương Văn Chánh, TP. Tuy Hòa.

học viên, nghiên cứu sinh phải có thái độ nghiêm túc. “Khi được tiếp tục học với Thầy, tôi vẫn không cất nghĩa nổi vì sao Thầy có cả một kho tàng kiến thức uyên bác đến vậy? Cũng như 20 năm về trước, tôi lại may mắn được Thầy hướng dẫn Luận văn Thạc sĩ. Thầy đã truyền cho tôi ngọn lửa nhiệt tình, đam mê nghiên cứu khoa học, sự nghiêm túc trong học tập”¹⁰. “Quả thật, Thầy là người đòi hỏi học trò của mình phải làm việc thật sự nghiêm túc, chăm chỉ và phải có tư duy khoa học. Thầy uốn nắn từng lỗi sai để sau này tôi đừng lặp lại, từng câu chữ trong luận văn Thầy đều đọc rất kỹ để sửa cho tôi. Giờ đây, ở môi trường làm việc mới - môi trường đòi hỏi hoạt động giảng dạy phải đi kèm với hoạt động nghiên cứu khoa học, tôi càng thấy biết ơn Thầy vì chính sự nghiêm túc, kỹ lưỡng của Thầy giúp tôi trưởng thành hơn sau cái luận văn ngày ấy”¹¹.

Không chỉ những người được trực tiếp học ông mà cả những người ông chưa hề biết mặt cũng được ông chỉ vẽ tận tường. Chúng ta hãy nghe lời tâm sự của một nghiên cứu sinh sau khi đọc nhận xét của ông về luận án tiến sĩ của mình với tư cách ông là một phản biện độc lập: “Thú thực, khi mở nhận xét của Thầy (tất nhiên bản nhận xét đã được cơ sở đào tạo cắt phần họ tên người nhận xét) với 6 trang đánh máy khổ A4, tôi thật sự lo lắng: Thầy nhận xét dài quá không biết sao đây? Nhưng khi đọc tôi thật sự rất phấn khởi, không phải Thầy khen suốt 6 trang giấy mà những ý kiến của Thầy đã chỉ ra cho tôi những thiếu sót, những chỗ yếu, những chỗ chưa hoàn hảo của luận án. Điều mà tôi hết sức trân trọng, biết ơn Thầy là trong góp ý, Thầy vừa gợi ý cho tôi cách xử lý những thiếu sót, hạn chế, yếu kém đó; vừa thể hiện sự đồng cảm, sẻ chia với những điều tâm đắc, tâm huyết, tình cảm mà tôi đã gói gắm trong luận án”¹².

¹⁰ ThS. Trần Thị Hương, Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Bình.

¹¹ ThS. Trần Thị Hằng, giảng viên, Học viện Chính trị - Hành chính Khu vực III, Đà Nẵng.

¹² TS. Nguyễn Bách Khoa (Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Vĩnh Long), Cuộc hành trình đi tìm thầy tôi (bản đánh máy).

Để làm được như vậy, chính bản thân ông phải là tấm gương sáng đối với học trò: “Thầy là một nhà khoa học không ngại khó, đã nghiên cứu vấn đề gì là phải đến nơi đến chốn, phải tìm ra lối kiến giải mới, có sức thuyết phục. Thầy rất ghét lối làm khoa học chiếu lệ,... Tôi kính Thầy và quý Thầy ở những điểm đó. Cố gắng vận dụng những điều học tập được từ Thầy cả chuyên môn nghiệp vụ lẫn phong cách của một nhà khoa học vào trong cuộc sống và tác nghiệp. Sự vươn lên của tôi trong mấy chục năm qua luôn có Thầy bên cạnh. Thầy đã là người nâng đôi cánh cho tôi để có những thành công nho nhỏ”¹³.

Không chỉ trên bục giảng, mà trong đời sống, ông thương học trò như em, như con của mình. Ở thời bao cấp khi điều kiện kinh tế còn khó khăn, đồng lương giáo viên còm cõi, gia đình ông sống trong căn nhà tập thể rộng không tới 10m² nhưng ông vẫn dang rộng đôi tay cứu mang những sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, có người cùng ăn ở trong gia đình ông. Có lúc vì quá thương học trò, ông chạy vạy tìm kiếm học bổng. Học trò ông nhớ lại: “Trận lụt năm 1999, nhà Thầy bị thiệt hại không ít, nhưng khi nước rút còn ngang ‘mắt cá’, Thầy đã vội điện thoại với bạn bè ở TP. Hồ Chí Minh để yêu cầu cứu trợ cho đồng bào và sinh viên gặp hoạn nạn. Rồi tiền bạc, áo quần, thực phẩm, chăn màn,... lần lượt được đưa về khoa, trường hỗ trợ cho sinh viên, không chỉ Khoa Lịch sử mà cả một số sinh viên khoa khác; còn tiền một phần chuyển lên trường, lên chùa Đức Sơn, hoặc giúp đỡ những gia đình bị nặng,...

Đó là những gì qua bạn bè, tôi được biết về Thầy, trước lúc được Thầy hướng dẫn thực hiện luận văn thạc sĩ. Tất cả đã khiến tôi đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác về cốt cách của một người Thầy đáng kính.

Với chúng tôi, viết về Thầy, ngôn từ không cho phép bộc bệch được hết. Thế hệ học trò chúng tôi có lúc đã cùng nhau tâm sự, điều gì đã tạo nên chỗ đứng của Thầy trong môi trường giáo dục và trong lãnh vực nghiên cứu? Phải

¹³ PGS. TS. Trần Thuận, Phó Trưởng khoa Lịch sử, Trường ĐHKHXH và NV, ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh.

chăng đó là truyền thống của quê hương, nề nếp gia phong, tinh thần tự lực, tự cường mãnh liệt ở Thầy. Điều quan trọng nhất là bản chất hướng thiện ở Thầy. Với Thầy, dầu một việc làm nhỏ đi nữa cũng phải “chính tâm”¹⁴.

Một nhà khoa học trung thực và thẳng thắn

Đúng như quan niệm của ông: “*Theo nghề nào thì phải hết lòng vì nghề đó*”, ông đã hoàn thành xuất sắc mục tiêu đó của cuộc đời mình. Không phải ai cũng có thể gắn bó và đủ kiên trì để theo đuổi chuyên ngành Lịch sử này, nhưng ông lại khác, ông tạo cho mình niềm đam mê và tình yêu với môn Lịch sử bằng cách gắn nó với hiện thực cuộc sống và từng giai đoạn lịch sử của nước nhà. Đó cũng là cách ông thể hiện tình yêu và niềm tự hào dân tộc của bản thân. Gần 25 năm gắn bó giảng dạy Lịch sử thế giới cận đại, nhưng khi làm Nghiên cứu sinh, ông lại lựa chọn chuyên ngành Lịch sử Việt Nam cận đại và hiện đại với đề tài luận án: “*Phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam năm 1963*”. Với luận án này (ngay cả khi đang là bản thảo), ông được Đại học Harvard (Hoa Kỳ) chọn tham gia Chương trình Visiting Scholar (1995 - 1996).

Đây là luận án, cũng là đề tài mà ông tâm đắc và dành nhiều tâm huyết nhất, được Hội đồng chấm luận án và giới chuyên môn đánh giá cao. Chúng ta hãy đọc mấy dòng tâm sự của PGS. TS. Đào Thái Tôn khi luận án vừa mới “*ra lò*”, đang chờ bảo vệ: “*Phải nói ngay rằng tôi đã đọc một cách đầy hứng thú, đọc liền một mạch toàn bộ bản tóm tắt rồi toàn văn bản luận án và nói không quá rằng sự hứng thú của tôi đối với luận án này, ... không chỉ ở chỗ văn phong sáng sủa, khúc triết của tác giả luận án mà chính là do tư duy chặt chẽ, sự bố cục dẫn dắt của luận án, ... Tôi nghĩ rằng luận án này là sự cần thiết đối với mọi giới trong xã hội và mong muốn được tác giả cho in thành sách, để được phổ biến càng sớm càng tốt*”¹⁵.

¹⁴ ThS. Phan Văn Quang, Trường THPT Trần Phú, TP. Đà Nẵng.

¹⁵ Lê Cung, *Phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam năm 1963* (in lần thứ tư), Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2008, tr. 15 - 16.

Rồi khi Luận án được xuất bản thành sách lần đầu năm 1999, nhiều học giả, nhiều nhà nghiên cứu hàng đầu trong và ngoài nước đã có những lời bình phẩm và không tiếc lời ca ngợi. Giáo sư, Nhà giáo Nhân dân Trần Văn Giàu viết: “*Cuốn ‘Phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam năm 1963’ của nhà giáo Lê Cung đã cung cấp cho người đọc rất nhiều thông tin về một thời kỳ đầy biến động. Đây là một đề tài lịch sử rất đáng được nghiên cứu cho dù phải mất nhiều công sức sưu tầm và xử lý tư liệu*”¹⁶. Chỉ với nỗ lực của ông trong công tác sưu tầm tư liệu cho đề tài này cũng đủ để rất nhiều người khâm phục. Nhà báo, nhà văn Hàm Châu, Phó Chủ tịch Hội đồng Biên tập Tạp chí đối ngoại tiếng Anh Vietnam Cultural Window (Cửa sổ Văn hóa Việt Nam) viết: “*Tôi nghĩ, tác giả đã bỏ ra biết bao công sức, âm thầm, bền bỉ kiếm tìm không ngừng nghỉ một khối lượng tư liệu có thể nói là đồ sộ; không chỉ trên sách, báo, đài phát thanh trong và ngoài nước, mà còn cả trong mớ tài liệu mật bộn bề và hỗn độn của chính quyền Ngô Đình Diệm gồm các đạo dụ, công điện, khẩu lệnh, huấn lệnh ‘tối mật’; cũng như hồ sơ lưu trữ của phong trào Phật giáo yêu nước tại chùa Từ Đàm (Huế), chùa Xá Lợi (Sài Gòn) gồm những tuyên ngôn, thông bạch, tâm thư, bạch thư, kháng thư,...*”¹⁶.

“*Phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam 1963*” đã vượt ra khỏi khuôn sáo, thể hiện sự khách quan, trung thực, thẳng thắn. Đó là điều đòi hỏi một sử gia cần có và phải có, và ông đã làm được điều đó. GS. TS. Vladimir Kolotov (Trưởng khoa Đông phương học, Trường Đại học Quốc gia St. Petersburg Liên bang Nga) khẳng định: “*Việc nghiên cứu khách quan là hết sức quan trọng, vì nếu như chúng ta không có thái độ chân thành và đúng đắn, chắc chắn những thế hệ đi sau không rút được kinh nghiệm từ quá khứ. Đó là trách nhiệm của người viết sử. Cách đánh giá sự kiện lịch sử khách quan trên cơ sở các tài liệu lưu trữ là bước đầu tiên cho phép nhìn thẳng vào vấn đề. Chính*

¹⁶ Hàm Châu, Người làm sống lại những sự kiện bi thương liêm liệt một thời (Cảm nghĩ nhân đọc cuốn sách *Phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam năm 1963* của PGS. TS. Lê Cung).

vì thế, công trình nghiên cứu thăng thấn và trung thực của GS. TS. Lê Cung mang tên là 'Phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam 1963' theo ý kiến của tôi cần phải được quan tâm đặc biệt"¹⁷.

Ngay cả những chứng nhân và là người trong cuộc cũng phải thán phục trước "nghệ thuật" chép Sử của ông. Học giả Huệ Minh viết: "Trong cuộc sống, hạnh phúc đến với chúng ta từ nhiều nguồn mạch khác nhau, trong đó đặc biệt có hạnh phúc đến từ 'sắc hương' của Sử, nhất là lịch sử dân tộc. Đối với chúng tôi, chuyên khảo 'Phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam năm 1963' là một loại sắc hương như thế..."¹⁸; Hoàng Văn Giàu, nguyên Đoàn trưởng Đoàn Sinh viên Phật tử Huế, nguyên giảng viên Trường Đại học Văn khoa, Viện Đại Huế trước năm 1975, khẳng định: "Là người trong cuộc, công trình sáng giá của anh Cung đã gọi lại cho tôi thật nhiều kỷ niệm. Xin cảm ơn anh Cung,... Từ sau năm 1975 ở Việt Nam, đây là công trình nghiên cứu nghiêm túc và có hệ thống đầu tiên về phong trào đó. Đó là một điểm son. Nêu ra được vấn đề như thế là một tinh tấn, dũng mãnh trí thức đáng khen ngợi của người viết rồi..."¹⁹; Kiến trúc sư Nguyễn Hữu Thái (nguyên Chủ tịch Tổng hội sinh viên Sài Gòn (1963 - 1964), người tổ chức ghi âm và phát lời tuyên bố đầu hàng của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Dương Văn Minh ngày 30-4-1975, bộn bề vui mừng của mình khi đọc tác phẩm của ông: "May mà có học giả Lê Cung... Tuy tuổi đời của anh thuộc thế hệ đi sau, chưa được tham gia hoặc là nhân chứng của 'Sự kiện Phật giáo 63', nhưng rõ ràng với tư thế một người viết sử, một nhà nghiên cứu nghiêm túc và nhất là cả tấm lòng nhiệt tình, anh đã thành công nêu bật được sự kiện này"²⁰, ...

Có nhiều những lời bình phẩm của các nhà nghiên cứu, các học giả về phong cách nghiên

cứu và hiệu quả các công trình của ông. GS. TS. Nhà giáo nhân dân Phan Ngọc Liên khẳng định: "Bằng một nỗ lực lớn qua nhiều năm nghiên cứu và tổng hợp nhiều nguồn tư liệu, công trình chuyên luận sử học của PGS. TS. Lê Cung đã góp phần làm sáng tỏ những ẩn số đang gây nhiều tranh cãi giữa các nhà chính trị - xã hội, những người nghiên cứu có quan điểm, tư tưởng khác nhau, thậm chí đối địch nhau về một sự kiện đấu tranh chính trị sôi động của giới Phật giáo miền Nam năm 1963".

Điều này giải thích tại sao, sách "Phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam năm 1963" của ông được xuất bản đến lần thứ tư, song vẫn có độc giả mong muốn sách được tái bản thêm nữa. Có lẽ vì vậy mà ông cho ra mắt độc giả sách: "50 năm nhìn lại phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam (1963-2013)". Viết lời giới thiệu sách này, Giáo sư, Tiến sĩ Lê Mạnh Thát khẳng định: "Đối với những ai quan tâm đến lịch sử hiện đại của đất nước, đặc biệt là lịch sử phong trào đô thị miền Nam (1954 - 1975) thì tên tuổi của PGS. TS. Lê Cung không có gì xa lạ, ... Tin chắc rằng tác phẩm '50 năm nhìn lại phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam (1963-2013)' của PGS. TS. Lê Cung sẽ tạo được nguồn hứng khởi cho bất cứ ai đam mê khoa học, có ước muốn nắm bắt chân lý"²¹.

Cùng suy nghĩ ấy, PGS. TS. Nguyễn Công Lý trong báo cáo tổng thuật tại Hội thảo khoa học: "50 năm nhìn lại phong trào đấu tranh Phật giáo (1963 - 2013)" do Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh phối hợp với Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức tại Khu Du lịch Phương Nam, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, ngày 11-6-2013, cho chúng ta một cái nhìn về tầm vóc của ông trong nghiên cứu khoa học: "PGS. TS. Lê Cung, một chuyên gia hàng đầu nghiên cứu về lịch sử Phật giáo Việt Nam hiện đại, nhất là phong trào Phật giáo năm 1963, đã đến với hội thảo với bài 'Năm mươi năm nhìn lại phong trào Phật giáo miền Nam (1963-2013)'... Bài viết khẳng định phong trào Phật giáo 1963 là yếu tố trực tiếp đưa đến sự cáo chung của chế độ độc tài gia đình trị, giáo trị Ngô Đình Diệm, ... đã

¹⁷ Vladimir Kolotov, Nhận định về một công trình nghiên cứu khoa học (Bản đánh máy, ngày 9-1-2009).

¹⁸ Báo Văn hóa & Đời sống, số 163, từ ngày 21-11 đến 28-11-2004, tr. 16.

¹⁹ Hoàng Văn Giàu, Thư gửi anh Lê Cung ngày 21-4-2001.

²⁰ Nguyễn Hữu Thái, Giải mã phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam năm 1963, Đại học Huế, số 89, tháng 11-2013, tr. 71.

²¹ Lê Mạnh Thát, Lời giới thiệu sách "50 năm nhìn lại phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam (1963 - 2013)", tr. 3, tr. 5.

có đóng góp to lớn cho sự phát triển của phong trào cách mạng miền Nam”²².

Ngoài công trình: “Phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam năm 1963”, (Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 1999, Nxb. Thuận Hoá, Huế, 2002, 2005 & 2008), ông còn có những tác phẩm giá trị trong việc khôi phục sự thực lịch sử như “Phật giáo Việt Nam với cộng đồng dân tộc” (Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1996), “50 năm Trường Đại học Sư phạm Huế (1957 - 2007)” (Chủ biên, Nxb. Thuận Hoá, 2007), “Trần Nhân Tông - Cuộc đời và sự nghiệp” (Chủ biên, Nxb. Thuận Hoá, 2008 & 2010); “Đại học Huế - 55 năm xây dựng và phát triển (1957 - 2012)” (Chủ biên, Nxb. Đại học Huế, 2012), “Phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam 1964 - 1968” (Nxb. Thuận Hoá, 2014), “Vẽ phong trào đô thị miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975)” (Chủ biên, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2015), “Lịch sử phong trào đô thị Huế 1954 - 1975 (Viết chung, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, 2015), ... cùng với một số giáo trình Lịch sử thế giới cận đại, Lịch sử Việt Nam hiện đại được các Nhà xuất bản Giáo dục, Giáo dục Việt Nam, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Sư phạm (Hà Nội) xuất bản. Đó là chưa kể hàng trăm bài nghiên cứu có giá trị của ông được đăng trên các tạp chí Nghiên cứu lịch sử, Lịch sử Quân sự, Nghiên cứu tôn giáo, Nghiên cứu châu Âu, Nghiên cứu châu Á và Ấn Độ, Thông báo khoa học của các trường Đại học (Bộ Giáo dục và Đào tạo), Tạp chí Sông Hương, Hồn Việt, Kiến thức Ngày nay, Giao Điểm (Hoa Kỳ), Chuyển Luân (Úc),... Và rất nhiều bài nghiên cứu của ông được tuyển chọn, đăng trên các sách ở trong cũng như nước ngoài, như “1963 - 2003, Bốn mươi năm nhìn lại” (Giao Điểm, Hoa Kỳ, 2003), “Sáng ngời Hồ Chí Minh - Những bài viết tâm đắc” (Nxb. Công an Nhân dân, Hà Nội, 2005), “Về cuộc Tổng Tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968” (Nxb. Quân đội

²² Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Nhìn lại phong trào Phật giáo miền Nam năm 1963, NXB. Phương Đông, 2013, tr. 611.

Nhân dân, Hà Nội, 2008), “1963 - 2013, Năm mươi năm nhìn lại” (Tuyển tập của 99 tác giả, 3 tập, Nxb. Thiện Tri thức, 2012), “Nhìn lại phong trào Phật giáo miền Nam năm 1963” (Nxb. Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh, 2013),... Thực tế, “*thương hiệu sử học Lê Cung*” đã được khẳng định.

Vậy là bao nhiêu tâm huyết, bao nhiêu ngày tháng trần trụi, “những đứa con tinh thần” ra đời đúng như những gì mà ông đam mê và ấp ủ. Và càng vui mừng biết bao khi “những đứa con tinh thần” ấy lại được giới chuyên môn đánh giá cao, được đồng nghiệp, học trò của ông đón đọc một cách nhiệt thành.

Rõ ràng, những nhận xét dành cho ông, những thành quả mà ông có được như ngày hôm nay không hề đơn giản, càng không phải là chuyện “một sớm, một chiều” có thể xong. Đó là tất cả tâm huyết gần như suốt hơn nửa cuộc đời mà ông luôn nâng niu, trân trọng.

Xin được mượn mấy vần thơ mà học trò viết về ông để thay cho lời đánh giá về một nhà khoa học “*trung thực, thẳng thắn*” như ông:

*Có những bông hoa không bao giờ khoe sắc
Nhưng tỏa ngát hương thơm
Có những người rất ư bình dị
Nhưng chất chứa một nghị lực phi thường
Và tình người... bao la*²³.

“*Nghị lực phi thường*” ấy ẩn chứa sâu bên trong một con người vị tha, ngay thẳng và sống tình nghĩa. Không phải ngẫu nhiên mà bao nhiêu thế hệ học trò sau những ngày tháng xa cách lại hướng về ông với một tấm lòng chân thành, sâu nặng đến vậy, họ không chỉ coi ông là người Thầy mà họ còn coi ông là người Cha. Dường như ông sinh ra là để làm nhà giáo, nhà khoa học với đúng nghĩa của nó. Và với bao năm gắn bó và tâm huyết với nghề, ông đã cống hiến cho nền khoa học và giáo dục Việt Nam những công trình Sử học ý nghĩa, là cầu nối «*chính danh*» đưa chúng ta đến với lịch sử dân tộc và cũng qua đó giúp chúng ta tự hào hơn về đất nước Việt Nam «*bốn nghìn năm văn hiến*». □

²³ Lê Quang Căn, Người Thầy bình dị và nhiệt huyết (Bản đánh máy)



PGS.TS. Phan Thanh Binh

PGS.TS. PHAN THANH BÌNH NGƯỜI LẶNG LẼ LƯU GIỮ BÓNG THỜI GIAN

✍ ÁI HỮU

Tốt nghiệp trường mỹ thuật và theo đuổi nghiệp nghiên cứu văn hóa, mỹ thuật từ những năm của thập niên 80, có lẽ người sinh viên năm ấy- PGS.TS. Phan Thanh Bình sau này, cũng không thể ngờ rằng từ đó cuộc đời của ông đã bén duyên sâu nặng với văn hóa mỹ thuật thời Nguyễn. Hành trình nghiên cứu của PGS.TS. Phan Thanh Bình, Hiệu trưởng Trường Đại học Nghệ thuật – Đại học Huế là những chuỗi ngày dài đam mê tìm kiếm, nghiên cứu, sáng tạo suốt bao năm tháng.

Quê ông ở Quảng Thành, Quảng Điền Thừa Thiên Huế, nơi có những di tích Chămpa cổ xưa và cảng Thanh Hà cận kề. Sinh sống, học tập và làm việc ở Huế và từ cái nôi giàu truyền thống văn hoá nghệ thuật này đã nuôi dưỡng, bồi bổ tâm hồn người nghệ sĩ trong ông. Với ông, sự khao khát đam mê và tình yêu dành cho văn hóa mỹ thuật Nguyễn đã đi sâu vào máu thịt. PGS.TS. Phan Thanh Bình đã được đào tạo một cách bài bản và là một người may mắn được trải qua việc học tập ở cả ba trường mỹ thuật và viện nghiên cứu hàng đầu của Việt Nam là Trường Đại học Mỹ thuật Hà Nội, Đại học Mỹ thuật TP.Hồ Chí Minh và Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam. Nhưng khởi đầu là từ Trường Cao đẳng Mỹ thuật Huế, nơi thổi hồn cho nhiều thế hệ họa sĩ nổi tiếng, với những bậc thầy tên tuổi có nhiều công lao đóng góp cho nền giáo dục mỹ thuật của Huế như các họa sĩ Tôn Thất Đào, Phạm Đăng Trí, Hồ Hoàng Đài, Đỗ Kỳ Hoàng, Lê Thành Nhơn, Vĩnh Phối, Đinh Cường, Tôn Thất Văn và sau này là các họa



PGS.TS. Phan Thanh Bình với Lớp Mỹ thuật ứng dụng tại Phân hiệu Đại học Huế tại Quảng Trị trong một buổi học trực quan Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam tại Bảo tàng Quảng Trị

sĩ Trương Bé, Dương Đình Sang, Tôn Nữ Tuyết Mai... Cho đến những năm sau này, dù được đi học ở Hà Nội hay TP. Hồ Chí Minh, trong ông vẫn đau đáu về nơi kinh đô cuối cùng của triều đại phong kiến Việt Nam với hệ thống đền đài, lăng tẩm quy mô và đồ sộ, nơi chứa đựng bao điều kỳ diệu trong các hoa văn trang trí, tác phẩm điêu khắc, các chất liệu khảm sứ, pháp lam, đắp nổi nê, sơn son thếp vàng... Tình yêu đó thể hiện qua hơn hai trăm bài viết, nghiên cứu, hàng chục đề tài cấp cơ sở và 9 đề tài cấp Đại học Huế và cấp Bộ về mỹ thuật thời Nguyễn, các hoa văn và chất liệu tạo hình đặc sắc, giá trị tạo hình-thẩm mỹ của tranh dân gian làng Sinh-Huế... Tham gia hàng chục hội thảo trong nước và quốc tế, là đồng tác giả của 15 cuốn sách và vụng tập mỹ thuật. Nhiều nội dung nghiên cứu của ông sau



Tác phẩm "Bóng thời gian"

này được tích hợp trong luận án Tiến sĩ được bảo vệ năm 2010 tại Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam: Nghiên cứu nghệ thuật khám sành sứ trong mỹ thuật cung đình thời Nguyễn - cũng là công trình đầu tiên ở Việt Nam nghiên cứu về giá trị chất liệu đặc trưng này của xứ Huế. Ngoài ra ông còn là một họa sĩ sáng tác tranh sơn dầu, acrylic và cũng chủ yếu về đề tài Huế như "Bóng thời gian" (acrylic 2006), Chuông chiều (sơn dầu 2002), Biển tình (acrylic 2012), Phố cổ Bao Vinh (acrylic 2008). Gần đây nhất là tác phẩm Sonat No 23 (Acrylic 2015) là một trong 20 tác phẩm của tác giả Huế đã được trưng bày trong triển lãm 5 năm một lần là *Triển lãm Mỹ thuật Việt Nam 2015* tại Hà Nội.

Tốt nghiệp đại học ngành Lý luận và Lịch sử Mỹ thuật năm 1985 tại Trường Đại học Mỹ thuật Hà Nội, trở về là giảng viên của Trường Cao đẳng Nghệ thuật, cho đến khi Đại học Huế thành lập và Trường trở thành Trường Đại học Nghệ thuật thuộc Đại học Huế đến nay, PGS.TS. Phan Thanh Bình dường như gắn chặt với công tác nghiên cứu khoa học. Từ khi còn là Tổ trưởng Tổ Khoa học (1995), Trưởng phòng Quản lý Khoa học – Đối ngoại (2000) đến Phó Hiệu trưởng đặc trách về khoa học công nghệ (2005 – 2009) cho đến nay

là Hiệu trưởng Nhà trường, ông vẫn dành nhiều thời gian cho nghiên cứu khoa học, vẫn tranh thủ đi tìm kiếm những giá trị mới trong mỹ thuật thời Nguyễn và từ đó truyền lửa đam mê cho các thế hệ giảng viên trẻ, sinh viên. Có thể nói, các công trình nghiên cứu của PGS.TS. Phan Thanh Bình đã tạo được sự lan toả không chỉ đối với giới nghệ sĩ, sinh viên nghệ thuật mà còn đối với du khách trong và ngoài nước khi tìm đến Huế. Họ hiểu hơn về Huế, về con người và các giá trị nghệ thuật của Huế thông qua các tác phẩm của ông. Đó là sự gắn gũi với đời sống từ tranh dân gian làng Sình đến những trang trí kiến trúc cung đình, khám sành sứ, tranh gương, pháp lam, giá trị mỹ thuật của Cửu Đỉnh, trên bia lăng của các vua chúa... đều là những đối tượng được ông nghiên cứu nghiêm túc, khoa học ngay từ những ngày đầu đến với nghệ thuật. Những kết quả từ những công trình nghiên cứu này được ứng dụng vào thực tế giảng dạy các học phần Mỹ thuật học, Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam, Mỹ học chuyên ngành và vận dụng trong sáng tác, là tài liệu nghiên cứu hữu ích không chỉ ở trường mà còn các cơ quan văn hóa và trường đại học mỹ thuật khác

Với vai trò là người thầy, PGS.TS. Phan Thanh Bình đã khéo léo lồng ghép các chương trình văn hóa Nguyễn vào các học phần đào tạo tại Trường Đại học Nghệ thuật – Đại học Huế. Họa sĩ Phan Lê Chung, giảng viên Trường ĐH Nghệ thuật nhận xét: "Với phong cách dí dỏm của mình, các bài giảng của thầy trở nên thú vị và hấp dẫn hơn đối với sinh viên. Những câu chuyện và những trải nghiệm thực tế của bản thân thầy là những bài học thú vị, là những ví dụ trực quan sinh động nhất. Thông qua đó, sinh viên cũng hiểu hơn những khó khăn vất vả trong con đường nghiên cứu. Những bài giảng về văn hóa, mỹ thuật thời Nguyễn không chỉ qua các hình ảnh trên sách vở mà thầy còn dẫn dắt học trò trải nghiệm thực tế thông qua những chuyến đi điền dã tại các địa điểm di tích, sinh viên được xem tận mắt, được trực tiếp chạm tay vào các đối tượng nghiên cứu. Việc kết hợp giữa các bài học lý thuyết và tổ chức các chuyến đi thực tế này đã

làm mềm hơn và dễ nhớ hơn các môn học vốn được cho là khô khan và khó nhớ”.

Không những truyền lửa đam mê cho các thế hệ học trò, PGS.TS. Phan Thanh Bình đã và đang nỗ lực giới thiệu Huế, Việt Nam cho bạn bè thế giới thông qua những hợp tác giữa Trường ĐH Nghệ thuật và các trường đại học nghệ thuật nước ngoài, tranh thủ các diễn đàn, hội thảo để phổ biến văn hoá nghệ thuật Việt. Từ năm 1990 đến nay, ông đã tham gia gần 50 hội thảo trong nước và quốc tế, trong đó có những đóng góp thiết thực cho việc đổi mới phương pháp dạy học, giáo dục thẩm mỹ, kết cấu chương trình nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghệ thuật.



Tác phẩm “Bản Sonate No 23”

Tháng 10/2015, workshop *Chia sẻ kiến thức và sự phổ biến Văn hoá nghệ thuật giữa các nước trong lưu vực Tiểu vùng sông Mêkong* (bao gồm Thái Lan, Lào, Myanma, Campuchia, Việt Nam và Trung Quốc) tổ chức tại Thái Lan với mục tiêu giới thiệu được nhiều giá trị mỹ thuật của mỗi dân tộc, PGS.TS Phan Thanh Bình cùng các nghệ sĩ được mời đến từ 6 nước đã tạo nên một không khí phấn khích, đầy tinh thần nghệ sĩ, tinh thần giao lưu học hỏi và trao đổi những kinh nghiệm văn hoá nghệ thuật mang đậm bản sắc vùng miền của mỗi nước một cách cụ thể như với Việt Nam là vùng

văn hoá Huế, Lào là vùng văn hoá Luangprabang, Thái Lan là vùng văn hoá Chiang Mai, Chiang Rai... Hoạt động còn nhằm thiết lập mạng lưới về nghệ thuật và văn hoá phát triển mạnh hơn nữa của các nước trong vùng và khu vực ASEAN.

Với những nỗ lực nghiên cứu, sáng tạo và truyền lửa đam mê cho nhiều thế hệ học trò, PGS.TS. Phan Thanh Bình đã nhận được rất nhiều phần thưởng cao quý của Hội Mỹ thuật Việt Nam, của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hoá Thể thao Du lịch, bằng khen của Thủ tướng Chính phủ. Một thông tin mới là vào tháng 2/2016, nhận lời mời của Hội đồng Nghệ thuật các nước Tiểu vùng Mekong, PGS.TS. Phan Thanh Bình sẽ sang Thái Lan nhận danh hiệu Nghệ sĩ uy tín năm 2016. Sự kiện gồm các triển lãm và hội nghị chuyên đề về cuộc sống và nghệ thuật của các nghệ sĩ danh tiếng ở các nước Tiểu vùng sông Mekong.

Có thể nói trong công cuộc gìn giữ và bảo tồn các giá trị văn hóa và nghệ thuật, nhiệm vụ của nhà nghiên cứu, người làm văn hóa như PGS.TS. Phan Thanh Bình đóng vai trò hết sức quan trọng, bởi vì họ là những mắt xích những cầu nối để đưa các giá trị đó đi đến với công chúng và người yêu nghệ thuật. Dẫu biết con đường nghiên cứu là một hành trình dài, gian nan và vất vả nhưng sự trăn trở và day dứt trong nghề nghiệp đã trở thành những động lực thúc đẩy ông dấn thân trên con đường của mình. Hành trình nghiên cứu văn hóa mỹ thuật của ông luôn là những chuỗi ngày dài âm thầm và lặng lẽ. Con đường đó không phải là một con đường bằng phẳng, dù gồ ghề và gập gềnh nhưng ông đã chọn nó. Nói về điều này PGS.TS. Phan Thanh Bình chia sẻ: “Là giảng viên lý luận mỹ thuật, tôi hiểu rằng trong môi trường nghệ thuật, uy tín chuyên môn đôi với đồng nghiệp và sinh viên là rất quan trọng, người thầy nghệ thuật phải có “cái gì đó” nổi bật, thu hút trong chuyên môn là sáng tác hay công trình nghiên cứu khoa học của mình. Hoạt động nghiên cứu đã đem lại cho tôi những kết quả tốt trong giảng dạy, sáng tác, nhưng quả thật nghiên cứu khoa học thật là một công việc gian nan, đòi hỏi phải thực sự có niềm đam mê và sự kiên trì”. □

GIÁO SƯ GERALDINE L. RICHMOND



SỰ CỐNG HIẾN VÀ NHỮNG PHẦN THƯỞNG BẤT NGỜ

✍️ **ÁI HỮU**

Những ai tham gia buổi nói chuyện của Giáo sư Geraldine L. Richmond (tên gọi thân mật là Geri) ở Trung tâm Học liệu – Đại học Huế vừa qua có thể sẽ hơi ngỡ ngàng, vì tiêu đề buổi nói chuyện là “Những thách thức, cơ hội và phần thưởng bất ngờ của nghề khoa học”, nhưng bà lại kể về con đường của bà từ khi còn là một cô bé. Câu chuyện nhẹ nhàng đơn giản, nhưng ngấm một chút thôi sẽ nhận ra, câu chuyện hoàn toàn tập trung vào những thách thức bất ngờ, lẫn những cơ hội bất ngờ và những phần thưởng bất ngờ trên con đường đi theo khoa học của bà.

Khởi đầu đam mê từ gian bếp

Giáo sư Geraldine L. Richmond sinh ra trong một gia đình nông dân ở tiểu bang Kansas, Hoa Kỳ. Ba mẹ bà không ai được đi học đại học cũng như làm khoa học. Nhà có 3 chị em. Mẹ bà luôn dạy rằng lớn lên phải có việc làm, phải học toán cho giỏi để lớn lên làm kế toán. Vâng lời mẹ, bà cũng đã học toán rất giỏi từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Nhưng bà cũng rất quan tâm đến thế giới tự nhiên, muốn khám phá xem những hiện tượng xung quanh vì sao lại như thế. Chính vì vậy thuở nhỏ, Bà hay làm thử những thí nghiệm, một số được, một số thất bại. Chẳng hạn như hồi

xưa, nhà có chiếc đồng hồ lên dây cót, vì cứ thắc mắc tại sao chiếc đồng hồ chạy được nên bà đã tháo tung ra hết để rồi không lắp lại được, và thế là kết liễu chiếc đồng hồ. Với bà ngay trong gian bếp cha mẹ cũng có thể cùng con trải nghiệm những thành tựu khoa học, như mô tả những điều đang diễn ra bên trong một cái máy xay sinh tố, lò vi sóng, tủ lạnh... mà chúng vẫn thấy mỗi ngày. Những câu hỏi bình thường sẽ thành những vấn đề khoa học ở lứa tuổi lớn hơn.

Lên đại học, bà học chuyên về ngành Toán. Sau đó bà lại đam mê các môn khoa học như Hoá, Lý, Kỹ thuật. Có hai điều giúp bà nhận ra tình yêu đối với công việc dạy học, đó là cơ hội nghiên cứu trong một phòng thí nghiệm, bằng các thí nghiệm hoá học, bà đã học cách thổi thủy tinh và sử dụng các thiết bị điện tử. Đó là cơ hội được dạy sinh viên từ năm 2 đại học. Từ đó, niềm đam mê dạy học đã theo bà cho đến bây giờ.

Sau khi học xong đại học ở Kansas, bà sang California để học tiếp nghiên cứu sinh và có cơ hội làm việc với những người rất giỏi về giảng dạy và nghiên cứu. Thời gian ở đó bà nghiên cứu về laze. Bà đặc biệt rất thích được làm việc trong môi trường với nhiều thiết bị, tạo ra những giải pháp. Sau khi làm xong bằng tiến sĩ, bà đã



Giáo sư Geraldine L. Richmond (áo xanh) cùng cán bộ, giảng viên và sinh viên Đại học Huế (tháng 12/2015)

từng đi để được nhiều công ty phỏng vấn với ý nghĩ phải làm ở lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng. Sau một thời gian làm việc, bà quay lại đi dạy ở một trường thuộc tiểu bang Pennsylvania rồi mới chuyển về Oregon để có cơ hội vừa dạy và nghiên cứu, làm việc với sinh viên.

“Nếu không có sinh viên, tôi không là gì cả”

Chia sẻ tại buổi nói chuyện với sinh viên Đại học Huế GS. Geraldine L. Richmond nói: “Nếu không có các sinh viên, nghiên cứu sinh tiến sĩ ở phòng thí nghiệm về nước (cụ thể là về bề mặt của nước) của tôi ở Viện Đại học Oregon, thì “tôi không là gì cả”, “tôi không đi tới đâu cả và cũng không được tới đây” với tư cách là phái viên Khoa học của Tổng thống Hoa Kỳ”. Vì vậy, GS đã cố hết sức để hỗ trợ họ đến với khoa học.

Một vấn đề mà GS rất quan tâm là sự tiến bộ của phụ nữ trong nghề nghiệp. Rất nhiều nhà nữ khoa học của Hoa Kỳ không thể tiến hơn được nữa trong nghề nghiệp của mình, trên thực tế là họ không thể tiến nhanh giống như các đồng nghiệp nam. Ví dụ như ở khoa Hóa ĐH Oregon, 50% sinh viên là nữ nhưng chỉ có 6% là nữ giảng viên. GS rất quan tâm đến vấn đề này nên đã lập ra COACH – Ủy ban vì sự phát triển của các nhà khoa học nữ. COACH ra đời đã được 18 năm và đã tổ chức các hoạt động giúp cho các nhà khoa học nói chung ở Hoa Kỳ về những kỹ năng mà

họ còn thiếu. Những hoạt động như hội thảo, tập huấn những kỹ năng cụ thể: thương lượng, tạo mạng lưới, kỹ năng giao tiếp, cách diễn thuyết, bài báo khoa học ... nhằm giúp cho các nhà khoa học nữ phát triển hơn.

Cho đến nay, COACH đã giúp được khoảng 15.000 các nhà nghiên cứu khoa học nước Mỹ. COACH đã phát triển các hoạt động ở các nước Châu Mỹ, Châu Phi, Châu Á, Trung Đông, giúp cho cả giảng viên, sinh viên có thể trở thành những người làm nghiên cứu trên bình diện toàn cầu. Với những nỗ lực đó trong 5 năm vừa qua ở 25 nước khác nhau, GS được chọn là phái viên khoa học của Tổng thống Obama trong năm 2015.

Tháng 12/2015, trong khuôn khổ chuyến làm việc tại Việt Nam, GS đã có nhiều hoạt động tại TP. HCM, Hà Nội, Huế, Đà Nẵng. Tại TP. HCM, bà đã làm việc với Ủy ban Hỗn hợp về phát triển hợp tác giữa các nhà khoa học, giảng viên và viên chức chính phủ của hai nước Việt Nam và Hoa Kỳ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ; gặp gỡ sinh viên tại Trung tâm Hoa Kỳ tại TP Hồ Chí Minh, được thấy những sáng chế của sinh viên và nói chuyện với họ về những khát vọng trong nghề nghiệp.

Tại Đà Nẵng, GS đã tổ chức một hội thảo về “Giao tiếp có hiệu quả” (Effective

Communication) tại Đại học Công nghệ Đà Nẵng, GS giao lưu cùng học sinh THCS tại TP Đà Nẵng về việc thực hiện các thí nghiệm hóa học.

Tại Huế, bà đã có 2 buổi nói chuyện với cán bộ giảng viên và sinh viên Đại học Huế tại Trường ĐH Khoa học và Trung tâm Học Liệu Đại học Huế. Buổi nói chuyện giúp người nghe không chỉ hiểu thêm kiến thức, mà còn biết rất nhiều về nhân cách của bà. GS trân trọng tất cả mọi người, mọi việc, rất tự nhiên từ trái tim của bà, và sự trân trọng đó thể hiện trong từng lời nói, việc làm và suy nghĩ đối với người xung quanh. Đây là lần thứ hai bà đến Huế, lần đầu tiên là vào tháng 1/2015.

Cô Tô Diệu Lan, cán bộ Trung tâm Học Liệu Đại học Huế, người đã dịch cho GS suốt các buổi nói chuyện, đã chia sẻ: “Được dịch cho những người như bà thật là may mắn lớn cho tôi bởi vì tôi học được rất nhiều từ bà. Nếu nói đời bà có một chút may mắn nào thì đó là từ khi sinh ra bà đã có óc tò mò và ham tìm hiểu, khám phá. Lớn lên thì có một người chồng «thông minh - (vì) biết cùng chia sẻ việc nuôi dạy con cái và chăm sóc gia đình» - theo ngôn ngữ của bà. Bà đã nỗ lực không ngừng và trung thành với niềm yêu thích khoa học của mình. Bà luôn mong muốn và hành động cụ thể để giúp những người đang thiết thòi khác có cơ hội phát triển trong sự nghiệp nghiên cứu khoa học (COACH for women scientists and engineers). Vậy nên phần thưởng bất ngờ của bà, như bà ngụ ý trong buổi nói chuyện, chính là được chọn là phái viên Khoa học của Tổng thống Hoa Kỳ năm 2015 tới các nước hạ lưu sông Mê Kông”.

Kết thúc chuyến đi đến Việt Nam vào tháng 12/2015 vừa rồi, GS. Đã phát biểu những cảm xúc của mình trên trang COACH: “Việt Nam, sẽ có thêm những sự kiện và những chuyến viếng thăm tuyệt vời ! Mỗi lần tôi đến Việt Nam, tôi càng thêm ấn tượng với những nhà khoa học, những giảng viên và sinh viên mà tôi đã gặp. Hai tuần ở đây quả thật là tuyệt vời với những sự kiện những cuộc gặp gỡ ở TP. HCM, Đà Nẵng,

Huế và Hà Nội. Tôi mong chờ ngày trở lại Việt Nam vào đầu năm 2016”.

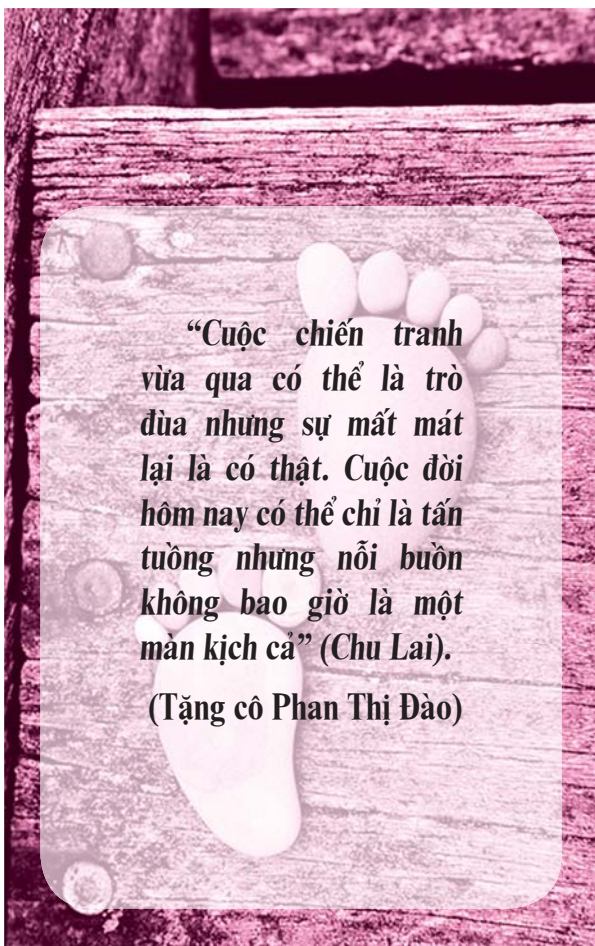
Được biết, ngày 11 và 12-1-2016, bà đã dự hội thảo Tôn vinh phụ nữ trong khoa học công nghệ khu vực hạ lưu sông Mekong tại TP.HCM nhiều nữ sinh viên trong ngành công nghệ, khoa học từ Campuchia, Lào, Myanmar và Việt Nam có mặt tại hội thảo này. □

Giáo sư Geraldine L. Richmond - Chủ tịch Khoa học và Giáo sư Đại học Hóa Học Oregon

Giáo sư Geraldine (Geri) Richmond nhận bằng cử nhân hóa học của Đại học Kansas State năm 1975 và bằng Tiến sĩ chuyên ngành Lý Hóa tại Đại học California, Berkeley năm 1980. Bà rất thành công trong việc nghiên cứu thí nghiệm và lý thuyết nhằm tìm hiểu đặc tính cấu trúc và hóa học của lớp vỏ phức hợp liên quan đến những vấn đề quan trọng trong sản xuất năng lượng, bảo vệ môi trường, hóa học khí quyển, bề mặt phân tử sinh học. Bà là thành viên của Viện Hàn lâm Khoa học Quốc gia Hoa Kỳ và Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội và Khoa học Tự nhiên Hoa Kỳ.

Giáo sư Richmond cũng có vai trò quan trọng trong việc thiết lập các chương trình nghị sự khoa học quốc gia thông qua việc tham gia vào nhiều ủy ban khoa học và ban cố vấn. Năm 2015, bà được bầu làm Chủ tịch Hiệp hội Hoa Kỳ vì Tiến bộ Khoa học (AAAS) và hiện đang là người được Tổng thống Obama bổ nhiệm vào Hội đồng Khoa học Quốc gia Hoa Kỳ nhiệm kỳ 2012 - 2018. Bà từng điều trần về các vấn đề khoa học trước các ủy ban của Thượng viện, Hạ viện Hoa Kỳ và Hạ viện bang Oregon.

Bà là người sáng lập và chủ tịch Ủy ban vì sự Tiến bộ của các Nhà hóa học nữ (COACH), một tổ chức cơ sở hỗ trợ sự tiến bộ của các nhà khoa học nữ ở Hoa Kỳ và các quốc gia đang phát triển.



“Cuộc chiến tranh vừa qua có thể là trò đùa nhưng sự mất mát lại là có thật. Cuộc đời hôm nay có thể chỉ là tán tuông nhưng nỗi buồn không bao giờ là một màn kịch cả” (Chu Lai).
(Tặng cô Phan Thị Đào)

THẦY PHAN TRỌNG HÒA và Logic của những bàn chân

✍ TS. PHAN TUẤN ANH

GV. Khoa Ngữ văn Trường ĐHKH

thầy cô mà những bài học của họ truyền thụ sẽ đi theo ta suốt cả cuộc đời.

Với tôi, người thầy đặt biệt nhất, và cũng là người tôi kính trọng, học hỏi được nhiều điều nhất ngoài giảng đường, đó chính là thầy giáo thương binh hạng 2/4 Phan Trọng Hòa. Từ năm 1968 đến năm 1974, thầy Phan Trọng Hòa tham gia chiến trường B, C, trước khi bị thương ở chiến trường Nam Lào. Tôi còn nhớ, năm học 2003 – 2004, khi đang là cựu sinh viên năm thứ nhất khoa Ngữ văn, trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, tôi đã rất ngạc nhiên khi trong giờ Logic học, thầy giáo bước chỉ với một chân lành lặn, chân kia của thầy đã để lại chiến trường vào tháng 9 năm 1972. Đọc nhiều về văn học kháng chiến chống Mỹ, nhất là những tiểu thuyết viết trong thời kỳ kháng chiến, hiểu nhiều về sự hi sinh lớn lao của người lính cụ Hồ lẫn những thiệt thòi và bị kịch trong và sau chiến tranh, nhưng quả thực tôi chưa từng nghĩ sẽ có một ngày sẽ được học trên giảng đường đại học với một cựu chiến binh. Tôi từng nghĩ, điều ấy nếu có thật, e chỉ có trong tiểu thuyết, hoặc chỉ ở những mái trường phổ thông giai đoạn kháng chiến chống Mỹ ở miền Bắc (1954 – 1975).

Thầy tôi không bước đi trên cuộc đời chỉ bằng một chân, mà tai thầy cũng bị lãng khá nặng, thân thể còn nhiều vết đạn bom, lẫn những di chứng nặng nề do trúng đạn pháo.

Để con người được trở thành con người – tức một nhân cách hoàn thiện và được trang bị nền tảng đạo đức, kiến thức đời sống lẫn kiến thức chuyên môn đầy đủ, hẳn rằng mỗi chúng ta phải hàm ơn biết bao những thầy cô đã dạy dỗ, chăm sóc trong cuộc đời, từ buổi ban đầu đi học trên đôi tay ấm lòng của cô giáo nuôi dạy nhà trẻ, cho đến khi bước vào mái trường phổ thông, đại học và có thể là cả sau đại học. Có những người thầy sẽ đi theo ta để dẫn đường suốt cả cuộc đời, có người chỉ giúp ta sang sông tri thức trong một khoảnh khắc, nhưng tất cả họ đều mang một sứ mệnh thiêng liêng như nhau trong ngôi đền truyền bá ngọn lửa tri thức. Trong cuộc đời của mỗi chúng ta, sẽ thật khó để có thể nhớ tên của tất cả thầy cô từ thuở mẫu giáo cho đến khi trưởng thành, càng khó hơn nữa để có thể thăm viếng, hay đơn giản là biết tin tức về sức khỏe, sự nghiệp cũng như tư tưởng học thuật của họ. Thế nên, thông thường, trong những giới hạn của cuộc đời mình, cả giới hạn khách quan và chủ quan, chúng ta thường chỉ hoài nhớ và khắc ghi hình bóng của một vài



*Thầy Phan Trọng Hòa
thời trai trẻ (hàng đầu,
ngồi giữa) và đồng đội
đồng hương Tùng Ảnh
(Đức Thọ, Hà Tĩnh)
trên đường Nam tiến,
xuân 1968.*

Trong khi với nhiều đồng đội của thầy, sống sót qua chiến tranh đã là kì tích, hay nhiều người khác an phận thủ thường với thân phận của một thương binh tàn phế, sống chủ yếu nhờ trợ cấp xã hội, thì thầy tôi vẫn chiến đấu và chiến thắng cuộc chiến tranh với số phận cá nhân mình. Năm 1975, thầy Phan Trọng Hòa được vào học ngôi trường danh tiếng Đại học Tổng hợp Hà Nội. Năm 1979, với nghị lực phi thường, thầy đã tốt nghiệp ra trường như bao bạn bè trẻ hơn mình vài tuổi, những người trẻ hơn, gia đình có điều kiện hơn, và quan trọng là họ đi học với cả đôi chân lành lặn. Còn thầy tôi, chiếc chân giả như một thứ trang sức tàn khốc của chiến tranh, thứ vật chứng vẫn hành hạ thầy mỗi khi trời trở gió, bởi vết thương tháo khớp gối đầu liền sẹo nhưng không lành hẳn bao giờ, vẫn hằng ngày theo thầy đến lớp rồi giúp thầy tốt nghiệp ra trường. Với chiếc chân giả đó, thầy đã đến/ra trường không chỉ với hành trang tri thức trĩu nặng, mà còn là cả tình yêu với cô bạn sinh viên cùng lớp Phan Thị Đào.

Năm 1979, thầy tôi kết hôn mà không dám cưới với cô chủ nhiệm đại học của tôi sau này

là Phan Thị Đào, một cái kết đẹp cho mối tình tương chừng như chỉ có trong cổ tích. Trước, đọc *Mảnh trăng cuối rừng* của Nguyễn Minh Châu, tôi thường không thích bởi tính lãng mạn cách mạng được tác giả quá cường điệu. Tôi từng không tin làm gì có những con người đầy lý tưởng như thế, cũng như không thể có mối tình đẹp như vậy trong chiến tranh. Nhưng mãi đến sau này, nhiều khi tôi vẫn thấy khó hiểu tại sao cô sinh viên xinh đẹp Phan Thị Đào lại xiêu lòng và quyết định kết tóc xe duyên với anh thương binh chỉ còn một chân Phan Trọng Hòa, dẫu cô biết những gian nan, khó khăn chồng chất trước mặt. Thầy tôi gần như là con một bởi ba người em đều ở xa. Số phận gia đình thầy cũng đầy bi kịch bởi mẹ thầy là vợ hai, người vợ đầu không có con nên đi lấy vợ hai cho chồng. Bố thầy là người yêu nước nhưng bị qui sai là địa chủ, bị đầu tố bỏ đói rồi mất trong cái cách ruộng đất. Vậy mà, mối tình trong sáng, đầy tính lý tưởng cách mạng giữa anh cựu chiến/thương binh Phan Trọng Hòa với cô sinh viên cùng lớp Phan Thị Đào vẫn nảy nở, đơm hoa kết trái, sau những lần hẹn hò với những món quà giản dị, đơn sơ

là những quả mận. Có lẽ, chỉ trong thời đại Hồ Chí Minh, khi hình ảnh người lính, mà nhất là những người lính thương binh chính là đáng hình đất nước, yêu họ cũng chính là yêu tổ quốc, thì chúng ta mới có thể giải thích cho những tình yêu như vậy. Người yêu có thể không lành lặn, tổ quốc có thể nhiều vết sẹo chiến tranh và gian khổ, nhưng nguyên nhân của tình yêu chỉ là chính tình yêu, không vụ lợi, không tính toán thiệt hơn cho mình.

Sau khi ra trường và kết hôn, hai vợ chồng thầy vào Huế sinh sống và giảng dạy tại trường Đại học Tổng Hợp Huế (sau này là Đại học Khoa học). Một lần nữa, thầy đã chiến thắng những giới hạn và khiếm khuyết của cuộc đời mình, bằng cách trở thành một thầy giáo trên giảng đường đại học được nhiều thế hệ sinh viên yêu mến, với cách truyền thụ đầy tính nhân văn và sư phạm. Hầu hết các thế hệ giảng viên khoa Ngữ văn ngày nay đều là học trò cũ của thầy. Trong đó, có nhiều người nay đã là phó giáo sư, tiến sĩ, nhà giáo ưu tú và nắm giữ nhiều cương vị lãnh đạo khoa, trường như PGS. TS. NGUYỄN. HỒ Thế Hà, PGS. TS. Nguyễn Thành, PGS. TS. Bùi Mạnh Hùng (hiện đã chuyển vào TP. Hồ Chí Minh), TS. Trần Trung Hỷ, TS. Hà Ngọc Hòa... Thầy là người mà mỗi lần nhắc đến, bất cứ cựu sinh viên nào cũng có nhiều kỷ niệm, cũng như trong mắt ai cũng ánh lên niềm tự hào từng được thầy dạy dỗ. Tôi còn nhớ như in dáng đi của thầy tập tễnh, vịn chặt tay tôi mỗi lần lên cầu thang, áo sơ mi và quần tây bao giờ cũng ủi thẳng tắp, cặp da bóng và giọng thầy giảng sang sảng cả dãy nhà giảng đường.

Học với thầy thật nhiều kỉ niệm, do lãng tai vì vết thương chiến tranh, nên âm lượng giảng bài của thầy bao giờ cũng vang sang tận cả phòng bên cạnh, thậm chí còn át đi cả tiếng giảng bằng micro của đồng nghiệp. Thầy không nghe rõ nên nói lớn, lại hay gọi sinh viên lên bảng làm

những bài toán logic, nhiều cậu sinh viên khác học tưởng mỗi lần thầy nhận xét là đang quát mình nên học hành nghiêm túc hẳn. Nhiều lúc khác, sinh viên giơ tay hỏi một vấn đề, hoặc xin ra ngoài, thầy lại giải đáp về một vấn đề khác làm mọi người cảm thấy thú vị bất cứ. Bao nhiêu năm trên giảng đường, từ 1980 đến 2007, tôi chưa thấy thầy đi dạy trễ hay cho về sớm một phút nào, bất chấp trời nắng hay mưa, mặc dù tôi biết thầy mỗi lần thay đổi thời tiết, thầy lại đau nhức vết thương cũ ở chân và đau đầu. Bao giờ cũng là dáng đi chênh vênh ấy, mái tóc chải cẩn thận, áo quần phẳng phiu và mỗi lúc ra chơi vẫn ngồi lại cặm cụi đọc sách trên bàn giáo viên, bởi thầy không thể di chuyển nhiều để đến phòng nghỉ giảng viên như bao đồng nghiệp khác. Gần 27 năm qua, hình ảnh của thầy đã trở thành một kí ức đáng trân trọng, một biểu tượng đẹp về



Thầy Phan Trọng Hòa và Sinh viên trong giờ giải lao

hình tượng người thầy của trường Đại học Khoa học nói riêng và Đại học Huế nói chung trong lòng các thế hệ học trò.

Nhưng điều tôi khâm phục nhất ở thầy là tư cách của một nhà khoa học. Ngày nay, không hiếm người đơn thuần chỉ là thợ giảng, có thể giảng rất hay và truyền cảm còn việc nghiên cứu khoa học, tìm ra cái mới hầu như chỉ đối phó. Ấy vậy mà người thương binh 2/4 Phan Trọng

Hòa, chỉ bước đi bằng một chân lạnh lặn đã dừng cảm lựa chọn ngành khoa học hàn lâm gắn liền với triết học là logic học để giảng dạy và nghiên cứu. Thầy là một trong những người có nhiều bài viết nhất đã công bố trên các tạp chí chuyên ngành về lĩnh vực nghiên cứu sự kiện văn học thông qua phương pháp logic học. Cùng với vị hôn thê Phan Thị Đào, thầy là người đầu tiên ở Việt Nam coi logic học là một yếu tố cấu thành thi pháp truyện cười. Cho đến nay, thầy đã xuất bản 1 chuyên luận (*Truyện cười logic*, Nxb Thuận Hóa – viết chung với Phan Thị Đào) và 1 giáo trình (*Logic học*, Nxb Thuận Hóa). Trong đó, giáo trình *Logic học* của thầy đã được tái bản nhiều lần, và là một trong những giáo trình logic học hàng đầu của Việt Nam. Giáo trình của thầy đặc biệt dễ đọc, dễ học, tạo ra hứng khởi cho sinh viên ngành văn nói riêng và các ngành khoa học xã hội nói chung, bởi thầy đã khéo léo đưa vào các ví dụ văn học để minh họa cho những mệnh đề logic vốn khô khan, trừu tượng. Cách nghiên cứu logic đặc thù này đã mềm hóa được tri thức hàn lâm, cũng như phát huy được tư chất văn chương của thầy. Cũng có lẽ bởi vậy là một chuyên gia văn học dân gian hàng đầu của Đại học Huế, nên thầy có một kho tư liệu vô biên về những truyện cười. Tôi vẫn thường đùa rằng, thầy cô không chỉ có hai người con, mà còn cần phải tính cả đứa con tinh thần chung là *Truyện cười logic*.

Trong những năm tháng giảng dạy trên giảng đường, thầy Phan Trọng Hòa là người có nhiều bài viết nghiên cứu, bình luận xã hội sâu sắc, làm lay động biết bao trái tim của đồng nghiệp và các sinh viên. Các bài viết của thầy được đăng tải trên các tạp chí như *Sông Hương* hay *Văn hóa Nghệ An* thực sự là những nghiên cứu, trải nghiệm quý báu cho thế hệ trẻ may mắn không đi qua chiến tranh như chúng tôi. Còn nhớ, tôi đã từng xúc động nghẹn ngào khi đọc bài báo *Chúng tôi và những bài ca về Trường Sơn* đăng trên *Văn hóa Nghệ An*. Tâm sự của tác giả trong bài báo ấy là nỗi xúc động và bồi hồi nhớ lại quá khứ chiến đấu ở Trường Sơn, trong một lễ kỉ niệm nhân

ngày 22/12 của sinh viên Đại học Khoa học Huế. Khi sinh viên cất lên ca khúc *Bác vẫn cùng chúng cháu hành quân*, thầy đã tự hào nhớ lại: “Là giảng viên - cựu chiến sĩ, tôi thầm cảm ơn các em, tuổi trẻ hôm nay đã nhiệt thành hát về Trường Sơn! Hai mươi sáu năm về trước, giữa những cánh rừng già đất lạ của chiến trường Thừa Thiên - Huế, tuổi trẻ Trung đoàn 9 chúng tôi cũng đã hát vang lên những bài ca như thế. Giữa núi rừng A Lưới, A Bia thiếu muối đói cơm, đạn xé bom gào, chất độc hóa học và B52 rải thảm, chúng tôi vẫn nung nấu quyết tâm Tiến về đồng bằng, ta quét sạch giặc thù, tiến về Huế để giải phóng cố đô! Đối với chúng tôi - những người đã đi qua chiến tranh, mỗi bài ca về Trường Sơn là một Tượng Đài Kỷ Niệm. Mỗi ngọn núi cao, mỗi dòng suối sâu, mỗi chiếc cầu treo vắt vẻo trên đỉnh Trường Sơn là một Bài ca không bao giờ quên...”.

Nhiều thế hệ sinh viên trước tôi và cả sau tôi đã học được rất nhiều những bài học từ cuộc đời thầy, những bài học bên ngoài giảng đường và không ai khác có thể dạy thay thầy. Chính cuộc đời của thầy, sự hi sinh to lớn, nghị lực phi thường và cả ở cái khoảng trống chệnh vênh dưới chân của người cựu chiến binh, đã cho tôi và bạn bè đồng môn một khát vọng vươn lên nhằm chiến thắng những cuộc chiến tranh của cuộc đời mình. Cũng thật lạ, thầy là một người giảng dạy và nghiên cứu về logic, nhưng cuộc đời thầy thì lại dày đặc những trớ trêu và phi logic. Những thứ bất quy luật, phi logic ấy có khi là hạnh phúc, là may mắn như tình yêu với người vợ cùng lớp đại học, việc được giảng dạy trong trường đại học, hay việc sinh hạ hai người con trai khôi ngô, người con trai út bây giờ đã là giảng viên đại học tại khoa Ngữ văn Đại học Khoa học, tuy nhiên, đa phần những thứ phi logic của cuộc đời thầy là những bất công và bất hạnh. Tuổi thơ gian khó vì thân phận giai cấp địa chủ, sớm mồ côi cha mẹ từ nhỏ, bố trước khi chết đói phải đem con đi cho, ba lần vợ thầy sinh hạ nhưng cho đến nay, gia đình thầy chỉ còn lại một người con trai duy nhất, những vết thương càn

về già lại càng hành hạ thầy. Tôi thường nghĩ, có lẽ cuộc đời là sự phức hợp của những điều logic và phi logic, những quy luật logic làm nảy sinh những biến số bất quy tắc, nhưng trong bản thân thứ bất quy tắc ấy, lại ẩn chứa những logic bề sâu.

Ai ai cũng cần đi lại trên hai bàn chân, nhưng thầy đã bước vững chãi, đường hoàng trên cuộc đời này chỉ bằng một chân xương thịt và một chân nhựa gỗ. Nhưng có thể nói, thầy của tôi luôn chỉ đi trên cuộc đời này chỉ bằng một chân duy nhất, xuyên suốt cả kiếp người, từ trước khi bước vào cuộc chiến tranh chống Mỹ cho đến khi về hưu, an trí tuổi già, đó là chân “**chân thật**”. Sống bên cạnh thầy mười mấy năm, tôi càng nhận ra cái “**triết lý bàn chân**” (mượn từ của Đỗ Lai Thúy viết về Hoàng Ngọc Hiến) này của riêng thầy. Nếu chúng ta không được phép lựa chọn cho mình một hay hai chân, bởi “chiến tranh đâu phải trò đùa”, sứ mệnh thiêng liêng của người lính là phải hi sinh tất cả để bảo vệ tổ quốc, thì có một chân mà mỗi người vẫn có thể lựa chọn nhằm đi lại giữa cõi nhân gian, đó là sự chân thật, thẳng thắn và chân thành. Có lẽ cũng vì sự lựa chọn “**bàn chân**” ấy, nên thầy tôi mới lựa chọn giảng dạy một môn khoa học chính xác như logic học.

Gần mười năm kể từ ngày thầy về hưu, dù vẫn còn giảng dạy mỗi tuần với tư cách thỉnh giảng khắp trong nam ngoài bắc, thầy lại phải tiếp tục cuộc chiến tranh mới với số phận và những trở trêu, bất logic của cuộc đời. Trong một lần khám bệnh định kỳ, thầy bị phát hiện xơ gan cổ trướng với tiên lượng rất nặng, không có nhiều hi vọng kéo dài. Sau nhiều lần nhập viện rồi bị bệnh viện trả về bởi việc điều trị không có kết quả, tóc thầy giờ bạc trắng và nhiều lúc cơ thể suy kiệt tưởng chừng như không thể qua khỏi. Nhiều lần, tôi và thầy cùng chỉ ước ao trời thôi mưa, thầy khỏe lên một chút đủ để đi, để tôi và thầy cùng lên núi viếng mộ người con trai đầu của thầy, điều mà trong gần mười lăm năm qua, chúng tôi vẫn làm mỗi tháng, nhưng điều ước ao nhỏ nhoi ấy đến

nay vẫn chừng như xa xỉ không/chưa thực hiện được. Dẫu thầy đang phải đấu tranh vật lộn với bệnh tật mỗi ngày, nhưng tôi thấy vẫn được nghị lực phi thường và khát khao sống mạnh mẽ. Thầy không nói về hi vọng, tương lai, bởi dường như những điều đó với thầy bây giờ là xa xỉ, nhưng mỗi ngày, dù rất mệt, thầy vẫn cố gắng trồng cây và chăm sóc mảnh vườn. Mỗi mầm xanh mọc lên mỗi ngày, bên khoảng đất nhỏ phía ngoài mái hiên ban công sân thượng của nhà thầy là một niềm hi vọng. Thầy chối từ chấp nhận đầu hàng định mệnh nghiệt ngã của cuộc đời mình, như trong chiến tranh cái chết đã từng từ chối thầy. Nghị lực kiên cường của thầy luôn làm tôi nhớ đến câu nói của đại văn hào William Faulkner: “Tôi từ chối không chấp nhận sự tàn lụi của con người”. Những vết thương thời chiến đấu nay lại tái phát, hành hạ thầy, nhưng tôi vẫn thấy thầy không đầu hàng trong cuộc chiến cuối cùng của cuộc đời mình, bằng cách vẫn đọc sách mỗi ngày và trồng cây bất chấp mưa gió.

Thật lạ, mỗi lần gặp thầy trò chuyện, trong những hoàn cảnh bi quan và nghiệt ngã nhất, tôi đều thấy thầy cười. Mỗi lúc thầy cảm thấy đốn đau nhất, hoặc nghĩ quỹ thời gian của mình không còn nhiều, thầy chỉ nắm chặt tay tôi, dặn dò giữ sức khỏe. Người yếu ốm nhất bao giờ cũng lo cho sức khỏe người khác, người gặp nhiều phi lý, bất công nhất của cuộc đời lại giảng dạy logic học, và đôi chân không lành lặn lại giúp thầy đi rất xa trên con đường của học vấn, của sự nghiệp trồng người. Có lẽ, đó là logic riêng của những bàn chân mà chúng ta chỉ có thể hiểu bằng trái tim. Và mỗi chúng tôi, trên bước đường đời sau này luôn mang trên mình những bài học logic mà thầy truyền đạt, cả những bài học logic chính xác trong những trang sách, lẫn những bài học logic cuộc đời mà chúng tôi học được từ chính nhân cách và số phận của thầy. □

F.A

Trường An, 0h15 - 16/12/2015

Hội nghị tổng kết kỳ thi trung học phổ thông quốc gia và tuyển sinh đại học, cao đẳng 2015

Ngày 10/12, Đại học Huế tổ chức hội nghị tổng kết kỳ thi trung học phổ thông quốc gia và tuyển sinh đại học, cao đẳng 2015 nhằm đánh giá, rút kinh nghiệm chuẩn bị cho việc triển khai công tác thi và tuyển sinh năm 2016. PGS.TS. Nguyễn Dung, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã dự hội nghị. PGS.TS. Nguyễn Văn Toàn, Giám đốc Đại học Huế Chủ tịch Hội đồng thi và tuyển sinh Đại học Huế chủ trì hội nghị.

Năm 2015, Đại học Huế được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ chủ trì Cụm thi số 26 để tổ chức kỳ thi hai trong một cho những thí sinh thuộc 3 tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế. Ngay sau khi có quyết định của Bộ GDĐT, Đại học Huế đã triển khai tốt các nhiệm vụ từ công tác chuẩn bị, thống kê số liệu, tổ chức kỳ thi, chấm thi... Với số lượng thí sinh dự thi là 27.284/27845 thí sinh đăng ký dự thi, so với kỳ thi ba chung thì kỳ thi THPTQG được đánh giá có quy mô không lớn nhưng mức độ phức tạp cao, đòi hỏi sự chỉ đạo, điều hành nhanh nhạy, cẩn trọng, kịp thời, sự phối hợp và hỗ trợ của các ban ngành.

Về tuyển sinh đại học, cao đẳng 2015, qua 3 đợt xét tuyển, đã có 11.717/12.435 chỉ tiêu đến nhập học tại ĐH Huế, đạt 94,23% tổng chỉ tiêu, đây là tỷ lệ tuyển sinh khá cao so với các trường ĐH trên toàn quốc. Trong đó có các trường ĐH thành viên của ĐH Huế đạt tỷ lệ thực tuyển/chỉ tiêu cao, trên dưới 100% như: ĐH Luật 820/800 (102,50%); ĐH Kinh tế 1.764/1.760 (100,23%); ĐH Nông lâm 2.398/2.410; ĐH Y Dược 1.523/1.545 (98,58%); ĐH Ngoại ngữ 1.174/1.230 (95,45%).

Tại hội nghị, các đại biểu tập trung thảo luận hững vấn đề liên quan đến công tác coi thi, sự phối hợp giữa các sở trong chấm thi, phương thức, quy trình, thủ tục xét tuyển, nhập học. Nhiều kiến nghị, đề xuất đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo và phía Đại học Huế được đưa ra để chuẩn bị tốt hơn cho kỳ thi trung học phổ thông quốc gia và tuyển sinh đại học, cao đẳng 2016. Trong đó, về kỳ thi THPT, một số ý kiến cho rằng cần chú ý đến độ phân hóa cao của đề thi, đánh giá đúng năng lực của thí sinh; hoàn thiện hệ thống phần



mềm hỗ trợ công tác chấm thi, phách; điều chỉnh lịch thi; tăng cường tập huấn... Về công tác tuyển sinh, cần rút ngắn thời gian nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển và không cho thí sinh rút hồ sơ; điều chỉnh điểm ưu tiên đối tượng, khu vực...

Phát biểu tại hội nghị, PGS.TS. Nguyễn Dung, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đánh giá cao công tác tổ chức của Đại học Huế để có được một kỳ thi thành công. Phó Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đồng ý với những đề xuất của Đại học Huế để kỳ thi năm 2016 sẽ tốt hơn. Về tuyển sinh, Đại học Huế cần nghiên cứu để tạm ngưng tuyển sinh một số ngành học khó tuyển trong thời gian qua.

Kết luận tại hội nghị, PGS.TS. Nguyễn Văn Toàn, Giám đốc Đại học Huế, Chủ tịch Hội đồng thi và tuyển sinh tiếp thu những ý kiến đóng góp để tổ chức kỳ thi 2016 thành công hơn; đồng thời biểu dương và khen thưởng cán bộ viên chức có thành tích trong công tác thi và tuyển sinh.

PV

Tạp chí khoa học ĐHH: Nâng cao chất lượng để đạt chuẩn quốc tế

Ngày 16/12, Hội đồng Biên tập và Ban Biên tập các chuyên san Tạp chí Khoa học Đại học Huế đã họp nhằm đánh giá lại công tác xuất bản tạp chí trong năm qua. PGS. TS. Nguyễn Văn Toàn, Giám đốc Đại học Huế, Chủ tịch Hội đồng biên tập; PGS.TS. Nguyễn Quang Linh, Phó Giám đốc Đại học Huế, Phó Chủ tịch Hội đồng biên tập đã chủ trì phiên họp.

Năm 2015, Tạp chí khoa học xuất bản được 14 số, tăng 2 số so với kế hoạch, với 427 tổng số bài được gửi đến, 288 bài được đăng trên các chuyên san Khoa học xã hội nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học trái đất và môi trường, nông



nghiệp và phát triển nông thôn, kinh tế và phát triển, kỹ thuật và công nghiệp.

Hội đồng biên tập gồm 32 người, trong đó có 03 giáo sư đầu ngành thuộc các hội đồng chức danh giáo sư nhà nước và 07 giáo sư từ các đại học nước ngoài (ĐH London Anh; ĐH Kyoto Nhật Bản; ĐH Marche Ý, ĐH Virginia và ĐH Hawaii Hoa Kỳ; ĐH Công nghệ Vienna Áo; ĐH Utrecht Hà Lan). Dữ liệu cộng tác viên làm công tác phản biện có gần 500 người và luôn được cập nhật, bổ sung đội ngũ các nhà khoa học trẻ. Quy trình biên tập, phản biện đều được thực hiện qua hệ thống JOS được hoàn thiện theo chuẩn quốc tế, tự động hoá từ khâu bài gửi, phân phản biện, biên tập và trong quá trình biên tập có thể trao đổi trực tiếp với tác giả trên hệ thống.

Theo kế hoạch Dự án nâng cấp Tạp chí khoa học Đại học Huế, năm 2015, Tạp chí đã ký hợp đồng liên kết xuất bản với David Publishing – Hoa Kỳ để xuất bản một số đặc san tiếng Anh cho chuyên san Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Trong tương lai, năm 2016, Tạp chí Khoa học Đại học Huế hướng đến kết nối và hợp tác với Open Springer và Elsevier để gửi một số tạp chí bằng tiếng Anh đăng tải trên hệ thống quốc tế.

Phát biểu tại cuộc họp, các thành viên hội đồng biên tập đánh giá cao những bước tiến của Tạp chí khoa học Đại học Huế trong thời gian qua, xác định việc xây dựng tạp chí chất lượng cao là yêu cầu quan trọng trong tiến trình hội nhập và phát triển. Tuy nhiên, để tiến nhanh và bắt kịp với chuẩn quốc tế, Tạp chí Khoa học Đại học Huế cần xác định hướng đi đúng. Đó là tập trung nâng cao chất lượng các chuyên san tiếng Anh, xử lý linh hoạt và cải tiến hơn nữa trong quy trình phản biện, biên tập; nâng cao điểm số công trình của bài báo; quảng bá rộng rãi hơn nữa các công trình nghiên cứu của tác giả trên mạng...

Hội đồng biên tập cũng đã đưa ra khó khăn thách thức, những đề xuất cho vấn đề đầu tư đội ngũ và tài chính nhằm mục đích nâng dần chất lượng, đặc biệt là tính hàn lâm để dần đạt chuẩn quốc tế.

PV

Workshop “Đồ họa” giữa nghệ sĩ Benjamin Badock với các sinh viên của Khoa Đồ họa, Đại học Nghệ thuật - Đại học Huế



Trong khuôn khổ chương trình hợp tác giữa trường Đại học Nghệ thuật - Đại học Huế với Viện Goethe, Hà Nội, vừa qua nhà trường đã phối hợp với Viện Goethe Hà Nội tổ chức Workshop Đồ họa giữa nghệ sĩ Đồ họa Benjamin Badock đến từ Đức với các sinh viên thuộc Bộ môn Đồ họa từ ngày 7/12 đến 14/12/2015.

Đây là lần thứ hai nghệ sĩ Benjamin đến tổ chức workshop tại trường Đại học Nghệ thuật, lần thứ nhất vào năm 2014.

Mười một sinh viên thuộc các lớp năm thứ 2, thứ 3 và thứ 4 thuộc Bộ môn đã được trao đổi và thực hành về kỹ thuật in với nghệ sĩ Đức trong không khí làm việc nghiêm túc và dân chủ.

Sau khi nghệ sĩ Benjamin giới thiệu cho các sinh viên phương pháp tư duy về các đồ vật cụ thể, đưa ra cách xây dựng ý tưởng cho mỗi bài in, và một số kỹ thuật in, các sinh viên tiến hành in liên tục để có các tác phẩm in lấy ý tưởng từ các đồ vật cụ thể ban đầu đó. Kết quả của workshop là mỗi sinh viên đã có các tập tranh in rất độc đáo, mang tính trừu tượng và đầy sáng tạo.

Qua workshop với nghệ sĩ Đức, sinh viên trường Đại học Nghệ thuật đã có cơ hội để làm việc, trao đổi trực tiếp với một nghệ sĩ nước ngoài và tiếp cận các phương pháp in ít nhiều phục vụ cho sinh viên trong quá trình học tập và sáng tác sau này.

Kinh nghiệm Quốc tế, áp dụng địa phương



Xây dựng Trung tâm học liệu Ngoại ngữ Quốc gia: Kinh nghiệm Quốc tế áp dụng địa phương. Đó là chủ đề của Khóa tập huấn nghiệp vụ xây dựng trung tâm học liệu ngoại ngữ Quốc gia do Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế tổ chức được khai mạc sáng 07/12.

Tham dự buổi khai mạc có PGS.TS Nguyễn Quang Linh, Phó Giám đốc Đại học Huế; TS. Bảo Khâm, Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ; Chuyên gia TS. Kevin Witt, Cố vấn Trung tâm học liệu và phát triển đại học, Công ty Linesman, Vương quốc Anh; TS Đặng Dũng, Học giả Trường Đại học Niagara, Hoa Kỳ và gần 50 đại biểu là giảng viên, cán bộ làm công tác thư viện, công nghệ thông tin của các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn Thừa Thiên Huế và các tỉnh thành khác trong cả nước.

Khóa tập huấn diễn ra trong 4 ngày từ 07 đến 11/12/2015 với các nội dung: Phát triển, duy trì và nhu cầu cấp thiết cần đổi mới mô hình Trung tâm học liệu; Thuận lợi, khó khăn, thành công và thất bại của các đại học trong quá trình xây dựng, phát triển Trung tâm học liệu nói chung. Phương thức tập huấn gắn lý thuyết với thực hành áp dụng ngay kiến thức, kỹ năng mới vào công việc. Tại lớp tập huấn, các học viên cũng được các chuyên gia chia sẻ mô hình xây dựng, khai thác và phát triển trung tâm học liệu ngoại ngữ quốc gia theo hướng xã hội hóa và những kinh nghiệm quốc tế về trung tâm học liệu ngoại ngữ. Đây là cơ sở để xây dựng thành công trung tâm học liệu ngoại ngữ quốc gia, đạt mục tiêu đổi mới phương pháp dạy học ngoại ngữ theo mục tiêu của Đề án ngoại ngữ Quốc gia 2020.

Hội thảo vùng Châu Á - Thái Bình Dương về Nghiên cứu Pháp ngữ

Hội thảo vùng Châu Á – Thái Bình Dương về Nghiên cứu Pháp ngữ phiên 2015 chính thức khai mạc sáng 01/12, tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế. Đây là hội thảo do Trung tâm Pháp ngữ Châu Á – TBD, Đại sứ quán Pháp tại Việt Nam phối hợp với Trường Đại học Ngoại ngữ tổ chức.



Bà Eva-Nguyễn Bình, Tham tán Hợp tác và Hoạt động Văn hóa của Đại sứ quán Cộng hòa Pháp - Giám đốc Viện Pháp tại Việt Nam

Hội thảo có sự hiện diện của Bà Eva-Nguyễn Bình, Tham tán Hợp tác và Hoạt động Văn hóa của Đại sứ quán Công hòa Pháp – Giám đốc Viện Pháp tại Việt Nam; Bà Trần Thị Mai Yến, Giám đốc Trung tâm Pháp ngữ Châu Á – TBD; Bà Hồ Thị Tố Nga, Phó trưởng Ban HTQT – Đại học Huế; PGS. TS Phạm Thị Hồng Nhung – Phó Bí thư đảng ủy – Phó Hiệu trưởng Nhà trường và hơn 70 học giả, các nhà nghiên cứu, các thầy cô giáo đến từ các trường đại học, học viện, trung tâm có đào tạo giảng dạy, nghiên cứu tiếng Pháp tại Pháp, Thái Lan, Ấn Độ, Hy Lạp và Việt Nam.

Hội thảo diễn ra từ ngày 01/12 đến 04/12/2015, với các báo cáo xoay quanh các vấn đề về nghiên cứu khoa học, chất lượng dạy học môn tiếng Pháp, con người, Ngôn ngữ Pháp, con người Pháp và văn hóa Pháp ngữ. Cùng nhau chia sẻ và tìm ra những hướng đi mới, thúc đẩy giảng dạy tiếng Pháp hiệu quả hơn, hội nhập hơn với sự phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn hiện nay của khu vực và thế giới. □

TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC HUẾ TRONG TÌNH HÌNH MỚI

 **PGS.TS. NGUYỄN XUÂN KHOÁT**

Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế

Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong sinh viên là một bộ phận rất quan trọng đối với việc nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện ở các trường đại học và cao đẳng ở nước ta. Đặc biệt, trong giai đoạn hiện nay, khi sự nghiệp giáo dục và đào tạo thế hệ trẻ đang diễn ra trong bối cảnh quốc tế và trong nước hết sức phức tạp, khó lường, thì việc tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong sinh viên càng trở nên bức thiết, vừa có ý nghĩa cơ bản trước mắt, vừa có ý nghĩa chiến lược lâu dài.

Đại học Huế là 1 trong 14 đại học và trường đại học trọng điểm quốc gia, một trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đa ngành, đa lĩnh vực của cả nước. Đại học Huế hiện có 8 Trường đại học thành viên, 1 Phân hiệu và 2 Khoa đào tạo trực thuộc, với hơn 50.000 sinh viên hệ chính quy và vừa làm vừa học (trong đó hơn 40.000 sinh viên chính quy); với 108 ngành đào tạo cử nhân, 70 chuyên ngành đào tạo thạc sĩ, 33 chuyên ngành đào tạo bác sĩ chuyên khoa cấp I, cấp II, nội trú và 37 chuyên ngành đào tạo tiến sĩ.

Trong những năm qua bằng nhiều biện pháp và hình thức tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật thiết thực thông qua các đợt sinh hoạt chính trị đầu năm, mời cán bộ quản lý, chuyên gia pháp luật báo cáo; các cuộc thi tìm hiểu pháp luật, các cuộc thi tiểu phẩm phòng chống tệ nạn, ma túy xâm nhập học đường... những nội dung pháp luật đã đi vào cuộc sống sinh viên. Đồng thời, bằng các hoạt động thực tiễn đa dạng, phong

phú, các tổ chức chính trị xã hội trong Đại học Huế đã góp phần tham gia tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường. Trên cơ sở đó, hình thành nhân cách toàn diện cho sinh viên

Nhờ vậy, đa số sinh viên Đại học Huế, có phẩm chất chính trị vững vàng, giữ vững niềm tin đối với Đảng và chế độ, phát huy tốt vai trò xung kích trong các mặt hoạt động; chấp hành tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; quy định của Đại học Huế và nhà trường. Nhiều sinh viên phấn đấu vươn lên đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện, trở thành đảng viên, cán bộ có năng lực ở các đơn vị.

Tuy nhiên, trước yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân và việc nâng cao ý thức trách nhiệm sống, làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong sinh viên Đại học Huế còn nhiều khó khăn, bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới của đất nước. Nhận thức về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của một số cán bộ, giảng viên và sinh viên chưa đúng mức. Nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật còn dàn trải, thiếu trọng tâm, nặng về lý thuyết, nhẹ về kỹ năng và thiếu tính thực tiễn. Phương pháp phổ biến, giáo dục pháp luật cho sinh viên chưa kịp thời, thiếu đồng bộ, thiếu hấp dẫn; tính chiến đấu và thuyết phục chưa cao; chưa kịp thời phê phán những hiện tượng sai trái, vi phạm pháp luật; có khi còn bàng quan, lảng tránh những vấn đề bức xúc đặt ra. Các bộ phận, tổ chức cá nhân

có chức năng làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật chưa được củng cố, kiện toàn; chưa có quy hoạch, kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng; chưa chủ động nắm bắt tình hình thực hiện pháp luật trong sinh viên. Một số sinh viên có lúc có nơi còn vi phạm pháp luật, nội quy, quy chế, gian lận trong thi cử...

Từ thực trạng nêu trên, để tiếp tục tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong sinh viên Đại học Huế hiện nay, theo chúng tôi cần tập trung giải quyết tốt các vấn đề cơ bản sau:

- **Thứ nhất**, tiếp tục nâng cao nhận thức về vai trò và tầm quan trọng của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho sinh viên trong tình hình mới. Củng cố, tăng cường lực lượng làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ở Đại học Huế và các trường thành viên đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp giáo dục và đào tạo. Trước mắt, cần bố trí 01- 02 cán bộ chuyên trách công tác này ở Ban Pháp chế và Thi đua Đại học Huế. Ở các trường thành viên, đơn vị trực thuộc cần bố trí cán bộ kiêm nhiệm và xây dựng đội ngũ cộng tác viên, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của đội ngũ và từng bước đưa công tác này đi vào nền nếp.

- **Thứ hai**, xây dựng chế độ chính sách hợp lý, hỗ trợ máy móc thiết bị và tài liệu phục vụ cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Tổ chức tốt các lớp bồi dưỡng, tập huấn lý luận chính trị, chuyên môn pháp lý và nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ, viên chức làm công tác pháp chế trong Đại học Huế. Tạo điều kiện thuận lợi để đội ngũ này không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, kiến thức sâu rộng, phương pháp sư phạm tốt, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- **Thứ ba**, xây dựng chương trình, nội dung, kế hoạch thống nhất về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho sinh viên trong từng năm học. Tập trung vào các hình thức báo cáo chuyên đề, thi tìm hiểu pháp luật; lồng ghép nội dung pháp luật vào các hoạt động văn hóa, văn nghệ; tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại

chúng, phát hành các tài liệu, tờ rơi...nhằm cập nhật các kiến thức pháp luật mới, tạo niềm tin, tình cảm pháp luật cho sinh viên. Chú trọng tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động mang tính thực hành chính trị, xã hội gắn với các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ, các cuộc vận động lớn của Đảng, Nhà nước, của Ngành Giáo dục; các hoạt động nghiên cứu khoa học về các vấn đề pháp luật trong thực tiễn.

- **Thứ tư**, đổi mới mạnh mẽ phương pháp phổ biến, giáo dục pháp luật cho sinh viên theo hướng thiết thực, hấp dẫn, thuyết phục; khắc phục lối truyền thụ một chiều, áp đặt; khơi dậy tính tích cực chủ động của sinh viên. Từng bước áp dụng các phương pháp tiên tiến, hiện đại vào các hoạt động tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật. Hình thành trong sinh viên nhu cầu, thói quen được học tập nâng cao trình độ pháp luật, để tự giác sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

- **Thứ năm**, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng và mối quan hệ hợp tác, phối hợp giữa các tổ chức Chính quyền, Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh, Hội Sinh viên Đại học Huế trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho sinh viên. Xây dựng các đơn vị thực sự trong sạch, vững mạnh; thực sự dân chủ - kỷ cương - tình thương - trách nhiệm; thực sự là môi trường giáo dục văn minh xây dựng nhân cách và bản lĩnh chính trị vững vàng cho sinh viên.

Tóm lại, tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho sinh viên trong Đại học Huế hiện nay là việc làm có tầm quan trọng đặc biệt, cần được tiến hành thường xuyên, liên tục với những nội dung thiết thực, kịp thời; hình thức phong phú, đa dạng có sự kết hợp của các tổ chức chính trị xã hội và sự nỗ lực của mọi thành viên. Thực hiện tốt công tác này chắc chắn sẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên Đại học Huế thành những cán bộ, viên chức vừa hồng vừa chuyên, tham gia tích cực vào tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. □



NÂNG CAO NHẬN THỨC CHO SINH VIÊN VỀ CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

TS. BÙI VĂN LỢI

Phó Trưởng ban Công tác HS.SV - ĐHH

1. Đặt vấn đề

Việt Nam là quốc gia ven biển nằm bên bờ tây của Biển Đông, có vùng biển rộng trên 1 triệu km², với bờ biển dài trên 3.260 km trải dài từ Bắc xuống Nam, có khoảng 3 ngàn hòn đảo lớn, nhỏ và 2 quần đảo là Hoàng Sa và Trường Sa, có vị trí đặc biệt quan trọng như một tuyến phòng thủ tiền tiêu bảo vệ sườn phía Đông đất nước.

Vùng biển và ven biển nước ta nằm trên đường hàng hải và hàng không - huyết mạch thông thương giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, giữa châu Âu, Trung Cận Đông với Trung Quốc, Nhật Bản và các nước trong khu vực. Đây là cửa ngõ để nước ta vươn ra hội nhập với thế giới. Dọc bờ biển có nhiều khu vực có thể xây dựng cảng biển nước sâu quy mô lớn, cho phép vận chuyển hàng hóa tới mọi miền đất nước nhanh chóng và thuận lợi, tạo điều kiện cho kinh tế phát triển. Biển nước ta có tiềm năng khoáng sản phong phú, đặc biệt là dầu mỏ, khí đốt; nguồn lợi hải sản đa dạng góp phần đưa ngành thủy sản trở thành một trong những ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước. Ngoài ra, do đặc điểm kiến tạo các dãy núi đá vôi vươn ra sát bờ biển tạo thành nhiều cảnh quan thiên nhiên "son thủy hữu tình"; nhiều vịnh, bãi cát trắng, hang động, các đảo và bán đảo liên kết với nhau thành một quần thể du lịch, tạo điều kiện cho du lịch biển, đảo phát triển.

Sự kết hợp giữa các đảo, quần đảo, thềm lục địa và đất liền tạo thành một khối liên hoàn vững chắc về quân sự, an ninh - quốc phòng. Do lãnh thổ đất liền có chiều ngang hẹp, hầu hết các trung tâm chính trị, kinh tế - xã hội đều cách bờ biển không xa. Chính vì thế, biển, đảo và vùng ven biển nước ta có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng. Khẳng định tầm quan trọng của biển, đảo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, quyết tâm phát triển kinh tế biển, sớm đưa nước ta trở thành quốc gia "mạnh về biển, làm giàu từ biển", Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành trung ương Đảng khóa X đã ban hành Nghị quyết về "Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020" cùng với việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khóa IX) về "Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới" là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách hiện nay.

Mặt khác, Biển Đông đã và đang là mối quan tâm chung của các cường quốc và các nước trong khu vực. Vươn ra biển, khai thác có hiệu quả tiềm năng kinh tế biển đã trở thành vấn đề có ý nghĩa chiến lược đối với tất cả các quốc gia ven biển. Điều đó khiến chúng ta đối diện với nhiều thách thức để quản lý bảo vệ và phát triển bền vững biển, đảo. Đặc biệt, trong những năm gần đây những tranh chấp về chủ quyền lãnh thổ trên Biển Đông của các quốc gia trong khu vực



càng trở nên gay gắt. Sự kiện Trung Quốc hạ đặt trái phép giàn khoan Hải Dương 981 trong vùng biển Việt Nam việc bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo đối với nước ta càng đặt ra yêu cầu cao hơn trong mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

Nhận thức được tầm quan trọng của biển, đảo đối với chủ quyền và vị trí chiến lược về quốc phòng - kinh tế - xã hội của đất nước, Đại học Huế luôn xác định công tác tuyên truyền, giáo dục về biển, đảo và chủ quyền biển, đảo cho sinh viên là nhiệm vụ quan trọng. Trong thời gian qua Đại học Huế đã chú trọng và đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục về biển, đảo trong sinh viên. Qua đó, nhận thức của sinh viên được nâng lên, cơ chế chỉ đạo được tăng cường, góp phần thực hiện nhiệm vụ bảo vệ vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

Tuy nhiên, trong thời gian tới xu thế hợp tác, hội nhập và phát triển vẫn luôn tồn tại những vấn đề phức tạp và nhạy cảm, tiềm ẩn những nhân tố khó lường. Để tăng cường quản lý, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc, cần tiếp tục tuyên truyền giáo dục ý thức trách nhiệm, tinh thần yêu nước nói chung và biển, đảo nói riêng trong toàn thể sinh viên.

2. Các hoạt động nâng cao nhận thức cho sinh viên về chủ quyền biển, đảo

Thực hiện Nghị quyết 09-NQ/TW Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 4 (khóa X) về “Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020”; Đề án về “Tăng cường công tác giáo dục về tài nguyên và môi trường biển, hải đảo vào chương trình giáo dục các cấp học và các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2010-2015” của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Huế đã chỉ đạo các đơn vị xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền giáo dục

cho sinh viên với nhiều nội dung thiết thực, bổ ích qua các hình thức phong phú, đa dạng được sinh viên nhiệt tình hưởng ứng tham gia, kết quả đạt được như sau:

Đại học Huế đã phối hợp với các ban, ngành chức năng, các tổ chức đoàn thể tổ chức các hoạt động tuyên truyền phổ biến những kiến thức pháp lý cơ bản, phổ thông và hệ thống pháp luật về biển, đảo: Luật Biển quốc tế, Luật Biển Việt Nam, những văn bản dưới luật về biển, đảo cho sinh viên qua các đợt sinh hoạt chính trị, tuần sinh hoạt công dân, HSSV... Cung cấp kịp thời cho sinh viên những vấn đề về tình hình thời sự, diễn biến chính trị trong và ngoài nước. Ngoài ra, sinh viên và giảng viên Đại học Luật tổ chức chương trình “Tuyên truyền và tư vấn pháp luật về biển đảo” tại thị trấn Thuận An, huyện Phú Vang, Thừa Thiên Huế cho các ban ngành, ngư dân tại địa phương.

Trước những hành vi sai trái của Trung Quốc làm thiệt hại đến tài sản cũng như uy hiếp tính mạng chiến sĩ cảnh sát biển đang thực thi nhiệm vụ chấp pháp trên vùng biển Việt Nam, Đại học Huế đã tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phản đối Trung Quốc. Tổ chức quyên góp ủng hộ và thăm hỏi, trao tặng 240 triệu đồng cho các chiến sĩ Cảnh sát biển Vùng 2. Cán bộ và sinh viên trường Đại học Sư phạm đã tổ chức thăm và trao tặng 70 triệu đồng đến lực lượng Kiểm ngư và Cảnh sát biển tại cảng Tiên Sa, thành phố Đà Nẵng; trao tặng 50 đĩa CD những ca khúc về biển đảo cho các chiến sĩ Cảnh sát biển Vùng 2.

Đoàn - Hội các cấp thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, các hoạt động ngoại khóa lồng ghép các nội dung tuyên truyền phong phú, đa dạng phù hợp với đặc điểm sinh



viên, tạo ra những sân chơi lành mạnh, thiết thực bổ ích cho sinh viên như: Hội thi “*Sinh viên với biển đảo quê hương*” của trường Đại học Kinh tế, cuộc thi “*Sinh viên với chủ quyền biển đảo Tổ quốc*” của trường Đại học Sư phạm... thông qua các hoạt động đó nâng cao kiến thức về biển, đảo, giáo dục ý thức về tình yêu quê hương, đất nước cho sinh viên.

Tổ chức các hội thảo, hội nghị chuyên đề tuyên truyền, giới thiệu những thành tựu phát triển kinh tế về công tác khai thác, quản lý tổng hợp biển, đảo tại Thừa Thiên Huế với sự tham gia của các nhà quản lý, các nhà khoa học nhằm tăng cường năng lực quản lý, bảo vệ, khai thác và sử dụng tài nguyên, môi trường, phục vụ phát triển bền vững biển, đảo, phát triển kinh tế- xã hội của đất nước và Tỉnh nhà trong xu thế hội nhập hiện nay.

Tuyên truyền, đấu tranh chống các hiện tượng sai trái, tiêu cực trên biển, đảo; nâng cao tinh thần trách nhiệm, tình cảm của sinh viên đối với các chiến sĩ, các lực lượng đang ngày đêm làm nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo... Tuyên truyền giáo dục tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, nâng cao ý thức đấu tranh bảo vệ, giữ gìn chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc trong sinh viên. Trước sự kiện Trung Quốc đưa giàn khoan Hải Dương 981 trái phép vào vùng biển của Việt Nam, tập thể cán bộ, giảng viên, sinh viên ĐH Sư phạm - ĐH Huế tổ chức sinh hoạt chính trị “*Sinh viên với biển đảo Tổ quốc*” thể hiện quyết tâm bảo vệ chủ quyền biển đảo và phản đối hành vi ngang ngược của Trung Quốc.

Phối hợp tổ chức mít tinh hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới kết hợp với Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam, Ngày Đại dương thế giới,

treo băng rôn, phát hành tờ rơi tuyên truyền sâu rộng về vị trí, vai trò, thế mạnh của biển, đảo đối với sự nghiệp phát triển kinh tế- xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Nhìn chung, công tác tuyên truyền giáo dục về vị trí, vai trò, quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững biển, đảo đã đạt được những thành tựu quan trọng, góp phần tạo sự chuyển biến về nhận thức và hành động của sinh viên trong sự nghiệp phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Tuy nhiên, việc tuyên truyền, phổ biến quan điểm, chủ trương, của Đảng; chính sách của Nhà nước về biển, đảo chưa được thường xuyên; nhận thức về vị trí, vai trò của biển, đảo của một bộ phận sinh viên chưa đầy đủ. Sự phối hợp chỉ đạo, tổ chức thực hiện giữa các đơn vị chưa đồng bộ, chưa gắn kết, chưa phát huy sức mạnh tổng hợp để thu hút đông đảo sinh viên tham gia.

3. Các giải pháp nâng cao công tác tuyên truyền giáo dục về chủ quyền biển, đảo

Vấn đề Biển Đông là vấn đề rất lớn, phức tạp, nhạy cảm; là vấn đề đa ngành, đa lĩnh vực; những thông tin liên quan đến Biển Đông tồn tại rất nhiều chiều khác nhau, bên cạnh những thông tin khoa học, khách quan, còn tồn tại nhiều thông tin thiếu khách quan, xuất phát từ động cơ chính trị, kinh tế... khác nhau. Để đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới, công tác tuyên truyền giáo dục về chủ quyền biển, đảo trong sinh viên cần chú trọng các giải pháp cơ bản sau:

Thứ nhất: Đẩy mạnh nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến về vai trò, vị trí, tiềm năng của biển, đảo Việt Nam nói chung và vùng biển, đảo, đầm phá của tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương, Tổ quốc.

Nâng cao ý thức trách nhiệm, tạo sự chuyển biến trong hành động của sinh viên đối với việc bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Đồng thời giữ gìn, vun đắp mối quan hệ hòa bình, ổn định, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển với các quốc gia trong khu vực Biển Đông; bình tĩnh, thận trọng trong việc tiếp cận các nguồn thông tin, vạch trần âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề tranh chấp trên biển để xuyên tạc, kích động, gây phức tạp tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Thứ hai: Thường xuyên tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị tuyên truyền, phổ biến kịp thời, sâu rộng chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về các vấn đề liên quan tới biển, đảo. Tăng cường, củng cố niềm tin trong sinh viên về sự lãnh đạo, ý chí, quyết tâm của Đảng và Nhà nước trong việc giải quyết, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam trên biển.

Thứ ba: Tiếp tục tuyên truyền các văn bản quy phạm pháp luật về biển, đảo, như: Công ước Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982; Tuyên bố về ứng xử của các bên trên Biển Đông (DOC); việc xây dựng Bộ quy tắc ứng xử mang tính pháp lý của các bên ở Biển Đông (COC). Tập trung tuyên truyền Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về *Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa X về *Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020*, kiên quyết bác bỏ những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch... cung cấp những chứng cứ lịch sử, căn cứ pháp lý và thực tiễn khẳng định chủ quyền không thể tranh cãi đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và các vùng biển của Việt Nam.

Thứ tư: Đẩy mạnh các hoạt động sinh viên tình nguyện hè, tình nguyện tại chỗ thực hiện chính sách hậu phương quân đội; khích lệ, động viên cán bộ, chiến sĩ, nhân dân, các lực lượng bảo vệ an ninh, chủ quyền biển, đảo; tuyên truyền bồi đắp tình yêu, ý thức trách nhiệm của các tầng lớp nhân dân đối với biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

Thứ năm: Đẩy mạnh công tác phát hiện và biểu dương các cá nhân điển hình trong việc xây dựng các giải pháp bảo vệ chủ quyền, bảo vệ và phát triển tài nguyên, môi trường biển, đảo...

Công tác tuyên truyền giáo dục về biển, đảo cho sinh viên trong thời gian qua đã được Lãnh đạo Đại học Huế quan tâm chỉ đạo thực hiện với nhiều nội dung thiết thực, bổ ích; hình thức phong phú, đa dạng được sinh viên nhiệt tình hưởng ứng tham gia, từng bước đưa công tác tuyên truyền giáo dục về biển, đảo ngày càng đạt hiệu quả, góp phần nâng cao công tác đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc. Tuy nhiên, tình hình tranh chấp trên Biển Đông ngày càng diễn biến phức tạp. Vì vậy, trong thời gian tới, công tác tuyên truyền giáo dục về biển, đảo, chủ quyền biển, đảo cần được đẩy mạnh, cần nâng cao sức mạnh tổng thể của cả hệ thống chính trị, góp phần định hướng và củng cố niềm tin trong sinh viên về vị thế quốc gia biển, góp phần xây dựng nước ta trở thành một quốc gia “mạnh về biển, làm giàu từ biển”. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Chiến lược Biển Việt Nam đến năm 2020*, Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 09/02/2007, Hội nghị lần tư BCH Trung ương Đảng, khóa X.
2. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế, *Hướng dẫn công tác tuyên truyền biển, đảo năm 2015*, Hướng dẫn số Số 63-HD/BTGTU ngày 10/3/2015.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Một vài thông tin định hướng về tuyên truyền biển, đảo*, Tài liệu tổng kết công tác học sinh, sinh viên năm học 2010-2011 và tập huấn công tác học sinh, sinh viên năm học 2011-2012, Hà Nội, 2011.
4. Liên Hợp quốc. *Công ước Liên Hợp quốc về luật biển 1982*.
5. Quốc hội, *Luật Biển Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2012.



Huế Xưa & Nay

Cơ hội và thách thức

✍ **Th.S NGUYỄN THỊ NGỌC CẨM**
GV Khoa du lịch -Đại học Huế

Mời bạn đến với Huế, lần này không phải để suy tư về sự suy thịnh nào đó của một thời quá khứ, về một câu đúc kết của ai đó cho rằng: “Kinh thành Huế là nơi tang tóc - mỉm cười - vui tươi - thốn thức”. Mời bạn đến với Huế để đến với một kỳ quan đất nước, của thế giới, đến với những cổ tích tráng lệ nguy nga, vừa thâm trầm, vừa duyên dáng, vừa hài hoà với cảnh thiên nhiên có một không hai, đến với những con người kín đáo, e ấp, ít nói nhưng ẩn chứa bên trong là cả bầu trời “thơ và nhạc”.

Nói đến Huế, chắc các bạn nghĩ ngay đến Kinh thành Huế với chu vi 10 cây số, 10 cửa ra vào, thành cao, hào sâu, toả ngát hương sen mỗi độ hè về. Hoàng thành với bốn cửa, Ngọ Môn nổi tiếng vì là cửa chính của nhà Vua ra vào. Vua tự ví mình là mặt trời lúc đứng Ngọ, ngay chính trên đỉnh đầu của mọi người. Trên Ngọ Môn là lầu Ngũ Phụng, lợp ngói hoàng lưu ly. Năm con Phượng Hoàng chạm khắc vào gỗ quý, nét chạm tinh vi và độc đáo, không giống bất cứ một con phượng hoàng nào trong cả nước. Nói Huế là nói đến 20 thắng cảnh, hàng trăm ngôi chùa cổ kính, kiến trúc tinh vi và độc đáo, không chùa nào giống chùa nào. Đến Huế mà chưa đến lăng tẩm, chưa được gọi là đã đến Huế. Đẹp nhất ở Huế có tám lăng. Gần nhất là lăng Thiệu Trị, cách trung tâm Huế 6 cây số. Xa nhất là lăng Gia Long



cũng chỉ cách 12 cây số. Các lăng tẩm ở đây là những bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp, hòa hợp với công trình nhân tạo tuyệt vời. Tất cả những yếu tố đó đã gọi lên tâm hồn náo nùng u uất như phảng phất trong cung điện, âm thầm rì rào trên những ngọn thông hiu hắt không có lời nào diễn tả được cái cảm giác êm lả, chìm đắm du khách trong cảnh tinh mịch của những buổi chiều tà.....“Phi Hương Giang, bất thành Huế”, người ta thường nói như thế. Nước Hương Giang lững lờ trôi, trong vắt nhìn thấy sỏi đá tận đáy, sông sâu. Đẹp ở đó mà nghèo cũng ở đấy, không một hạt phù sa, màu sắc biến hoá theo sự phản chiếu từ hai bên bờ.

Mời bạn đến Huế! Trăm nghe không bằng một thấy. Nói sao cho hết tuyệt tác của thiên



nhiên hoà hợp với sáng tạo của con người. Đến với Huế là đến với những con người Huế đang mong đón bạn, từ mọi miền xa xôi của đất nước. Những con người của một vùng đất nghèo của cải nhưng lại giàu tài ương của thời tiết. Yêu cầu sinh tồn đã hun đúc người dân Huế thành con người kiên gan bền chí, nhẫn nại và đầy lòng yêu thương. Tạo hoá đã ban tặng cho xứ Huế nhiều thắng cảnh tuyệt vời, thế giới lại ban tặng cho Huế là di sản văn hoá của nhân loại. Đó là lý do tại sao người ta không thể không đến Huế dù chỉ là một lần trong đời. Để khám phá chiều sâu của Huế trong quá khứ, hiện tại và tương lai, trong bài viết này các bạn sẽ lần theo dấu vết thời gian để thấy được tiềm năng nổi bật của Huế và chiến lược phát triển của Huế trong sự phát triển du lịch của cả nước qua hình ảnh đậm chất Huế đó là “Huế Xưa và Nay”.

Đô thị Huế được coi là một kiệt tác về thơ với hệ thống cung điện, đền đài, miếu mạo, với những danh thắng nổi tiếng như: sông Hương, núi Ngự, những khuôn viên nhà vườn Kim Long lăng mạn, với một Vĩ Dạ nổi danh vì Hàn Mặc Tử ... từ lâu đã đi vào tình cảm không chỉ của người dân xứ Huế mà còn là niềm tự hào của cả người dân nước Việt. Huế không chỉ đẹp trong mắt chúng ta mà Huế còn là một địa danh thu hút sự ngưỡng mộ của người nước ngoài không phải vì Huế mộng mơ mà Huế còn là một di sản văn hoá thế giới, một điểm hẹn của thiên niên kỷ mới. Ngày nay, Huế còn là thành phố lễ hội của Việt Nam, để rồi hai

năm một lần lại tung bừng màu sắc văn hoá đón bè bạn bốn phương về tụ hội trong một thế giới hoà bình và hữu nghị.

Huế đẹp và thơ cũng bởi một phần nhờ vào hệ thống sông hồ rộng lớn, nhất là dòng sông Hương thơ mộng. Sông Hương được coi như một phần “hồn” của Huế, không thể thiếu trong tổng thể cấu trúc đô thị Huế hôm nay và ngày mai.

Hôm nay đây Huế đang sống lại hình ảnh của một di sản thế giới được nhiều người biết đến vì Huế một thuở là Kinh đô gắn liền với tiến trình phát triển của dân tộc. Nhiều lớp người của các thế hệ đi trước đã để lại trên đất Huế một kho tàng di sản văn hoá vật chất lẫn tinh thần đầy tính nhân văn. Nhìn vào phong cảnh và di tích Huế cũng như tính cách rất Huế của những người con Xứ Huế, để nhìn lại sự phát triển lịch sử của dân tộc trong dĩ vãng.

Không có nơi nào giống Miền Trung, nơi hội tụ của ba di sản văn hoá thế giới: Quần thể di tích Huế, Thành phố Cổ Hội An và Thánh địa Mỹ Sơn. Đây là mảnh đất đầy biến động trong suốt chiều dài lịch sử. Có lẽ không một vùng đất nào trên đất nước ta có nhiều nét tương phản sâu sắc và đạt nhiều cực trị như vùng đất này cả về tự nhiên lẫn kinh tế- xã hội, lịch sử. Là nơi gặp gỡ của hai luồng di cư từ Hymalaya qua Vân Nam lan xuống và từ Malaysia lên đã tạo cho thiên nhiên vùng này một sắc thái độc đáo muôn hình, muôn vẻ. Có dãy Trường sơn- một cảnh trí đẹp đến huyền



thoại. Với đèo Ngang, Hải Vân được mệnh danh là Thiên hạ đệ nhất hùng quan, cùng dãy Hoàng sơn, Bạch Mã.....Còn Huế, bắt đầu từ thời Gia Long, triều Nguyễn là triều đại quân chủ cuối cùng trong lịch sử Việt Nam, khi xây dựng kinh đô của triều đại mình họ đã thừa hưởng và đòi toàn bộ cơ sở vật chất kỹ thuật còn sót lại của các triều đại trước để xây dựng cho kinh đô mình.

Huế là nơi biết gạn đục khơi trong, biết giữ gìn thuần phong mỹ tục các thành tựu văn hoá nghệ thuật, biết tiếp thu tinh hoa của các nền văn hoá từ bốn phương, nhưng lại có sức đề kháng với những gì ngoại nhập. Huế một thời là cao điểm về tinh thần và là trung tâm văn hoá sống động. Huế đang tổng hợp những cổ xưa và hiện đại, qua đó, cố đô cổ kính chung sống hài hoà với thành phố trẻ ngày nay. Đến Huế là đến với những lăng tẩm chùa chiền và đến với những tâm hồn rất Huế. Với phong cách riêng, kiến trúc tinh tế của chỉ riêng Huế đã hào diệu với phong cảnh thiên nhiên rất hữu tình và rất gần bó, góp phần tạo nên sắc thái nghệ thuật Huế, người ta nói rằng kiến trúc ở đây là nền kiến trúc tạo cảnh. Huế hội tụ của ba yếu tố: thiên nhiên, kiến trúc và con người Huế để rồi cả ba yếu tố này được hoà quyện vào nhau, nuôi dưỡng nhau biến Huế thành một vùng đất của thơ, của nhạc và của một thế giới có tâm hồn rất thanh tao và cũng rất lãng mạn.

Du lịch là cầu nối quá khứ, hiện tại và tương lai, đây là sự ngưng tụ tình cảm, trí tuệ công sức của nhiều thế hệ chuyển đến chúng ta hôm nay; di tích sẽ tạo đà cho những thế hệ làm công tác nghiên cứu có điều kiện vươn tới những đỉnh cao trong khoa học, trong nghệ thuật và trong cuộc sống. Nghiên cứu để bảo tồn và nâng cao giá trị di tích Huế sẽ góp phần làm giàu bản sắc văn hoá dân tộc đó cũng là yếu tố góp phần cho quá trình phát triển ổn định và bền vững của đất nước hôm nay và mai sau vì Huế là một bộ phận không thể tách rời của di sản văn hoá thế giới.

Huế là địa phương nằm trong vùng kinh tế trọng điểm, tuy có nhiều mặt hạn chế nhưng có

rất nhiều lợi thế về mặt địa lý, tài nguyên, cảnh quan thiên nhiên, nơi hội tụ của nhiều di tích lịch sử văn hoá quan trọng và nguồn nhân lực thật dồi dào. Huế cũng chính là trung tâm văn hoá du lịch đứng vào hạng nhất nhì trong cả nước, một trung tâm đào tạo đại học và nghiên cứu khoa học lớn, là Cố Đô của cả nước Việt Nam, cũng là nơi bảo tồn giữ gìn một di sản văn hoá vật chất và phi vật chất phong phú mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc Việt Nam đã được UNESCO xếp hạng là di sản văn hoá thế giới.



Mặt khác, do vị trí địa lý ở trung độ của cả nước lại nằm gần đường 9 - trục hành lang Đông Tây nối Thái Lan, Lào và Việt nam thông ra biển Đông nên Thừa Thiên Huế có thể cải thiện sớm mạng lưới giao thông vận tải cả đường sắt, đường bộ, đường hàng không và đường biển cả. Đây là hệ thống huyết mạch, là đòn bẩy quan trọng để có sự phát triển bền vững và thúc đẩy ngành du lịch phát triển mạnh. Hành lang thương mại đường 9 sẽ tạo ra sự liên kết theo chiều dọc trong nội bộ các tỉnh ở vùng kinh tế trọng điểm miền Trung gắn với việc liên kết theo chiều ngang nối Việt Nam - Lào - Thái Lan. Để đạt được mục tiêu kinh tế, xã hội giai đoạn năm 2015-2020, Thừa Thiên Huế sẽ tập trung thực hiện vào những nhiệm vụ trọng điểm như sau:

1. Chương trình phát triển du lịch bằng cách đa dạng hoá sản phẩm du lịch và nâng cao chất lượng các dịch vụ du lịch. Xây dựng nhiều tuyến điểm du lịch mới và đưa vào hoạt động

hạng mục đầu tiên của cụm du lịch Lăng Cô - Cảnh Dương - Bạch Mã.

2. Chương trình chỉnh trang đô thị Huế: Hoàn thành cửa ngõ Bắc - Nam đầu nhanh tiến độ thi công công trình thoát nước Bỉ, mạng lưới điện Huế, khởi động vành đai Tây Nam và tiến tới hội nhập vào sự phát triển của hành lang Đông Tây để phát triển mạnh hơn về du lịch trong chiều hướng đi lên của khu vực miền Trung.

3. Tạo môi trường thuận lợi để thu hút mạnh hơn vốn đầu tư trong và ngoài nước. Đầu tư đồng bộ nhằm cải thiện kết cấu cơ sở hạ tầng trên địa bàn Tỉnh trước hết là các khu, cụm công nghiệp, khu du lịch, phát triển liên hoàn các Tour du lịch liên kết với các hoạt động du lịch ở miền Trung, đặc biệt là thiết lập các chính sách thu hút đầu tư phát triển tuyến du lịch và chương trình du lịch : Huế - Quảng Trị - Lào - Miến Điện - Thái Lan. Không ngừng hoàn thiện chính sách thu hút nhân tài.

Vậy trong chiều hướng phát triển nền kinh tế của trục hành lang Đông Tây theo đường 9, cần phải:

- Chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo chiều hướng phát triển công nghiệp du lịch và dịch vụ để khai thác triệt để tiềm năng du lịch như du lịch biển, du lịch sinh thái, du lịch văn hoá và lịch sử tạo thành Tour du lịch liên hoàn của những di sản văn hoá thế giới ở miền Trung: Hội An - Huế - Phong Nha (Quảng Bình).

- Gần quy hoạch, kế hoạch xây dựng đô thị với xây dựng các đầu mối giao thông - huyết mạch cho du lịch phát triển như là xây dựng các tuyến giao thông Đà Nẵng - Huế - Quảng trị nối Saravan, Sêkông mở các tuyến, Tour du lịch liên kết với các Cố Đô khu vực Đông Nam Á.

- Kế hoạch kinh tế-xã hội ngắn, trung và dài hạn của Tỉnh Thừa Thiên Huế sẽ phải gắn liền với kế hoạch xây dựng vùng kinh tế trọng điểm Miền Trung và hành lang Đông Tây nối Thái Lan - Lào - Việt nam theo đường 9 nhằm tạo ra thế và lực mới, thúc đẩy quá trình hội nhập của Thừa Thiên Huế cùng với đà tăng trưởng chung của khu vực và cả nước.

Tỉnh Thừa Thiên Huế với nhiều cửa ngõ giao thông quan trọng có những mối liên hệ



nhiều mặt với các vùng trong và ngoài nước, có điều kiện tạo tiền đề để phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội trong đó tiềm năng về du lịch với nước bạn Lào, Thái Lan, Miến Điện và một số nước khác được coi là sức mạnh tiềm ẩn trong việc thay đổi cơ cấu kinh tế của Tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng và của khu vực miền Trung nói chung. Trong tương lai, tuyến hành lang thương mại quốc tế nối liền miền Trung với các nước lân cận có thể đưa khu vực này trở thành đầu mối thương mại, dịch vụ du lịch có tầm cỡ trong khu vực. Xét về mặt quy hoạch vùng, khu vực miền Trung sẽ hình thành các hành lang phát triển năng động như:

1. Tuyến hành lang công nghiệp Chân Mây - Đà Nẵng - Dung Quất.

2. Tuyến hành lang thương mại-du lịch: Lao Bảo - Đông Hà - Chân Mây - Đà Nẵng.

3. Tuyến hành lang phát triển tổng hợp: công nghiệp thương mại, công nghiệp dịch vụ du lịch và liên kết các Tour liên hoàn trong khu vực.

Đây là các tuyến hành lang tạo ra nhiều lợi thế lớn mang lại nhiều hiệu quả kinh tế cần phải tập trung khai thác phát triển và bảo tồn nó. Hơn thế nữa, trong tương lai không xa, khi các điều kiện về cơ sở hạ tầng xã hội đã được hoàn thiện như Quốc lộ 1A được nâng cấp, hoàn thành đường hầm xuyên qua đèo Hải Vân, sân bay Phú Bài được nâng cấp phát triển thêm nhiều chuyến bay quốc tế đến miền Trung và đặc biệt là tuyến đường xuyên Á qua các nước Đông Nam Á vào Việt nam tại khu vực miền Trung mở ra triển

vọng tốt đẹp cho du lịch miền Trung nói chung và du lịch Thừa Thiên Huế nói riêng. Để nắm bắt được điều kiện phát triển du lịch của hành lang Đông Tây cần phải có những giải pháp cụ thể để sớm hội nhập và phát triển, chúng ta cần phải:

1. Tích cực thâm nhập, mở rộng trung tâm du lịch quốc tế, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá thông tin du lịch cụ thể là khai thác thị trường khách du lịch: Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan..., các nước ASEAN, Tây - Bắc Âu, Châu Mỹ...khai thác các đoàn du lịch tàu biển qua cảng Chân Mây. Đặc biệt, hợp tác xây dựng tuyến du lịch liên hoàn giữa các nước trong khu vực hành lang Đông Tây : Trung Quốc - Lào - Campuchia - Thái Lan - Miến Điện - Việt Nam qua đường xuyên Á.

2. Tổ chức và đa dạng hoá các loại hình dịch vụ du lịch như lễ hội, ẩm thực, du lịch hội thảo hội nghị, du lịch sinh thái, du lịch biển, dân phá... nhằm cải thiện môi trường, vệ sinh, an ninh an toàn tại các tuyến điểm du lịch trong khu vực.

3. Phát triển cơ sở hạ tầng, hoàn thiện cơ sở vật chất trong du lịch, đầu tư xây dựng các khu du lịch trọng điểm, các khu vui chơi giải trí.

4. Nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực: tổ chức đào tạo và đào tạo lại cho các nhân viên phục vụ trong du lịch, phối hợp với Tổng cục du lịch, các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp để tăng cường việc thống nhất chương trình đào tạo phù hợp với thực tiễn của chuyên ngành du lịch tiến đến hình thành học viện quốc gia du lịch trong cả nước.

5. Đẩy mạnh hợp tác kinh tế, tăng cường hội nhập vào thị trường du lịch quốc tế và khu vực.

6. Tiếp tục hoàn thiện các chính sách cơ chế quản lý, tăng cường quản lý trong du lịch bằng pháp luật thông qua luật du lịch Việt Nam, xoá bỏ thị thực Visa đối với các nước trong khu vực Đông Nam Á, khuyến khích đi du lịch bằng thẻ thông hành ở tuyến du lịch liên hoàn hành lang Đông Tây.

7. Tăng cường hợp tác, quan hệ liên ngành, liên vùng, liên khu vực để xây dựng và đưa vào

hoạt động càng nhanh càng tốt các tuyến du lịch xuyên Á và tuyến du lịch hành lang Đông Tây trên tinh thần hợp tác và tạo điều kiện tối ưu nhất.

8. Mở rộng thị trường du lịch đối với bất cứ các nước khác trên thế giới để quảng bá tuyến du lịch liên hoàn này nhằm thúc đẩy nền kinh tế trong khu vực ngày càng phát triển mạnh.

Tóm lại, Việt Nam, dải đất hình chữ S với ba miền Bắc, Trung, Nam, mỗi miền một vẻ, mỗi vùng mỗi cảnh mang đậm màu sắc văn hoá và phong tục tập quán từ ngàn xưa của dân Việt. Từ ải Nam quan đến mũi Cà Mau, từ con đường cái quan đến đỉnh đèo chót vót chập chùng sương khói, từ những chùa chiền cổ kính đến những đền đài, lăng tẩm uy nghi hay từ những bờ đê vạt gót chân quê cho đến những dòng sông ngọt ngào tình tự yêu thương.....đâu đâu cũng toát lên lời cuốn kỳ ảo và hấp dẫn lạ thường. Tất cả như thôi thúc chúng ta đi tìm cái thực, cái ảo, cái đẹp của đời thường. Cái kỳ công của tạo hoá, sáng tạo của con người Huế với những kiệt tác nghệ thuật độc đáo của dân tộc.

Là dải đất Miền Trung Việt Nam, đa dạng về cảnh quan thiên nhiên và có bề dày truyền thống lịch sử - văn hóa, du lịch Xứ Huế thật sự có một tiềm năng dồi dào, đa dạng, hấp dẫn.... Quần thể di tích Cố Đô Huế bao gồm trên 300 công trình kiến trúc đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa nhân loại thế giới cần trân trọng bảo tồn và không ngừng phát huy các giá trị của nó. Với những tiềm năng và triển vọng phát triển nổi bật, du lịch văn hoá Huế giữ một vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển du lịch của cả nước từ nay đến năm 2020 đã được Chính phủ phê duyệt và là một trong những ngành kinh tế mũi nhọn trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh Thừa Thiên Huế. Huế luôn luôn là điểm đến hấp dẫn và say đắm lòng người.

Hãy đến với Huế để thưởng thức cái thanh tao của tạo vật và cái sâu lắng, kín đáo, duyên dáng của con người xứ Huế.□

ĐÀO TẠO NGÀNH DU LỊCH: CƠ HỘI MỚI, TIỀM NĂNG MỚI

✍️ **THS. QUẢN BÁ CHÍNH**
GV Khoa Du lịch - ĐHH



Traï qua gần 60 năm xây dựng và phát triển, Đại học Huế hôm nay đã trở thành một trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng, uy tín, đóng vai trò nòng cốt trong sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước. Đại học Huế đã đào tạo và cung cấp cho đất nước một đội ngũ trí thức đông đảo các nhà quản lý, các nhà chuyên môn có trình độ cao, có năng lực hoạt động thực tiễn ở nhiều lĩnh vực quan trọng về kinh tế xã hội như giáo dục, y dược, kinh tế, nông lâm, nghệ thuật, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, kỹ thuật, công nghệ...

Với lợi thế là một đại học vùng, đa ngành, đa lĩnh vực, trong những năm gần đây, Đại học Huế đã thành lập thêm một số đơn vị mới, phát triển mạnh ngành nghề đào tạo, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu xã hội. Trong số đó là các ngành đào tạo của Khoa Du lịch - một đơn

vị trực thuộc Đại học Huế đã từng bước khẳng định vị thế tiên phong về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành du lịch của khu vực và đất nước.

Phải nói rằng, để có được những kết quả bước đầu đáng phấn khởi như vậy, cần nói đến vai trò của Đại học Huế trong sự ra đời và phát triển của Khoa Du lịch. Việc thành lập Khoa Du lịch năm 2008 có thể xem là bước đi quan trọng nhằm cụ thể hoá các chủ trương lớn của Đảng uỷ Đại học Huế, đó là tận dụng nguồn lực đội ngũ, cơ sở vật chất và thế mạnh du lịch của thành phố Huế để đào tạo nguồn nhân lực phục vụ nhu cầu phát triển ngành du lịch của tỉnh Thừa Thiên Huế và các địa phương trong khu vực miền Trung - Tây Nguyên. Từ nguồn lực ban đầu khá khiêm tốn, sau 8 năm xây dựng và phát triển, Khoa Du lịch - Đại học Huế đã không ngừng phát triển cả về quy mô và chất lượng đào tạo, trở thành một địa chỉ đào tạo du lịch lớn ở khu vực MT-TN và cả nước.

Có thể nói, với chiến lược phát triển ngành du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của nhiều địa phương ở khu vực MT-TN và cả nước, nhu cầu về nguồn nhân lực làm việc trực tiếp và gián tiếp trong ngành ngày càng tăng cao, bao gồm lao động thuộc các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch, các đơn vị sự nghiệp của ngành từ trung ương đến địa phương, lao động trong các doanh nghiệp du lịch gồm đội ngũ cán bộ quản trị kinh doanh, đội ngũ lao động nghiệp vụ trong các khách sạn, nhà hàng, công ty lữ hành, vận chuyển du lịch, lao động

làm công tác đào tạo du lịch trong các trường dạy nghề, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học.

Theo thống kê của Chương trình phát triển nguồn nhân lực du lịch Việt Nam, nếu năm 2001 chỉ có khoảng 109 ngàn lao động du lịch trực tiếp và 221 ngàn lao động gián tiếp, thì đến năm 2009 con số này tương ứng là 434,24 và 955,35 ngàn lao động; năm 2015 sẽ có 620 ngàn lao động trực tiếp, 1.600 ngàn lao động gián tiếp, dự báo đến năm 2020 sẽ là 1,5 triệu và 2.5 triệu [5]. Điều này cho thấy nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực ngành du lịch là rất lớn.

Quy hoạch phát triển tổng thể du lịch vùng Bắc Trung Bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã xác định Thừa Thiên Huế là một trong những địa bàn trọng điểm phát triển du lịch của vùng Bắc Trung Bộ; phấn đấu đến năm 2020 đưa Thừa Thiên Huế trở thành điểm đến hàng đầu trong khu vực; đến năm 2030 xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành một điểm đến ngang hàng với các thành phố di sản văn hóa thế giới, với mục tiêu cụ thể: (1) Từ năm 2015 phấn đấu dịch vụ du lịch đóng góp vào GDP địa phương trên 50%, năm 2020 đạt từ 52 - 53%, năm 2030 đạt trên 55% đóng góp vào GDP khẳng định Huế là một trong điểm du lịch quốc gia, dịch vụ du lịch là yếu tố then chốt trong sự phát triển của địa

phương. (2) Về chỉ tiêu việc làm đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, năm 2015 tạo việc làm cho khoảng 13.000 lao động; năm 2020 khoảng 22.000 lao động; năm 2025 khoảng 37.000 lao động; năm 2030 khoảng 62.400 lao động. Trong đó, năm 2015 100% nhân viên phục vụ dịch vụ du lịch được đào tạo chuyên môn nghiệp vụ và đào tạo 1.000 hướng dẫn viên du lịch đạt chuẩn về nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch tàu biển [2].

Từ 31/12/2015 chính thức hình thành cộng đồng kinh tế ASEAN, điều này vừa đặt ra yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, vừa tạo ra nhiều cơ hội cho ngành du lịch Việt Nam và đương nhiên, càng nhiều cơ hội việc làm trong khu vực cho sinh viên tốt nghiệp các ngành du lịch.

Phát triển nguồn nhân lực vừa có tính cấp bách, vừa mang ý nghĩa chiến lược và cũng là vấn đề có ý nghĩa hết sức quan trọng, phải đặt lên vị trí hàng đầu trong quá trình phát triển của du lịch Việt Nam. Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, các cơ sở đào tạo du lịch ở nước ta vẫn chưa đáp ứng cho nhu cầu lao động của ngành. Theo thống kê, năm 2015 có 80% lao động phục vụ du lịch được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ (với 1,5-2 triệu lao động); 100% cơ sở đào tạo có chương trình đáp ứng yêu cầu thực tiễn, với 100% giáo viên được đào tạo và chuẩn hóa [1]. Theo Tổng cục Du lịch, hiện nay mỗi năm toàn ngành Du lịch cần thêm gần 40.000 lao động nhưng lượng sinh viên chuyên ngành ra trường chỉ khoảng 15.000 người/năm; trong đó chỉ có hơn 12% có trình độ đại học, cao đẳng, còn lại là trình độ trung cấp, sơ cấp và cộng tác viên. Những năm qua, ngành du lịch cũng thấy được yêu cầu cấp bách trong vấn đề đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực của ngành. Một số địa phương có cơ sở đào tạo du lịch nhưng đội ngũ giáo viên thiếu và yếu, cơ sở vật chất





nghèo nàn, chất lượng đào tạo thấp. Các cơ sở đào tạo du lịch ở Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Huế được ngành du lịch xem là các trung tâm đào tạo có quy mô -chất lượng.

Đào tạo ngành du lịch trên cả nước nói chung và ở Đại học Huế nói riêng đang đứng trước nhiều cơ hội mới, tiềm năng mới để phát triển. Được hình thành và phát triển từ Đại học Huế, được định vị trên vùng đất giàu truyền thống văn hóa - lịch sử, thành phố du lịch - thành phố Festival và thành phố văn hóa ASEAN, Khoa Du lịch càng có điều kiện để tin rằng, đây chính là môi trường lý tưởng cho đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển ngành du lịch - ngành kinh tế mũi nhọn của Việt Nam.

Tin rằng trong thời gian tới, đào tạo ngành du lịch ở Đại học Huế sẽ có bước phát triển mới, tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức để trở thành một địa chỉ đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực ngành du lịch cho khu vực và cả nước, góp phần xây dựng Đại học Huế đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] blog.first-viec-lam.com/.../du-lich-nganh-hoc-nhieu-co-hoi.ht...

[2] Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2013-2030 www1.thuathienhue.gov.vn/portal.

[3] Bùi Thị Tám, “Khoa Du lịch, Đại học Huế - Hành trình mới để hội nhập và phát triển”, Bản tin Đại học Huế, số 65, tr. 15-16.

[4] Tổ chức lao động quốc tế (ILO) - (2010), Phát triển và thách thức trong ngành khách sạn và du lịch, Bài trình bày tại Diễn đàn đối thoại toàn cầu về Ngành khách sạn, ăn uống và du lịch, Gio ne vơ 23-24/11/2010.

[5] Tổng cục du lịch (2013), Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, Nxb Lao động Xã hội, Hà nội. tr 104,129.

[6] Vietnamtourism.gov.vn/.../nhin-nhan-ve-su-phat-trien-du-lich-VN.



Câu đối Tết

NÉT ĐẸP VĂN HÓA CỔ TRUYỀN CỦA DÂN TỘC

✍️ **ThS. TRẦN THỊ THANH**

GV Trường đại học Khoa học

Trong dân gian còn lưu truyền một câu đối nói về Tết cổ truyền của dân tộc Việt Nam mà ai cũng nhớ: *Thịt mỡ dưa hành câu đối đỏ/ Cây nêu tràng pháo bánh chưng xanh.* Như vậy, trước kia câu đối là một nét sinh hoạt không thể thiếu được trong hương vị của ngày Tết.

Lúc đầu thú chơi câu đối chỉ có ở các nhà Nho và những người giàu có. Nhà Nho chơi câu đối vì coi đó là một công trình nghệ thuật hay về ý đẹp về lời. Làm câu đối để họ bộc lộ chí hướng, rèn luyện văn chương, đấu trí thử tài. Bởi vì câu đối đòi hỏi sự lựa chọn từ ngữ hết sức công phu. Làm câu đối phải tuân thủ những quy định về đối ý đối lời

trong từng vế đối. Số chữ trong từng vế đối bằng nhau, các chữ tương ứng ở từng vế đối cũng phải đối nhau cả về từ loại lẫn âm thanh, còn ý nghĩa ở hai vế cũng phải đối nhau theo kiểu phân đối hoặc chính đối. Nghệ thuật chơi chữ, cách chọn hình ảnh, lựa chọn từ ngữ thật đắt là một điều rất cần thiết đối với người làm câu đối. Còn những người quyền quý và giàu có, câu đối trở thành đồ trang trí, được nạm vàng hoặc nạm bạc treo ở trong nhà để khoe của cải và sự danh giá. Dần dần về sau này câu đối mới trở thành một thú vui của quần chúng nhân dân. Tùy từng đối tượng, tùy từng giai cấp mà câu đối chuyển tải những nội dung và mục đích khác nhau. Người giàu có quyền quý chơi câu đối đã đành, nhưng những người nông dân, ông hàng thịt, bà thợ nhuộm đều có thể chơi câu đối, đặc biệt là những dịp tết đến



hoặc xuân về. Câu đối có thể tự mình viết cho mình hoặc nhờ người khác làm hộ.

Trong dân gian còn tương truyền một câu đối chỉ có một chữ do Tam Nguyên Yên Đổ làm giúp bà hàng xóm trong dịp tết. Biết gia đình chuyên làm nông, thu nhập chủ yếu

Thời ấy cái đói cái nghèo đến gõ cửa từng gia đình, câu đối tết phần nào cũng phản ánh thực trạng đó. Một anh học trò nghèo đón tết vắn vẹo chỉ có một quả bưởi và một câu đối trên bàn thờ để nói rõ tâm tư của mình:

Thấy tết đến rồi , chẳng lẽ tro gan cùng tuế nguyệt,

Kìa xuân sang đó, rồi xem mở múi với giang sơn.

Câu đối này nội dung rất hay, dùng từ lại rất đắt. Nó đã diễn tả được cảnh anh học trò nghèo kiệt xác, đón xuân chỉ bằng một quả bưởi chưa bổ (do cùi) và đón tết xong thì bỏ bưởi ra ăn (mở múi). Nhóm từ động tân do cùi ở vế trên đối với mở múi ở phía dưới thật chuẩn xác. Ngày ấy dân đói nghèo, anh học trò nghèo và cái nghèo đến với cả những gia đình “ông Tú”. Có những ông Tú tài viết câu đối tết để tự trào gia cảnh của mình:

Chiều ba mươi nọ hỏi tí mù, co cẳng đạp thẳng bần ra cửa.

Sáng mông một rượu say túy lúy, giờ tay bông ông phúc vào nhà.

Còn ông Tú Xương nổi tiếng thì có câu đối tết rằng:

Nực cười thay nêu không, pháo không, xôi bột cũng không mà tết,

Thôi cũng được rượu có, nem có, bánh chưng vẫn có thừa chơi.

Ông lại chửi đời chửi xã hội thực dân nửa phong kiến bằng một câu đối với cách chơi chữ đầy bất ngờ:

Thiên hạ xác rồi còn đốt pháo.

Nhân tình trắng thế lại bôi xôi.

Nhưng thời thế đã đổi thay, cách mạng Tháng Tám thành công, chính quyền đã về tay nhân dân, Đảng, Bác Hồ đã đem lại cuộc sống ấm no hạnh phúc cho người dân. Và câu đối lại phản ánh cảnh vui tươi đầm ấm của dân. Rất nhiều câu đối ca ngợi cảnh sống thanh bình, ấm no hạnh phúc của nhân dân ta khi đất nước thống nhất và cả nước đang hòa nhập cùng thế giới



xây dựng một cuộc sống giàu có hạnh phúc cho mọi người được phản ánh ở các số báo xuân. Ví như câu đối sau:

Thành thị vui xuân giò nạc , bánh chưng, phim mới, tuồng hay, chợ búa phố phường vang tiếng pháo.

Nông thôn đón tết, thịt đông, dưa cải, áo lành, gạo tốt, ruộng đông nương rẫy rộn lời ca.

Năm nay nhân dân ta đón xuân trong không khí cởi mở của một đất nước đang trên đà phát triển. Lạm phát được đẩy lùi, kinh tế được hội nhập, nhân dân ngày càng được hưởng những điều tốt đẹp do cuộc đời mang lại. Cuộc sống của dân ta thật đã khác xưa quá nhiều, giò đây “Thiên hạ” đã giàu chứ không “xác” như thời Tú Xương làm câu đối tết nữa. Tuy nhiên ngày trước “Thiên hạ xác rồi còn đốt pháo”, nhưng ngày nay thì “Thiên hạ giàu rồi không đốt pháo” vì nhân dân đang thực hiện chủ trương chính sách của Nhà nước. Giao thừa không có tiếng pháo nổ ròn, nhưng tiếng cười ấm no hạnh phúc ở trong dân còn ròn hơn pháo. Tiếng cười ấy sẽ cùng góp vào “thịt mỡ dưa hành câu đối đỏ” để làm nên cái tết đậm đà tính dân tộc. □

T.T.T



Ngày Xuân

Nói chuyện cây Cau



✍ NGUYỄN ĐỖ XUÂN CẨM

Nhắc đến cây cau trong văn hóa Việt nhiều người vẫn nhớ năm lòng chuyện cổ sự tích trầu cau và cũng chẳng mấy ai quên được thành ngữ “Miếng trầu là đầu câu chuyện”. Ca dao Việt Nam cũng đã thể hiện nét văn hóa Việt gắn bó với cây cau, như “Em về anh gửi buồng cau/ Buồng trước kính mẹ, buồng sau kính thầy). Từ ngàn xưa cho tới ngày nay, trong chuyện cưới hỏi theo tập tục truyền thống thì lễ dạm hỏi, lễ hỏi và lễ cưới, cau trầu được xem là lễ vật chủ đạo. Ca dao cũng nói lên điều này

qua tâm trạng của người con gái trước sinh lễ của nhà trai “Ai bung cau trầu đến đó/ Xin chịu khó mang về/ Em đang theo chân thầy gót mẹ/ Để cho trọn bề hiếu trung”. Ca dao cổ cũng có câu “Thương nhau cau sáu bửa ba, ghét nhau cau sáu bửa ra thành mười” nói lên sự gắn liền mật thiết của quả cau với văn hóa giao tiếp. Cây cau cũng được chọn làm đề tài cho câu đố “Đầu rồng đuôi phụng le the/ Mùa xuân ấp trứng, mùa hè nuôi con”. Cây cau cũng là đề tài cho âm nhạc, nhiều bản tình ca đã mượn hình ảnh cây cau để nói lên tình cảm đôi lứa như Hương Cau, Vườn cau, Hoa cau vườn trầu...



Ở Huế, sinh lễ cưới hỏi rất chú trọng mâm cau trầu, nhà trai phải chuẩn bị một buồng cau đủ 105 trái với 105 lá trầu xanh để đi lễ nhà gái. Những dịp lễ hỏi, cưới không rơi vào mùa vụ cau thì buồng cau được thay bằng 105 miếng cau khô. Lễ cưới hỏi có thể thiếu quà bánh, nhưng không thể thiếu cau trầu. Khi đi điếu tang lễ, hàng thông

gia phải đi một mâm cau trầu rượu, còn lễ vật khác đính kèm có thể có thì tốt mà không cũng chẳng sao. Ở các làng xã, khi Họ này đi lễ ở Họ khác cũng phải có mâm cau trầu rượu, và tất nhiên khi Họ đi lễ Làng thì cũng không ngoại lệ. Vào dịp ngày Tết nguyên đán, hầu hết người dân có thờ cúng ông bà tổ tiên đều xem trầu cau là lễ vật không thể thiếu trên bàn thờ. Chính vì vậy, hình ảnh cây cau đã ăn sâu vào tiềm thức người Huế đến nỗi khi nhắc đến cau là người ta lại nhớ đến những vùng trồng cau nổi tiếng như cau Nam Phổ, cau Vĩ Dạ, cau Mỹ Lợi... và điều mà ít ai phủ nhận là địa danh Nam Phổ đã đi vào lòng người qua câu hò ru em «Ru em cho thec cho muối, cho mạ đi chợ mua vôi ăn trầu; Mua vôi chợ Quán chợ Cầu, **mua cau Nam Phổ**, mua trầu chợ Dinh...”.

Nam Phổ là một làng nghề truyền thống về trồng và bửa cau, hiện nay vẫn bảo tồn miếu Can Lang (dân làng thường gọi là

am Tào lao) thờ Bà Thiên Y A Na do những người dân trong làng kinh doanh cau khô thành lập để cầu mua may bán đắt. Vào trước thế kỷ 19, nhiều đầu nậu ở làng thu mua cau tươi trong làng và nhiều nơi khác về để bửa và phơi sấy rồi đưa ra chợ Đông Ba và lên làng Kim Long để bán sỉ. Đến đầu thế kỷ 19, khi đường sắt Bắc Nam được thiết lập, nhiều đầu nậu ở làng đã chuyển cau khô ra Bắc để bán. Tục lệ đi chợ mồng một Tết mua 1 lá trầu tươi một quả cau để cầu lộc đã có từ lâu đời và có lẽ cũng bắt nguồn từ chợ Tết Nam Phổ.

Ngày nay, cau không chỉ được trồng để thu hoạch quả mà người Huế nói chung, người Nam Phổ nói riêng còn xem cây cau là một cây cảnh để tôn tạo sân vườn. Rất nhiều nơi từ nông thôn đến thành thị, các nhà vườn thường trồng một vài cây cau trong sân, vườn hay trồng thành hàng dọc hàng rào xanh hoặc thành hai hàng dọc theo lối đi từ ngõ vào nhà



với mục đích chính là tôn tạo cho không gian vườn nhà thêm duyên dáng.

Trong kế hoạch chinh trang cây xanh đường phố ở thành phố Huế, cây cau sẽ được chọn để trồng dọc theo đường Hàn Mặc tử. Như thế, sau này khi đi qua con đường này người ta lại nhớ đến hai câu «Sao anh không về thăm thôn Vỹ/ Nhìn nắng hàng cau, nắng mới lên».

Có lẽ từ hình ảnh cây cau vừa nói - một hình ảnh mang đậm bản sắc văn hóa Huế lâu đời đã khiến cho nhiều người Huế tiếp cận dần với nhiều loài cau cảnh khác nhau, từ những cây cau cảnh kích thước nhỏ nhắn đến những cây cau kích thước hùng vĩ. Qua nhiều năm tháng tiếp cận, sưu tập, trồng, chăm sóc và truyền thông, ngày nay trong hệ thống cây xanh xứ Huế cũng như hệ thống vườn Huế, hàng chục loài cau cảnh đã xuất hiện, dần dần trở thành thân quen như một thành phần tất yếu không thể thiếu được của hệ thống cây cảnh. Để độc giả liên tưởng, tôi xin đơn cử một số loài cau cảnh sau đây.

Các loài cau cảnh có hình dáng thân gần giống cau ăn trái nhưng thấp cây là cau lùn, cau trắng. Cau lùn thường được trồng làm cảnh trong sân vườn, cây có dáng thân, lá và bẹ lá, cách trở buồng và hình thái quả rất giống cau, nhưng các lông thân rất ngắn gần như không thấy nên chiều cao rất hạn chế. Cau trắng có hình thái hao hao giống cau, nhưng thân hơi phình, lông thân ngắn, màu trắng xám, đặc biệt buồng hoa màu trắng rất đẹp, quả lúc đầu trắng xanh khi chín thì chuyển sang màu đỏ sặc sỡ, thường được trồng trong sân cơ quan, trường học, công viên...



Các loài cau có thân thon mảnh, thấp cây mọc thành bụi, thường gặp ở Huế là cau kiếng vàng, cau bẹ đỏ. Cau kiếng vàng có bẹ lá, cuống lá và cả cuống buồng đều màu vàng, là loài cau cảnh được trồng rất phổ biến, thường gặp ở các công viên, sân vườn nhà hàng, khách sạn, cơ quan, trường học... Nó cũng được người chơi trồng chậu để trưng bày ở một góc sân vườn thích hợp. Khác với cau kiếng vàng, loài cau bẹ đỏ đặc trưng bởi bẹ lá thon, dài, màu đỏ rực rỡ, cây thon nhỏ hơn, thường được trồng điểm xuyết giữa những bãi cỏ nhỏ trong công viên, công sở, nhà hàng, khách sạn, trong sân vườn nhà riêng, bên những hồ nhỏ... tạo thành những điểm nhấn đẹp mắt.

Một loài cau cảnh đặc trưng bởi gốc thân phình lớn trông giống như chai rượu sâm banh nên có tên là cau sâm banh, tuy không được trồng phổ biến vì giá thành cao, nhưng có thể gặp rải rác đây đó trong thành phố Huế.

Trong thời gian gần đây một loài cây cảnh to lớn với phần thân gần bấp bẹ lá phình lớn nên đã được người trồng gọi là cau bụng, nhưng có lẽ nó đồ sộ hẳn so với tất cả các loài cau cảnh nên nó còn được gọi là cau vua, đã được trồng rất phổ biến nhiều nơi. □

Phải chăng người Việt ta, “Cái gì cũng cười”?

✍️ **Th.S NGUYỄN QUỐC DŨNG**
GV. Trường ĐH Sư phạm



Cách đây hơn một thế kỷ (1913), trên tờ Đông Dương tạp chí, nhà báo Nguyễn Văn Vĩnh đã viết một bài nhận xét về cái cười của người An Nam với tiêu đề “Gì cũng cười”. Trong bài báo này, ông đã đánh giá cái cười của người Việt như sau: “An Nam ta có một thói lạ là thế nào cũng cười. Người ta khen cũng cười, người ta chê cũng cười. Hay cũng hi, mà dở cũng hi; phải cũng hi mà quấy cũng hi. Nhấn răng hi một tiếng, mọi việc hết nghiêm trang”.

Phải chăng người Việt chúng ta có thói quen “cái gì cũng cười”? Có nghĩa là phải chăng cái cười của người Việt không mang ý nghĩa gì, bởi vì như Nguyễn Văn Vĩnh đã nhận xét, dù hay hay dở, dù khen hay chê... người Việt chỉ biết “hi” một tiếng là xong?

Thực ra, cái cười của người Việt thật vô cùng đa dạng và phong phú. Cái cười ấy, trong quá trình lịch sử phát triển của dân tộc, đã được đúc kết và phản ánh khá rõ nét trong trong ngôn ngữ Việt. Thật vậy, lướt qua các từ điển tiếng Việt, ta dễ dàng bắt gặp rất nhiều từ ngữ mô tả về nó. Từ điển Hoàng Phê có 25 từ ngữ, từ điển Thanh Nghị có 33, nhiều nhất là ở từ điển Văn Tân có 45. Tổng hợp cả ba từ điển, ta có 57 từ ngữ được các soạn giả từ điển chính thức ghi nhận và xác định nghĩa. Thực ra, nếu tiếp tục tra cứu thêm trong nhiều nguồn tài liệu khác, con số ấy chắc chắn không dừng lại ở đó! Điều đó cho thấy cái

cười của người Việt không đơn giản như cụ Vĩnh đã nói! Vậy, người Việt ta cười như thế nào? Cái cười của người Việt mang ý nghĩa gì?

1. NGƯỜI VIỆT CƯỜI NHƯ THẾ NÀO?

Khảo sát toàn bộ từ ngữ thu thập được nói trên, có thể thấy người Việt đã mô tả, thể hiện cái cười của mình bằng nhiều cách khác nhau:

- Cười có định dạng hay phương tiện: Dùng hình dáng của môi, hoặc một bộ phận trên mặt để thể hiện cái cười như: *cười nụ, cười mỉm, cười chúm chím, cười mỉm chi (cười miêng chi), cười nửa miêng, cười nhếch mép, cười nhoèn, cười ruồi, cười toe toét, cười mũi, cười bằng mắt, cười ti hí...*

- Cười có định tính âm thanh: Khi cười, luồng hơi đi ra thỏa mái hay có hạn chế ít nhiều tạo nên âm thanh những tiếng cười khác nhau: *cười ha ha, cười ha hả, cười hi hi, cười hi hí, cười hô hô, cười giòn, cười khà, cười khanh khách, cười khây, cười khi, cười khúc khích, cười rúc rích, cười hênh hếch, cười khục khục, cười phá (lên), cười ô, cười rộ, cười ré, cười sang sang, cười rồn rảng, cười sảng sặc, cười the the, cười thâm (không phát ra âm thanh), cười vang, cười xòa, cười như nắc nẻ, cười như pha lê...*

- Cười có định tính vật lý, sinh lý: Khi cười, do kích động của tinh thần, có thể dẫn đến những tư thế tay chân mình mẩy hoặc trạng thái sinh lý kèm theo: *cười bò, cười lăn, cười bò lăn bò càng, cười*

tít mắt (hay cười híp mắt), cười nẻ ruột, cười nôn ruột, cười đứt ruột, cười vỡ bụng, cười đau cả bụng, cười ra nước mắt, cười ngất, cười ngất nghẹo (hay cười ngất nghẹo), cười ruồi...

- Cười có định tính tâm lý: Ngoài ba cách cười được mô tả mang tính hình thức (vật chất) nói trên, trong tiếng Việt còn có rất nhiều từ ngữ ghi lại tiếng cười bằng định tính tâm lý như: cười mát, cười duyên, cười tình, cười hồn nhiên, cười đều, cười nịnh, cười lén, cười trừ, cười ngạo nghệ, cười mỉa, cười nhạo... Với cách này, người Việt tha hồ tạo ra những biểu thức cười mới, làm cho cái cười Việt càng ngày thêm phong phú, đa dạng, đa sắc màu hơn... Chẳng hạn: cười lẳng lơ, cười trôn tráo, cười xách mé, cười trịch thượng, cười tự ty, cười tự phụ, cười kẻ cả, cười nhún nhường, cười gương ngạo, cười e lệ, cười chiến thắng, cười tiu nghỉu, cười châm chọc, cười xảo trá v.v. và v.v...

2. NGƯỜI VIỆT CƯỜI CÓ Ý NGHĨA GÌ?

Một cách đơn giản, cái cười của con người thường để bộc lộ niềm vui, sự phấn khởi, đôi lập với khóc là để biểu lộ nỗi buồn phiền, sự đau khổ:

Làm người có miệng có môi,

Khi buồn thì khóc khi vui thì cười (ca dao)

Tùy theo mức độ của sự thích thú vui vẻ, sáng khoái, tiếng cười có thể thoát ra mạnh, nhẹ, to, nhỏ khác nhau (cười ha hả, cười khanh khách, cười sang sảng, cười sằng sặc, cười vang, cười khi,

cười khúc khích, cười the thé...), hoặc cười vui đến nỗi... phải vận động đến cả tứ chi mình mẩy (cười bò, cười ngất nghẹo, cười tít mắt, cười vỡ bụng...).

Ví dụ:

Nghe kể chuyện tiêu lâm, nó cười đến vỡ bụng.

Bọn trẻ chúm chụm đầu vào nhau cười rúc rích.

Cười để bộc lộ niềm vui. Nhưng người Việt còn dùng tiếng cười để phê phán hay chế nhạo:

Ở sao cho vừa lòng người,

Ở rộng người cười, ở hẹp người chê

Ai ơi chớ vội cười nhau,

Cười người hôm trước, hôm sau người cười.

Sâu xa hơn, cái cười của người Việt mang những giá trị biểu hiện thái độ, tình cảm nào đó. Nó bao hàm sự đánh giá khen chê tích cực hay tiêu cực với những cung bậc khác nhau xét từ phía người cười (cười nửa miệng, cười nhếch mép, cười mũi, cười mỉa, cười nhạo, cười mát, cười khẩy...), hay từ phía người đối diện (cười nịnh, cười đều, cười hô hô, cười trừ, cười lén, cười nhả nhỏ, cười nham hiểm, cười cay độc...).

Ai đã từng đọc Truyện Kiều, ắt hẳn không thể quên được tiếng cười to, sáng khoái, tràn đầy hạnh phúc của cặp đôi tri kỷ, tài sắc hơn người là Từ Hải và Thúy Kiều mà Nguyễn Du đã đặc tả bằng hai tiếng “cả cười” trong tuyệt tác của mình:

Cùng nhau trông mặt cả cười,

Dan tay về chốn trướng mai tự tình.

Thật ra bản thân cái cười chưa nói lên hết được ý nghĩa ẩn chứa đằng sau nó. Để thấy rõ được thái độ, tình cảm mà cái cười toát ra, cần gắn kết cái cười ấy với hoàn cảnh, tình huống cụ thể. Chẳng hạn, cùng là cái “cười chảy nước mắt” nhưng tùy hoàn cảnh giao tiếp với những con người cụ thể, thì đó có thể là cái cười hạnh phúc được sẻ chia đồng cảm, hoặc đó cũng có thể là cái cười của sự đau khổ bế tắc... Giả dụ như Hồ Tôn Hiến và Từ Hải gặp nhau trên trận mạc mà “cùng nhau trông mặt cả cười”, chắc chắn đó không phải



là tiếng cười đồng điệu mà là tiếng cười không đội trời chung!

Người Việt ta nổi tiếng rất hiếu khách. Điều đó có thể làm cho cái cười của họ trở nên dễ dãi. Có lẽ vì thế mà nhà văn Nguyễn Văn Vĩnh đã hiểu lầm họ chẳng? Thực ra, trong bài báo trên, cụ Vĩnh cũng đã nhận thấy ý nghĩa của cái cười Việt, nhưng đó mới đơn giản chỉ là cái *cười trừ* hoặc đó là cái *cười nhạo* “độc ác, khinh người” mà thôi:

“... Xét ra cái cười của ta nhiều khi có cái vô tình độc ác; có cái láo xược khinh người” (NVV)

Như vậy, cái cười Việt không đơn giản chỉ là “cái cười hì” mà nó mang nhiều sắc thái phong phú đa dạng và có nhiều cung bậc. Có lẽ trên thế giới ít có ngôn ngữ nào lại mô tả tiếng cười đa dạng phong phú đến thế. Cho nên, để hiểu đúng bản chất ý nghĩa cái cười Việt, vấn đề là phải nắm bắt cách cười và còn tùy từng hoàn cảnh cụ thể của nó. Có lẽ không nên hiểu cái cười của người Việt đơn giản như cụ Vĩnh trước đây.

Trong xã hội ngày nay, cái cười có thêm ý nghĩa mới. Văn hóa giao tiếp trong công tác, làm ăn kinh tế với nhau luôn đòi hỏi những cái cười xã giao, lịch sự và thân thiện. Ở các doanh nghiệp buôn bán, cạnh tranh thị trường ngày càng cao, người ta thường nói tới một kiểu cười mới, cái “*cười tiếp thị*”, cái “*cười chào hàng*”. Thế nhưng, điều đáng buồn là gần đây, trên diễn đàn báo chí, người ta bắt gặp nhiều ý kiến phàn nàn về những cái nhìn lạnh lùng quan cách của các vị “*đầy tớ*” dân trong các cơ quan nhà nước. Thật đáng tiếc! Họ tiết kiệm nụ cười, thậm chí dè xén, hà tiện cái cười mà trời đã đặc ân phú cho con người để được vui sống hạnh phúc... trong cõi người này! Cha ông ta thường nói, “*tiếng chào cao hơn mâm cỗ*”. Khi gặp nhau, tiếng chào thường đi trước và

cũng thường kèm theo cái bắt tay và nụ cười lịch sự. Ít nhất là nụ cười cùng cái khẽ gật đầu hướng về người được chào hỏi. Bởi vì trong giao tiếp, “*lịch sự và khiêm tốn chứng tỏ con người có văn hóa thật sự*” (H. Balzac).

Theo kinh nghiệm lâu đời của người Việt, “*nụ cười là mùi thơm thuốc bổ*”. Cái cười tươi tắn rạng rỡ là biểu hiện của hạnh phúc và ... của sức khỏe. Hơn nữa, cái cười chẳng mất tiền mua, thế tại sao chúng ta cứ phải tiết kiệm, thậm chí hà tiện nó nhỉ? Theo nhà thơ Pháp Pierre Gouzet, cái cười không làm cho người tặng nó nghèo đi, nhưng nó lại làm giàu cho kẻ nhận nó.

*Nụ cười chẳng đáng là bao
Vậy mà nó sẽ gửi trao rất nhiều
Người cho chẳng thế mà nghèo
Người nhận nhờ thế mà giàu có ngay
Nụ cười chỉ thoáng phút giây
Có khi kỷ niệm kéo dài thiên thu.*
(P. Gouzet, Un sourire, NQDũng dịch)

Người hạnh phúc nhất trên thế gian này là người tạo ra nhiều hạnh phúc cho kẻ khác. Bằng nụ cười thân thiện, hi xả và bác ái¹, ta sẽ đem hạnh phúc đến cho mọi người, và chính ta cũng sẽ được hạnh phúc. Hãy mỉm cười với mọi người, hạnh phúc sẽ mỉm cười với chúng ta! □
N.Q.D.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thanh Nghị, *Việt Nam Tân từ điển*, Nhà sách Khai Trí, S. 1965.
2. Hoàng Phê (chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, Trung tâm từ điển ngôn ngữ, H. 1992.
3. Văn Tân, *Từ điển tiếng Việt*, Nxb KHXH, 1997.
4. Nguyễn Văn Vĩnh, *Gì cũng cười*, Đông Dương tạp chí, số 22, tháng 11/1913.

¹ *Hi xả*: từ của nhà Phật; *bác ái*: từ của Thiên chúa giáo.



BIẾT “CẢM ƠN!”

Con đường bồi dưỡng giá trị nhân văn đích thực của cuộc sống

✍️ **PGS.TS TRẦN ĐÌNH BÌNH**

Lời cảm ơn là một loại công nhận. Công nhận đây là một hành vi từ trái tim đến sự biểu hiện bên ngoài. Chúng ta đang sống trong tự nhiên, thiên nhiên đã ban cho chúng ta tất cả. Không ai có thể sống mà không có môi trường thiên nhiên, đó là sự thật đơn giản nhất. Nói cảm ơn vũ trụ bao la đã cho ta ngôi nhà trái đất, cảm ơn mặt trời, cho ta sự ấm áp của bầu trời xanh, cảm ơn thảo nguyên xanh, cảm ơn cánh đồng bát ngát, cảm ơn dòng sông nói đã nhắc ta nhớ mãi những giấc mơ của thời thơ ấu. Cảm ơn trời đất, cảm ơn tất cả thiên nhiên, cảm ơn cả sự giận dữ của tự nhiên nhắc ta biết phải bảo vệ ngôi nhà chung của chúng ta.

Cảm ơn thế giới bao la, chung sống hòa bình, cảm ơn tất cả cộng đồng quốc tế, nơi đã cho ta cơ hội hòa nhập, cơ hội tiếp cận với nhiều thói quen, tập quán, ngôn ngữ, màu da, sắc tộc khác nhau. Chúng ta đang sống trong một mái nhà chung, chúng ta đang cùng giấc mơ hạnh phúc.

Cảm ơn Tổ quốc yêu thương, nơi đã nuôi dạy ta thành người, đã làm cho ta có niềm tự hào về Tổ quốc, về dân tộc, về đất nước mà chúng ta đang sống. Chúng ta mãi mãi yêu Tổ quốc, yêu đất nước, nơi chôn rau, cắt rốn của ta.

Cảm ơn các thế hệ cha anh đã lập quốc, xây dựng và bảo vệ đất nước này. Cảm ơn những nhà lãnh đạo quốc gia đã chèo lái con thuyền dân tộc băng qua bão tố, non ngàn đến bến bờ độc lập, tự do và thống nhất Tổ quốc. Cảm ơn nhiều thế hệ đi

trước đã bảo vệ trọn vẹn hòa bình độc lập cho Tổ quốc chúng ta đang sống hôm nay.

Cảm ơn quê hương nhỏ bé, yêu dấu của ta, nơi đã nuôi ta khôn lớn, chấp cánh cho ta bay bổng bốn phương trời, đến những bến bờ mơ ước.

Cảm ơn thầy cô giáo đã tận tình dạy dỗ, chăm sóc, bồi dưỡng, giáo dục ta nên người từ kiến thức, cách ứng xử, nghề nghiệp, đạo đức, lối sống. Thầy cô luôn là những tấm gương sáng ngời cho ta mãi noi theo, mãi phấn đấu để trưởng thành.

Cảm ơn cha mẹ đã sinh ra ta và các anh em ta, cảm ơn gia đình to lớn của ta, nơi đã gieo mầm cuộc sống và tạo lập cho ta sự tự tin, hòa nhập hôm nay. Cha mẹ cho ta sự khởi đầu, cha mẹ cho ta nhiều sự lựa chọn, nhưng ta chắc chắn rằng không thể lựa chọn cha mẹ cho mình, cha mẹ là tình yêu tuyệt vời của ta, cha mẹ cho ta có ngày hôm nay. Cha mẹ có thể không cung cấp cho ta nhiều tiền bạc, địa vị cao sang, danh tiếng lẫy lừng, hoặc một khuôn mặt xinh đẹp, nhưng họ đã cho cả thế giới điều quan trọng nhất là ta, và đó là cuộc sống của ta. Cha mẹ có thể luôn luôn phàn nàn rằng cho ta quá ít, nhưng ta luôn rất biết ơn cha mẹ. Cha mẹ đã cho ta sự sống, cha mẹ của ta đã phải làm việc chăm chỉ để chăm sóc cuộc sống của ta, dạy chúng ta cách cư xử, dạy cho ta cách làm người, ngay cả cho đến khi cha mẹ già tóc bạc, họ vẫn còn nhớ như in nụ cười đầu tiên của ta, nhớ ta bước những bước đi đầu tiên, nhớ từ đầu tiên ta

nói..., nhớ từng giờ, từng ngày ta lon lên, ta đi học, ta trưởng thành....

Cám ơn gia đình nhỏ bé của ta, vợ ta, các con của ta. Đó là những người thân yêu nhất, là động lực để ta sống tốt hơn, làm việc tốt hơn, phấn đấu tốt hơn, trưởng thành hơn. Gia đình là bến cảng, vợ yêu ta là một con thuyền, mỗi đứa con là một cánh buồm, ta giong buồm để thuyền vượt qua mọi sóng gió để đến bến cảng thân yêu, ta nung nấu một trái tim biết ơn, cảm ơn sự chăm sóc tỉ mỉ của gia đình.

Cám ơn bạn bè của ta, đã khuyến khích, động viên ta vươn lên, đã hỗ trợ ta khi khó khăn hoạn nạn, đã giúp đỡ ta trưởng thành.

Cám ơn cơ quan, nhà trường đã tạo cho ta có một sự nghiệp lành mạnh, cho chúng ta may mắn, cho ta một sân khấu để thể hiện tài năng của mình, làm cho ta đam mê công việc của mình, tiếp tục vượt qua chính mình, khiến ta có thể nhận ra giá trị của cuộc sống.

Cám ơn các đồng nghiệp của ta đã nâng đỡ, dìu dắt, phê bình, chỉ dẫn cho ta bước đi trên con đường học vấn và sự nghiệp, đã cổ vũ và giúp đỡ ta trên mọi bước đường công tác.

Cám ơn tất cả, cảm ơn cả những khó khăn, cảm ơn cả những người đã gây ra những rắc rối cho ta. Như một câu chuyện nổi tiếng về cựu Tổng thống Mỹ Franklin D. Roosevelt, đó là một lần gia đình ông bị trộm, nhiều bạn nghe được đã viết thư an ủi ông. Roosevelt cảm ơn các bạn và viết trả lời: "Các bạn thân mến, cảm ơn các bạn đã có thư để an ủi tôi, tôi vẫn bình thường, cảm ơn Thượng đế, bởi vì, thứ nhất, kẻ trộm đã đánh cắp đồ đạc của tôi, nhưng không làm tôi bị thương hay nguy hiểm đến tính mạng; Thứ hai, kẻ trộm chỉ có lấy cắp của tôi một phần đồ đạc chứ không phải tất cả; thứ ba, và đó là may mắn nhất, kẻ trộm là người ngoài, chứ không phải là tôi". Đối với bất kỳ người nào, bị trộm cắp chắc chắn là không may, nhưng với Roosevelt lại cảm ơn vì ba lý do đó!

Cám ơn tất cả:

Cám ơn những kẻ thù của ta, bởi vì đã mài dũa ý chí của ta.

Cám ơn đối thủ cạnh tranh của ta, vì họ là những nguồn động lực của ta.

Cám ơn sự phê bình ta: vì những lời chỉ trích ta làm cho ta hoàn hảo hơn.

Cám ơn người đã đả kích ta: vì đã giúp ta tăng cường năng lực của ta.

Cám ơn người trách móc ta: bởi vì đã rèn luyện nghị lực của ta.

Cám ơn người gợi ý cho ta : bởi vì đã nâng tầm trí tuệ của ta.

Cám ơn những người quan tâm tới ta: bởi vì họ hy sinh để ta được thành công.

Cám ơn những người đã dạy dỗ ta: bởi vì đã làm phong phú tâm hồn ta.

Cám ơn người đã làm tổn thương ta: bởi vì đã mài dũa tinh thần của ta!

Cám ơn người đã xô ngã ta: bởi vì đã làm chân ta cứng cáp hơn.

Cám ơn người đã khinh miệt ta: bởi vì đã đánh thức lòng tự trọng của ta.

Cám ơn người đã bỏ rơi ta: bởi vì đã dạy ta tính độc lập.

Cám ơn người đã ngăn trở ta, bởi vì họ đã cho ta cơ hội nhận ra sai sót.

Cám ơn thất bại: vì thất bại có thể làm cho ta đi đến thành công.

Cám ơn trở ngại: bởi vì có những trở ngại mới làm cho ta sáng tạo.

Cám ơn Chính phủ: vì đã cho ta một đất nước bình yên, văn minh, hiện đại.

Cám ơn nghề nghiệp: bởi vì đã cho ta phát huy năng lực và tài năng sáng tạo.

Cám ơn người đề bạt ta: bởi vì họ đã cho ta một phần ba tài sản của họ.

Cám ơn các đồng nghiệp của ta: bởi vì họ đã cùng ta trưởng thành, giúp đỡ nhau phát triển.

Cám ơn những người bạn cũ: bởi vì họ cho ta hiểu rõ đường thẳng ngắn nhất nối giữa hai điểm.

Cám ơn những người bạn mới: bởi vì họ cho ta thấy được giá trị của sự hy sinh.

Cám ơn tất cả người đáng phải cảm ơn. . .

Cám ơn tất cả những người làm cho ta mạnh mẽ: bởi vì đã cho ta hiểu rõ cuộc sống! ▣

T.Đ.B



Mùa Đông trong thi ca Nhật Bản

✍️ TH.S HOÀNG XUÂN VINH
GV. Trường Đại học Sư phạm

Trong bức tranh cuộn bốn mùa của thơ ca truyền thống Nhật Bản, của thơ Haiku, mùa đông là mùa cuối cùng khép lại một năm dài để lại mở ra một khởi đầu mới, liên tục, bất tận, vô thủy vô chung... Trong thế giới thơ Haiku mùa đông, tuyết là điểm sáng thẩm mỹ hội tụ và tỏa sáng mọi vẻ đẹp, mọi ý nghĩa, mọi sắc thái, mọi sắc màu của mùa đông. Đó là lý do vì sao chúng tôi chọn hình tượng tuyết cho những nghiên cứu và cảm nhận đầu tiên về thơ Haiku mùa đông trong nền văn học Nhật Bản.

1. Mùa đông và tuyết trắng

- Những bông tuyết đầu mùa

"Tuyết là một bài thơ. Một bài thơ rơi xuống từ những cụm mây thành những bông trắng nhẹ.

Bài thơ rơi xuống từ bầu trời, từ bàn tay Thượng đế.

Nó mang một cái tên. Một cái tên của màu trắng tinh khiết.

Tuyết"¹

Tạo hóa hình như không công bằng lắm khi chỉ ban tặng tuyết cho một số quốc gia trên hành tinh trái đất. Như để bù đắp cho những mất mát tổn thương bởi những cơn địa chấn dữ dội, những ngọn sóng thần kinh hoàng, tạo hóa đã gởi tuyết đến cho xứ Phù Tang như là một tặng phẩm từ trời cao. Tuy trải dài qua nhiều vĩ độ, nhưng ở đâu đảo quốc này cũng có tuyết rơi trắng xóa đất trời trong mùa băng giá. Tuyết rơi

giữa tầng không và tuyết rơi trong văn chương nghệ thuật. Tuyết rơi từ thuở ban sơ buổi đầu lập quốc và tuyết rơi từ khởi nguyên của thi ca qua hình tượng Fujisan (núi Phú Sĩ) thiêng liêng và bất tử trong tuyển tập thơ ca *Manyoshu*:

*"Cả những vầng mây trắng
không dám giăng ngang đầu
sợ vùng linh thiêng ấy
chim nào dám bay cao
chỉ có tuyết và lửa
trên đầu non đầu nhau"²*

Văn học Nhật Bản đòi sau vẫn đẹp tinh khôi màu tuyết trắng! *Xứ tuyết* (Yukiguni) của Y.Kawabata được xem là quốc bảo của văn học xứ Phù Tang, là nơi hội tụ của ba cõi: cõi Trời, cõi Đất và cõi Người.

Không gian văn học mà Tuyết rơi nhiều nhất với nhiều sắc thái thẩm mỹ nhất, thể hiện rõ nhất dấu ấn tín ngưỡng Shinto và Thiên tông, cùng vẻ đẹp tính cách, tâm hồn Nhật Bản nhất chính là thế giới thơ Haiku. Tuyết (Yuki) cũng là quý ngữ (kigo) có tần số xuất hiện nhiều nhất trong thơ Haiku viết về mùa đông.

*Trên chiếc cầu/ vẫn còn đang dựng / tuyết đầu
mùa rơi (Basho)*

Vậy là mùa đông đã sớm đến cùng tuyết trắng đầu mùa! Hình như tuyết cũng nòn nóng và vội vã đến với cuộc sống, với con người! Chiếc cầu chưa kịp bắc qua hai bờ con nước mà tuyết đã vội nổi lên vào phút cuối thu tàn, đông chớm.

Những bông hoa tuyết đầu mùa đã nhẹ rơi trên một công trình còn dang dở giữa hai mùa... Tuyết đầu mùa (hatsuyuki) là sứ giả, là tín hiệu của mùa đông dài và lạnh:

Đã rơi năm nào / tuyết mà ta ngắm / bây giờ lại rơi? (Basho)

Bông tuyết đầu mùa / đủ làm trĩu / lá thủy tiên (Basho)

Xâu chuỗi những bài thơ có quý ngữ "Tuyết" (Yuki) trong những bài thơ Haiku mùa đông, ta có thể khái quát nên một số nét ý nghĩa cơ bản làm nên giá trị và vẻ đẹp của tuyết.

- Tuyết và sức mạnh tối thượng bí ẩn trong tín ngưỡng Shinto.

Tuyết mười bộ cao / nơi cuối cùng ta sống / trong cuộc đời này sao? (Issa)

Đứng giữa nghiệt ngã của cuộc đời, hăm hiu của số phận, Issa chỉ còn biết ngưỡng vọng lên trời cao. Trên cao vợi vợi ấy tầng tầng tuyết phủ lạnh lẽo rơi xuống số phận cuộc đời nhà thơ Haiku tài hoa mà bất hạnh. Câu hỏi tu từ của bài thơ như xoáy sâu vào tim người đọc.

Cùng hệ thống với tuyết là những hiện tượng thiên nhiên dữ dội khác như mưa đá, sương giá,

gió lạnh, giông tố... tất cả đều mang trong mình một sức mạnh huyền bí.

Cũng như thơ Haiku mùa hạ, mảng thơ Haiku mùa đông với hình tượng tuyết và các hình tượng cùng hệ thống là nhóm thơ Haiku mang đậm dấu ấn của tín ngưỡng Thần đạo rõ nét và sâu đậm nhất. Và dấu ấn Phật giáo cũng thấp thoáng trong những bài thơ Haiku tuyết trắng:

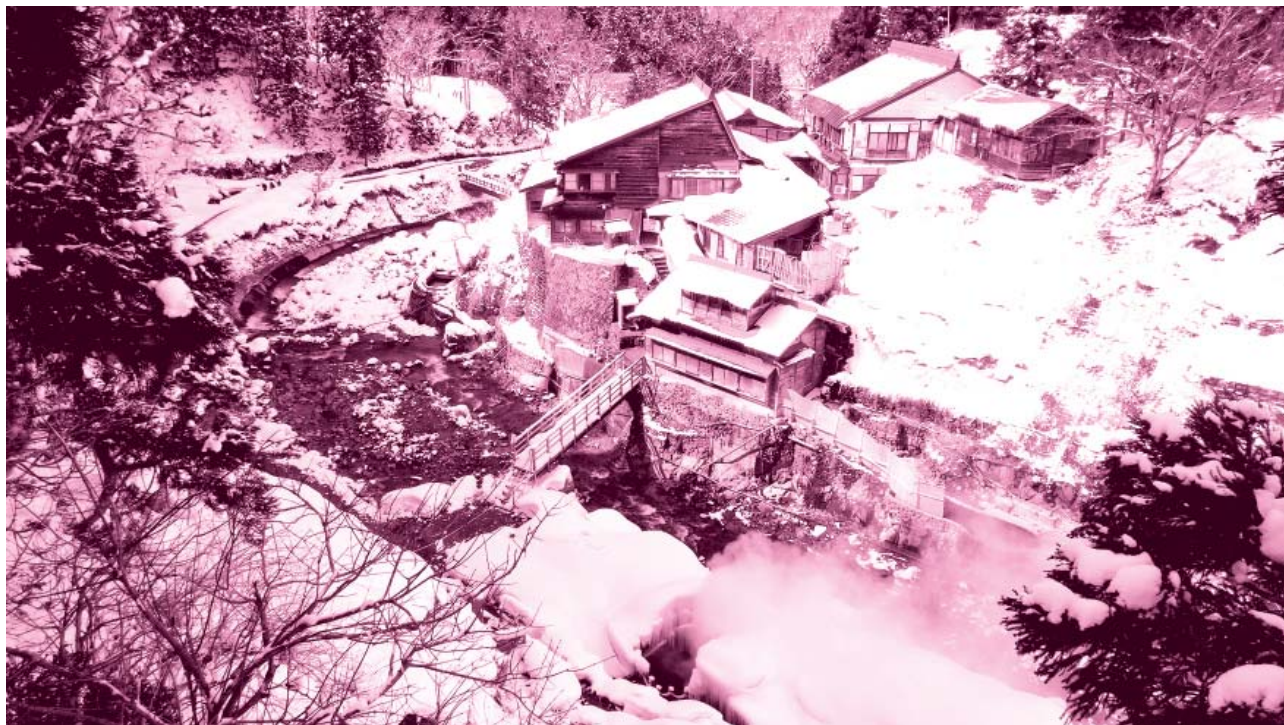
Tốt hay xấu, luôn tin vào Phật/ Tôi chia tay/ với năm sắp hết (Issa)

Vô ngại, vô chấp, nhưng hữu ngã, bài thơ này của Issa khẳng định một đức tin kiên định với một phong thái ung dung, nhẹ nhàng:

Muôn phân tri ân / chấn giường tôi tuyết trắng / từ Tịnh độ rơi sang (Issa)

Đó cũng là bài thơ cuối cùng của Issa, được tìm thấy dưới gối khi ông qua đời trong một nhà kho lạnh lẽo tối tăm ẩm ướt giữa một ngày đông đầy tuyết.

Tuyết mang một trong nhiều đặc tính vĩnh cửu là lạnh lẽo, rét buốt. Đặc tính này khiến tuyết từ một hiện tượng tự nhiên đã trở thành một sức mạnh siêu nhiên trong tín ngưỡng nguyên thủy của con người xứ lạnh.





*Cỡi ngựa mùa đông / chiếc bóng của mình /
dường như lạnh cóng*

(Basho)

Đến cái bóng cũng lạnh cóng giữa trời đông nữa huống chi chủ nhân của nó với thân xác hữu hình hữu cảm! Nói đến sự khắc nghiệt của băng tuyết mà hóm hình như vậy thật là ung dung tự tại! Bằng cách nói đờn bầy và hoán dụ, thi nhân lữ khách đã đẩy cái lạnh vượt ra ngoài các khuôn khổ của cảm giác lẫn tưởng tượng một cách vừa dí dỏm vừa tinh tế. Đùa cợt với cái lạnh buốt của mình, nhưng thi nhân lại xót xa với cái lạnh buốt của cả những sinh linh bé nhỏ:

*Mưa đông giăng đầy trời / một chú khỉ đơn độc /
cũng mong chiếc áo tơi*

(Basho)

Thật cảm động trước tấm lòng nhân hậu của Thiền sư. Cái nhỏ nhoi tội nghiệp của chú khỉ con như tương phản cái rộng lớn vô cùng của trời mưa mùa đông. Nhưng cái ấm áp của tình thương, của sự cảm thông và thấu hiểu cũng đã làm ấm lại cả một trời băng giá!

Thiền sư còn cảm thương nhiều sinh linh bé nhỏ khác trong cái rét buốt của mùa đông:

*Trong tuyết ban mai / đôi mắt ta nhìn cả / những
con ngựa gầy* (Basho)

*Con nhận ốm đau / rơi trong chiều rét / ôi lữ
khách nào* (Basho)

Câu thơ này gọi khả năng liên tưởng trong phép so sánh ngấm. Thương cảm con nhận chiều đông cũng chính là thương xót cho thân phận con người. Bài thơ cũng là lời tự bạch, tự cảm của cái tôi lữ khách trên con đường lữ thứ giữa mùa đông:

*Năm gần tàn / tôi vẫn còn rong ruổi / nón lá và
dép rom?* (Basho)

Buson ít viết về mùa đông so với mùa xuân, nhưng ông cũng có nhiều bài thơ làm ta khó quên vì tứ thơ độc đáo:

Mùa đông lạnh / đắp chăn lên đầu / hay chân?

Trở về nhà / con ngựa vấp / gió đông

**- Tuyết cùng vẻ đẹp tinh khôi và niềm vui
dí dỏm**

Trong văn hóa Phật giáo truyền thống Nhật Bản, màu trắng là một biểu tượng của Đức Phật với vòng hào quang trắng, bông sen trắng. Và trong tín ngưỡng Thần đạo, màu trắng của tuyết là nơi hội tụ của mọi sắc màu. Đó chính là màu trên lá quốc kỳ thiêng liêng của xứ sở Mặt trời mọc – màu của sự chính trực, thuần khiết và tinh khôi – màu của cái đẹp tuyệt đối và vĩnh cửu.

Con quạ ô! sớm mai trong tuyết / đẹp không ngờ!
(Basho)

Đây là một bài thơ hay một bức tranh thủy mặc? Sự tương phản giữa đen và trắng, giữa bé nhỏ và vô tận đã tạo nên một sự tương hợp đẹp đến kỳ lạ, đẹp đến lặng người! Cánh quạ ô - một hình tượng nghệ thuật mang tính biểu tượng, là sứ giả của thần linh trong tín ngưỡng Thần đạo, đã đi vào bài thơ Haiku nào thì bài thơ đó đều trở thành bất tử.

Sự tương giao hòa hợp giữa không gian tuyết trắng với những cảnh vật thiên nhiên, hình ảnh con người... tạo nên nhiều bức tranh tươi đẹp, sinh động tràn trề sức sống và đầy ắp niềm vui.

Đông cứng / trong băng / chiếc lá phong (Shiki)

Lá phong (momiji) là quý ngữ của mùa thu, băng tuyết (yuki) là quý ngữ của mùa đông. Bài thơ vừa là một tuyệt tác của tự nhiên, vừa là một tuyệt tác hội họa được vẽ bằng chất liệu ngôn từ

của người thi sĩ. Cái đẹp mùa đông, kì diệu thay, là bảo tàng cất giữ cái đẹp của mùa thu! Cả hai cái đẹp của thiên nhiên, của luân vũ giao mùa hòa lẫn trong nhau một cách như nhiên dưới bàn tay của tạo hóa, trong con mắt nhìn thấu cái đẹp của thi nhân.

Dưới làn tuyết mới / lá thủy tiên / nhẹ nhẹ trữu mình (Basho)

Tuyết trắng tinh khôi và thủy tiên mỏng mảnh không chỉ hợp thành một vẻ đẹp trinh nguyên mà còn tiềm tàng, còn phát lộ cả một sức sống sinh động và nhạy cảm.

Ngay cả những vật dụng bình thường, thậm chí xấu xí cũng trở nên đẹp đẽ và sống động dưới làn tuyết mỏng.

Chiếc dép cỏ / lênh bênh dưới ao tù/ tuyết nhẹ rơi (Basho)

Và bức tranh thiên nhiên kia càng mơ màng hơn khi con người xuất hiện:

Một thoáng đi qua/ chiếc ô nào đó / một chiều tuyết phai. (Yaha)

Giữa một không gian bạt ngàn tuyết, hình ảnh con người chỉ còn được biểu trưng qua một chiếc ô thấp thoáng, khi ẩn, khi hiện trong một chiều đông nào đó. Tuyết trong tâm linh người Nhật là một sức mạnh siêu nhiên bí ẩn của tạo hóa và tuyết trong tâm hồn duy mỹ, duy tình của người Nhật là biểu tượng của cái đẹp và niềm vui. Có một điều cứ tưởng như là một nghịch lý, nhưng hóa ra lại vô cùng có lý. Mùa đông ở đâu cũng vậy và riêng ở Nhật Bản, nó thường dài lê thê, lạnh lẽo, khắc nghiệt, thường đem lại cho cuộc sống con người sự đói rét, vất vả, nhọc nhằn, khiến con người dễ rơi vào tâm trạng cô đơn, buồn bã, bị ám ảnh bởi sự già cỗi, sự khô héo, bệnh tật, chết chóc,... Thế nhưng, trong cái tận cùng của tiết trời, cái vô cùng của tuyết trắng, lại chính con người xứ sở Phù Tang – những nhà mỹ học hồn nhiên nhất, lại cảm nhận đến tận cùng cái đẹp tinh khiết

của mùa đông tuyết trắng. Cứ thế tuyết rơi mùa trước, tuyết rơi mùa sau, rơi mãi, rơi hoài.. và thi nhân vẫn lạc quan, vẫn hóm hỉnh, cứ vui đùa, dí dỏm với mùa đông khắc nghiệt. Đó chính là biểu hiện của cảm thức Karumi - khinh (nhẹ nhàng) là cảm thức nổi bật trong những bài Haiku về tuyết trắng.

Cời lửa đi nào / tôi có món quà kì diệu / nắm tuyết trắng phau (Basho)

Thật là một món quà giản dị, nghèo nàn mà vô giá. Quà tặng ấy cũng dễ thương như người tặng quà vậy!

Đi mua gạo để sống qua mùa đông, nhọc nhằn vất vả là thế, mà nhà thơ vừa đi vừa làm thơ thật dí dỏm, ung dung, tự tại:

Đi mua gạo / vác chiếc bao phủ tuyết / như có khăn đội đầu (Basho)

Nói nhiều về Basho, ta vẫn không quên Issa với thật nhiều những bài thơ buồn bã. Thế nhưng, ông cũng là nhà thơ “đi giữa chúng ta, một tâm hồn bao lần tả tơi đau xót, nhưng cũng bao lần hóa làm mùa xuân, làm cánh bướm, làm tình yêu của con người”³. Và trong cõi nhân gian của Issa, đặc biệt nhất vẫn là hình ảnh những đứa trẻ thơ ngây, những tâm hồn thơ dại,... thật đáng yêu trong một ngày cuối đông:

Tuyết tan, làng quê ngập tràn / trẻ con (Issa)

Chỉ có một tâm hồn vừa yêu thiên nhiên, yêu quê nhà, yêu cuộc đời và đặc biệt là yêu thương



con trẻ mới có thể viết ra một bài thơ Haiku bé bỏng dễ thương và vui tươi đến thế. Tuyết mãi là một thi liệu truyền thống của văn học nghệ thuật. Tuyết muôn đời sẽ vẫn vậy, vẫn là nguồn cảm hứng bất tận của thi nhân, vẫn rơi mãi, rơi hoài trên những trang thơ muôn thuở:

Trên trắng cây tuyết rơi này/ nếu chết đi, tôi cũng sẽ/ thành bức tượng Phật tuyết. (Chosui)

2. Mùa đông cùng mưa, gió, sương mù, cây già và lá chết

Hòa lẫn với tuyết là những hiện tượng thiên nhiên khác mà chúng ta đã nhắc đến ở trên, đều là những hình ảnh mang tính biểu tượng của mùa đông và đã trở thành những quý ngữ (kigo) quen thuộc. Đó là mưa gió, là sương mù cùng lá chết và cành khô. Mỗi hình ảnh thơ vừa làm nên sức mạnh thiên nhiên hùng vĩ, bí ẩn, vừa làm nên vẻ đẹp riêng của mùa đông xứ lạnh, của xứ sở Phù Tang cô đơn và khép kín giữa biển khơi miền Đông Bắc.

- Mưa và gió mùa đông

Mưa và gió là hiện tượng thiên nhiên có thể xuất hiện trong suốt cả bốn mùa, nhưng mùa đông là mùa mưa gió xứ lạnh mang những tính chất riêng, sắc thái riêng.

Cùng với tuyết rơi xuống từ trời cao, để làm nên cái buốt giá, dữ dội, khắc nghiệt, ẩm ướt đặc thù của mùa đông, đó là cơn mưa đá, những cơn mưa dầm mang theo sức mạnh thiên nhiên bí ẩn:

Ôi dữ dội! tiếng mưa đá/ đập lên ô tôi (Basho)

Trước sự mạnh mẽ, dữ dội của thiên nhiên, con người trở nên nhỏ bé với sự sợ hãi, khiếp đảm:

Mưa đá/ lóe sáng trên đá/ ngọn núi xa. (Basho)

Mưa đá là một hiện tượng thiên nhiên kì lạ và đáng sợ. Nó ẩn dấu bên trong một sức mạnh bí ẩn và phát lộ bên ngoài một sức mạnh tàn bạo. Mưa đá hòa với núi đá to lớn và sừng sững làm một, khiến con người sợ hãi như đứng trước một đấng siêu nhiên. Mùa đông thường lê thê lạnh lẽo. Mùa đông cũng là mùa của sự đói rách, lạnh lẽo nên mưa mùa đông càng đáng sợ:

*Mưa dầm/ trên đồng gốc rạ/ thắm một màu đen.
Mưa đông giăng đầy trời/ một chú khỉ đơn độc/
cũng mong chiếc áo tôi*

(Basho)

Nhưng với tâm hồn yêu cái đẹp, người Nhật không chỉ sợ hãi mà còn yêu quý, gắn bó, thích thú với những hiện tượng thiên nhiên tưởng chừng như đáng sợ nhất:

Mưa đổ/ trên chuông bò/ tiếng gà ó ó (Basho)

Xem kìa bé ơi/ hãy chạy nhanh đến/ mưa đá đang rơi (Basho)

Đến với mỗi một bài thơ, chúng ta lại khám phá một góc, một nét, một sắc màu trong vẻ đẹp tâm hồn Nhật Bản.

Đi cùng với mưa là gió. Đẹp và đáng yêu nhất là gió mùa xuân, mát mẻ nhất là gió mùa hạ, buồn bã nhất là gió mùa thu và lạnh lẽo, đáng sợ nhất là gió mùa đông:

Mùa đông vò vó/ thế gian một màu/ và âm thanh gió (Basho)

Thời gian triền miên, không gian lỏng lẻo một màu âm đạm và con người chỉ còn cảm nhận được, nghe được sự tồn tại của vũ trụ này qua tiếng gió. Các âm thanh đó con người không chỉ nghe bằng tai mà nghe bằng cả tâm thức, tâm linh và tâm trạng.

Chúng tôi có nói đến một bài thơ mùa đông hiếm hoi trong thơ Buson – thi sĩ của mùa xuân – với một tứ thơ lạ và ngộ nghĩnh:

Trở về nhà/ con ngựa vấp/ gió đông.

Người ta thường vấp phải một cái gì hữu hình, hữu thể, chứ ai “vấp” phải gió – một hiện tượng tự nhiên chỉ có thể cảm nhận được mà không nắm bắt được. Gặp một hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống, khi cả người và ngựa trở về nhà trong gió đông rét mướt mà lại thành thơ, thì chắc hẳn đó là một thi nhân yêu cuộc đời này lắm!

- Sương mù mùa đông

Các nhà thơ Haiku cũng hay dành cảm hứng cho sương của cả bốn mùa. Nhưng sương của mùa đông là sương giá, sương mù, nó gắn với cái lạnh lẽo, buốt giá, buồn bã, cô đơn và chết chóc.

*Tạm biệt, tạm biệt/ những bàn tay vẫy/
trong sương mù. (Issa)*

Cuộc đời Issa đi qua nhiều cuộc “sinh li, tử biệt”. Đưa tiễn nhau trong sương mù, mặt không nhìn được mặt, nhưng lại cảm được qua hình ảnh những bàn tay vẫy chào tạm biệt kẻ ở, người đi.

*Được giấu rất khéo/ trong sương mù/
tấm bia mộ. (Issa)*

Sương mù và bia mộ đều là những hình ảnh buồn thương. Cái tang tóc của bia mộ càng làm âm đậm thêm cái buồn bã, lạnh lẽo của sương mù, khiến lòng người càng tê tái nỗi buồn “tử biệt”.

Cuộc đời bất hạnh của Issa đã bao lần tự tay xây bia mộ cho những người thân yêu?

*Chim vùn tước bay/ thờ ra sương gió/ dẫm lướt
tầng mây. (Buson)*

Bài thơ khắc họa một hình ảnh đẹp, mạnh mẽ, oai vệ của một cánh chim giữa trời đông. Bầu trời mênh mông vời vợi, sương mây gió phủ kín cả thình không, cánh chim vùn tước tung chùng như lẻ loi, nhỏ bé, đơn độc, yếu đuối lại bay xuyên qua vũ trụ với một tư thế thật kiêu hùng!

- Mùa đông với cây già và lá chết

Theo quy luật của tự nhiên phương bắc, mùa xuân cây lá đơm chồi xanh lộc biếc, mùa hạ tán lá xum xuê, mùa thu lá vàng úa, đỏ thắm khắp lối và mùa đông sẽ là mùa của những cành cây khẳng khiu trơ trụi, của lá khô lá chết rụng đầy vườn xưa lối cũ.

*Mua xong tôi tây/ tôi đi về nhà / theo hàng cây
trụi lá (Buson)*

Con người một mình đi giữa mùa đông, cảm nhận sự hiện diện của mùa đông qua hàng cây trụi lá. Cũng hàng cây đó làm bạn mỗi ngày đi về trên lối cũ, nhưng chỉ khi nó trơ trụi giữa cái rét mùa đông, thi nhân mới nhận ra nó như những người bạn đứng đợi bên đường chỉ đường dẫn lối về nhà. Bài thơ này có hai quý ngữ của mùa



đông rất quen thuộc là tôi tây và cây cành trơ trụi nên sắc thái mùa đông càng rõ nét.

*Mùa đông của ta / trên bình phong ấy / cây thông
đã già (Basho)*

Mùa đông của thiên nhiên thường gắn kết và gọi liên tưởng đến tuổi già của con người. Cây thông già cổ kia cũng như con người ta ấy, đi qua bao mùa đông khắc nghiệt, vẫn vững vàng kiên định. Tuổi già với người Nhật là biểu tượng của cái đẹp, mang cảm thức Wabi (Đà) là cái đẹp quý giá của dấu ấn thời gian.

*Những chiếc lá rơi/ dường như trăm tuổi / giữa
ngôi vườn chùa.*

*Thân linh vắng bóng / lá chết chất chồng / và âm
thanh gió.*

Hai bài thơ mùa đông với hình ảnh những chiếc lá chết là những bài thơ nổi tiếng của Basho. Lấy vườn chùa làm bối cảnh, bài thơ mở ra một khoảng không gian thanh tịnh, tịch liêu. Không biết ngôi cổ tự đã bao mùa tuế nguyệt và lá đã rơi mấy độ đông về? Thi nhân mơ màng cảm nhận dấu ấn của thời gian mờ hồ qua trăm tuổi của lá, qua cả thời gian quá vãng và cả thời gian hiện sinh. Đó là phút giao cảm giữa con người với vạn vật, giữa tâm trạng và tâm linh.

Ở bài thơ sau ta cảm nhận được sự tịch lặng đến vĩnh cửu. Ở đó chỉ có lá chết chất chồng theo

thời gian và ta nghe được tiếng của gió, duy nhất gió, trong vô tận không gian.

3. Mùa đông và những cánh đồng khô hoang hoải

Tuy không nhiều, nhưng nhà thơ Haiku thi thoảng trên con đường phiêu lãng đã dừng chân tư lự bên những cánh đồng khô héo, hoang vu. Có lẽ không gian cánh đồng trống trải, mênh mông trong những ngày đông rét mướt khiến con người càng cảm thấy tâm hồn mình như tan ra với vũ trụ bao la, trời xa, đất gần.

Chưa tôi hẳn/ sao đã vắng / trên cánh đồng khô héo (Buson)

Trời mùa đông mờ mịt, mau tối sớm, không trăng, không sao khiến con người còn lại như cô đơn, lẻ bạn.

Qua đồng hoang / tôi cứ nghĩ / như có ai theo tôi (Buson)

Chính vì vậy mà hốt nhiên con người rơi vào ảo giác, thật mơ hồ, nhưng dường như có thật, tưởng là thật mà lại chỉ hồ như:

Đàn nhạn đi rồi / cánh đồng trước cửa / dường như xa xôi (Buson)

Và thi nhân nhận ra mình tồn tại, trong cái lạnh thấm thía của mưa gió mùa đông:

Lang thang đồng nội / để cho mưa gió / thấm vào hồn tôi (Basho)

Ấm ảnh nhất là hình ảnh cánh đồng khô trong bài thơ cuối cùng, bài thơ tuyệt mệnh của thi sĩ Thiên sư Basho gởi lại cho đời. Đời người là hữu hạn, hiện sinh trong hạn định, nhưng hồn người là vô hạn, vĩnh cửu cùng vũ trụ và luân hồi của thời gian.

Lịch sử văn học Nhật Bản còn in đậm trên trang giấy, hằn sâu như một nỗi đau buồn vĩnh cửu trong tâm hồn bao thế hệ nối tiếp nhau đi trên con đường của “hài cú đạo”, con đường thiên lý bất tận của hành trình thơ ca:

“Vào mùa xuân 1694, Basho quyết định lên đường đi thăm phương Nam mà đích cuối cùng sẽ là Kyushu.

Đến Osaka, ông được các văn nhân đón tiếp trọng thể. Nhưng Basho lâm trọng bệnh. Đệ tử khắp nơi

nghe tin, tụ về bên giường bệnh của nhà thơ mà họ tôn thờ và yêu quý.

Một đêm mùa đông, Basho gọi đem bút mực tới, soạn một bài thơ từ biệt thế gian:

Đau yếu giữa hành trình

Chỉ còn mộng tôi phiêu lãng

Trên những cánh đồng hoang.

Và sau đó, ông qua đời, đúng như lời dự đoán của ông ngày trước: Tôi sẽ chết trên đường, đó là định mệnh của tôi”⁴.

Thơ Haiku mùa đông mang một vẻ đẹp riêng của mùa đông phương bắc, mùa đông đảo quốc. Hầu như tất cả các cảm thức thẩm mỹ đều in đậm dấu ấn trong các bài thơ nên ta khó phân định rạch ròi ranh giới. Cùng với mùa đối trọng nhất là mùa hạ, Haiku mùa đông mang đậm dấu ấn của Thần đạo với vẻ đẹp tinh khôi, thuần khiết và sức mạnh huyền bí, tối thượng của thế giới tự nhiên. Và con người đi giữa đất trời ấy với tất cả tâm thế, tư thế, vị thế ấy đã cùng với thiên nhiên hợp thành một nhất thể thật hài hòa, không chấp ngại, tự tại như nhiên, để nhận ra rằng: một năm đã sắp qua và mùa xuân đang lấp ló đầu đó chờ ta mở cửa.

Thế rồi từ từ/ mùa xuân thành tự/ với trăng và hoa mơ.

Trước cánh đào hoa/ rộ đời hương sắc/ nam mô hoa đào.

Tiếng chuông chùa tan/ hương hoa đào buổi tối/ như còn ngân vang.

(Basho). □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Những bản dịch thơ Haiku trong bài trích từ các tác phẩm của Nhật Chiêu

1. Xem *Tuyệt*, (nguyên tác: Neige, Maxence Fermine), Minh Phương dịch, Nxb Văn học TP.HCM (2008)

2,3,4. Xem *Văn học Nhật bản từ khởi thủy đến 1868*, Nhật Chiêu, Nxb Giáo dục, Hà Nội

Chuyến xe cuối cùng của năm

✍️ ĐÀO MẠNH LONG

Tết năm nay tôi ở lại thành phố. Tôi đã xin được công việc phụ bàn ở một quán café với mức lương gấp năm, sáu lần ngày thường. Với món tiền mơ ước ấy, tôi – một thằng sinh viên tỉnh lẻ - có thể làm được bao nhiêu việc như nộp học phí, trả tiền thuê nhà trọ, tiền điện, tiền nước rồi sắm sửa quần áo mới. Tết ở quê hay ở phố thì có khác gì nhau! Chỉ có những ngày này thì người ta mới trả lương cao đến thế! Tranh thủ kiếm thêm chút đỉnh. Về thăm quê thì lúc nào mà chẳng được. Nghĩ vậy, tôi nhắc máy gọi điện về cho mẹ. Tiếng tút, tút khô khốc rồi giọng mẹ hồ hởi:

- Long hả con, thế định hôm nào về quê ăn Tết? – Còn nghe vọng tiếng bố lẫn trong tiếng rít điều cày sòng sọc: “Về đây bố phần cho mày cả đàn gà đấy!”

- Dạ... con gọi điện về báo cho bố mẹ là Tết năm nay con không về!

- Sao đấy con? Có chuyện gì à? Sao lại không về? – Giọng mẹ đứt gãy, hoảng hốt.

Tôi ngập ngừng:

- Con ở lại đi làm thêm! Làm có mấy ngày mà lương bằng người ta quần quật cả tháng, bỏ tiếu lăm mẹ ạ!

Bên kia đầu dây im bật. Có lẽ mẹ biết tính tôi ương bướng từ nhỏ, đã quyết chuyện gì thì dù có khuyên răn thế nào cũng không lay chuyển nổi. Khoảng cách hơn trăm cây số mịt mù tĩnh lặng khiến tôi bối rối:

- Thế thôi mẹ nhé! Đến giờ con đi làm rồi!

Mẹ ừ một tiếng, giọng rí sét như lâu ngày mới dùng đến. Tôi vội vàng tắt máy, ném điện thoại xuống giường, lòng hoang mang sợ hãi như đứa trẻ phạm lỗi. Tôi ngồi bó gối ở mép tấm phản gỗ,

ánh mắt sụp xuống nhòai ra phía vòng sáng lòa nhòa màu chiều hắt vào từ khung cửa sổ. Căn phòng nhỏ hẹp tối. Bóng tối như đè nén lên ngực tôi đến ngạt thở. Tiếng muỗi vo ve bên tai nhưng tôi cũng chẳng buồn xua đuổi. Từ bé đến lớn nỗi sợ lớn nhất của tôi là phải nhìn thấy nét buồn trên khuôn mặt mẹ. Tôi cứ ngồi im lìm như cái bóng như thế đến khi đêm đổ đầy vào trong mắt.

Sáng hai chín Tết, chiếc đồng hồ báo thức khua mấy tiếng thô kệch và lạc lõng, cả khu trọ lặng như tờ, những cánh cửa gỗ sơn màu xanh lá mạ khóa im lìm. Chắc mọi người đã về quê hết. Bất chợt thấy lòng mình trống rỗng. Mặc bộ đồ đồng phục của quán, ghé vào gương, vuốt vuốt mái tóc lòa xòa trước trán, khóa cửa và đạp xe đi làm. Phố như người phụ nữ đang độ xuân thì. Những gánh hàng hoa thấp sắc xuân trong lòng phố. Dòng người vẫn hối hả đổ ra đường lớn từ những con ngõ nhỏ. Sắc màu của Tết rớt đầy vào những cửa hàng chen chúc nhau xếp thành hàng dài hai bên đường. Quyên quyên trong cái rét ngọt, hương tết đặc sánh làm lòng người nao nao nhớ, nao nao thương. Đi qua ngã tư, loa truyền thanh thả ra mênh mang bài hát về Tết, về mùa xuân thay cho những điều luật giao thông khô khan hàng ngày. Quán café nơi tôi làm việc vẫn tấp nập người vào, kẻ ra. Nhân viên quán xin nghỉ Tết gần hết chỉ còn lại ba người, trong đó chỉ mình tôi quê ở xa. Tan ca, chân tay mỏi nhừ, tôi thất thểu dắt chiếc xe đạp đi dọc con phố nhỏ chiều nga ngả chiều. Tiếng bát đĩa, nồi niêu va đập vào nhau từ những nếp nhà lô xô gọi về trong tôi cả một trời băng khuâng. Họ đang chuẩn bị cho bữa cơm tất niên.

Bước chân tôi cứ lầm lũi hết con phố này sang con phố khác. Về phòng trọ cũng có biết làm gì ngoài việc cời trần chùm chắn bông kín đầu ngồi thu lu trước màn hình máy tính xem dăm ba cái clip hài, vài bộ phim hành động hay nghe mấy bản nhạc vu vơ... Có tiếng rao hắt hiu: “Ai cháo sườn không? Cháo sườn nóng đây!” Tiếng rao lướt qua và một dáng người liêu xiêu cũng lướt qua tôi. Tôi bất giác gọi với theo: “Bà ơi! Cho cháu bát cháo!” Cả ngày hôm nay tất bật chạy bàn như con thoi, tôi chưa kịp ăn uống gì. Bụng réo òng ọc, nhưng miệng đắng ngắt. Lúc

này tôi chẳng thiết ăn uống gì. Sao tôi lại gọi bà bán cháo sườn quay lại? Có lẽ tôi thèm một tiếng người nói chuyện để phá tan cái im lặng đáng sợ đang bùng bít đóng vầng trong hồn tôi. Tôi đạp chân chống xe, chạy lại đỡ giúp bà gánh hàng nặng trĩu đặt xuống vỉa hè cạnh gốc cây hoa sữa đã tắt hương từ cuối thu. Bà lụm cụm mớ trong lòng thúng lấy hai chiếc ghế đẩu, một cho bà một cho tôi. Bà mở nắp vung chiếc nồi nhôm thành ngoài đóng nhò đen nhem, khói uể oải bốc lên. Bà thoãn thoắt múc đầy một bát cháo, rắc mấy cọng rau thơm rồi đưa cho tôi. Khuôn mặt khắc khổ của bà nhỏ thó giữa hai vạt khăn len chum từ trên đầu rồi quán quanh cổ bùng lên nụ cười hiền như nụ cười của bà ngoại tôi ở quê. Tôi đưa hai tay nhận lấy bát cháo: “Dạ, cháu xin bà!” Chiếc thìa dùng dằng theo những ngón tay tôi uể oải, cháo sánh đặc, thơm đến mềm lòng.

- Hai chín Tết rồi mà bà vẫn đi bán ạ? – Tôi bắt chuyện khi thấy ánh mắt vời vợi lo âu của bà lạc lõng giữa dòng người ngược xuôi tất tả trở về đoàn tụ với gia đình.

Bà chép miệng nói:

- Ừ, bà cố đi mấy con phố nữa xem có bán thêm được bát cháo nào không... để đủ tiền mua cặp bánh chưng cho lũ trẻ ở nhà ăn Tết.

Bà kể cho tôi nghe câu chuyện cuộc đời bà. Trong cái thời khắc cận năm cận tháng này, chưa bao giờ lòng người lại gần nhau đến thế! Bà kể về người chồng rệu rã cò bạc, một sớm cả làng cả xóm xô xao vì thấy xác lão trong bụi cỏ cạnh bờ sông, bà đã khóc ngất đi trên bờ đê. Bà kể về thằng con trai bà bị bệnh thần kinh bỏ nhà đi từ mấy năm trước, nghe phong thanh có người thấy nó ở trên thành phố, thế là bà khăn gói lên đây vừa buôn thúng bán bưng vừa đi tìm nó. Bà kể về mấy đứa trẻ bán báo, đánh giày ở cùng bà trong căn phòng trọ cấp bốn. Mấy bà cháu chẳng thân chẳng thích nhưng nương tựa vào nhau mà sống. Đã mấy năm rồi lũ trẻ chưa được hưởng một cái Tết trọn vẹn. Chúng lang thang khắp hang cùng ngõ hẻm cũng chỉ kiếm đủ ăn hay thắng hoặc có dư ra chút đỉnh thì lại ki cốp gửi về nuôi các em ở quê nên chẳng có tiền mua một tấm vé tàu về ăn Tết. Bát cháo trên tay tôi ngụi đơ ngụi đĩnh còn đôi mắt lại nóng ran.

Bà nhìn tôi từ đầu đến chân rồi hỏi:

- Cháu là sinh viên từ quê lên thành phố học đúng không?

- Dạ vâng ạ! Sao bà biết ạ? – Tôi vừa đưa thìa cháo lên chạm môi, ngược mắt lên nhìn bà.

- Bà nhìn là biết mà! Tết nhất sao không về quê ăn Tết?

Tôi ấp úng như đứa học trò lười học bị thầy cô gọi lên bảng trả bài: “Dạ... cháu ở lại đi làm thêm ạ!”

Bà nhìn tôi đầy ái ngại:

- Tiền thì có thể kiếm cả năm, còn Tết chỉ có vài ngày thôi cháu ạ!

Tôi cúi gằm mặt xuống, từng câu từng chữ bà nói như thấm vào da thịt. Đúng lúc đó, một cô bé chừng mười một, mười hai tuổi mặc chiếc áo bông màu mận tím dặt tay một người phụ nữ mù vấn khăn mùi xoa trên đầu, một tay ôm khư khư cái túi vải bố sờn bạc phía vỉa hè bên kia. Đứa bé ngoảnh đầu lại:

- Mẹ ơi, bây giờ hai mẹ con mình ra bến xe, bắt xe khách chắc vẫn kịp về nhà đón giao thừa với các em và bà ngoại, mẹ nhỉ!

- Ừ, chắc là kịp con ạ!

Tôi cảm nhận rõ môn một những vụn vỡ trong hồn mình. Tết là lúc gia đình được đoàn tụ, ở nhà chắc bố mẹ buồn lắm! Tôi đứng bật dậy:

- Bà ơi... của cháu hết bao nhiêu ạ... Vâng ạ! Đây cháu gửi bà ạ! Cháu cảm ơn bà! Bà và mấy em ăn Tết vui vẻ ạ!

Ánh nắng chiều mờ nhòe, tiếng động cơ, tiếng còi xe mờ nhòe, nếp phố mờ nhòe, những bóng người mờ nhòe,... mọi thứ mờ nhòe trong mắt tôi. Tôi luống cuống quay xe, chiếc xe đạp nhảy lên lóc cóc theo bước chân quýnh quáng chạy của tôi. Gặp chủ quán xin anh cho nghỉ làm để về quê. Tôi nhảy cẫng lên như đứa trẻ được quà khi anh gật đầu đồng ý. Anh rất cảm thông còn cho tôi hộp bánh mang về làm quà và gửi lời chúc mừng năm mới đến bố mẹ tôi ở quê. Tôi cảm ơn rồi rít, cúi chào anh rồi phóng như bay ra bến xe. Còn một chuyến xe cuối cùng. Ngồi trên xe ngắm phố phường khoác chiếc áo choàng lấp lánh ánh đèn trôi qua cửa kính mà lòng xốn xang. Chắc hẳn bố mẹ sẽ vui lắm khi tôi về ăn Tết! □

Motif vật hóa đá trong truyền thuyết dân gian Việt Nam

 **Th.S NGUYỄN THỊ QUỲNH HƯƠNG**
GV. Trường Đại học Khoa học

Biên soạn tư liệu về truyện dân gian theo type và motif chính là phương pháp nghiên cứu folklore có nguồn gốc từ trường phái Phần Lan (Finnish Method, phương pháp địa lí – lịch sử), được khởi xướng bởi các nhà nghiên cứu: Julius Leopold Kredrik Krohn (1835 – 1888), Kaarle Krohn (1863 – 1933), và người kế tục là Antti Aarne (1867 – 1925) và Stith Thompson (1885 – 1976). Ở Việt Nam, với tự sự dân gian, motif thường được tìm hiểu và nghiên cứu trong hệ thống truyện cổ dân gian Việt Nam, nghĩa là bao gồm cả thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích.

Trong công trình *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, ở biểu tượng đá, Jean Chevalier và Alain Gheerbrant đã xác nhận có “huyền tích biến đá thành bánh mì được kể trong sách Phúc âm. Từ Beith-el (nhà của Chúa Trời) có lẽ sau này đã biến thành Beith-lehem (nhà của bánh mì), và cuối cùng bánh thánh đã thay cho đá như là nơi Chúa hiện diện trong thực tại” [1, tr. 269].

Trên cơ sở khảo sát, chúng tôi nhận thấy motif vật hóa đá tuy không xuất hiện với tần suất lớn nhưng thể hiện được một nét nghĩa riêng của đá trong truyền thuyết dân gian Việt Nam. Và dạng motif này cũng có sự ảnh hưởng từ nghệ thuật hóa thân của truyện cổ tích. Hay nói cách khác, đây chính là dấu ấn đậm chất giao thoa giữa các thể loại của tự sự dân gian.

Theo chúng tôi, motif vật hóa đá có thể chia làm hai loại, phụ thuộc vào vật được hóa đá: vật mang tính thiện và vật mang tính ác. Vì vậy, trong tiểu luận, chúng tôi kết cấu theo đặc tính của vật được hóa đá.

1. Vật hóa đá mang tính thiện

Với motif này, vật hóa đá trong truyền thuyết dân gian Việt Nam là phượng hoàng (*Núi Phượng Hoàng*), ngựa và bộ yên ngựa (*Mã Yên Sơn*), và chú voi què (*Chú voi què hóa đá*).

Đá trong dạng vật hóa đá mang tính thiện là sự kéo dài, nối giãn đời sống tinh thần của sự vật, xuất phát từ niềm tưởng vọng mà quần chúng nhân dân dành cho sự vật. Tuy nhiên, cũng cần phải nhấn mạnh đến hành trạng/ công lao của những sự vật này trong mối quan hệ với nhân vật lịch sử hoặc đời sống của người dân. Đây chính là điều quan trọng đã tạo ra phần vĩ thanh – “đời đá” của sự vật.

Phượng hoàng trong truyền thuyết *Núi Phượng Hoàng* thường làm tổ trên đỉnh núi của Chi Lăng. Dưới thời nước ta bị nhà Đường đô hộ, tên quan khét tiếng tàn ác Lưu Diên Hựu trên đường đi kinh lý, nhìn thấy chim phượng hoàng bay về đỉnh núi. Người xưa quan niệm vùng đất chim phượng hoàng chọn là đất lành và mùa màng sẽ tốt tươi, cuộc sống sẽ no ấm. Do đó, chim phượng hoàng mang điềm thịnh vượng không chỉ

cho vùng đất, mà còn cho cả vương triều đang trị vì. Chính vì lẽ đó, sự xuất hiện của chim phượng hoàng ở Chi Lăng đã khiến Lưu Diên Hựu lo lắng về sự lung lay của vị trí cai trị, nếu để chim xây tổ trên núi là “mối họa đối với thiên triều, đối với mệnh ta đang ngồi cai trị đất này” [7, tr. 185], cho nên mới ra lệnh cho quân lính giương cung bắn phượng hoàng, trừ hậu họa.

Chim đầu đàn bị mũi tên độc cắm vào cánh phải nhưng sau đó được hai chàng trai của bản rút tên, rịt lá thuốc vào vết thương. Truyền thuyết miêu tả chim phượng hoàng bằng những câu văn nhân hóa: “Chim quý nghiêng đầu nhỏ hai giọt nước mắt lấp lánh như kim cương trong ánh đèn sẵn mờ ảo. Chim nén đau, không kêu xé lòng nữa” [7, tr. 185]. Đến sáng hôm sau, “chim hóa đá trên đỉnh núi cao, ... và mãi mãi ở lại trên đất này với người dân xứ này” [7, tr. 185]. Chim phượng hoàng có thể được xem như một sứ giả của thần linh. Nếu như trong truyện cổ tích *Cây khế*, chim phượng hoàng có khả năng thông hiểu được tiếng nói của con người, biết đền ơn trả nghĩa, luôn khách quan trước mọi sự vật thì ở truyền thuyết này, chim mang dáng dấp và cách hành xử như con người. Ngoài việc đã lựa chọn vùng đất Chi Lăng, chim phượng hoàng còn cảm cái ơn của người dân bản nên cuối cùng đã hóa đá để mãi trọn tình với vùng đất và người dân. Hơn thế nữa, chim phượng hoàng dẫu chết đi thì tính linh thiêng vẫn tồn tại trong hiện thân đá [núi đá Phượng Hoàng – NTQH] và dường như đá cũng đem điềm lành gắn chặt mãi mãi với vùng Chi Lăng.

Còn trong truyền thuyết *Mã Yên Sơn*, đồng bào Tày – Nùng đã nổi dậy khởi nghĩa chống sự thống trị bóc lột và đàn áp nặng nề của nhà Đường. Họ có một đội kỵ binh tinh nhuệ với “những con tuấn mã được huấn luyện hết sức công phu, được trang bị những bộ yên cương bằng da thú rừng quý báu” [7, tr. 186]. Đội kỵ binh mấy phen làm quân giặc khiếp sợ bởi tài phi ngựa và bắn cung. Chúng cho rằng “những kỵ sĩ tài giỏi kia sở dĩ

chết không bao giờ ngã ngựa là nhờ có cỗ yên cương linh thiêng ấy” [7, tr. 186].

Trong một trận đánh, có một nghĩa sĩ bị tử thương, con ngựa cũng quy cả bốn vó nhưng quyết không cho bầy giặc lôi xác chàng kỵ sĩ xuống, cứ lồng lên đòi cắn cổ giặc. Quân giặc tức giận nên chém cụt đầu con ngựa và cố lột bằng được cái yên ngựa. Không hiểu vì sao “chúng không tài nào nhấc nổi bộ yên cương kỳ lạ đó. Bộ yên cương đã dính liền vào lưng ngựa” [7, tr. 187]. Và khi quân giặc thất vọng bỏ đi thì “đêm ấy, con tuấn mã trung thành và bộ yên cương quý giá đã hóa đá” [7, tr. 187] và hai giọt nước mắt của ngựa thương người tử sĩ đã “biến thành giếng Mã Yên Sơn trong mát quanh năm, không bao giờ cạn” [7, tr. 187].

Có thể khẳng định, ở truyền thuyết này, núi đá Mã Yên Sơn và giếng Mã Yên Sơn là hai hình ảnh đẹp, đầy tính ẩn dụ, chung cất tất cả lòng tưởng nhớ và ngưỡng vọng của nhân dân. Núi đá là hiện thân cho sự trung thành của con tuấn mã, hay nói chính xác hơn là của đội kỵ binh Tày - Nùng. Họ không chỉ muốn sống, chiến đấu cho vùng đất, mà còn nguyện chết cũng hóa thân vào vùng đất đó. Và giọt nước mắt của ngựa cũng như niềm tiếc thương của đồng bào dành cho đội kỵ binh mãi đầy voi theo năm tháng như nước giếng trong mát, không bao giờ cạn. Thế nên tương tự như sự hóa đá của chim phượng hoàng, đá được hóa từ con ngựa và bộ yên cương trong truyền thuyết *Mã Yên Sơn* có hai lớp nghĩa: ghi dấu chiến tích của đội kỵ binh Tày – Nùng, và ngầm chứa sự tưởng vọng của đồng bào dành cho họ.

Trong truyền thuyết *Chú voi què hóa đá*, chú voi cũng là một thành viên thuộc đoàn quân của Quang Trung tiến ra Bắc để dẹp giặc Mãn Thanh. Đây là “con voi đực to nhất, chỉ có một ngà, trước đây vô cùng hung dữ ở rừng Tây Nguyên, không ai có thể thuần hóa được” [10, tr. 134], song khi nghe Nguyễn Huệ phát cờ khởi nghĩa, con voi đã tự nhiên theo về đàn voi của nhà vua, “quỳ hai chân trước, đập vùi như tạ tội” [10, tr. 134].

Thế nên, từ đó, lúc nào vua Quang Trung cũng cưỡi voi một ngà này ra trận. Trên đường đi, đến đèo Ba Dội, voi một ngà bị trượt, chân bị thương nặng nhưng vẫn “quỳ hai chân trước xuống để nghênh đón nhà vua..., như năn nỉ được tiếp tục đưa nhà vua đi đánh giặc” [10, tr. 134]. Cảm kích trước tình cảm của chú voi, Quang Trung nói với voi như một bề tôi rằng “Ngươi đã theo ta đánh đông dẹp bắc, trên mình đầy chiến tích vinh quang. Ta rất lấy làm biết ơn. Nay không may nhà ngươi bị ngã què, không thể cùng ta ra trận được. Hãy nằm lại đây nghỉ ngơi, chờ ta đánh xong giặc xâm lăng sẽ quay về chữa cho ngươi khỏi rồi cùng ta trở về Phú Xuân” [10, tr. 135]. Chú voi què hiểu ý nhà vua nên “vô cùng cảm kích, lết theo đoàn quân một đoạn nữa rồi không thể nào đi được, hóa thành núi đá, hướng đầu về phía Thăng Long” [10, tr. 135].

Có thể nói trong những chiến thắng của nghĩa quân Tây Sơn không thể không nhắc đến sự giúp sức của những con tuấn mã của đội kỵ binh và đàn voi quý của đội tượng binh. Lối miêu tả của truyền thuyết đã không những cho thấy cách hành xử đầy tính người của con voi, mà còn thể hiện tình cảm, cũng như sự luyến thương mà nhân dân dành tặng cho chú voi một ngà này.

Khác với núi Phượng hoàng và Mã Yên Sơn trong hai truyền thuyết trên, hình dáng của núi đá và chú voi một ngà có mối quan hệ chặt chẽ, bởi vì núi đá có dáng vẻ của một chú voi đang nằm. Sự đồng nhất về hình dáng này đã giúp vua Quang Trung khi chiến thắng trở về nhận ra núi đá chính là hóa thân của voi một ngà. Điểm thú vị của núi đá, theo chúng tôi, còn nằm ở chi tiết đỉnh núi hướng về phía Bắc, in đậm sự quy phục và bái vọng của chú voi đối với vua Quang Trung, hay cũng có thể nói là tinh thần một lòng một dạ muốn cùng ra Bắc chinh chiến bên cạnh vua của voi một ngà.

Truyền thuyết không chỉ tôn vinh các nhân vật lịch sử mà còn ghi chép những câu chuyện mang tính chất huyền thoại về các sự vật, con

người xung quanh nhân vật lịch sử. Điều đó đã cho thấy nhân vật lịch sử chiếm được cảm tình của không chỉ nhân dân mà tất cả các sự vật, hiện tượng khác, hoặc sự xuất hiện của nhân vật lịch sử chính là ý/ mệnh trời. *Chú voi què hóa đá* là một trong những truyền thuyết như vậy. Có thể nói núi đá Voi Phục của thị xã Tam Điệp được hóa thân từ chú voi một ngà trong truyền thuyết là kết tinh của lòng kiên trung và ngưỡn vọng.

2. Vật hóa đá mang tính ác

Vật mang tính ác hóa đá trong truyền thuyết dân gian Việt Nam là yêu tinh (*Sự tích núi Sâu*), quái vật (*Sự tích sông Kinh Thầy*). Hầu hết đá được hóa thân trong các trường hợp này đều mang ý nghĩa lưu lại chiến tích của nhân vật lịch sử.

Trái ngược với những vật hóa đá mang tính thiện, núi Sâu trong truyền thuyết *Sự tích núi Sâu* lại do một con yêu tinh hóa thành. Núi Cánh Diều (Ninh Bình) có một con yêu tinh phép thuật cao cường, thường “hiện hình giống người con gái trong cung, ăn mặc rất đẹp, có khi lại hóa thành đứa trẻ hay bà lão ngồi bên đường lừa và hại người qua lại” [10, tr. 85]. Trần Lộc là người làng An Đông, huyện Quảng Xương, Thanh Hóa, có phép phù thủy và lại được trao phép Phật Thượng phương để giúp đỡ, cứu người lương thiện. Biết tin về con yêu tinh này, Trần Lộc đã tìm đến và đánh nhau với yêu tinh ba ngày ba đêm. Sau khi bị Trần Lộc bắt “luôn mấy quyết bản theo, con yêu tinh phải quyết, sa xuống đất, chết hóa thành trái núi” [10, tr. 85].

Như đã đề cập đến ở trên, ngọn núi Sâu, hóa thân của con yêu tinh này chính là dấu tích góp thêm vào những chiến công của nhân vật lịch sử Trần Lộc, khẳng định tài năng và đức độ của ông [Trong thực tế, núi Sâu thuộc xã Khánh Thượng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình thuộc dạng núi đá. Chính vì điều đó nên chúng tôi vẫn xếp núi Sâu trong truyền thuyết vào motif vật mang tính ác hóa đá. Hiện nay, ở khu vực núi Sâu, việc khai thác đá vẫn đang diễn ra với công suất lớn

- NTQH]. Hơn thế nữa, truyền thuyết *Sự tích núi Sâu* còn cho thấy sự di chuyển tế độ chúng sinh của nhân vật Trần Lộc, người được mệnh danh là “Phật Tổ Như Lai tái thế” [10, tr. 84] từ Thanh Hóa đến Ninh Bình.

Trong truyền thuyết *Sự tích sông Kinh Thầy*, vật mang tính ác hóa đá lại là một con quái vật. Nhân vật trấn áp, giết được con quái vật là Kinh Thầy, người được sinh ra từ sự thần kỳ. Cha mẹ Kinh Thầy đã lớn tuổi nhưng vẫn chưa có con để nối dõi. Sau khi được một bà tiên hiển linh chỉ dẫn, có được một bông hoa thơm ngào ngạt để đầu giường, mẹ Kinh Thầy có mang. Kinh Thầy được 2 tuổi thì cha mẹ đều đã mất, chàng được một đạo sĩ đưa về nuôi và cho học phép thuật. Vị đạo sĩ bảo Kinh Thầy đã trưởng thành và hãy ra tay trừ yêu quái là con rồng đen ở phương Bắc. Chàng ra đi và tìm mọi cách để giết yêu quái.

Cuộc chiến kéo dài 5 ngày đêm, cuối cùng Kinh Thầy cũng bắn trúng mắt rồng và chém đứt đầu, chém thân rồng thành hai khúc. Mặc dù rất mệt nhưng vì thấy dân không có nước, do rồng đen đã lấp hết sông ngòi, Kinh Thầy đã lấy tay làm mi để xẻ đất thành dòng sông lớn. Sông đó được nhân dân gọi là sông Kinh Thầy. Còn “con quái vật ngã xuống nằm thành một dải núi dọc huyện Kinh Môn ngày nay. Trên đỉnh núi An Phụ cao nhất là mặt rồng. Hai mắt nó thành hai cái giếng. Mắt bị bắn nên nước giếng đục quanh năm” [10, tr. 245]. Dải núi do quái vật ngã xuống trong truyền thuyết *Sự tích sông Kinh Thầy* cũng đã ghi dấu chiến tích của nhân vật Kinh Thầy. Đồng thời tác giả dân gian cũng đã gắn kết các địa danh Kinh Thầy, An Phụ một cách tinh tế. Song cần khẳng định dải núi An Phụ được hóa từ quái vật rồng đen và có đỉnh núi được hóa từ mặt rồng [Núi An Phụ dài 17 km, nay thuộc huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương – NTQH]. Đặc biệt ở truyền thuyết này, sự hóa đá của con rồng không chỉ được xem xét ở góc độ hình dáng của dải núi, mà còn ở vị trí và đặc tính của hai giếng nước trên đỉnh núi An Phụ.

Với sự hóa thân của vật mang tính thiện hay vật mang tính ác, biểu tượng đá trong truyền thuyết dân gian người Việt, vì vậy, cũng có những giá trị, ý nghĩa hoàn toàn khác nhau: đối với vật mang tính thiện, đá như là một sự tôn vinh và tưởng vọng sự vật, còn đối với vật mang tính ác, đá là hình thức lưu lại chiến tích của người anh hùng. Do đó, motif vật hóa đá phần lớn đều nằm trong những truyền thuyết người Việt về nguồn gốc của các địa danh, góp phần thể hiện sự gắn kết chặt chẽ giữa người Việt và đá, cũng như bộc lộ tình yêu và niềm tự hào về quê hương, đất nước của các tác giả dân gian. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Jean Chevalier, Alain Gheerbrant (2002), *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.
2. Jean Duvignaud (2011), *Những tiếng nói đã mất*, NXB Thế giới, Hà Nội.
3. E.M. Meletinski (2005), *Thi pháp của huyền thoại*, NXB ĐHQG, Hà Nội.
4. Marcel Mauss (2011), *Luận về biểu tượng*, NXB Tri thức, Hà Nội.
5. Phan Ngọc (2006), *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, NXB Văn học, Hà Nội.
6. Viện Nghiên cứu văn hóa (2009), *Tinh hoa văn học dân gian người Việt*, Truyền thuyết dân gian người Việt, quyển 1, NXB KHXH, Hà Nội.
7. Viện Nghiên cứu văn hóa (2009), *Tinh hoa văn học dân gian người Việt*, Truyền thuyết dân gian người Việt, quyển 2, NXB KHXH, Hà Nội.
8. Viện Nghiên cứu văn hóa (2009), *Tinh hoa văn học dân gian người Việt*, Truyền thuyết dân gian người Việt, quyển 3, NXB KHXH, Hà Nội.
9. Viện Nghiên cứu văn hóa (2009), *Tinh hoa văn học dân gian người Việt*, Truyền thuyết dân gian người Việt, quyển 4, NXB KHXH, Hà Nội.
10. Viện Nghiên cứu văn hóa (2009), *Tinh hoa văn học dân gian người Việt*, Truyền thuyết dân gian người Việt, quyển 5, NXB KHXH, Hà Nội.



Trở thành cầu thủ chuyên nghiệp giải V-League sau khi vô địch cùng đội tuyển Đại học Huế

✍ **MINH PHƯƠNG**

tổng hợp

Ai từng theo dõi Giải Bóng đá Sinh viên toàn quốc truyền hình Quốc phòng Việt Nam cúp Viettel 2015 vừa qua chắc hẳn đều ấn tượng với đội bóng của Đại học Huế. Không chỉ là nhà vô địch có lối đá tấn công đẹp mắt khi thắng đội bóng Trường Đại học Tôn Đức Thắng 3-1 trong trận chung kết, đội bóng của Đại học Huế còn sở hữu một dàn cầu thủ khá chất lượng.

Nổi bật trong số đó là tiền đạo mang áo số 10 Phan Công Thuận khi đã có một giải đấu xuất sắc cùng đội bóng Đại học Huế, đồng thời đoạt danh hiệu Vua phá lưới với 10 bàn thắng. Lập tức Công Thuận lọt vào tầm ngắm của các tuyển trạch viên một số đội bóng chuyên nghiệp đang chơi ở giải V-League, giải đấu cao nhất của bóng đá Việt Nam. Trong số đó, CLB Đồng Tháp đã chớp thời cơ, tức tốc gửi thư mời Công Thuận và một số cầu thủ trong đội tuyển của Đại học Huế vào CLB để thử việc.

Sau 3 tháng thử việc, trong khi các đồng đội ở đội tuyển Đại học Huế dần bị loại vì không đáp ứng được yêu cầu chuyên môn, Phan Công Thuận với sự tự tin đã từng bước tiến bộ, đáp ứng được yêu cầu chuyên môn và được CLB Đồng Tháp mời ký hợp đồng chính thức.

"Khi đặt bút ký vào bản hợp đồng thi đấu cho Đồng Tháp, tôi cứ ngỡ là mơ. Dù đặt nhiều kỳ vọng nhưng tôi không ngờ công sức mình bỏ ra lại được đền đáp khá trọn vẹn. Chỉ đi đá các giải phong trào để kiếm tiền ăn học, tôi từng ước mơ được một lần đá V-League và cuối cùng, giấc mơ thành cầu thủ chuyên



ngiệp cũng thành hiện thực. Nó là môi nhân duyên và tôi sẽ nỗ lực hết mình vì may mắn này. Tôi muốn đá bóng thật tốt để giúp bố mẹ có tiền trả nợ và nuôi các em ăn học đàng hoàng...". Công Thuận hào hứng chia sẻ.

Phan Công Thuận sinh ra trong một gia đình nghèo có 4 anh em ở huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nếu không thi đấu xuất sắc và giành chức vô địch cùng đội tuyển Đại học Huế, chắc chắn Công Thuận sẽ trở thành một thầy giáo thể dục sau khi tốt nghiệp Khoa Giáo dục Thể chất. Dù không trải qua bất cứ trường lớp đào tạo cầu thủ trẻ nào, tuy nhiên khả năng sẵn bàn Công Thuận là rất đáng nể nhờ những năm tháng quãng đời sinh viên chăm chỉ tập luyện, tích cực tham gia thi đấu ở các sân chơi phong trào.

Ngày 8/1/2016 có lẽ là ngày vui nhất trong cuộc đời Phan Công Thuận khi được CLB Đồng Tháp ký hợp đồng thi đấu chuyên nghiệp. Công Thuận sẽ chính thức ra mắt CLB ở giải giao hữu vào ngày 18/1 tại Đồng Tháp, chuẩn bị cho V-League 2016. □

TRẢI NGHIỆM ĐA VĂN HÓA VỚI JENESYS 2015 TẠI NHẬT BẢN

✍ **HOÀNG THẢO ANH**

SV K36 - Trường Đại Học Luật - Đại Học Huế

nhau và xây dựng tình đoàn kết giữa thanh thiếu niên các quốc gia Đông Á

JENESYS 2015 diễn ra từ ngày 7/12 – 15/12/2015 tại Nhật Bản quy tụ các đại biểu đến từ 11 nước bao gồm các quốc gia trong khu vực ASEAN và Timor Leste. Các đại biểu được tới thăm những địa điểm nổi tiếng ở Tokyo, Hiroshima và Nagasaki, kết hợp với trải nghiệm văn hóa và giao lưu, thảo luận. Đây là đợt đông nhất và đa văn hóa, đa quốc gia nhất trong khuôn khổ JENESYS, không chỉ quy tụ các đại biểu từ nhiều nước khác nhau, bản thân mỗi đại biểu cũng mang trong mình bản sắc, tôn giáo, dân tộc khác nhau.

Cũng bởi vì có nhiều đại biểu đến từ nhiều nước trong khu vực, chương trình lần này có ý nghĩa rất lớn về đối ngoại – chính trị. Vì thế, quy trình tuyển chọn đại biểu cũng khá khắt khe. Ở Việt Nam, quy trình này được thực hiện thông qua 2 vòng chính là vòng hồ sơ và vòng phỏng vấn. Các ứng viên điền đơn và làm các bài luận do chương trình đưa ra, liệt kê các hoạt động xã hội, thành tích cá nhân và gửi kèm ảnh bằng cấp, chứng chỉ đến Ban quốc tế của Trung ương Đoàn. Tất cả hồ sơ đều được viết bằng tiếng Anh. Sau khi tuyển chọn các hồ sơ tiềm năng, các ứng viên được chọn sẽ được liên hệ để phỏng vấn trực tiếp bằng tiếng Anh (hoặc qua skype nếu ở tỉnh xa). Các vấn đề được hỏi bao quát trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội đòi hỏi ứng viên phải có kiến thức phong phú và kỹ năng ứng biến. Sau khi tiến hành phỏng vấn,

HTA ngồi hàng đầu, thứ 10 từ trái sang

Tháng 12/2015 vừa qua, tôi đã có cơ hội là một trong 10 sinh viên được lựa chọn đại diện Việt Nam tham gia vào chương trình giao lưu thanh niên Đông Á-Nhật Bản (JENESYS 2015) trong khoảng thời gian từ ngày 7/12 – 15/12. Chuyến đi là một trải nghiệm đầy hấp dẫn và thú vị đối với tôi khi được giao lưu, làm quen và trao đổi với đại biểu thanh niên đến từ 11 quốc gia trong khu vực và Nhật Bản.

SƠ LƯỢC VỀ CHƯƠNG TRÌNH JENESYS

Jenesys là ‘Chương trình giao lưu thanh thiếu niên Đông Á thế kỷ 21’ (tên tiếng Anh : Jenesys Programme) do nguyên Thủ tướng Nhật Bản Abe Shinzo khởi xướng tại Hội nghị thượng đỉnh các nước Đông Á lần thứ 2 tổ chức vào tháng 01-2007. Theo chương trình này, thanh thiếu niên các nước Đông Á sẽ được mời đến Nhật Bản hoặc thanh thiếu niên Nhật Bản được cử đến các nước để tiến hành nhiều hình thức giao lưu khác nhau nhằm góp phần làm sâu sắc thêm sự hiểu biết lẫn



Tác giả bên “tác phẩm” thư pháp đầu tay: “Hòa bình”

các ứng viên sẽ được sàng lọc lần 2 và sau đó sẽ được liên hệ yêu cầu bổ sung hồ sơ (các văn bản gốc hoặc bản sao có chứng thực) để kiểm chứng. Cuối cùng, những ứng viên được chọn đại diện cho Việt Nam tham gia Jenesys 2015 sẽ được liên hệ để cung cấp thông tin và giấy tờ cần thiết để làm Visa thông qua một thông báo trúng tuyển chính thức của Trung ương Đoàn.

LỘ TRÌNH

Về cơ bản, chương trình diễn ra ở 3 địa điểm chính: Tokyo, Hiroshima và Nagasaki. Chúng tôi sau khi đáp xuống sân bay Narita đã có 2 ngày đầu tham quan các địa điểm nổi tiếng ở Tokyo, cũng như tập huấn kiến thức về những vấn đề liên quan đến chủ đề của chương trình “Peace Building”. Sau đó đoàn chia làm 2 nhóm: một nhóm đi Hiroshima bằng tàu siêu tốc Shinkansen, nhóm còn lại đi Nagasaki bằng máy bay. Ở hai thành phố này, các đại biểu lại được chia thành các nhóm nhỏ hơn và được trải nghiệm văn hóa, ví dụ có nhóm học làm sushi, có nhóm học trà đạo, thư pháp,... và thú vị nhất có thể kể đến chương trình homestay. Ngoài ra, còn có chương trình giao lưu với sinh viên của các trường đại học ở địa phương (chẳng hạn như đại học Hiroshima). Sau khoảng 4 ngày ở Hiroshima và Nagasaki, chúng tôi trở lại Tokyo để tham dự buổi tổng kết và tái hợp với những thành viên cùng quốc gia trước khi lên đường về nước vào ngày 15/12.

XÂY DỰNG HÒA BÌNH

Là đợt Jenesys hỗn hợp, chuyến đi này có sự tham gia của các đại biểu đến từ 10 nước Asean và

Timor Leste, mỗi quốc gia cử một đoàn 10 đại biểu tham gia chương trình. Do đó, nó có ý nghĩa chính trị-ngoại giao quan trọng. Chủ đề “xây dựng hòa bình” đã được chọn cho chuyến đi có ý nghĩa này. Chương trình đã chia 2 nhóm đến 2 thành phố lịch sử Hiroshima và Nagasaki, và tôi thuộc nhóm đi Hiroshima. Tại đây, qua cuộc viếng thăm bảo tàng Hòa Bình, công viên Hòa Bình và đài NHK Hiroshima, chúng tôi đã có cơ hội hiểu biết thêm về thảm họa bom nguyên tử 1945, về câu chuyện của các nhân chứng, nỗ lực đưa tin về thảm họa ở Hiroshima ngay sau khi bị đánh bom của các nhân viên NHK và hiểu được ý nghĩa thực sự của 2 chữ “hòa bình”. Chúng tôi đã được trao đổi trong một buổi hội thảo cùng nhau, với sinh viên đại học Hiroshima về quan điểm của mình về các vấn đề liên quan đến hòa bình, qua đó cũng làm quen được với rất nhiều bạn và cùng chia sẻ với nhau khá nhiều điều thú vị.

TRẢI NGHIỆM VĂN HÓA

Một điều không thể thiếu của chuyến đi là những trải nghiệm văn hóa. Thông qua việc ghé thăm các bảo tàng như Edo-Tokyo, Miraikan, bảo tàng hòa bình Hiroshima, bảo tàng tàu chiến Yamato; các di tích lịch sử như thành Edo, đền Asakusa, thành cổ Hiroshima; thể nghiệm ẩm thực những món nổi tiếng như Okonomi-yaki, mì Udon, tonkatsu,...; và quan sát phong cách sống ở Nhật, chúng tôi đã có những cái nhìn sống động, thực tế hơn về văn hóa Nhật Bản, cũng như cách thức mà xã hội này vận hành: theo hướng hiện đại nhưng vẫn giữ được những truyền thống đặc trưng. Ngoài ra, đoàn Hiroshima cũng được trải nghiệm một buổi học thư pháp ở Kumacho – thị trấn nổi tiếng về thư pháp và sản xuất bút lông của Nhật Bản. Những giáo viên đã dạy chúng tôi cách viết thư pháp hai chữ “hòa bình” bằng hán tự, và đồng thời kể cho chúng tôi về lịch sử của bộ môn nghệ thuật này.

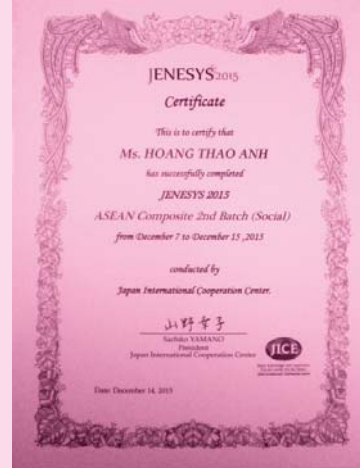
HOMESTAY

Là một phần của trải nghiệm văn hóa Nhật Bản, homestay (ở nhà dân) là phần chương trình chúng tôi mong đợi nhất. Đoàn được chia làm các nhóm nhỏ từ 2-3 người, đến từ các quốc gia



Tác giả (ngoài cùng bên trái) và bạn bè quốc tế chụp ảnh kỷ niệm với gia đình Homestay tại Thư phòng ở Kumacho

khác nhau và chia về từng hộ dân. Ở đây, chúng tôi cùng sinh hoạt với người dân như là một thành viên của gia đình, như là một người Nhật thực thụ. Có thể nói, quãng thời gian này cũng đem lại cho tôi khá nhiều kỉ niệm kì thú: tôi đã học cách ăn một bữa ăn thường nhật của người Nhật, cách sử dụng phòng tắm và nhà vệ sinh kiểu nhật, phòng ngủ với chiếu Tatami và nệm. Ngoài ra, các bạn nước khác trong nhóm cũng rất thân thiện và dễ gần, chúng tôi đã nhanh chóng chơi thân với nhau, chia sẻ cho nhau về cuộc sống, văn hóa nước mình... Bản thân tôi đã được thưởng thức những khoảnh khắc tuyệt vời với gia đình host ở Onsen (một kiểu nhà tắm công cộng của Nhật, ở ngoài trời) – nét văn hóa mà người Nhật rất tự hào và cũng là thói quen, thú vui cuộc sống của họ.



CƠ HỘI VÀ CHIA SẺ

Hàng năm, chính phủ Nhật phối hợp với cơ quan về thanh niên ở các quốc gia trong khu vực thường xuyên tổ chức các đợt giao lưu thanh niên tại Nhật Bản, trong đó có Việt Nam.

Các đợt tuyển đại biểu tham dự trên toàn quốc thông qua Ban Quốc tế của Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh luôn thu hút rất đông sự chú ý của các bạn học sinh-sinh viên. Đây không những là cơ hội để các bạn có thể mở mang kiến thức, giao lưu với đại biểu đến từ nhiều nền văn hóa khác nhau, cùng nhau trải nghiệm văn hóa Nhật bản mà còn là dịp để các bạn tiếp cận thị trường, hàng hóa của một trong những nền kinh tế phát triển nhất Châu Á khi đi mua sắm ở các khu thương mại. Cơ hội luôn xuất hiện mỗi năm, và tôi hy vọng những chia sẻ trên đây sẽ góp phần cung cấp thông tin về chương trình ý nghĩa JENESYS tới các bạn, giúp các bạn có động lực đăng ký tham gia. □

DANH SÁCH ĐẠI BIỂU CHÍNH THỨC THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH JENESYS 2015 – NHÓM XÂY DỰNG HÒA BÌNH

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Trường
1	Hoàng Mạnh Hưng	30/03/1993	Sinh viên Trường ĐHKHTN- Đại học Quốc gia Hà Nội
2	Võ Thị Hoàng Anh	14/10/1997	Sinh viên Học viện Ngoại giao
3	Lê Nguyễn Hồng Phương	08/08/1994	Sinh viên Trường Đại học Ngoại thương Hà Nội
4	Vũ Hoàng Mỹ Linh	12/2/1995	Sinh viên Học viện Ngân hàng
5	Võ Thu Thủy	14/05/1996	Sinh viên Trường Đại học Ngoại thương Hà Nội
6	Hoàng Thảo Anh	06/10/1994	Sinh viên Trường Đại học Luật - Đại học Huế
7	Võ Việt Trí	22/11/1994	Sinh viên Trường Đại Học Dầu Khí Việt Nam
8	Vũ Phương Anh	10/7/1993	Sinh viên Đại học Công nghiệp HN
9	Dương Tuấn Nghĩa	22/11/1994	Sinh viên Đại học Ngoại thương HN
10	Vũ Yến Ly	16/12/1994	Sinh viên Học viện Ngoại giao

Hai sinh viên xuất sắc đoạt Giải thưởng KOVA

✍ NGỌC HÀ

Học giỏi, đam mê nghiên cứu khoa học và tích cực tham gia hoạt động của trường cũng như các hoạt động tình nguyện, Nguyễn Đại Hữu và Trần Nguyễn Minh Hiếu, là hai trong số ba sinh viên của Trường đại học Khoa học Huế vừa xuất sắc đạt Giải thưởng KOVA năm 2015.

Nghiên cứu khoa học là niềm vui

Là bí thư chi đoàn lớp Địa chất Công trình - Địa chất Thủy văn K35, Nguyễn Đại Hữu đã “rinh” về cho mình rất nhiều thành tích trong học tập: liên tục được nhận học bổng của trường trong 4 năm học; được Khoa Địa lý - Địa chất và Hiệu trưởng nhà trường tặng giấy khen về thành tích học tập xuất sắc trong các năm học. Hữu cũng vinh dự được nhận học bổng FUYO do Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp cùng Tập đoàn FUYO - Nhật Bản tổ chức, dành cho sinh viên có thành tích học tập xuất sắc trong năm 2014 và năm cuối 2015, Hữu



PGS.TS. Hoàng Văn Hiến, Hiệu trưởng Trường đại học Khoa học Huế trao bằng tốt nghiệp loại giỏi cho Nguyễn Đại Hữu

tiếp tục được nhận Giải thưởng KOVA lần thứ 13 với hạng mục “Triển vọng”.

“Khi nhận tin báo được trao học bổng và giải thưởng KOVA, em cảm thấy rất bất ngờ, sung sướng và tự hào”, Hữu chia sẻ. “Bất ngờ vì giải thưởng KOVA được biết đến là giải thưởng có bề dày lịch sử, uy tín, rộng khắp cả nước nên quá trình xét chọn rất khắt khe. Còn sung sướng là vì những nỗ lực đã gặt hái được kết quả tốt đẹp, đem đến niềm tự hào cho bản thân, bạn bè, gia đình và thầy cô”.

Tiêu chí giải thưởng KOVA hạng mục “Triển vọng” là sinh viên phải có học lực đạt loại xuất sắc (điểm trung bình tất cả các học kỳ từ 9,0); có đề tài nghiên cứu khoa học mang tính sáng tạo, ứng dụng cao, đạt hiệu quả tốt, từ cấp trường trở lên; có tư cách đạo đức tốt. Không nhiều sinh viên có thể đạt được tiêu chí rất cao này và Hữu là một trong số đó. Nói về đề tài khoa học mang tính sáng tạo và có ý nghĩa thiết thực của mình - đề tài “Đề xuất phương pháp đa chỉ tiêu để đánh giá cường độ hoạt động trượt lở đất đá dọc tuyến đường Hồ Chí Minh qua huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế” - Hữu cho biết, “A Lưới là một huyện đồi núi phía tây của tỉnh với địa hình đồi núi nhiều sườn, mái dốc cao. Hơn nữa, hoạt động xây dựng đường Hồ Chí Minh và các hoạt động kinh tế, công trình khác gây nên sự mất ổn định sườn mái dốc. Ngoài ra, A Lưới là nơi chịu ảnh hưởng trực tiếp của mưa bão hàng năm. Thực tiễn cho thấy, sau các trận mưa lớn thường kéo theo hoạt động trượt lở đất đá xảy ra mạnh mẽ, gây ảnh hưởng đến phát triển kinh tế, cuộc sống dân sinh và thậm chí là tính mạng

con người. Đó là lý do em quyết định thực hiện đề tài này”.

Là người rất thích tìm hiểu những cái mới mẻ, xa lạ, bí ẩn của khoa học tự nhiên, Hữu đến với nghiên cứu khoa học như một niềm vui. Theo Hữu, sinh viên đang ở giảng đường đại học có rất nhiều thời gian để học hỏi, tìm tòi, được thầy cô truyền đạt những kiến thức quý giá. Bên cạnh đó, nhà trường luôn tạo điều kiện và khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học nên “các bạn sinh viên cứ mạnh dạn đầu tư trí lực để tìm hiểu, nghiên cứu khoa học, bởi lẽ những kiến thức đó sẽ là hành trang quý giá giúp bạn thay đổi cuộc sống theo hướng tích cực hơn”.

Tốt nghiệp loại giỏi ngành Địa chất Công trình - Địa chất Thủy văn vào tháng 7/2015, Hữu đang làm một công việc đúng chuyên ngành mình học tại Đà Nẵng. “Dù đã đi làm nhưng em rất muốn có được cơ hội tham gia nghiên cứu các đề tài cùng các thầy cô để mở mang kiến thức và sự hiểu biết của mình”, Hữu nói.

Mong có thể giúp đỡ cho những hoàn cảnh khó khăn



*Trần Nguyễn Minh Hiếu
trong màu áo CLB hiến máu
nhân đạo*

Khuôn mặt hiền lành với ánh mắt trong trẻo là cảm nhận đầu tiên của tôi khi gặp cô sinh viên nghị lực và giỏi giang vừa được nhận Giải thưởng KOVA hạng mục “Nghị lực” - Trần Nguyễn Minh Hiếu, lớp Công

nghệ sinh học K36 Khoa Sinh học, Trường đại học Khoa học Huế.

Hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, ba mất đã 6 năm, mẹ Hiếu bán xôi hộp nuôi 3 chị em ăn học. Để phụ giúp mẹ, Hiếu và chị đi làm thêm từ khi bước chân vào đại học. Công việc làm thêm

Hiếu đã làm là bán hàng ở shop áo quần và dạy kèm. Vào mỗi dịp hè, có khi Hiếu dạy 3 người/tuần nên hầu như không còn thời gian dành cho mình. Mỗi sáng, Hiếu và chị còn phụ mẹ nấu xôi và đứng bán xôi với mẹ. Bạn rộn là thế nhưng cô sinh viên này vẫn học rất giỏi và luôn đứng trong top đầu của lớp. Hiếu còn tham gia câu lạc bộ hiến máu tình nguyện của trường và các tổ chức tình nguyện tình nguyện, như Gia đình thiện xanh, Confession flower, tham gia các hoạt động phát quà tết cho người nghèo ở chùa,...

“Ba chị em em luôn có ý thức trong học tập, mẹ không bao giờ phải nhắc nhở gì. Mẹ chỉ nói “phải học giỏi thì sau này mới có tương lai”, Hiếu tâm sự. Bí quyết học tập của Hiếu là bắt đầu việc học tập một cách nghiêm túc từ đầu học kỳ, chăm chú nghe thầy cô giảng, tham khảo giáo trình và tiếp thu theo cách hiểu riêng của bản thân, đồng thời đọc sách để học hỏi thêm những kinh nghiệm của những người thành công. Cuốn Tài tài giỏi, bạn cũng thế là một trong những cuốn sách Hiếu rất thích và học hỏi được rất nhiều từ đó. Hiếu bảo, học là một quá trình nên phải có quá trình ôn luyện, nếu có cơ hội để thực hành thì mọi hoạt động nghiên cứu Hiếu sẽ tham gia. Sau thời gian học trên lớp và làm thêm, Hiếu tranh thủ ôn bài và trau dồi vốn tiếng Anh cho mình.

Ước mơ của Hiếu trong năm học này là sẽ cố gắng hoàn thành đề tài khoa học được trao Giải thưởng KOVA thật tốt. Trong năm học cuối, Hiếu tiếp tục đăng ký một đề tài mới về môi trường và dự định sẽ tham gia học bổng KOVA lần nữa ở hạng mục “Triển vọng”. “Sau khi ra trường, em rất muốn xin được học bổng để đi học cao học ở nước ngoài. Em cũng luôn mong muốn sau này mình có thể giúp đỡ được cho những hoàn cảnh khó khăn nhưng có nghị lực học tập như hoàn cảnh của em”, Hiếu cho hay. Mọi dự định vẫn còn ở phía trước nhưng chắc rằng với ý chí và sự nỗ lực không ngừng, Hiếu sẽ đạt được những ước mơ của mình một ngày không xa. □

N.H



HUẾ

ngày mưa!

✍ **ĐẬU THỊ SƯƠNG**

SV. K46C -KHĐT Trường Đại học Kinh tế

Tất cả chỉ một chữ “duyên”. Cái “duyên” ấy đã đưa tôi đến với Huế và giờ đây có lẽ “duyên” giữa tôi và Huế sắp hết rồi? Tất cả lỗi tại “duyên” Huế à! Tôi không muốn rời xa người đâu. Nhưng mà dòng đời đưa đẩy khiến tôi phải rời xa người.

Nhớ ngày ấy, lần đầu tiên tôi đặt chân tới Huế, lúc đó tầm 4h00 chiều. Sao thấy Huế yên tĩnh đến lạ, nó khác với những gì tôi tưởng tượng lúc ngồi trên xe, không phải là xe cộ chen chúc nhau như những thành phố lớn mà tôi vẫn thường thấy trên tivi, không phải là dòng người ngược xuôi, không phải là ồn ào tấp nập, không phải là những tòa nhà cao chọc trời. Mà đó là cảnh cô gái gánh hàng rong với hai đầu gánh nặng trĩu bước đi xa tít tận cuối con đường, đó là cảnh những quán ăn vỉa hè thơm phức đủ thứ mùi, đó là cảnh những cô gái mặc áo dài thướt tha buổi chiều tà. Thật sự ngỡ ngàng bởi sao người bình dị đến vậy. Dù lúc đó tôi rất mệt vì ngồi trên xe đã tám tiếng đồng

hồ để đến với người, nhưng tôi vẫn chậm rãi bước để ngắm người. Cảnh tượng một cô gái nhỏ, với chiếc vali nhỏ vừa bước, vừa ngoái ngược nhìn xuôi, vừa lạ vừa quen. Trông người thanh bình như quê tôi vậy. Đứng trước mặt là khu Kí Túc Xá (KTX) nơi tôi xác định sẽ gắn bó trong bốn năm Đại học của mình. Lúc đó tôi nghĩ “Bốn năm cơ đấy, sao bốn năm nó dài quá vậy?” “Giờ mới là bắt đầu biết khi nào cho hết bốn năm chứ?” Buổi tối, ngồi co trong góc giường của căn phòng rộng, rộng đến buồn thiu. Buồn vì nhớ nhà, buồn vì nỗi cô đơn trống vắng. Phòng có ba người mà mỗi người một góc giường ngồi khóc. Rồi cuối cùng cả bốn đứa cùng nhau ngồi lại mà khóc, khóc một lúc hết nước mắt thì kể về gia đình mình và kể chuyện yêu thời cấp ba nữa. Nghĩ lại những kỷ niệm không bao giờ quên trong tôi.

Cuộc sống cứ vậy mà trôi qua thật nhẹ nhàng. Rồi Thu qua, Đông tới, ngày tháng trôi dần... tôi cũng đã tập quen được cảnh xa nhà, tập quen được

với cuộc sống nơi đây. Quen với cô gánh hàng rong mỗi buổi sáng, quen với mùi thơm của bánh bèo, bánh nậm, bánh lọc những buổi chiều đi học về, quen với mùi thơm khói ngào ngạt của ngô nướng ở chân cầu Trường Tiền, quen với những lần đạp xe lên chùa Thiên Mụ, lên đồi Vọng cảnh để ngắm ảnh sông Hương mỗi buổi chiều tà, quen với cảnh một cô gái nhỏ với chiếc xe thường hay vi vu trên những con đường như Lê Lợi, Hùng Vương hay Trần Hưng Đạo chỉ để ngắm những cô gái trường Quốc Học thót tha trong tà áo dài, ngắm những chú xích lô đạp xe không mệt mỏi, hay ngắm những nhành hoa Bằng lăng tím nở rộ hai tuyến đường. Nhưng thứ mà tôi không bao giờ quên được là “mưa Huế”. Có lần đang ngồi đọc sách trên thư viện, bất chợt một cơn mưa đổ xuống tâm tã như trút đi gánh nặng của trời mây. Nó cứ mưa, mưa mãi không ngớt. Và có cô gái mãi nhìn mưa mà quên mất trang sách mình đang đọc. Ở đâu cũng có mưa, nhưng “Mưa Huế” là thứ mà tôi ấn tượng nhất đời! Những cơn mưa bất chợt, đến rồi đi, những cơn mưa rải rác, rồi đến những cơn mưa dài dai dẳng hàng tháng trời không ngớt. Đó có lẽ là hương vị đậm chất Huế nhất. Mưa trên tán cây, mưa trên bóng đèn, mưa trên mái hiên, mưa trên đường phố hiu quạnh. Và có một cô gái vẫn thích “Mưa Huế”, vẫn yêu “Mưa Huế”, vẫn thương “Mưa Huế”. Mỗi lần Huế mưa là thấy cô gái ấy đứng bên khung cửa sổ nhìn mưa, đứng trên hành lang KTX nhìn mưa, hay có cô gái cầm cây dù đi dưới mưa. Sao mỗi lần có mưa là trông người buồn đến lạ, dịu dàng đến lạ Huế à! Nhìn mưa rơi tí ta tí tách thấy con người bình yên



Lần đầu “cô gái” được thót tha trong tà áo dài



Một góc Cầu Trường Tiền Huế ngày mưa

lắm. Đã bốn Đông rồi tôi sống với người Huế ơi! Đã ngắm không biết bao nhiêu trận mưa rơi cùng người mà tôi vẫn không thể nào quên được cảm giác ấy. Có lẽ mỗi lần mưa trút lên người lại mang lại cho tôi một cảm giác kỳ lạ. Phải nói thế nào nhỉ? Hình như có mưa là người lại đẹp lên trong tôi.

Bốn năm thấm thoát gần qua rồi Huế ơi! Đêm ngược bốn mươi hai ngày nữa tôi phải xa người rồi. Xa cái nơi đẹp nhất của lứa tuổi đôi mươi, xa cầu Trường Tiền muời hai nhịp yêu thương, xa chùa Thiên Mụ nơi đầu tiên tôi ghé thăm khi đến Huế bằng xe đạp giữa cơn mưa chiều lê thê, xa cả sông Hương, núi Ngự đắm mê lòng người, xa cây dương liễu phủ kín thành Nội, xa cả những câu ca Huế trên dòng sông Hương, và xa cảnh cô gái nhỏ đứng bên hiên cửa ngắm mưa. Tất cả là những kỷ niệm đẹp mà người đã cho tôi. Tôi sẽ nhớ lắm. Người cứ “trâm mặc” như vậy nhé! Cứ những cơn mưa bất chợt không đâu không cuối, cứ cô gánh hàng rong, cứ bác xích lô, cứ tà áo dài tím. Cứ như vậy trông người hiền hậu lắm. Tôi xa rồi sẽ có một người khác cảm nhận được vẻ đẹp của người, sẽ thay tôi ngắm người, sẽ thay tôi yêu người. Sẽ có một ngày tôi trở lại thăm người, ngày tôi trở lại nhớ mưa nhé Huế. Để tôi một lần nữa lại thương người!

Huế! Ngày xa người tôi muốn viết thật nhiều, thật nhiều nữa về người. Nhưng có lẽ lúc này “Im lặng cũng đủ để nói lên tất cả”. Tình yêu tôi – một cô gái ngoại tỉnh dành cho người. Tôi sẽ giữ người ở một góc của trái tim mình. Để khi ai đó nhắc đến người là trái tim tôi lại thổn thức “Ôi! Huế của tôi”. Yêu lắm! Thương lắm! □

Nhân 30 năm Đổi mới (1986 - 2016)

Từ “Đêm hôm ấy...” đến Ngày hôm nay

✍ NGUYỄN KHẮC PHÊ

Những tờ lịch mỏng manh cuối năm đang rụng xuống theo sau những lá mai già. Những chiếc lá phơi mình tích tụ ánh nắng suốt năm, nay khô xẹp, nhìn kỹ thấy điểm những chấm nâu tựa như lớp da mồi của người cao tuổi, tuần tự lần lượt và êm nhẹ buông mình xuống đất, thanh thản “chia tay” với các cành nhánh khẳng khiu vừa bất ngờ tạo nên một vẻ đẹp của sự giản dị, thanh thoát rồi sẽ được hoàn thiện bằng những đóa mai vàng tươi nở đón Xuân.

Xuân 2016 đã gần lắm rồi! Nhìn tín hiệu báo Xuân mới từ cây mai trước sân, tôi bỗng nhớ đến bài ký “Cái đêm hôm ấy đêm gì” của Phùng Gia Lộc, một tác phẩm nhỏ nhưng có tác dụng như một ngòi nổ, có thể coi như mở đầu thời kỳ “Đổi mới” trong hoạt động báo chí-văn nghệ. Hơn thế, nó khẳng định nhu cầu đổi mới mọi mặt cuộc sống là không thể trì hoãn, không thể đảo ngược.

1986-2016. Ba mươi năm! Quảng thời gian đủ để chúng ta nhìn lại chặng đường đất nước “Đổi Mới”, cùng suy ngẫm về những “bài học” thành công hoặc chưa thành công, về lẽ “được-mất” trong cuộc đời... Đây cũng là dịp để chúng ta tưởng nhớ đến những con người đã tự nguyện chấp nhận sự thiệt thòi cho bản thân, bất chấp sức ép của cường quyền, dũng cảm làm người

lính xung kích khai mở con đường “Đổi Mới” đất nước. Đây cũng là những con người - do sống cùng nhân dân, thấu hiểu mọi nỗi vui buồn của công chúng lao khổ - trong khi không ít kẻ còn “ngủ mê” giữa chăn êm nệm ấm, đã sớm thức tỉnh trước những đòi hỏi khẩn thiết của cuộc sống.

Trong những “con chim báo bão” (từ của văn hào M.Gorki) từ “đêm trước Đổi Mới”, chúng ta không thể quên ông Kim Ngọc, Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Phú, cha đẻ của chính sách “khoán hộ”. Nhà thơ Ngô Minh, từng là lính có mặt tại Xuân Lộc - mặt trận ác liệt nhất trước cửa ngõ Sài Gòn Xuân 1975, mấy năm trước có dịp ra Vĩnh Phúc, đã viết bài thơ “Ghi ở đường Kim Ngọc”, trong đó có đoạn: “Con phố mang tên ông không rộng / như bao phố xá Việt trì / nhưng cái bóng tên làm tôi chột sống / ôi, lân đầu nước mắt được đặt tên.../ có thể nhiều nông dân chưa một lần đi trên phố tên ông / nhưng 30 năm trước / họ đã cùng ông chui lủi / lấy mạng sống đi tìm sự thật / lén lút nửa đêm ra cày ruộng mình...” Vì hành động “vượt cương tỏa” này, ông đã phải kiểm thảo, mất chức...; nhưng rồi ông đã được tặng Huân chương Độc lập và “30 năm rồi / triệu triệu nông dân đã đặt tên ông / cho những thửa ruộng cứu mình.../ đường Kim Ngọc / đường đến lòng dân” (Tho Ngô Minh).

Cùng “chiến tuyến” với Bí thư Kim Ngọc, còn có không ít cán bộ ở Thành phố Hồ Chí Minh, Long An âm thầm và quyết liệt “vô phép” Trung ương xé rào tìm đường sống cho nhân dân. Tất cả, lặng lẽ, “chui lủi” như bí thư Kim Ngọc ở Vĩnh Phú, như những hạt giống tốt lặng lẽ chựa mình trong lòng đất để có ngày đâm chồi, nở hoa.

Trên “mặt trận” văn nghệ-báo chí thì khác. Mỗi người viết vất kiệt sức mình, dồn cả tâm huyết lên ngòi bút trong căn phòng yên ắng, nhưng khi đăng lên mặt báo thì lập tức cả ngàn vạn người biết, tạo thành sóng, thành bão dư luận, khi trang viết nói lên được những uẩn khúc, những nỗi bức xúc và hợp với lòng dân. Chính vì thế, bài ký của Phùng Gia Lộc đăng trên báo “Văn nghệ” năm 1987 là “sự kiện” mà mỗi khi nhắc lại thời kỳ đầu Đổi Mới ai cũng nói tới.

Thời gian này, tôi đang làm Phó Tổng biên tập Tạp chí “Sông Hương”, cũng hằng hái nhập cuộc “Đổi Mới”, mấy lần bị “thôi còi”, nên quen biết hầu hết những đồng chí phụ trách báo “Văn nghệ”, “Tiền Phong”, “Lao động”...Nói cho công bằng, cùng thời ấy, chỉ riêng trên báo “Văn nghệ”, còn có nhiều bài khác được dư luận quan tâm. Mới đây, nhà văn Ngọc Trai - một “Tôn nữ” Huế gốc, từng là Trưởng Ban bạn đọc, rồi Phó Tổng biên tập báo “Văn Nghệ” thời đó, vừa tặng tôi cuốn tuyển tập lý luận phê bình của chị (NXB Hội Nhà văn, 2015), trong đó, nhà thơ Đỗ Bạch Mai, cùng công tác ở Báo “Văn nghệ” thời ấy, đã ghi lại “không khí” Tòa soạn trong những ngày “báo Văn Nghệ cùng với đội ngũ báo chí ở Trung ương và địa phương đã “xuống đường” tham gia vào công cuộc đổi mới” như sau:

“... Hàng loạt những bài bút ký in trên tuần báo Văn nghệ của Phùng Gia Lộc (Cái đêm hôm ấy đêm gì), của Minh Chuyên (Thủ tục làm Người còn sống), của Trần Huy Quang (Vua Lốp), của Nguyễn Huy Thiệp (Trưởng về hưu) v...v... đã nhận được sự ủng hộ cổ vũ của đông đảo bạn đọc...”

Trong các ý kiến của bạn đọc gửi đến có nhiều luồng ý kiến khác nhau, nhưng cũng có rất nhiều ý

kiến tiêu cực phản đối các bài viết. Có những ý kiến của các quan chức địa phương phản bác lại khi các địa phương đó bị nêu tên trong các bài báo. Thế là với cương vị Trưởng Ban bạn đọc, chị Ngọc Trai phải đi đây đi đó, lúc thì ở Thái Bình, lúc thì ở Thanh Hóa để bảo vệ cho Phùng Gia Lộc và Minh Chuyên không bị chính quyền sở tại làm phiền toái...”

Cũng không nên quên trước “Đêm hôm ấy...” của Phùng Gia Lộc, trên báo “Tiền Phong” (26/3/1986), đã đăng bài thơ “Mùa xuân nhớ Bác” của cô nữ sinh văn Tổng hợp Hà Nội Phạm Thị Xuân Khải, trong đó có đoạn:

“...Chúng tôi được học / Được thử thách nhiều trong chiến tranh / Chúng tôi nghĩ: Nguyễn Huệ - Quang Trung / Lúa tuổi hai mươi lập nên nhiều chiến công hiển hách / Lẽ nào tuổi trẻ hôm nay thua thiệt / Có học hành, lại phải sống cầu an / Phải thu mình, xin hai chữ “bình yên” / Bời lẽ đấu tranh - tránh dẫu cho được / Đồng chí không bằng đồng tiền / Bằng lòng vẫn hơn bằng cấp / Có ai thấu chăng / Và ai phải sửa? / Mỗi xuân về con càng thêm nhớ Bác / Lòng vẫn thâm mơ ước / Trừ những thói đời làm dân oán trách / Có mắt giả mù, có tai giả điếc / Thích nghe nịnh hót, ghét bỏ lời trung / Trấn áp đấu tranh, đập vùi khôn khổ / Cùng chí hướng sao bầy mưu chia rẽ? / Tham quyền cố vị / Sợ trẻ hơn già...”

Bài thơ được bạn đọc đón nhận nồng nhiệt, nhưng đồng thời tạo nên sự phản ứng dữ dội từ nhiều cấp, đến mức, tháng 3/2006, nhân kỷ niệm 20 năm đất nước Đổi Mới, báo “Tiền Phong” đã “lật lại vấn đề” bằng một chùm bài dưới tiêu đề: “Từ bài thơ gây chấn động...” Về nghệ thuật, bài thơ không có gì đặc sắc, nhưng nó gây chấn động vì nói đúng những ẩn ức của hàng triệu người dân; và mặc dù tác giả viết bài thơ với phụ đề “Kính tặng đồng chí Lê Đức Thọ, tác giả bài thơ “Lẽ sống” và chính thư ký của ông Lê Đức Thọ (một nhân vật có quyền lực nhất nhì thời đó) trực tiếp chuyển bài thơ cho báo “Tiền Phong”. Vậy mà Ban Bí thư Trung ương Đoàn và Ban biên tập báo vẫn còn “chịu sự phê phán, sức ép của nhiều Bí thư Tỉnh ủy, một số lãnh đạo Đảng và Nhà nước” (Hồi ức của đồng chí Vũ Mão, nguyên Bí thư

thứ nhất Trung ương Đoàn - “Tiên Phong”, ngày 14/3/2006)

Nhắc thêm trường hợp bài thơ của cô Xuân Khải ^{1(*)} để thấy sự trì trệ của cơ chế cùng những tệ nạn trái hẳn với tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh đã gây bức xúc cho toàn dân; nói cách khác, Đổi Mới là sự đòi hỏi khẩn thiết của thực tế cuộc sống, chứ không phải là sự “bất mãn” hay thói “xoi móc” của nhà văn, nhà báo hay của Tổng biên tập nào, càng không phải là do “kẻ địch” xúi giục “nói xấu chế độ”! (Xin dẫn một chi tiết để thấy rõ vấn đề: Trước khi quyết định đăng bài thơ, tổng biên tập Dương Kỳ Anh - một bạn đồng nghiệp và đồng hương với tôi - đã thận trọng cho phóng viên về tận Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội “điều tra” lý lịch của Xuân Khải! Biết đâu...! Thì ra cô sinh viên này không chỉ là con nhà “cách mạng nòi” quê Bình Định (cô tập kết ra Bắc khi bố cô đang giữ chức Vụ phó Vụ Miền Nam của Ban Tổ chức Trung ương Đảng) mà đã trải qua nhiều thử thách ở chiến trường và mọi gian nan thời hậu chiến. Năm 1972, khi đang học Trường Chu Văn An, nghe tin người em trai hy sinh, Xuân Khải xin đi B., nhưng nghe lời đồng chí Võ Chí Công trong một lần ông đến thăm nhà, cô ở lại học đại học. Nhưng đang học năm thứ 2 khoa Văn ở Đại học Tổng hợp, cô lại viết đơn bằng máu xin đi B. Đây cũng là những ngày rất nhiều sinh viên Hà Nội ra mặt trận. Riêng Xuân Khải vào làm phóng viên cho tờ báo “Cờ giải phóng” của khu V. Sau ngày đất nước thống nhất, cô không trở lại trường mà xung phong về quê hương - lúc này là tỉnh Nghĩa Bình vốn đã lắm khó khăn, càng gian khổ hơn do cuồng vọng nhập tình để “làm ăn lớn”! Mãi 10 năm sau, cô mới trở lại Hà Nội tiếp tục lên giảng đường và chính thực tế mà cô chứng kiến đã thôi thúc cô viết bài thơ gây rúng động đến tận Trung ương. Có thể nói như thế vì sau khi đọc bài thơ, Thủ tướng Phạm Văn Đồng, qua thư ký riêng, đã nhắn với Xuân

^{1(*)} Về vụ “bài thơ của Xuân Khải”, dẫn theo tư liệu của báo “Tiên Phong”.

Khải rằng: “Nói với Xuân Khải là Trung ương thấu lắm rồi và đang sửa”.

Tròn 30 năm đã qua từ những tháng ngày sôi nổi ấy, nhưng hễ có dịp là nhiều tờ báo, nhiều trang mạng lại gọi nhắc để thấy nhu cầu Đổi Mới vẫn đang là tiếng gọi của cuộc sống, vì sức ì của cơ chế cũ luôn tạo ra những lực cản bước tiến của thời đại mới.

Đây là điều không ai có thể phủ nhận được, là “bài học” luôn được nhắc lại trong những năm qua. Mới đây, nhà thơ-nhà báo Nguyễn Sĩ Đại - tình cờ, cũng là một người đồng hương với tôi - trong dịp kỷ niệm Ngày nhà báo Việt Nam, đã có bài viết trên báo “Nhân dân cuối tuần” ngày 21/6/2013, nhắc lại bài thơ của Xuân Khải và các bài ký nói trên với một đánh giá ở tầm khái quát:

“Văn học và báo chí thuộc lĩnh vực tuyên truyền; ở một khía cạnh khác, là tiếng nói của cá nhân, là khát vọng và sự phản ứng của nhân dân trước những vấn đề xã hội. Ở khía cạnh nào, với trái tim luôn tỉnh thức và mang nỗi đau đời, yêu người, những nhà báo, nhà văn chân chính bao giờ cũng là những con chim báo bão của cách mạng, của những đổi thay tiến bộ...”

Sau khi thuật lại những oan ức của ông “Vua Lốp” Nguyễn Văn Chân, tác giả kể lại một kỷ niệm xúc động với Phùng Gia Lộc:

“... Vào một buổi tối năm 1987, tôi gặp anh Phùng Gia Lộc tại Hà Nội cùng anh Lã Hoan và Đỗ Xuân Thanh. “Ông Lộc đi trốn đấy, không thể ở Thanh Hóa được nữa rồi”! Còn anh Lộc vừa đau khổ, vừa mãn nguyện. Anh nói, đang được “Cái đêm hôm ấy đêm gì” có chết cũng cam lòng!... Việc thật ở nhà tôi đêm 26-11-1983, người ngoài cuộc hẳn cho là mình bịa. Cho đến nay, mỗi khi nghĩ đến, tôi cứ thảng thốt hỏi mình: “Cái đêm hôm ấy... đêm gì”? Anh từng kể về chuyện thu sản và nạn cuồng hào mới ở nông thôn như thế và sau này, anh viết trong bài của mình cũng như thế. Thu sản mà phải bí mật với dân, 12 giờ đêm mới đông loạt ra quân; thu sạch xe đạp, bàn ghế giường tủ. Nhà anh mẹ già, ốm yếu, chị cô Lộc làm không đủ ăn lại còn phải tích góp từng chút cho “hậu sự” của mẹ chồng. Năm 1983, Thanh Hóa nói chung và Thọ Xuân của anh Lộc bị lụt nặng. Dân mò vớt

từng bông lúa dưới nước, ăn còn chẳng đủ, lấy đâu ra nộp sản! Mấy chị em thương mẹ, lo xa, dành thóc cho vào áo quan của mẹ để làm bữa cơm cho làng sau này cũng bị cạy nắp lấy hết...”

Viết được cái truyện có tiếng vang, nhưng anh Lộc không dám về Thanh nữa; nương nhờ ở nhà nhà thơ Bế Kiến Quốc - Đỗ Bạch Mai và một số anh em khác, ít lâu sau thì mất...”

Trong loạt bài nêu trên, bài ký “Cái đêm hôm ấy ...” gây chấn động rộng lớn hơn, sâu sắc hơn vì nó được thể hiện bằng hình tượng văn học và chính vì sự phản ứng giữ dội của một số người cầm quyền lúc đó ở địa phương. Đó là sự cảnh báo rằng thế lực bảo thủ cùng những người muốn chứng tỏ “lập trường” - loại nhân vật “bảo hoàng hơn vua” - vì muốn bám giữ cái “ghế” với đặc quyền đặc lợi của mình, luôn tìm mọi có ngấn cản xu thế đổi mới như viện lý do “tình hình đang phức tạp”, rồi “coi chừng bọn có ý đồ xấu giật dây”..., khiến công chúng và cả các toà báo phải e ngại khi đề cập đến những sự thật đang chặn bước tiến, thậm chí làm tha hóa nhiều mặt đời sống xã hội, dù đó chính là yêu cầu của Đảng khi mở đầu thời kỳ Đổi Mới là phải “nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật”...

Năm 1994, có dịp đi qua Thọ Xuân quê hương của bạn văn yếu mệnh họ Phùng, tôi lặng nhìn ra cánh đồng lúa ngậm đòng đòng hơn hờ đón mưa và chợt nghĩ: “Giá như Phùng Gia Lộc được viết bài ký ấy sớm hơn...Giá như anh còn sống đến hôm nay để cùng chia vui với bà con nông dân bên những bông lúa tràn đầy...”

30 năm sau sự kiện “Đổi Mới”-1986, gọi nhắc lại nhưng câu chuyện này cũng để muốn nói điều cốt yếu hơn: Giá như những người lao động - lao động trí óc và lao động chân tay, những chủ thể làm nên lịch sử, được “cởi trói” sớm hơn, giá như những quyết sách đổi mới được thực hiện sớm hơn! Ý nghĩ này có là ảo tưởng hay vô ích không, vì lịch sử không thể lặp lại và sự nghiệp “đổi mới” thì đã có biết bao thành tựu? Thiết nghĩ vấn đề đặt ra lúc này vẫn cần, hơn thế, vẫn cấp thiết.



Chúng ta ai cũng biết nhiều việc “đổi mới” thực chất là quay trở lại cái cũ - nói chính xác hơn là trở lại với “cơ chế” hợp quy luật của cuộc sống, hợp lòng dân (như việc bãi bỏ ngăn sông cấm chợ, trả lại quyền lợi của người nông dân trên mảnh đất của mình...) Ngay trước thêm năm Bính Thân này, Quốc hội mới bàn đến những điều luật mà thế giới văn minh đã áp dụng từ lâu như luật lập hội và trưng cầu ý dân. Những điều luật mà thể chế dân chủ nhất thiết phải có như không khí đối với sự sống, lại đã có khuôn mẫu từ nhiều quốc gia, nếu không bị cơ chế cũ trói buộc thì không đến mức phải nhọc công “nghiên cứu” hàng chục năm trời mới xong. Trước thêm năm mới, việc thành lập Cộng đồng ASEAN và chuẩn bị ký kết Hiệp định TPP càng đòi hỏi tiến trình đổi mới thể chế không thể trì hoãn...

Mùa Xuân, mùa của hy vọng, mùa của những chồi non xòe lá xanh, của những nụ mai vàng bừng nở theo quy luật của tạo hóa. Cuộc sống muốn tiến lên cũng phải vận động theo quy luật. Chúng ta hy vọng “Xuân này hơn hẳn mấy Xuân qua”, như Bác Hồ từng hy vọng vào mùa xuân một năm Thân 48 năm trước, với những “Công bộc” của nhân dân quyết vượt thoát khỏi khuôn phép lỗi thời, thực sự lắng nghe những đòi hỏi cấp thiết của nhân dân, của cuộc sống, tuân theo quy luật phổ quát của thời đại, Việt Nam nhất định sẽ “cất cánh” nhịp bước cùng thế giới văn minh... □

Thừa Thiên - Huế,
trước thêm năm mới 2016-Bính Thân
N.K.P.

PHỤ LỤC

(Kèm theo Thư ngỏ của Giám đốc ở bìa 3)

Nội dung tư liệu, hình ảnh, hiện vật cần sưu tầm, trưng bày Nhà Truyền thống Đại học Huế

TT	Nội dung hình ảnh, tư liệu, hiện vật
I	<i>Viện Đại học Huế giai đoạn 1957 - 1975</i>
1	Các văn bản về việc thành lập, tổ chức điều hành, xây dựng và hoạt động của Viện ĐHH.
2	Hình ảnh, tư liệu về lễ khai giảng, lễ tốt nghiệp khóa học; các hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của giáo sư, sinh viên Viện ĐHH.
3	Hình ảnh, tư liệu của Viện ĐHH, các Phân khoa trực thuộc và một số báo chí yêu nước và cách mạng trước năm 1975 về các phong trào đấu tranh; các bản tuyên ngôn, tuyên cáo của sinh viên, giáo chức Viện ĐHH, Tổng Hội Sinh viên Huế.
II	<i>Viện Đại học Huế giai đoạn từ 26 tháng 3/1975 – 10/1976</i>
1	Hình ảnh, tư liệu về hoạt động của Lực lượng sinh viên, học sinh giải phóng thành phố Huế, Hội Liên hiệp sinh viên giải phóng Huế; Hội Liên hiệp sinh viên và Đoàn Thanh niên Lao động Viện ĐHH.
2	Hình ảnh, tư liệu về ổn định trật tự, trị an, tham gia học tập chính trị và khai giảng khóa học đầu tiên của cán bộ giảng viên và sinh viên Viện ĐHH sau ngày Miền Nam giải phóng.
III	<i>Các trường đại học ở Huế giai đoạn từ tháng 10/1976 – 4/1994</i>
1	Quyết định số 426/TTg ngày 27/10/1976 về việc giải thể Viện ĐHH và các quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập các trường: Đại học Sư phạm, Đại học Y Khoa, Đại học Tổng hợp, Đại học Nông lâm, Đại học Nghệ thuật.
2	Hình ảnh, tư liệu về hoạt động giáo dục đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế và các mặt công tác khác của của giảng viên, cán bộ viên chức, sinh viên các trường đại học.
IV	<i>Đại học Huế giai đoạn 1994 đến nay</i>
1	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thành lập ĐHH và các trường đại học thành viên; Quyết định của Giám đốc về thành lập các Ban chức năng, đơn vị trực thuộc.
2	Kết quả các mặt công tác của đơn vị thể hiện qua số liệu, từ 1994 đến nay theo từng giai đoạn: 1994 – 2000, 2001 – 2005, 2006 – 2010, 2011 – 2015.
3	Số lượng các ngành, các hệ đào tạo; quy mô sinh viên, học viên; số lượng sinh viên, học viên tốt nghiệp hàng năm; các công trình nghiên cứu, chuyển giao công nghệ cấp Nhà nước, cấp bộ, cấp ĐHH, cấp trường tiêu biểu; hệ thống giáo trình được xuất bản.
4	Các danh hiệu thi đua, khen thưởng bậc cao được Đảng, Nhà nước tặng cho các tập thể, cá nhân từ 1994 đến nay.

Xuân quê

Gió xuân rộn ràng trên đồng nội
Lời ru dịu ngọt ấm làng quê
Rom rạ nông cay say mùa mới
Diều bay chấp chới với thiên đê.

Niềm tin

Tết đến sân trường vang khúc nhạc
Xuân về bụi giảng rộn lời ca
Trí tuệ thầy già thêm uyên bác
Niềm tin cô trẻ mãi lan xa.



Tam Giang

Xuân chiều buông xuống tím Tam Giang
Sóng gió đùa vui nước mênh mang
Thuyền câu giăng lưới chờ tôm cá
Hẹn ước bình minh đón ánh vàng.

Thâm lặng

Xuân lại về trên mái tóc em
Những sợi đen đan xen sợi trắng
Ôi cái màu tháng năm thâm lặng
Mỗi xuân qua... hoa nắng bừng thêm.

Mừng Xuân

Bính Thân - 2016

Tết đến mỗi năm chỉ một lần
Mọi người háo hức đón mừng xuân
Trời ban thêm tuổi từng người một
Phúc - Lộc - Thọ - Khang đều có phần.

Năm mới Bính Thân vui chúc nhau
Giàu sang, hạnh phúc, khỏe dài lâu
Cả năm vạn sự đều như ý
Tình nghĩa bạn bè có trước sau.

Dê chạy phờ rêu đã đủ vòng
Năm nay chú Khỉ được nghinh phong
Mong cho đất nước thêm giàu mạnh
Quấy phá không còn ở Biển Đông.



Mốc thời gian đáng nhớ trong đời

Quý Dậu¹ sinh ra vui cả nhà
Canh Dần², cha mẹ đã đi xa
Ất Mùi³, Tập kết ra miền Bắc
Canh Tý⁴ cử nhân ngành Tiếng Nga.

Quý Mão⁵ dạy trường Đại học Vinh
Giáp Thìn⁶ hạnh phúc: Lập gia đình
Bính Thìn⁷ về dạy Kinh thành Huế
Tân Tỵ⁸ nghỉ hưu nặng nghĩa tình.

¹ Năm 1933; ² Năm 1950

³ Năm 1955; ⁴ Năm 1960

⁵ Năm 1963; ⁶ Năm 1964

⁷ Năm 1976; ⁸ Năm 2001